

VÔ DANH THỊ

ĐINH LƯU TỬ

DIỄN CA

TUÔNG HÁT BỘI



ĐỖ NHẬT TÂN
phiên âm và chú giải

TỦ SÁCH CỔ VĂN - ỦY BAN DỊCH THUẬT

ĐỖ - NHẬT - TÂN
phiên - âm và chú - giải

ĐÌNH-LƯU-TÚ DIỄN CA

TUỒNG HÁT BỘI

TỦ SÁCH CỔ - VĂN
ỦY - BAN DỊCH - THUẬT
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
Xuất bản 1971

Xuất xứ ăn - bản nguyên - tác :

QUANG - TỰ GIÁP - NGỌ TÂN - TÂM

(Bản mới khác năm Giáp-Ngọ 1894 đời Quang-Tự)

PHƯỢNG-DU-KÝ MINH-CHƯƠNG-THỊ ĐÍNH CHÍNH

Phật-Trần, Bào-Hoa-các tàng bản (Thuộc về Trung-Hoa)

LỜI NÓI ĐẦU

Vở tuồng Đình-Lưu-Tú này cũng như bao nhiêu vở tuồng khác, theo điệu hát bội với những vai trò vua quan, anh hùng, liệt sĩ,.. Khi diễn ra những vai tuồng ấy, phải có những lời nói oai hùng, lỗi lạc và hoa mỹ, hát lên cho oanh liệt cùng với nhịp âm nhạc, bản văn gồm nửa phần chữ nửa phần nôm giúp cho ý nghĩa được đầy đủ, trong khi ca đi xướng lại chỉ mấy câu đơn giản, đã ngụ hết bản ý của một vai trò. Tự trung cũng chỉ nêu gương Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa hầu mong cảm hóa lòng người khi thưởng nhạc mua vui. Đó cũng là một phương tiện truyền giáo, có ảnh hưởng ít nhiều trong đám quần chúng.

Vở tuồng Đình-Lưu-Tú này, về sự tích với văn chương cũng vào bậc khá hay ! Nhưng bản in phần chữ với phần nôm lẫn chữ viết ra chỉ đúng với âm, không đúng với chữ và nghĩa, khiến phiên-âm tức là chỉ chuyển chữ nôm ra quốc-ngữ, chẳng đáng khó khăn mà cũng mất những công phu, vì chữ nôm đã không tự-điền, lại mỗi người viết theo một ý riêng khi nghĩ tới.

Phải chăng, đây là một VỞ-LÒNG, tức một người đã thuộc lòng trọn vở này, khi sang ở Trung-Hoa nghĩ tiếc mới nhờ người viết lại, người viết giúp đọc lại nghe đúng, mặc dầu viết ra không đúng hẳn nguyên-tác, họ cần đề lại cho chừng bản hát thuộc được mà thôi. Do đấy, bản in này ở Tàu vào đời vua

Quang-Tự nhà Thanh là năm Giáp-Ngọ (1894). Đến nay ông Nguyễn-quang-Xỹ bỗng đâu thấy mà mua được, cũng đáng là mừng Châu về Hợp-Phố, lại được Phủ Đặc-Trách Văn-Hóa chuyển dịch sang Quốc-ngữ, chúng tôi lấy làm hoan nghinh mà phiên-dịch ra đây, nhưng xin có mấy PHẠM - LỆ nếu còn những chỗ nào sơ sài thiếu sót, xin đợi bậc cao-minh vui lòng chỉ giáo.

Sài-gòn, ngày 5 tháng 2 năm 1970

ĐỖ - NHẬT - TÂN

Hội-Viên Ban Cờ-Văn

Ủy - Ban Dịch - Thuật

P H À M - L Ệ :

- 1.—Trọn bộ bốn hồi đã sẵn, lại xin chia mỗi hồi ra làm bao nhiêu màn cảnh, đủ dài hay ngắn xin theo từng một đoạn văn.
- 2.—Những giọng hát *nói rằng, hát vãn rằng, hát loạn rằng,...* cứ theo bản chính như *Văn viết, Bài viết, Quàn ban viết,...* mà phiên âm.
- 3.—Những chữ đúng âm sai chữ nghĩa, khi chú giải sẽ nói ra, không có chữa bản chính. Câu nào thiếu chữ mới thêm vào một chữ của chỗ ấy.
- 4.—Những bài thơ thất niêm sai luật, cũng xin theo bản chính, giải ra có dám chắc mới dám giải nghĩa những chỗ ấy ra.
- 5.—Tích tường không biết có thực hay đặt ra, không nên căn cứ triều đại nào theo Lịch-Sử một cách cầu kỳ. Rất có thể sự thực xảy ra tương tự, nhưng tác-giả mượn đời Tống, Tấn,... với dụng ý riêng.
- 6.—Đây là sự bảo-tồn văn-học của Quốc-Gia, lưu lại cho biết đời xưa Tinh-Thần Dân-tộc trọng đạo-học đến nhường nào, theo câu thầy Mạnh nói : « Văn kỳ nhạc nhi tri kỳ đức », vậy cứ theo chính bản phiên âm ra.
- 7.—Trong phần phiên âm có những dấu hiệu đề tiện đối chiếu với nguyên văn in offset ở cuối sách ; thí dụ : [1a] tức là tờ 1 trang a.

NHỮNG VAI TUỒNG LẦN LƯỢT XUẤT-HIỆN:

● *HOÀNG-GIA*: Tống-Vương, Thử-Phi, Hoàng-Tử. Chánh-cung dự mưu phản.

● *PHE PHÒ CHÚA*: Đinh-Lưu-Tú, Tô-Hắc-Lân, Phụng-Cửu-Công, Tiết-Hoàn-Công, Lã-Hàn-Khanh, Tiết-Ngọc-Xuân, Thạch-Hoàn-Lãng, sư Bạch-Khánh-Vân, Phiên-Chúa Hồ-Oai, Lái-dò, Sơn-hầu, mãnh-hổ,..

● *PHE PHẢN THẦN*: Hồ-Ngạn, Chánh-Cung, Cơ-Chu, Thiết-Hồ, Hồ-Thạch-Dũng, Hồ-Thái-Hà, Chu-Linh, Mao-Mãnh, Tây-di Hắc-Lôi-Phong,..

● *THẦN-TIÊN XUẤT-HIỆN*: Hán-Chung-Ly, Thanh-Đồng, Thủy-Triều (Vua Thủy), Giả-Xa, Thành-Hoàng, Thổ-Thần, Lý-ngư, Dã thú (Khỉ, Cọp),..

● *CÁC VAI PHỤ*: Nội-Thị, Thái-Nữ, A-Hoàn, Hề-Đồng, Chu-Thanh, Chu-My, Gia-Tướng, Quân-nhân, Tiều-phu, Tăng-chúng, Tướng-cướp Thạch-Hùng, Lâu-la,..

QUYỂN THỨ NHẤT

HỒI THỨ NHẤT

(Gồm 8 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử từ giã Tôn-sư về hạ sơn-dộng.
- * 2. Lưu-Tử tới kinh-sư gặp Tiết-Ngọc-Xuân giao ước.
- * 3. Lưu-Tử gặp Thanh-Đồng ở giữa đường trao diệp pháp.
- * 4. Vua Tống lâm triều, Phụng-Cửu-Công xin đi dẹp giặc.
- * 5. Phụng-Cửu-Công dẹp xong Phiên-chúa Hồ-Oai.
- * 6. Lưu-Tử gặp Tô-Hắc-Lân rồi kết bạn.
- * 7. Tiết-Hoàn-Công và con gái Ngọc-Xuân nói về tình-duyên.
- * 8. Lưu-Tử biệt Hắc-Lân đi thi, gặp cản đường quay trở lại.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TÚ TỪ GIÃ TÔN-SƯ ĐỀ HẠ SƠN-ĐỘNG

ĐÌNH-LƯU-TÚ *bạch viết* :

[1a] Phụng Kỳ-sơn hiển thụy (1) ;
 Ngao Lạc-thủy trình tường (2) !
 Mục giờ doi ngòi chữ thái bồng (3) ;
 Ngư gác mái ngâm câu thịnh trị (4) !
 Quận Lương-thành quê ngụ (5),
 Đình-Lưu-Tú là danh.
 Sông thân đà sớm cách non xanh (6),
 Một mình hãy ngụ nương sơn-dã (7).

Hưu viết :

Như tôi, Văn chen người thất bộ (8) ;
 Võ ví kẻ lục thao (9).
 Từ theo thầy học đạo sơn cao,
 Nhờ sư-phụ giáo truyền văn võ.
 Lăn tay kẻ sáu thu có lẽ,
 Đã chầy ngày nhớ đến quê xưa.
 Kịp vào trình sư-phụ dâng hay,

Ngô (10) về chốn quê xưa tỉnh thám (11).

CHUNG-LY *xướng viết* :

Phụng sắc Linh-Tiên giáng hạ trần (12),
Vọng lai Thúc-lĩnh dưỡng nhàn an (13).
Thế giới trần ai vô nhiễm đảo (14),
Diệu pháp tâm truyền tá minh quân (15).

Hạ viết :

Vâng lời Thượng-Đế (16),
Sắc hạ giáo dân (17).
Nương dựa tại Thúc-sơn,
Hán Chung-Lý thị dã (18).

Hạ viết :

Đồng tiền khan kiến,
Đệ-tử đảo lai (19).
Nhân sao khi sắc bị ai,
Dường có tâm tình áo nã?

[1b] **LƯU-TỨ** *viết* :

Dạ! Từ theo thầy học đạo,
Kẻ đã đăng sáu thu.
Tranh tắm lòng nhớ đến quê xưa,
Vậy nên phải lời bày sư-phụ.

CHUNG-LY *viết* :

Con đã muốn cổ hương phản bộ;
Thầy cũng cho đệ-tử mộ khan (20).
Khá lo việc cho an,
Mà kết duyên phu phụ (21).

LƯU-TỨ *viết* :

Dạ! Ngửa vâng lời sư-phụ,
Cho tôi lại cổ hương.
Cúi đầu từ rời gót vân son (22),

Cho con trẻ phản hồi kinh địa (23).

Văn viết :

Con trẻ phản hồi kinh địa,
Cúi đầu từ sư-phụ rời chân.

CHUNG-LY *văn viết :*

Thìn lòng nắm giữ kháng kháng,
Ngay vua đốc báo thảo thân vẹn đền.

LƯU-TÚ *văn viết :*

Dùng dăng tay khó phân tay,
Ơn thầy chưa trả nghĩa này dám quên.

CHUNG-LY *văn viết :*

Dẫn lòng kim thạch cho bền,
Kinh-sư con tới đồng trung thầy hồi.

LƯU-TÚ *viết :*

Tôn-sư đà phản bộ đồng trung,
Mau nhẹ gót trông chừng kinh địa.

Văn viết :

Nhẹ gót trông chừng kinh địa,
Quyết chen người lược hổ thao long (24).
Muốn cho tượng vẽ Gác-Lân (25),
Thẻ son đốc tạc sử xanh lăm đời (26).
Bách [2a] từng là tiết thảo trai (27),
Mưu quân chỉ chủ đề tài an bang (28).

Hựu viết :

Này, Nhìn xem cảnh vật u thanh,
Đoái thấy phong quang sắc sảo.
Như ta nay,
Từng ở thú quê Săn-dã (29),

Chưa quen nơi tửu-diêm, trà phòng...
 Xứ xứ văn ca lạc chi thanh (30);
 Chốn chốn thấy quẩn huyền chi lạc (31)!
 Hảo tai! Cảnh vật;
 Khoái dã! Kỳ hoa!

Loạn viết :

Bút toán cao tiêu quán-tử trúc (32);
 Tuế hàn tiết thảo trượng phu tùng (33).
 Thu thủy trường thiên đồng nhất sắc (34),
 Giá ban xuân cảnh di ngô tinh (35)!

CHỮ-GIẢI :

1. *Phượng Kỳ-sơn hiển thủy* : Chim phượng núi Kỳ dâng diêm tốt. Xưa phượng hiện ra ở núi Kỳ, mà sinh Văn, Võ-vương ở đó, đánh vua Trụ vô đạo diệt nhà Thương, dựng Vương-nghiệp, gọi nước Tây-Châu.
2. *Ngao Lạc-thủy trình-trường* : Cá Ngao sông Lạc bày diêm hay. Xưa con long-mã (đầu rồng mình ngựa) đội hòm sách ở sông Lạc, như mai rùa có hình bát quái, nhân đó làm ra kinh Dịch đời Phục-Hy, mới gọi Hà-đồ Lạc-thư, đây cá Ngao là linh vật ở bể, cũng ứng diêm hay.
3. *Mục* : kẻ chăn trâu giờ doi thư thả vui buổi thái bình.
4. *Ngư* : hàng chài cá gác mái chèo đò. Ý nói mọi lớp người từ Sĩ : Làm quan văn võ, các thầy,.. *Nông* : làm ruộng, *Công* : mọi nghề thợ, *Thương* : buôn bán, *Ngư* : Bến nước, *Tiêu* : đốn củi cây rừng, *Canh* : đi cày và *Mục* : chăn nuôi,.. Đều vui vẻ làm ăn trong thời thịnh trị.
5. Lương-Thành không rõ ở tỉnh nào hiện nay.
6. *Song thân* : Cha mẹ là hai người thân yêu. Cách non là chết (khuất núi).
7. *Sơn-dã* : Núi đồng, đây Lưu-Tú theo thầy lên núi học đạo.
8. *Thất bộ thành thi* : Đi bảy bước làm xong bài thơ, là khen tài của Tào-Thực đời Tam-Quốc, bị anh là Tào-Phi bắt ức phải làm.
9. *Lục thao* : Sáu thao, dạy phép chiến trận của Binh-thư Khương-Thượng Nguyên-Soái nhà Châu soạn ra để hành quân.

10. Ngõ do chữ Thử cơ dịch ra ngõ hầu có nghĩa may ra, có thể được.
11. *Tĩnh-thâm* : Thăm hỏi xem xét gia đình.
12. Phụng sắc lệnh ở điện Linh-Tiêu của Trời, *Giáng hạ trần* : Xuống cõi trần này.
13. *Vọng-lai Thúy-lĩnh* : Trông về non Thúy, *Dưỡng nhan an* : Nuôi lấy tinh-thần cho được yên ổn nơi tĩnh mịch non cao.
14. *Thế giới trần ai* : Cõi đời gió bụi dơ. *Vô nhiễm đạo* : Không bám đến, bản chính thiếu chữ cuối mới thêm chữ *đạo* là đến vào.
15. *Diệu pháp tâm truyền* : Đem phép khéo để trao bằng Tâm cho kẻ có duyên và sáng suốt. *Tả minh quán* : Kể giúp chúa sáng sau này.
16. *Thượng Đế* : Vua cõi trên tức Trời, vẫn kêu Hoàng-Thiên Thượng-Đế.
17. *Sắc hạ* : Sắc Trời ban xuống cho ta. *Giáo dân* : dạy dân chúng.
18. *Chung-Lý* : Tiên-ông trong hàng bát tiên, tu nên từ đời Hán vậy.
19. Trước động nom thấy, con em lại tôi. *Đệ-tử* : Học-trò, con em.
20. *Mộ-khan* : Tối thăm xem như sớm viếng cha mẹ đó chăng?
21. *Duyên phu phụ* : Duyên chồng vợ. Thầy dặn sẽ gặp vợ chưa nói gì tôi công-danh.
22. *Vân-sơn* : Núi mây tức Thúy-lĩnh nơi chàng học đạo, cao lắm mới gọi vân-sơn, chỉ núi với mây ẩn ý một thú yên-hà : Mây khói.
23. *Kinh-dịa* : Đất kinh vua, Thủ-đô, hay kinh-sur cũng thế.
24. Lược thao đều phép chiến trận, như rồng cạp dữ đội biến hóa mà đặt tên. Thi văn lấy đỗ cũng như đấu võ góm ghê.
25. Gác-Lân do chữ Lâm-các Công-thần đời Hán-Quang-Võ, nhà vua cho vẽ hình các quan văn võ có công to treo ở lầu-đài gọi Gác-Lân để ghi nhớ mãi. Vân-đài, Lăng-Yên-các (gác Khói, đài Mây) cũng vậy.
26. Thẻ son do Công-thần được vua ban khoản sắc thư son cho con cháu đời đời được hưởng lộc vua. Sứ-xanh lắm đời chữ đời không có nghĩa, trau dồi, ý nói muốn tên ghi Sứ-ký.
27. *Bách tùng* : Cây trắc, cây thông, mùa đông vẫn xanh là khi các cây đều rụng lá vì rét, để ví tiết-thảo chàng trai đối với Quốc-Gia.
28. *Mưu quán* : Lo cho vua, *Chỉ chủ* : Giúp chúa đến nơi. *An bang* : Yên nước.
29. *Sẵn-dũ* : Tên xứ đồng ông Y-Doãn đi cày, khi chưa ra giúp vua nhà Thương, để ví kẻ sĩ còn lánh ẩn cũng vui với đồng ruộng.
30. *Xứ xứ văn ca lạc chi thanh* : Nơi này nơi khác đều nghe tiếng hát vui.

31. *Quản huyền* : Ống sáo, ống tiêu, nói tới nhạc khi này là có ca nhạc.
32. *Bút toán cao miêu* : Bút tính vẽ cao. *Quản-tử trúc* : Trúc vì bậc quân-tử đạo nho, bởi trung thông (trong rộng, sáng suốt) ngoại trực (bên ngoài thẳng dứng), hay Tiết trực tâm hư có vẻ đạo-học quân-tử.
33. *Tuế bản* : Cuối năm lạnh mọi cây khô lá. *Tiết thảo trượng phu tùng* : Cây thông là trượng-phu có tiết-thảo vẫn xanh tươi giữ mãi.
34. *Thu thủy trường thiên* : Nước mùa thu vời bầu trời dài rộng. *Đồng nhất sắc* : Cùng một màu trong sáng. Thơ Vương-Bột vịnh Đàng-Vương-các.
35. *Giá ban xuân cảnh* : Nơi đây cảnh xuân. Di dưỡng tinh tình ta được thêm tốt đẹp.



CẢNH THỨ HAI

LƯU - TỬ TỐI KINH - SƯ
GẶP TIẾT - NGỌC - XUÂN GIAO ƯỚC

NGỌC-XUÂN *xướng viết* :

Tây-hiên chuyển quả đảo mòn-đỉnh(1),
Nhàn lai vô sự khoái ngô tình(2) !
Hảo khán kỳ hoa hoa thịnh mậu(3) ;
Chừng chiêm thụy thảo thảo tú thanh(4).

Hạ viết :

Thừa phụ thân ở chốn Hoa-lâu,
Thiếp mỹ hiệu Ngọc-Xuân tính Tiết.
Như tôi, Võ sáu thao trải biết ;
Văn bảy bước vừa thông(5).
Chẳng vì người cười ngựa cầm cung ;
Song hồ phận yếm mang quần vận.
Dạ dốc vui chơi đồ-trận(6) ;
Lòng không muốn học chỉ thêu,..
Kíp mau thơ nọ thưởng ngắm,
Vui có cầm kỳ nhã hứng.

A-Hoàn! Đem nghiền bút lại cho [2b] cò,
Làm một vịnh Đông, Long xem thử?

Ngâm viết :

Kìa là vật nọ ở bến dòng,
Có công tu luyện hóa nên rồng.
Chín từng mây phủ dương vùng vẫy,
Tám tiết sương che lại thành thoi (7).

Hựu viết :

Đã hết chưng thừa sức,
Làm mới đặt thơ này.
Phải có ai giúp nốt ơn dày,
Trợ một vịnh Đông, Long cho thiếp?

A-HOÀN *viết :*

Dạ thưa có! Có người lạ mặt,
Còn đứng trước hoa-viên.
Tòì đuôi gã chẳng di,
Đứng nhìn hoài nhìn hủy.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Gã nào sinh nguy, lớn mặt chẳng,
Dám, lệnh truyền dữ A-hoàn,
Cấp tróc lai vãn tội (8)?

Hựu viết :

Gã kia! Lời ta hỏi gã,
Quê quán hà phương?
Sao không kiềng tới chốn hoa-đường (9);
Lại chẳng sợ qua nơi cấm-địa (10)?

LƯU-TỬ *viết :*

Dạ! Thưa Quý nương! như tôi nay,

Quận Lương-thành quê ở,
 Đình-Lưu-Tú là danh.
 Bởi lạ đường nên lạc đến đây,
 Vì lỡ bước bèn lầm qua đó.
 Tôi, người trong thủy thổ (11),
 Sao chẳng sợ luật hình.
 Thú quê mùa chẳng biết nơi kiềng;
 Quen thôn-dã không từng chốn cấm.
 Nhờ Quý nương lượng rộng,
 Dung tiểu-khả [3a] lỗi lầm.
 Qua vườn-trà sứ-điệp vốn không (12);
 Đến cõi lý nâng khăn có lỗi (13).

NGỌC-XUÂN viết :

Hễ là người quân tử,
 Lời ăn nói khôn ngoan.
 A-Hoàn! Lệnh truyền chúng A-Hoàn,
 Nhắc ghế hoa an vị (14)!

Hựu viết :

Thư-sinh! Xuống dạo chơi thành-thị,
 Mà lạc đến hoa-đình.
 Thấy mặt chàng tình khá dung tình,
 Chi tiểu sự quá nhi vô hối (15).

Hựu viết :

Nếu chẳng ra sức đá;
 Sao cho biết tuổi vàng (16).
 Xin giúp chung một vịnh Đòng, Long,
 Kéo thiếp hãy tài sơ trí thiền. *Lầm!*

LƯU-TÚ viết :

Dạ! Người đã có lòng thương tôi,
 Tôi đâu dám nại tắc công.

Thơ một vịnh Đông, Long,
Dáng Quý nương khán quá.

NGỌC-XUÂN viết :

A-Hoàn ! Hay giở nường nào chưa biết,
Làm mau cô cũng khá khen !
Xem qua cho biết người hiền,
Đọc lại thời tường ý tứ.

Ngâm thơ viết :

Xưa kia nó ở tại phương Đông (17),
Thụ khí kiên khôn mới hóa rồng (18).
Mấy bén vẫy vẫy còn dưới nước ;
Đủ sinh nanh vuốt nổi trên không.
Võ-môn tam cấp dầu qua khỏi (18 bis) ;
Rẽ khỏi chín tầng mặc ruồi rong.
Dù đẳng tứ linh là [3b] bảo vật (19),
Cũng vì tạo-hóa bãi thiên-công (20).

Hạ viết :

Đã đáng tài tú khẩu cầm tâm (21) ;
Lại đáng mặt kim-đường ngọc-mã (22) !
Đi mà thôi, Thơ chàng làm đó,
Coi hợp ý đây.
Lấy chi đền thừa công này,
Ngõ đẳng trả chung nghĩa nợ.

LƯU-TỬ viết :

Nhờ Quý nương lượng rộng,
Tội tội trọng thứ tha.
Ơn tày hải giốc thiên nha (23),
Đâu sá chi công một mảy ?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Khuyên chàng chớ buông lời phụ lễ,
Vốn thiếp đương có dạ ước ao.
Muốn lòng đơn đón hỏi trên sao (24);
Lại e nổi thẹn thường dưới nguyệt. *Này chớ!*

LƯU-TÚ *viết* :

Việc người người biết,
Sự thế thế hay.
Muốn hỏi cùng Nam, Bắc, Đông, Tây;
Bằng nói sách Hán, Đường, Tần, Tấn, (25),..

NGỌC-XUÂN *viết* :

Thiếp chẳng phải hỏi tiền hỏi bạc;
Vì muốn cho rõ cội rõ căn.
Đã có người nâng chấp sửa khăn;
Hay chưa kẻ gieo đào thả mạn (26)?

LƯU-TÚ *viết* :

Thấy nói song mâu sai lẽ;
Nghe lời áo nã tâm can.
Tuổi bé thơ sớm cách Thung-đường (27),
Phận đơn bạc ai dầu yêu giấu?
Luống những theo thầy học đạo,
Vậy nên Tần [4a] Tấn (28) lỡ duyên.
Tham vui bạn với sách đèn,
Lời thực Quý nương xin thứ tội. *Nào!*

NGỌC-XUÂN *viết* :

Thiếp vốn chẳng ghi chung tội lỗi,
Chàng đừng có dạ nghi nan!
Thưa Thư-sinh! Dễ Thư-sinh quên đi chớ?
Dễ quân câu « Giai ngẫu thiên thành » (29);

Chẳng nhớ chữ « Lương duyên tức đế » (30)?
 Nay vốn chẳng đem lòng khi dễ,
 Thấy mặt chàng đem dạ yêu vi.
 Ta muốn cùng chàng kết nghĩa phu thê,
 Tình khứng chẳng nhường nào nói thử?

LƯU-TỬ *viết :*

Ởn trên thực-nữ,
 Dạ dốc hảo cầu (31).
 Người đà có trót thương yêu,
 Tôi cũng ghi lòng son đỏ.

NGỌC-XUAN *viết :*

Ý! Chữ « Nhất ngôn thuyết quá »,
 Câu « Tứ mã nan truy » (32).
 Ai lỗi nguyên phó có thiên tri;
 Ai hội ước phó cho nguyệt chiếu.
 Mai dầu ra ứng thí (33),
 Mà dự đặng bằng vàng (34).
 Chàng làm nghĩa-tế Đông-sàng (35);
 Thiếp sẽ đưa dâu Nam-giản (36).

Hữu viết :

A-Hoàn! Lấy vàng,
 Vàng năm thoi tống lễ,
 Bạc sáu nén đưa chàng.
 Tay phân tay lệ ứa hai hàng;
 Nghĩa hoài nghĩa ly ngậm nhất biệt (37).

Biệt viết :

Nhất phiên tống biệt lưỡng Sầm, Thương (38),
 Hà thời Ngâu Nữ hội nhất trường (39)?

[4b] LƯU-TÚ *biệt viết* :

Tình trung ảo não tâm hà đoạn(40);
Giai hạ trừ trì hộ nan di(41)!

NGỌC-XUÂN *biệt viết* :

Khả liên quân tử tâm nan giải(42),
Thống niệm uyên ương phối ngẫu thi(43)!

LƯU-TÚ *biệt viết* :

Sạ hợp sạ ly tâm tự bả(44);
Tình hoài tình vọng diện nan tri(45)?

Hựu văn viết :

Lời thề phó có thiên tri,
Keo sơn gấn chặt chớ hề đơn sai.

NGỌC-XUÂN *văn viết* :

Thương chàng lưỡng chịu tiếng nhơ,
Cùng nhau cho chọn vẹn bền nghĩa nhân.

Hựu viết :

Mấy lời gạn ép cảnh loan,
Sao đó đã nhật rong vó kỳ kỳ(46).

Văn viết :

Lời nguyện giữ chặt khăng khăng,
Tây-hiên đây lại Trường-an(47) đó về.

LƯU-TÚ *viết* :

Quý nương đà trở lại lê-viên,
Lui gót mỗ rời chân dặm liễu.

Văn viết :

Dặm liễu trông chừng nhẹ tếch,

Chán dò lần điều tích hồ tung (48).

Lo sao danh chiếm bằng vàng,

Phỉ duyên cá nước phượng hoàng sánh đôi.

CHÚ-GIẢI:

1. *Tây-hiên chuyển quá* : Từ Hiên tây rời qua, *Đảo môn-dinh* : Đến cửa sân. Đây nàng Ngọc-Xuân dạo vườn hoa trước cửa sân.
2. *Nhàn lai vô sự* : Nhàn tơi không bận việc gì, *Khoái ngộ tình* : Vui sướng tình ta.
3. *Hảo khán kỳ hoa* : Tốt lắm xem hoa lạ, *Hoa thịnh mậu* : Hoa tươi tốt.
4. *Chừng chiêm thụ thảo* : Lặng ngắm cỏ tốt, *Thảo tú thanh* : Cỏ xanh tốt.
5. Võ văn sáu thao bảy bước đã chưa Cảnh trên.
6. *Đồ-Trận* : Trận bày theo hình thế, như rồng bay rắn quăn, gọi Long-môn, Sà-trận, Bát-trận-đồ,.. có nhiều phép đánh ghê gớm.
7. Đang vờn Đông, Rồng, bỗng vờn thành thoi là sai, mới nói ra sau.
8. *Cấp tốc lại vấn tội* : Kíp bắt lại đề hỏi tội nhòm ngó chỗ cấm.
9. *Hoa đường* : Nhà hoa, nơi con gái ở, như Hoa-dinh cũng vậy.
10. *Cấm địa* : Đất cấm, nơi đàn bà con gái ở cấm đàn ông con trai tới.
11. *Thủy thổ* : Đất nước, nói tôi cũng người xứ sở đây.
12. *Sứ điệp* : Con bướm làm Sứ-giả thăm hoa. Ý câu này nói Tôi muốn tới đây không ai giới thiệu mới đường đột, như muốn vào vườn-trà đề hỏi liễu thăm hoa mà thiếu Sứ bướm tin ong.
13. Đi ở gốc mạn lại sửa mũ khăn, sẽ bị nghi ăn cắp trái mạn mới để lệch khăn mũ mà sửa lại, do câu : « Lý hạ bất chỉnh quan » ở sách Minh-Tâm Bảo-Giám dạy phải tránh những sự nghi ngờ.
14. *An-vị* : Ngồi yên vào chỗ, nàng mời chàng ngồi ghế hoa.
15. *Tiểu sự* : Việc nhỏ, quá nhi vô hối, có lỗi nhỏ khỏi phải ăn năn.
16. Ra sức đá là muốn thử tài, biết tuổi vàng, để được xem giỏi đến đâu, vàng đá hai vật cứng rắn vẫn vì lòng vàng đá như giữ được thủy chung. Vàng già có tuổi bền tốt hơn vàng non mà gọi tuổi Vàng.
17. Rồng-xanh thuộc phương Đông, như Hồ-trắng thuộc phương Tây.
18. *Thụ khí kiền khôn* : Khí thiêng trời đất kết nên Rồng là vật Thiêng.

- 18bis. *Võ-môn tam cấp* : Cửa ông Võ ba lớp sóng. Xưa Vua Võ khai hồng-thủy, chia từng khu nước Trung-Hoa. Sau đó học trò thi đỗ vẫn nói Cá nhảy vọt qua ba lớp sóng vua Võ, là ý nói đỗ cao khoa.
19. *Tứ-linh* : Bốn vật thiêng là Long, Lân, Quy, Phượng, đều là vật báu ấy là bảo-vật, người da vàng coi bốn vật này làm quý đề tôn thờ.
20. *Tạo* : đang không làm ra có, *Hóa* : đang có bỗng làm mất đi. *Tạo-Hóa* là Thọ-Trời do chữ Thiên-Công. Ý nói Tứ linh do Tạo-Hóa mà nên.
21. *Tú-khẩu* : Miệng gấm (bản chính viết làm chữ khẩu ra chữ túc, *Cầm-tám* : Lòng thêu. Ca ngợi văn-sĩ trong lòng chứa cái đẹp như thêu, nhả ra lời văn như miệng gấm vậy.
22. *Kim-dương, ngọc-mã* : Nơi đài các văn chương của Học-sĩ Hàn-Lâm.
23. *Hải giốc* : Góc bể. *Thiên nha* : Chân trời. Nói cao xa rộng lớn vậy.
24. Muốn lòng đơn, ở bản chính viết chữ làng đơn e không đúng lẽ.
25. Muốn hỏi mọi chuyện bốn phương, thì xem những sách từ đời Hán, Đường, Tần, Tấn,.. Là nói muốn biết nhiều hãy học cho rộng.
26. *Gieo đào trả mạn* là trao đổi với nhau, ví tình duyên cũng vậy, do chữ Kinh-Thị : Đầu ngã dĩ quỳnh-đào, báo chi dĩ lý.
27. *Thung* : Cây linh-thung sống lâu, con muốn cha sống lâu mà gọi là Thung-đường, tức nhà thung vậy. (Ở trên Lưu-Tú nói song thân cách non xanh, đây lại chỉ riêng có cha mất hay sao?).
28. Tần xứ Tây bắc Trung-Hoa, Tấn xứ Tây Trung-Hoa, xa cách lấy nhau thường gọi duyên Tần Tấn, hay duyên ngàn dặm.
29. *Giai ngẫu* : Lừa đôi tốt đẹp. *Thiên thành* : Trời giúp mới nên đôi.
30. *Lương duyên* : Duyên lành, may. *Túc đế* : Hẹn trước từ mấy kiếp xưa.
31. *Thục-nữ* : Gái nét na đoan chính, *Hảo cầu* : Khéo tìm nên, chữ Kinh-Thị.
32. *Nhất ngôn thuyết quá* : Một lời nói qua rồi, *Tứ mã nan truy* : Bốn con ngựa chạy nhanh khôn kịp để lấy lại lời đã thốt ra.
33. *Ứng thí* : Đi thi.
34. Bể vàng tức đỗ cao từ Tiến-sĩ trở lên, như bể-hồ, bể-rồng.
35. *Đồng sàng* : Giường bên đồng, theo tích nói con rề xứng đáng.
36. *Nam-giản* : Bờ ao bên Nam, nói cô dâu hiếu kính, hái rau Tần bờ ao về đem dâng cúng. Thơ Thái-Tân Kinh-Thị.
37. Nghĩa nhớ nghĩa nhau mà ngâm bài Biệt một khúc để chia ly.

38. *Nhất phiên biệt lổng* : Một phen đưa tiễn, *lưỡng Sâm, Thương*, như 2 ngôi sao mọc buổi sớm buổi tối cách biệt không hề gặp nhau.
39. *Hà thời Ngẫu Nữ* : Bao giờ ả Chức chàng Ngẫu (trên trời) *hội nhất trường* : họp nhau một chỗ (sông Ngân-hà bên cầu Ô-Thước).
40. *Tình trung áo nã* : Trong tình buồn bã, *Tâm liên quân tử*: Lòng sao đứt.
41. *Giai hạ trù tri* : Dưới thềm dùng dằng, *Bộ nan đi* : Khó cất bước đi.
42. *Khả liên quân tử* : Đáng thương chàng ấy, *Tâm nan giải* : Lòng khó gỡ.
43. *Thống niệm uyên ương* : Đau nghĩ vợ chồng, *Phối ngẫu thi* : Khi cùng kết đôi (Uyên ương giống vịt, trống mái đi liền nhau, thấy nó mà đau lòng).
44. *Sạ hợp sạ ly* : Chợt hợp chợt tan, *Tâm tự giữ* : Lòng tự giữ lấy.
45. *Tình hoài tình vọng* : Tình nhớ tình mong, *Diện nan tri* : Mặt khó hay.
46. *Ký kỳ* : Giống ngựa tốt chạy nhanh, nhân tài cũng ví như ký kỳ. Chữ kỳ trong bản chính đã thừa, theo vận đến chữ kỳ là hết.
47. *Trường-an* : Kinh vua. Bởi Trường-an là yên ổn lâu dài, nơi vua đóng đô từ đời Tần đã đặt tên như vậy, ý muốn yên mãi kinh vua.
48. *Điều tích* : Vết chim. *Hồ tung* : Dấu cáo, thỏ. Khi đi trong rừng không biết đường nào mà lần ra, phải theo vết đi của cầm thú mới biết.



CẢNH THỨ BA

LƯU-TÚ GẶP THANH-ĐỒNG Ở GIỮA ĐƯỜNG TRAO DIỆU-PHÁP

THANH-ĐỒNG *bài viết :*

Long-môn đón thủ phượng-kim-bài, phượng-kim-bài (1),
Diệu diệu tuyên thiên phóng khí khai, phóng khí khai (2).
Huy hoàng chiếu diệu tông phong hỏa, tông phong hỏa (3),
Hoang mang đoạt [5a] lộ tầu sơn nhai, tầu sơn nhai (4).

Hựu viết :

Linh-Tiêu điện an cư (5),
Ngô nãi Thanh-Đồng thị dã (6).
Vàng Ngọc-Hoàng sắc hạ,
Tương kiếm hứa Lưu-sinh (7).
Khai lộ thượng khinh khinh (8),
Thừa phong hành tật tật (9).

Loạn viết :

Giá vũ đẳng vân lai lĩnh hạ (10);
Di sơn đảo hải tự tung hoành (11).

LƯU-TÚ *viết* :

Sơn thủy ngàn trùng chan chứa,
Cỏ cây muôn dặm nồn nường.
Biệt lĩnh thượng mang mang (12);
Vọng sơn đầu khứ khứ (13).

Loạn viết :

Thủy tú sơn thanh chân tịnh mậu (14),
Côn trùng, phi, tẩu thị thành quần (15).
Khán quá sơn đầu tiểu chân tử (16),
Đảo lai hà sự xử vô nhân (17) ?

THANH-ĐỒNG *loạn viết* :

Tiểu sinh hà sử bất thung dung (18).
Đẳng đãi chàng lai giáo hóa công (19).
Khai hạp kiên khôn đồ chưởng thượng (20),
Giáo ký diệu pháp giảng trình-tường (21) !

LƯU-TÚ *viết* :

Tiểu-sinh chân lộng ngữ (22);
Nhự-tử thị loạn ngôn (23) !
Tuổi tác người thơ ấu trên non,
Thấy ta hỏi huông lời khinh mỗ ?

THANH-ĐỒNG *viết* :

Người chê ta còn nhỏ,
Coi cho biết tiểu-sinh.
Xuất Lục long, v.v... (Hóa phép sáu rồng bay ra)

LƯU-TÚ *viết* :

Dạ ! Phàm dân nhĩn nhục (24),
Đa tạ tiên nhân.

Loạn viết :

Đa tạ [5b] tiên nhân,
Bất chấp ngu phu thất lễ (25),
Khuyến liên thần hạ vô tri,
Bách bái khát thử dung (26)!

THANH-ĐỒNG *loạn viết :*

Ngò nãi thị Linh-Tiêu Ngọc-Đế (27),
Tương lai bảo kiếm,
Đảo sơn dương hứa nhữ linh-phù (28),
Khả đãi kỳ thời trừ yêu thuật (29),
Truyền lai diệu pháp tá minh quân (30).

Hựu viết :

Thầy ngời đà trở lại cung tiên,
Ngời tua khá tìm qua Bắc-lĩnh (31).
Trước là tìm bạn, sau dung dưỡng sở thân.
Mấy thiềng đà biện bạch rõ ràng,
Ngời tua khá giữ lời chứa dạ.
Dặn thôi biến hóa,
Trở lại Thiên-đình.

LƯU-TÚ *viết :*

Thình không đa tạ,
Vạn vọng Tôn-Linh (32)!
Giữ lời thầy đã dặn ân cần,
Âu ta kíp tìm qua Bắc-lĩnh.

Vãn viết :

Ta kíp tìm qua Bắc-lĩnh,
Cúi đầu từ bái tạ thình không.
Những lăm trả nghĩa đền ân,
Ngay vua dốc báo thảo thân vẹn đền.

Xúc lòng nhờ đến ơn thầy,
Trăm năm ghi tạc nào hề dám quên!

CHỮ-GIẢI :

1. *Long môn dẫn thủ* : Cửa-Rồng (Trời) cúi đầu. *Phượng-kim-bài* : Lĩnh thê bài kim-phượng (Giọng hát 2 lần theo bản chính).
2. Câu này không có nghĩa, hoặc giả viết sai và không dám sửa chữa.
3. *Huy hoàng chiếu diệu* : Rõ ràng soi sáng. *Tòng phong tỏa* : Theo gió lửa.
4. *Hoang mang đoạt lộ* : Vội vàng cướp đường (đi nhanh) *Tàu sơn nhai* : Chạy tới đầu núi.
5. Ở yên điện Linh-Tiêu (điện Trời ngự).
6. *Thanh-Đồng* : Trẻ tuổi xanh, vì lúc nào cũng trẻ mới gọi Thanh-Đồng.
7. *Lưu-sinh* : Gã học-trò họ Lưu, vì chưa có danh phận với xã-hội.
8. *Khai lộ thượng khinh*,... : Mở trên đường đi nhẹ nhàng cho chóng.
9. *Thừa phong hành tạt*,... : Cưỡi gió đi nhanh chóng.
10. *Giá vũ dăng vân* : Xe mây cưỡi mưa, *Lai lĩnh thượng* : Lại trên núi.
11. *Di sơn đảo hải* : Quay non rời bể ra nơi khác. *Tự tung hoành* : Mình dọc ngang muốn sao cũng được theo ý muốn.
12. *Biệt lĩnh thượng mang mang* : Từ giả trên núi vội vàng.
13. *Vọng sơn đầu khứ khứ* : Ngóng đầu non chạy đi tới.
14. *Thủy lú sơn thanh* : Non xanh nước biếc. *Chân thịnh mậu* : thực tốt đẹp.
15. *Côn-trùng* : Sâu-bọ, *Phi* : loài bay, *Tầu* : Thú chạy, *Thị thành quần* : Ấy nên đàn.
16. *Khán quá sơn đầu* : Xem qua đầu núi. *Chân tiêu-lử* : Thực trẻ con.
17. *Đáo lai hà sự* : Đến đây việc gì, *Xử vô nhân* : Coi không có ai.
18. *Tiểu-sinh hà xứ* : Con nhỏ ở đâu, đi đến đâu. *Bất thung dung* : Lại chẳng thanh nhàn. Bản chính viết chữ *Thông* là thung là sai. Thung.
19. *Đẳng dãi* : Đứng đợi. *Chàng lai* : Chàng viết nôm lại sai vì đương nói chữ, viết chữ *Nhữ* là mày mới đứng. *Giáo hóa công* : Công dạy dỗ.
20. *Khai hạp kiền khôn* : Mở đóng đất trời. *Đồ chưởng thượng* : Đều ở trên tay ta.

21. *Giáo kỳ diệu pháp* : Dạy cái phép lạ. *Giảng trình-tường* : Đem lại những điềm hay là sẽ ra phò chúa lúc nguy nan sau đây.
22. *Tiểu-sinh chán lộng ngữ* : Trẻ con thực nói rồn, nói láo nữa.
23. *Nhụ-tử thị loạn ngôn* : Con nhỏ thực nói lằng loàn (nói liều).
24. *Phàm dân nhữn nhục* : Dân phàm tục này mất thịt, nên không biết ra Thần-tiên như mắt sáng (tuệ-nhãn) của bậc đạt đạo.
25. *Tạ ơn nhiều người tiên*, đừng chấp kẻ ngu-phu này mất lễ đón.
26. Khuyên bảo kẻ dưới không biết, trăm lạy xin dung tha thứ cho.
27. Ta là người của Ngọc-Đế ở điện Linh-Tiên. Câu này sẽ làm tưởng *Ngô nữ thị Linh-Tiên Ngọc-Đế* : Ta là Ngọc-Đế (Trời) ở điện LT.
28. *Tương lai bảo kiếm* : Đem gươm báu lại. *Đáo sơn dương* : Đến đầu núi, *Hứa nhữ linh-phủ* : Cho người cả bữa thiềng.
29. *Khả dĩ kỳ thời* : Hãy khả đợi lúc, *trừ yêu-thuật* : Trừ phép yêu quái.
30. *Truyền lai diệu pháp* : Truyền phép khéo lại, *Tả minh quán* : Đề sẽ giúp vua sáng có chân mạng sau này.
31. *Bắc-lĩnh* : Núi phía bắc này. Thanh-Đồng bảo Lưu-Tú nên tới đó để tìm bạn rồi ở đó, không về núi cũ nữa vì thầy chàng đã về Trời.
32. *Lạy tạ lên thình không* : Muốn điều ngóng lạy Tôn-linh (Bạc Tiên).



CẢNH THỨ TƯ

VUA TỔNG LÂM TRÀO, PHƯỢNG-CỬU-CÔNG
XIN ĐI DẸP GIẶC

VƯƠNG *viết* :

Nổi ngòi Thiên-tử(1),
Trẫm hiệu Tống-Vương.
Oai ra chẳng trận mà an(2);
Đức hóa vô vi nhi trị(3)!

Hạu viết :

Thanh-Y! Truyền Thanh-y [6a] nữ-nhạc (4),
Mau ca nổi tiệc hồng!

NỮ-NHẠC *viết* :

Dạ! Thanh-Y nữ-nhạc,
Lễ thọ Thánh-quân(5).
Ngưỡng thánh đức hoàng ân,
Chúc Tung hô vạn tuế! Vạn vạn tuế(6).!!!

Ca viết :

Lâu-đài thập nhị vũ sênh ca, vũ sênh ca(7),

Tịnh xưởng phủ hoa chuốc tửu ba, chuốc tửu ba (8) !
 Thuy ứng Cảnh-tinh do để đức, do để-đức (9) ;
 Hy du hóa nhật lạc vương-gia, lạc vương-gia (10) ;
 Nhân nhân cộng lạc hàn thịnh trị, hàn thịnh trị (11) !
 Xứ xứ khai thời hiến thọ hoa, hiến thọ hoa (12).
 Đệ-tử lệ-viên đồng hiếu lạc, đồng hiếu lạc (13),
 Xương kỳ hà dĩ chúc Tam Đa, chúc Tam Đa (14) !

VƯƠNG viết :

Lệnh truyền nữ-nhạc,
 Mau bãi tiệc hồng.

BÁO viết :

Dạ ! Cúi tàu qua các-hạ (15),
 Ngửa mặt rộng ngai vàng !
 Quận Đông-di dấy động Phiên bang (16),
 Vậy tôi phải hồi triều phi báo.

VƯƠNG viết :

Loài Phiên bang vô đạo,
 Đảng Đông khấu tác loạn (17).
 Lời phản hồi bách quan,
 Hà nhân đương lĩnh mệnh (18) ?

PHUỢNG-CỪU-CÔNG viết :

Văn ngôn thậm hỷ ;
 Thịnh đắc hân hoan (19) !
 Nguyên ra tay tảo tận Phiên bang,
 Thề hết sức khử trừ Đông khấu.
 Trên thánh-thượng ủy sai sắc hạ ;
 Dưới ngu-thần nguyện lĩnh chiếu-văn.
 Xin lui về kiểm điểm binh nhung,
 Ra Đông [6 b] địa tảo thanh Phiên khấu.

VƯƠNG viết :

Lão-Tướng đã niên cao kỷ trưởng (20),
Lại dày công đắp lũy bồi thành.
Hết chi người tuổi trẻ mày xanh,
Phụ-Chính phải hưng binh Đông địa (21)?

CỬU-CÔNG viết :

Muốn tàu! Tòì còn hăng khi huyết ;
Già chẳng sút lược thao.
Nguyễn ra tay tảo tạn Phiên trào,
Nhược thất sự tội cai vạ tử (22)!

VƯƠNG viết :

Phụ-Chính đà quyết sự,
Trăm tứ hạ sắc-văn (23).
Bách quan lại dinh lang (24);
Trăm lui vào ngọc-các.

TIẾT-HOÀN-CÔNG viết :

Nay Quốc-lão hưng binh Đông-địa,
Tòì kính đưa hai chữ công thành.
Nư như nội triều dầu có lẽ bất bình (25),
Lấy ai chống thanh nghiêng vạc ngã (26)?

CỬU-CÔNG viết :

Lão dầu có viên chinh Đông khấu,
Việc nước nhà gọi lại cho anh.
Tổng triều dù một mối chẳng an,
Tin cho lão tường trong lợi hại.
Dinh-lang anh ở lại ;
Âi-sói lão hưng binh (27).

Hạ viết :

Truyền đẳng đẳng chư dinh,

Tự trưởng tiền thính lệnh (28) !
 Đồng cử động qua màu,
 Tự Đồng-thành tiến phát.

QUÂN ban viết :

Phấn kim-quả, phấn kim-quả (29) ;
 Dương kiếm kích, dương kiếm kích (30) ...
 Tái ngoại thanh di trần bất [7a] động, trần bất
 động (31) ;
 Hoàng-hà tầy giáp khải hoàn ca, khải hoàn ca (32) !

CỬU-CÔNG loạn viết :

Khâm thừa sắc chỉ diệt Phiên bang (33),
 Lãm liệt thần uy tráng mã an (34).

BỘ TƯỚNG loạn viết :

Nỗ lực tung hoành cầm nghịch khấu (35) ;
 Quyết dương bạch nhận định sơn hà (36) !

CỬU-CÔNG loạn viết :

Anh hùng thế thượng vô nhân địch (37),
 Dũng lược hào hao mạc cảm đương (38) !

BỘ TƯỚNG loạn viết : —

Huy chiến đoạt lộ phần thần uy (39),
 Tảo tận Hồ man định bang gia (40).

CỬU-CÔNG viết :

Quân ! Đây đà giáp cõi Phiên bang (41),
 Truyền dữ tam quân hạ trại (42).

CHÚ-GIẢI :

1. *Thiên-lử* : Con của Trời, Vua thay Trời làm Đạo mà xưng là con của Trời, để làm chúa cả thiên hạ.

2. Oai ra thì chẳng đánh giặc cũng yên, tức bắt chiến tự nhiên thành.
3. Lấy đưc cảm hóa, không làm gì mà yên trị. Vua chỉ cũng thủ vô vi nói làm những điều đạo-lý, mọi việc có bách quan lo là vô vi.
4. *Thanh-Y nữ-nhạc* : Đám con gái hát múa mặc áo xanh.
5. *Thánh-quân* : Vua là Thánh, bởi phải tu thân theo đạo cho đúng.
6. *Tung hô lời chúc* : Xưa Hán-Võ-Đế dạo núi Tung (cao nhất Trung-Hoa) nghe tiếng Thần-Núi hô vạn tuế là muôn năm, nên Tung-hô là chúc vua.
7. *Lầu-dài thấp nhĩ* : Mười hai tòa lầu-dài, *Vũ, sênh ca* : Múa hát.
8. *Tịnh xướng phù hoa* : Đều hát giọng đẹp nổi lên. *Chuồn tẩu-ba* : Chuồn rượu thơm.
9. *Thụy ửng Cảnh-tinh* : Sao Cảnh ửng điềm tốt. *Do dể-dưc* : Bởi đưc của nhà vua, mà sao Cảnh sáng rực lên.
10. *Hỷ du* : Mừng dạo chơi. *Hóa nhật* : Ngày một hóa điều hay. *Lạc Vương-gia* : Vui mừng nhà vua.
11. *Nhân nhân cộng lạc* : Mọi người đều vui. *Hân thịnh trị* : Mừng đời trị.
12. *Xử xử khai thời* : Mọi chỗ lúc mở ra. *Hiển thọ hoa* : Chúc tuổi thọ.
13. Đám đệ-tử ở vườn lê. *Đồng hiếu lạc* : Cùng muốn dự tiệc vui.
14. *Xương kỳ hà dĩ* : Thời kỳ tốt lấy gì. *Chúc Tam đa* : Chúc được ba điều nhiều tốt đẹp là đa thọ, đa nam, đa phúc quý, do lời người đất Phong chúc vua Nghiêu đời xưa. Cũng có ý là Đa Phúc, Đa Lộc, Đa Thọ.
15. *Các-hạ* : Tàu dưới gác thì không đúng bằng tàu dưới bệ vua, thường gọi là tàu Bệ-Hạ. Các-hạ mà tàu lên từ quan Đại-thần mà thôi.
16. *Đồng-di* : Rợ mọi bên Đông. Phiên là nước làm phen - rượu cho Trung-quốc.
17. *Khấu* : Giặc từ kẻ dưới nổi lên chống lại nhà vua. *Khấu* còn là ăn cướp.
18. *Hà nhân dương lĩnh mệnh* : Người nào đứng lên lĩnh mạng này ?
19. *Văn ngôn thậm hỷ* : Nghe nói rất mừng. *Thỉnh đắc hân hoan* : Nghe được ra vui mừng, vì được ra tay đánh kẻ làm giặc.
20. *Niên cao* : Tuổi nhiều. *Kỷ* : Hàng chục tuổi trở lên.
21. *Phụ-Chính* : Quan giúp chính-trị cho vua phải cần đến, cày nhờ.
22. *Nhược thất sự* : Nếu việc thua. *Tội cai vạn tử* : Tội đáng muôn phần chết.
23. *Trẫm* : Lời vua xưng là ta. *Từ hạ* : Cho xuống sắc-văn của vua.

24. Đinh-Lang như trưởng hồ nơi của quan vô ố, và làm việc.
25. Có lẽ bất bình, là đoán ra sẽ chẳng yên bởi tay ai cướp ngôi đây?
26. *Vạc* tức cái Đỉnh, là ngôi vua. Xưa Tần-Thủy-Hoàng thống nhất lục quốc diệt luôn nhà Đông-Châu, rồi chín đỉnh của vua Thiên-Tử về Tần xưng Đế. Hai chữ *Định đỉnh* : là ngôi vua, chữ *Vạc* đây nghĩa ấy.
27. *Ải sói* : Ải ngăn giặc dữ như lang sói, nơi ải quan trọng của nước.
28. Truyền cho mọi cấp bậc các dinh. Tới trước trưởng nghe hiệu-lệnh.
29. Gắng sức múa kim-quạ, cái mác bằng đồ kim-khi.
30. *Dương kiếm kích* : Giở ra những gươm, kích,..
31. *Tái ngoại* : Ngoài cửa ải. *Thanh di trần bất động* : Sạch lũ mọi đi như quét sạch bụi như không bầm đến.
32. *Hoàng-hà tẩy giáp* : Rửa áo giáp vấy máu giặc ở sông Hoàng-Hà. *Khải-hoàn-ca* : Hát khúc thắng trận đem binh trở về.
33. *Khâm thừa sắc-chỉ* : Kinh vàng sắc vua. *Diệt Phiên bang* : Giết nước Phiên.
34. *Lãm liệt thần uy* : Oai thần dữ dội ghê gớm, *Tráng mã an* : Lên yên ngựa tốt, khi ấy ra tay đi đánh giặc đã khiếp oai rồi.
35. *Nỗ-lực tung hoành* : Gắng sức vẫy vùng, *Cầm nghịch khấu* : Bắt giặc ngỗ nghịch.
36. *Quyết giờ ra, bạch nhận* : Mũi nhọn sắc trắng, định non sông.
37. *Anh hùng, thế thượng* : Trên đời, *Vô nhân địch* : Không ai đánh nổi.
38. *Dũng được* : Mạnh mẽ, *bảo hao* : Gầm thét. *Mạc cảm dương* : Chẳng ai dám cự.
39. *Huy chiến đoạt lộ* : Vẫy-dội ngựa chạy nhanh cướp đường đi. *Phấn thần uy* : Cố gắng oai thần, lên ngựa chạy nhanh đánh giặc giỏi rồi.
40. *Tảo tạn* : Quét sạch. *Hồ man* : Mọi rợ Hồ, *Định bang gia* : Định lại nước nhà.
- 41-42. *Giáp cõi* : Chỗ ranh giới. *Tam quân* : Ba quân, xưa cứ ba vạn người lính là một Quân. *Ba quân* : Chín vạn binh. *Hạ trại* : Cắm trại để đánh giặc, tức chỗ đóng binh.



CẢNH THỨ NĂM

PHƯỢNG - CỬU - CÔNG ĐỆP XONG PHIÊN - CHÚA HỒ - OAI

HỒ-OAI *bạch viết* :

Uy đẳng điện chế trấn lồi oanh (1),
Lầm liệt thòi sơn nhiệm tung hoành (2).
Hống hống tuyên thiên kinh ngạc lực (3);
Bào hao sắt sả hoãn tiếp hành (4).

Hạu viết :

Quyền xưng chúa tể Phiên-triều,
Ngô nãi Hồ-Oai thị dã.
Đức hóa nhân nhân giai phục (5);
Danh lưu cá cá tâm hàn (6) !
Chi mìn lăm thu hợp Tống-triều,
Hỏi chư đệ như hà khả phủ (7) ?

TỨ ĐỆ *viết* :

Văn ngôn đại tiểu liên thanh (8);
Thỉnh đắc tâm trung khoái lạc (9).

HỒ-OAI viết :

Trận tiền khan kiến,
Lão tặc hưng sư (21)
Đã hết kẻ mày xanh;
Nên sai người đầu bạc.
Thử một phen cho biết,
Khí lực ấy nhường nào?
Tuổi tác già đã sút lược thao;
Hay là hãy còn hăng thần võ?

CỬU- [8a] CÔNG viết :

Quân! Hạ lệnh truyền bản bộ (22),
Đồng bố trận cầm chi (23)!

Hựu viết :

Mới ra oai bắt đặng Đòng-di,
Truyền dẫn lại thành trung vấn tội (24).

Hựu viết :

Hỡi Phiên-bang lão hỡi,
Sao chẳng xét thân mình?
Một phen này dĩ đức nhiều sinh (25),
Đừng quen thói lấy lòng mũi bạc.

HỒ-OAI viết :

Uầy à! Ân đồng nhật nguyệt;
Đức phối thương lang (26)!
Lệnh truyền dữ Phiên-bang,
Tạ Gia-gia hồi cố (Phiên) quốc (27).

Bài viết :

Đốn thủ tạ trại trung (28); Đốn thủ tạ trại trung;
Khuyhnh thân tạ Tường-Công (29)! Khuyhnh thân tạ
Tường-Công!

Nguyễn giao lân lưỡng quốc (30), Nguyễn giao lân
 lưỡng quốc,
 Thệ hàm thảo xưng thần (31). Thệ hàm thảo xưng
 thần.
 Hoan hoan tai! Bất tận; Hoan hoan tai! Bất tận;
 Khoái lạc dã! Vô cùng (32)! Khoái lạc dã! Vô cùng!

CỬU-CÔNG *viết:*

Đã trừ yên Phiên-khẩu,
 Chẳng còn đẩy động binh nhung.
 Tu biểu-văn hồi tấu triều trung,
 Cho Thiên-tử rõ thông tin tức.

QUÂN *viết:*

Thầy có lòng giúp chúa,
 Tôi há nại tặc công.
 Lĩnh biểu-văn hồi tấu triều trung
 Cúi đầu lạy giã từ gia-lão.

Hựu viết:

Vàng Gia-gia trở lại Tống-bang,
 Lên tráng mã trông chừng triều nội.

Văn viết:

Tráng mã trông chừng triều nội,
 Đạo nhân thần nào nại công lao!
 Xa xem [8b] ác đã thò cao (33),
 Phút đâu đã đến triều trung hầu gần.

Hựu viết:

Dạ! Chúng tôi Bộ-tốt (34),
 Ở với Cửu-Công,
 Đệ văn biểu hồi tấu (35),
 Vọng Thánh-Hoàng tường khán.

VƯƠNG viết :

*Bách quan ! Nay đã yên Phiên-khẩu,
 Chẳng còn giấy động can qua (36).
 Bách quan lại dinh lang;
 Trăm lui vào gác ngọc (hạ) (37).*

CHÚ-GIẢI :

1. *Uy dằng diện chế* : Oai ra như sấm chớp. *Trấn lôi oanh* : Như sấm vang rền. Nói oai thần khi gầm thét lên mà khiếp sợ.
2. *Lãm liệt thôi sơn* : Ghê gồm xô núi phải đổ. *Nhiệm tung hoành* : Mặc sức dọc ngang, hay vẫy vùng cũng vậy.
3. *Hống hống tuyên thiên* : Vang dội rầm trời, phải là chữ *huyền thiên* mới đúng. *Kinh ngạc lực* : Sức mạnh như cá kinh ngạc to lớn.
4. *Bào hao* : Gầm gừ. *Sắt sà* : Thét mắng. *Hoăn tiệp hành* : Đi nhanh chậm.
5. Lấy đức hóa người này người khác đều phục.
6. Danh lưu đến đầu kẻ ấy kẻ khác ớn lạnh cả lòng tức sợ hãi.
7. *Chư đệ* : Các em. *Như hà khả phủ* : Nền hay không thế nào cho biết ?
8. *Văn ngôn đại liễu liên thanh* : Nghe nói cười to luôn tiếng (vì đã thích chí).
9. *Thỉnh đắc tâm trung khoái lạc* : Nghe được ra trong lòng mừng sướng, bởi con nhà võ ham muốn đánh nhau để trở tài.
10. *Thống ẩm tam bôi* : Uống cho đã ba chén, *Hề* : Tiếng đệm là chữ. *Chuốc tửu diên* : Chuốc rượu tiệc. *Thống* là đau, đây có nghĩa uống cho đã.
11. *Đồng bả trản hề* : Cùng cất chén chừ. *Nhân kiệt lực* : Hết sức người.
12. *Phấn thần uy hề* : Cố gắng oai thần chừ. *Cá cá tranh tiên* : Kẻ này kẻ khác tranh làm trước. Nhà võ ganh đua làm trước.
13. *Truy tàn bại trận* : Đuổi kẻ bị đánh thua. *Vô nhân địch* : Không ai dám chống.
14. *Sện mã* : Ngựa rảo nhanh vội. *Hoành đao* : Ngang lưỡi đao tức khua múa đao. *Sát thiên viên* : Giết ngàn viên tướng.

15. *Triển thần-uy* : Giở oai thần ra, *Trừ vạn đội* : Trừ được trăm đội binh. *Cấp tranh liên* : Vội gấp tranh nhau đánh trước.
16. *Kim chiếu* : Hôm nay. *Kim quốc* : Nước này. *Cử hùng binh* : Đem binh dòng.
17. *Lãm liệt tinh kỳ* : Cờ xi oai dữ đầy ra. *Tế nhật tinh* : Che cả mặt trời, và các ngôi sao. Ý nói rợp trời coi thấy khiếp.
18. *Sát lai Tống tướng* : Lại giết tướng nhà Tống. *Sàm biên địa* : Lấn lấy đất nhà Tống. Không phải giết tướng Tống đã cướp đất xứ mình.
19. *Nguyện đoạt cơ-dồ* : Nguyên cướp cơ-dồ. *Tráng đế kinh* : Làm oai đẹp kinh vua.
20. *Khải ải đồng* : Mở cửa ải vững như đồng. *Cự chiến* : Đánh lại.
21. *Lão tặc hưng sư* : Giặc già nổi binh. *Sư* cũng là quân như Sư-đoàn.
22. *Bản bộ* : Binh số của đơn vị mình. Như nay Tiểu-đoàn có bao nhiêu *Đội* là mấy trăm người. Mỗi viên *Tướng* có từng binh số vậy.
23. *Đồng bố trận cầm chi* : Cùng bày trận ra để đánh bắt lấy.
24. Chữ *Dẫn* đúng hơn là chữ *Đạo* ở trong bản chính. *Dẫn* về trong thành để hỏi tội giặc mọi bên *Đồng* sao dám nổi binh.
25. *Dĩ đức nhiều sinh* : Lấy đức để tha cho sống.
26. Ân cùng như Mặt-Trời, Mặt-Trăng cho muôn vật sinh sống. *Đức sánh Thương lang* là rộng như bể xanh, mới dung cho được sống.
27. *Gia-gia* : Cha đẻ, tôi tớ, bộ hạ thường kêu ông chủ là Gia-gia vậy. Trở về cố quốc theo văn trặc đúng hơn chữ cố *Phiên* ở bản chính.
28. *Đốn thủ hạ trại trung* ; Cúi đầu tạ ơn cả trại (gồm cả ba quân).
29. *Khuyh thán tạ Tướng-Công* : Nghiêng mình tạ ơn ông là *Tướng quốc*.
30. *Nguyện giao lân lữ quốc* : Nguyên xin hai nước đi lại với nhau.
31. *Thệ hàm thảo xưng thần* : Thề cắn cỏ xin làm bề tôi chịu hàng.
32. *Hoan hoan tại bất tận* : Vui vui thay chẳng hết ; *Khoái lạc dã vô cùng* : Vui sướng vậy không bao giờ cùng. (Được tha tội đáng chết).
33. Ác do chữ Kim-ô là quạ vàng, tức gọi mặt-trời như vậy.
34. *Bộ-tốt* : Lính trong bản bộ của một viên tướng.
35. *Đệ văn-biểu hồi tâu* : Dâng biểu văn về tâu. Ý nói đánh xong giặc lại phải giữ luôn ở đó, không về là có dụng ý sâu xa, phòng trong triều biến loạn phải lấy đó làm căn cứ sau này như xảy ra chẳng?
36. *Can qua* : Giáo mác : nói đến can qua là có chiến tranh hay loạn.
37. Lui về gác ngọc mới đúng, chứ lui về các hạ là dưới gác thì sai, bởi lẽ chữ *ngọc* viết làm chữ hạ, thường xảy ra nhiều như vậy.

CẢNH THỨ SÁU

LƯU-TỬ GẶP TÔ-HẮC-LÂN RỒI KẾT BẠN

TÔ-HẮC-LÂN *bạch viết* :

Sơn mịch mịch thủy thanh thanh (1),
Hưu hưu phú quý bãi công danh (2).
Nhự mao ẩm huyết thiên thu chí (3);
Tróc hồ đoạt kinh bách thú kinh (4)!

Hưu viết :

Quê nhà ngụ Kỳ-sơn,
Tô-Hắc-Lân là mỗ!
Như ta, Văn chen người đấu hổ;
Võ vi kẻ tranh long!
Đã tham vui trên núi dưới sông,
Lòng chẳng tưởng công danh tài lợi...
Nương hang núi vắng hùm qua lại;
Dựa bên, kinh đã lánh khỏi xa.
Lấy chi dùng một tiệc hơi hà (5),
Kẻo lòng mỗ lâu ngày sẽ trạnh.
Ấu là, Cung tên mang cánh;

Điu búa giắt lưng.
 Ngộ phi cầm ta hãy dương cung;
 Phùng tẩu thú tay khua bằng phủ.

Loạn viết:

Biệt tự sơn-trại vọng lâm trung (6),
 Tróc lai mãnh hổ diệt quần hung (7).
 Nhận hành cá cá phi [9a] như vũ (8);
 Ác thú trùng trùng tẩu nhược phong (9).

LƯU-TỬ *viết:*

Vọng sơn-kỳ tầm thừa bặt lạnh,
 Trông bắc-lĩnh đường chim nhẹ gót.
 Vạn trượng hôn đăng tâm mạc nại (10),
 Bất tri ngọc-hữu tại hà phương (11)?

Hựu viết:

Mãnh-hổ hựu tẩu tẩu;
 Độc trùng vật hành hành (12)!

Loạn viết:

Bộ bộ bôn lai trừ ác thú;
 Khinh khinh ngô thủ bất nhiều sinh (13).

Hựu viết:

Mới ra oai siễn chí tung hoành,
 Mãnh-hổ đã thấy phôi lâm nội:

HẮC-LÂN *viết:*

Gã kia, Thăng ở mò rất quá,
 Đánh hùm mõ chết đi.
 Ai biểu đó thày lay,
 Sao không kiêng có mõ?

LƯU-TÚ *viết* :

Giống ấy là thú dữ,
Gặp há dễ thừ tha.
Chớ cậy tài khoe sức lướt ta;
Đừng lớn tiếng khua môi múa mỏ!

HẮC-LÂN *viết* :

Tâm trung trấn nộ (14),
Diện thượng sinh hoa (15) !
Ngươi có tài đối địch cùng ta,
Cho biết sức anh hùng hào kiệt?

Hạ viết :

Hảo hảo tai võ dũng (16);
Khoái khoái giả kỳ-tài (17) !

Loạn viết :

Điều-trận lừng lừng dương hồ lực (18);
Xà-đồ hống hống phẫn hùng anh (19) !

LƯU-TÚ *loạn viết* :

Bào hao nhuệ khí dương ngã [9b] võ (20),
Dũng được tung hoành sát cường phu (21).

HẮC-LÂN *loạn viết* :

Ngô sát nhĩ trận trung tử khí (22),
Mạc khinh ngô lực bạt vô năng (23) !

HẮC-LÂN *loạn viết* :

Tại nhĩ sự sinh phi tại ngã (24),
Bất oán thiên hề mạc oán nhân (25) !
Xuất Lục long, vân vân... (Lưu tung phép
sáu rồng ra).

Hạ viết :

Vậy cũng rằng hùng cứ tranh long (26) ;
 Phải một phép hết tài đấu hổ.
 Muốn cùng chàng giao cấu,
 Mà kết nghĩa đệ huynh,
 Tình có khứng tình,
 Nói cho nghe thử ?

HẮC-LÂN *viết :*

Tâm đại độ, tâm đại độ (27) ;
 Thị hồng-ân, thị hồng-ân (28) !
 Nguyên khắc cốt minh tâm (29),
 Thệ bất vong đại nghĩa (30).

Hạ viết :

Dạ ! Xin rước về sơn-trại,
 Ngõ đáp nghĩa ân-nhân (31).

Hạ viết :

Chẳng hay người quê quán phương nào,
 Xin anh tỏ-tính danh trần thuyết ?

LƯU-TỬ *viết :*

Quận Lương-thành quê ở,
 Đình-Lưu-Tú là danh.
 Tuổi vừa mới đôi mươi,
 Song thân đã chếch bóng (32).

HẮC-LÂN *viết :*

Người hai mươi tuổi lớn ;
 Tôi mười chín niên-canh (33).
 Đó lớn hơn nhượng lại làm anh,
 Còn tôi, tuổi nhỏ xin làm tiểu-đệ.

Có thích huyết đòi ta đoan thệ (34),
 Mới rõ tin một tấm lòng thành.
 Xin [10a] nhân-huynh an tại thảo-trang (35),
 Mặc tiểu-đệ dùng phương mận nhạt (36).

CHÚ-GIẢI :

1. *Sơn mịch mịch* : Núi lặng lẽ. *Thủy thanh thanh* : Nước trong xanh.
2. *Hưu hưu phú quý* : Thời thời sự giàu sang. Bãi bỏ cả công danh.
3. *Như mao ẩm huyết* : Ăn lòng uống máu tức còn cồ lỗ. *Thiên thu chí* : Chí ấy còn ngàn thu, là sống quê mùa cồ lỗ mãi cũng được hay !
4. *Tróc hồ* : Bắt cộp, *Đoạt kinh* : Bắt cả kinh, chữ Đoạt là bắt đúng hơn chữ đoan là đứt, vì âm đoạt đoan mà viết ra lầm ở bản chính.
5. Tiệc hơi hà không rõ nghĩa, theo tiếng nôm của từng địa hạt.
6. *Biệt tự sơn-trại* : Giã từ nhà ở núi rừng, vọng làm trung : Trông vào trong rừng.
7. *Tróc lai* : Bắt lại, *diệt quần hung* : Giết đàn, giống dữ.
8. *Nhạn hàng cá cá* : Hàng nhạn bay từng con, *Phi như vũ* : Bay như mưa.
9. *Ác thủ trùng trùng* : Thủ dữ lẫn lượt. *Tẩu như phong* : Chạy như gió.
10. *Vạn trượng bốn dằng* : Muôn trượng xa ruồi rong. *Tám mạc nại* : Lòng chẳng nại bao tức ngại ngần khó nhọc.
11. *Bất tri ngọc-hữu* : Chẳng hay ai là bạn ngọc. *Tại hà phương* : Ở chỗ mò ?
12. Mãnh-hổ chớ chạy chạy. Giồng độc ác chớ đi mất.
13. Bước bước chạy lại trừ thú dữ, Tay ta nhẹ nhàng chẳng tha chết.
14. *Tám trung phẫn nộ* : Trong lòng nổi giận.
15. *Diện thượng sinh hoa* : Trên mặt sinh ra đỏ như hoa vì tức khí.
16. Tốt tốt thay vô dùng, câu khen đối thủ rất tài.
17. Sướng sướng vậy bậc tài lạ. Vì tự cho mình tài lại gặp kẻ tài.
18. *Điều-trận* : Trận bày ra như chim, *lăng lăng dương hồ lực* : Vượt qua như giở ra sức cộp mạnh mẽ dữ dội.
19. *Xà-dồ* : Trận thế như rắn, *Hống hống phẫn hùng anh* : Gầm thét vang dội kinh khiếp, khi cố gắng sức anh hùng.

20. *Bào-hao* : Gầm lên, *Nhuệ khí dương ngã vũ* : Sắc bén giở võ ta ra.
21. *Dũng được* : Mạnh khỏe, *Tung hoành sát cường phu* : Vẫy vùng giết kẻ điên.
22. *Ngô sát nhĩ* : Ta giết mày, *Trận trung tử khí* : Chết uất giữa trận.
23. *Mạc khinh ngô* : Đùng khi dễ ta, *Lực bạt vô năng* : sức đánh không hay.
24. *Tại nhĩ sự sinh* : Sinh sự ở mày, *Phi tại ngã* : Chẳng phải ở ta.
25. *Bất oán thiên hề* : Chừ giận trời chừ, *Mạc oán nhân* : Chớ giận người.
26. *Hùng cử* : Giữ một chỗ xưng hùng, tranh long đấu hổ đã rõ nghĩa.
27. *Tâm đại độ* : Tâm lòng rộng lớn. Độ tức độ lượng bao dong.
28. *Thị hồng ân* : Đó là ơn rộng. Đáng chết lại tha mà còn kết bạn.
29. *Nguyện khắc cốt minh tâm* : Nguyên khắc xương ghi lòng nhớ ơn ấy.
30. *Thề bất vong đại nghĩa* : Thề chẳng quên nghĩa lớn.
31. *Sơn-trại* : Nhà ở núi rừng gọi sơn-trại, đáp nghĩa người có ơn.
32. Chếch bóng tức là chết, như khuất bóng không thấy âm dung nữa.
33. *Niên canh* : tuổi bao nhiêu, cũng như chữ canh-thiếp là nói về tuổi.
34. *Thích huyết* : Chích máu, *Đoan thệ* : Lập lời thề đoan chính.
35. *Nhân-huỳnh* : Người anh, phải ra viết chữ Nhân là nhân nghĩa để tôn người anh bạn tốt không phải chữ Nhân là người. *An tại thảo trang* : Ở yên chốn nhà tranh ở sơn trại, sau khi Lưu kể rõ mình nấu ăn.
36. *Phượng mận nhạt tức có ăn uống*, từ nay ở với Hắc-Lân ăn uống đạm bạc để chờ thời, sau khi nghe Thanh-Đồng dặn bảo.



CANH THỨ BẢY

TIẾT - HOÀN - CÔNG VÀ CON GÁI
NGỌC - XUÂN NÓI VỀ TÌNH DUYÊN

HOÀN-CÔNG *viết :*

Nay lão đà nhàn lạc,
Truyền chúng tướng áp hầu.
Mau kíp tới hoa-lâu,
Thăm ấu nhi bao nả?

NGỌC-XUÂN *thán viết :*

Hồi tưởng tình sầu tự biệt thì,
Tương tư ngã ý trực đề mê.
Thiên cao đặng đặng sầu vô hạn;
Nguyệt lý quang huy chiếu bất tri?
Mộng tàn bán chằm mê hồ-diệp;
Xuân tận tam canh oán tử-quy!
Cầm la trưởng lý hồng trần mãi,
Hà nhật tình nhân phản bộ quy (1)?

Hạ viết :

Ý khôn lấp nẻo tương tư (2),

Phận khổ phai rồi duyên trái.
Bớ Tình-nhân ôi!
 Chẳng nhớ thửa núi nguyên sông giải,
 Vội quên câu giao ước Tấn Tần.
 Người lấp lưng lời cũng lấp lưng (3),
 Mới hiện (hẹn) đó vội quên lòng đó.
 Năm canh sầu vò vố;
 Sáu khắc lệ mang mang...
 Lương-nhân hỡi lương-nhân (4);
 Lưu-Tử ôi Lưu-Tử?
 Phận trái bởi ai cắt cứ,
 Sui làm chi những sự vợ chồng?
 Khiến đêm trường đau xót tấm lòng,
 Ta quân-tử hà thời tương hội (5)?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Tác quái chân tác quái (6);
 Hoặc ngòn thì hoặc ngòn (7)!
 [10b] Không tưởng đạo cha con,
 Việc nghe đã tỏ tường,
 Chớ giả hăm đòi chối!
 Ngọc-Xuân! Con cùng ai rằng vợ rằng chồng;
 Nghe những lời than lời thở?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Con chẳng than duyên trách nợ;
 Lòng không tưởng vợ ước chồng.
 Than cha già tuổi quá tri thiên (8),
 Nèn con trẻ đêm ngày ái ngại!

HOÀN-CÔNG *viết* : (9)

Lộng ngữ, lộng ngữ (10);

Khinh ngòn, khinh ngòn (11) !
 Không tưởng đạo cha con ;
 Chẳng đền ơn nhũ-bộ (12) ?
 Ngọc-Xuân ! Lời ngay tua khá tỏ lòng ;
 Lẽ vậy chớ toan giấu dạ.
 A-Hoàn ! Lệnh truyền dữ A-Hoàn !
 Nã tróc lai vắn tội (13) !

Loạn viết :

Hận nhữ cuồng nhi chân tác nghiệt (14) ;
 Thù tha nghịch tử thị dâm ô (15).

NGỌC-XUÂN *loạn viết :*

Tạ quá nghiêm-thân thi hải giốc (16),
 Thù tha ấu tử nguyện trần ngòn (17).

HOÀN-CÔNG *loạn viết :*

Tội dĩ doanh thiên chân bất thù (18),
 Cam vi bất nghĩa mạc vuu tha (19).

NGỌC-XUÂN *loạn viết :*

Tịch nhật Tây-hiên phùng Đình-thị (20),
 Kiến tha tài tri phối tao-khang (21).

HOÀN-CÔNG *viết :*

Ờ ! Con nói rằng thừa trước Tây-hiên,
 Có gặp một sĩ người có tài tri,
 Con lại sánh duyên cùng Đình-thị. Đó phải a ?

Hựu viết :

[11a] Thôi, Phút nghe qua lời nọ,
 Xảy nhớ lại lòng này.
 Thừa xưa cha kết nghĩa Đào-công (22),

Cùng Đình-thị giao hôn chỉ phúc (23).
 Nền cách trở hai phương bình tặc,
 Phút lại quên những sự lương-duyên.
 Việc chẳng qua to đở buộc chân,
 Sự ngấm bởi trắng-già lẻo mách.
 Con khá tua chờ trách,
 Già lẫn lộn tại cha.
 Con trở lại trường hoa ;
 Cha lui về công phủ.

Hạ viết :

Lệnh truyền dữ Bộ-thần,
 Sao chưa thu ứng thi ?

BỘ-THẦN viết :

Khâm thừa chỉ-sắc,
 Biến vãng chư châu (24).
 Sao chưa thu lai chiếm ngao đầu (26),
 Truyền hán tử tỵ tranh hồ-bảng (27) ?

Loạn viết :

Khâm thừa chỉ sắc vãng quận châu (28),
 Truyền lai hán-tử chiếm ngao đầu.
 Cá cá tài năng lai ứng cử,
 Nhân nhân tri dũng đáo công thu (29).

CHÚ-GIẢI :

1. Xin dịch theo vần thơ cả 8 câu như sau :

*Tưởng lại tình sầu từ lúc biệt,
 Tương-tư ta luống những mê mang !
 Trời cao lồng lộng sâu không hạn ;*

*Trăng tỏ dầu dầy canh chẳng màng.
Nửa giấc mộng tàn hồn bướm vờn;
Ba canh xuân hết tiếng quỳên vang!
Bụi bay bám khắp màn thêu gấm,
Chàng đến khi nào trở lại chàng ???*

2. *Tương-lư* : Cùng nhờ nhau, trai gái nhờ nhau thành bệnh là bệnh TT.
3. *Lấp lửng* mà chẳng đúng lời, vì vắn mới gọi lấp lửng.
4. *Lương nhân* : Người tốt lành, chỉ vào người yêu vậy, chữ Kinh-Thi.
5. *Ta quân-tử* : Hỡi chàng quân-tử, *Hà thời ương hội* : Bao giờ cùng gặp.
6. *Tác quái* : Làm ra khác thường, như ma quỷ không đúng tình hợp lẽ.
7. *Hoặc ngôn* : Nói làm người làm tưởng, vì không chân chính.
8. *Tri thiên* : Biết mệnh trời, sách Luận-Ngữ nói, *Ngũ thập nhi tri thiên mệnh* : Tuổi năm mươi mà biết mạng trời mà biết phận mình.
9. Bản chính thiếu ba chữ « HOÀN-CÔNG viết » mới thêm vào cho đúng.
10. *Lộng ngữ* : Nói đùa rồn, nói liều lĩnh cùng một nghĩa ấy.
11. *Khinh ngôn* : Nói coi thường lẽ phải, nói dễ dàng việc ấy cũng vậy.
12. *Nhũ bộ* : Bú mớm, cha mẹ nuôi con từ thừa mồi sinh ra.
13. *Nữ tróc lai vấn tội* : Theo bắt về để hỏi tội. Vậy theo bắt chàng trai nào đã dám cùng Ngọc-Xuân hẹn ước.
14. *Hận như cuồng nhi* : Giận mảy đưa con điên, *Chán tác nghiệt* : Thực làm ra oan nghiệt (nghiệt là sự xấu, tai hại, như yêu nghiệt là quái ác).
15. Không tha thứ được. *Ngịch tử thị dám ó* : Con trái ngược đã dám ó.
16. *Tạ quả nghiêm-thần* : Tạ lỗi cha nghiêm, *Thi hải giốc* : Đem lượng bề bao dung. *Hải giốc* : góc bể tức nói rộng lượng như bể xưa kia.
17. *Thư tha, ấu-lử* : Con trẻ dại, *Nguyện trần ngôn* : Xin bày lời thực.
18. *Tội dĩ doanh thiên* : Tội đầy trời, *Chán bất thứ* : Thực chẳng tha.
19. *Cam vi bất nghĩa* : Dám làm sự bất nghĩa, *Mạc vuu tha* : Chớ oán ai.
20. *Tích nhật Tày-hiên...* Ngày trước ở hiên Tày gặp họ Đinh.
21. *Kiến tha tài trí* : Thấy hẵn (chàng) có tài trí, *Phối tao khang* : Sánh làm vợ chồng. (*Tao khang* : Tắm mẫn, nói vợ chồng nghèo ăn tắm vẫn thương nhau, nên chàng dù nghèo cũng kết nghĩa).
22. *Kết nghĩa Đào-Công* : Ông nhờ lại có kết nghĩa với cha chàng đây.
23. *Giao hôn chỉ phúc* : Trao đổi gả con cho vào bụng mang thai của hai bà vợ bạn, sau để bên trai bên gái gả cho nhau, từ lúc mang thai.

24. *Khâm thừa sắc chỉ* : Kính vâng lệnh vua, *Biến vãng chư châu* : Đi khắp nơi châu quận.
25. Chiếm đầu cả ngao vi như đồ cao (Trạng-Nguyên).
26. *Hán-tử* : Người giải văn nói hảo-hàn (đưa tốt) anh hùng, *Tịu tranh hồ-bảng* : Tới tranh lấy bảng hồ, là đồ cao từ Tiến-Sĩ.
27. Kính vâng sắc vua đi khắp châu quận, dao cho hán-tử chiếm đầu cả ngao.
28. *Kẻ kẻ tài năng lại đề thi* : Người người tri dừng đến đề thu lấy công lao dự thi văn của mình, tức cố học thi mong lấy đỗ.



CẢNH THỨ TÁM

LƯU-TỬ BIỆT HẮC-LÂN ĐI THI, GẶP CĂN ĐƯỜNG QUAY TRỞ LẠI

LƯU-TỬ *viết* :

Mảng tai nghe thánh đức,
Người mở hội cầu hiền (1).
Anh em ta bước tới kinh-thành,
Họa may gặp danh đề bảng hồ?

HẮC-LÂN *viết* :

Lòng anh còn sở mộ;
Dạ em muốn thanh nhàn.
Thưa anh! Dung cho em ở lại sơn-trang,
Miễn anh đăng danh thơm hoa hạ (2).

LƯU-TỬ *viết* :

Vậy thôi, Em đã quyết lòng ở lại,
Anh nguyên xin ra tới Tống-thành.
Trước là cầu sở công danh ;

Sau ngô tìm duyên ngư thủy (3)

Hữu viết :

Nay chia nhau hai ngã ;
Mai cũng họp một nhà.
Em ở lại trang-gia ;
Anh trông chừng kinh-địa.

Văn viết :

Anh kíp trông chừng kinh-địa,
Rắp ranh từ tểch dẫm Trường-an.

HẮC-LÂN *văn viết :*

Vời trông mấy dẫm quan sơn,
Xúc tình sẽ tránh nghĩa nhơn kim bằng (4).

Hữu viết :

Tây-kỳ phân biệt ngô huynh đệ (5),
Hậu nhật công thành tái hợp hoan (6)!

Văn viết :

Nhân-huỳnh! Đó đây lòng chữa sai lòng,
Kinh-sur anh đến vân-trang em về.

LƯU-TỬ *viết :*

Tiêu-đệ đã trở lại vân-trang,
Rời chân mỗ trông chừng kinh-địa.

Văn viết :

Gót mỗ trông chừng kinh-địa,
Đứng anh hùng chí dốc giềng ba (7).
Lợi danh dạ đã mơ màng,
Đai xuân mong cướp thể vàng dốc lý (8).

Hựu viết :

Mãnh hồ chân tác quái,
 Đón mỗ chẳng cho đi.
Đón đó ta đi ngõ khác, Lạ này,
 Dị sự chân dị sự (9);
 Kỳ tai thị kỳ tai (10)??
Thối thối, Người đã đón đường này,
 Thời ta qua nẻo khác.
 Thời ta đã cạn lời phân giải,
 Cớ chi [12a] người quyết dạ trở đương?
Cớ sự này là tại người,
 Tại nhà người đem dạ chẳng lành,
 Nguyễn ra sức đánh cho biết mặt.

Hựu viết :

Quả thị thần nhân đương trở (11);
 Chân vi hiện ứng dị thường (12)!
 Mãnh-hồ kia phút đã biến thân,
 Thơ nào có chữ đề tỏ rõ?
 Việc dữ lành chưa tỏ,
 Mau đọc lại cho tường.

Độc viết :

Vật tầm danh lợi tiến văn-trường (13),
 Tạm ăn nhất thời đãi phụng xương (14).
 Tứ nhĩ song đao tùy tự bả (15),
 Phù chân diệt nguy tá quân-vương (16).

Hựu viết :

Thơ bốn câu đề đã rõ ràng,
 Dẫn ta rằng trở lại trang gia.
 Chờ tới vận sẽ ra phò chúa,

Phải nghe theo lời nọ,
 Lui gót lại trang gia.
 Tếch dậm hòe quay quả hôn ba,
 Cấp trở gót trông chừng tuấn lĩnh.

Văn viết :

Trở gót trông chừng tuấn lĩnh,
 Giữ lời truyền gặng sức lòng ta.
 Những lăm bồi đắp Tống-gia,
 Trước là giúp chúa sau là hợp duyên.
 Xử toàn này nghĩa này nhân (17),
 Kính đáng nhất vẫn xin trình hồi hai.

CHÚ-GIẢI :

1. *Cầu hiền* : Tìm người hiền-tài, do mở hội thi lấy đỗ.
2. *Hoa hạ* : Sáng sủa đẹp, nơi Trung châu nhất là kinh thành ánh sáng, gọi là nơi Hoa-Hạ, nước Tàu mới xưng hiệu Trung-Hoa (Văn-Minh).
3. *Ngư-thủy* : Cá nước, duyên vợ chồng như cá với nước, vì cá phải sống với nước.
4. *Kim bằng* : Bạ vàng là ~~bạ~~ quý, có ý giao kết bền lâu nữa.
5. Đất Tây-kỳ nay chia tay anh em ta.
6. Ngày sau nên công danh lại hợp hoan (vui vẻ).
7. *Giềng ba tức Tam cương* : Vua tôi, cha con, vợ chồng phải xử theo đạo.
8. Chữ dặc ly không hiểu nói gì.
9. Việc lạ thực việc lạ, vì cộp dừ đón đường không tránh nổi.
10. Lạ thay mới lạ thay, không hiểu ra làm sao gặp sự này.
11. *Quả thị thần-nhân dương trở* : Hẳn là người Thần cản lại mới sinh dị sự, vì tránh ngõ nào cũng gặp mà ra sức đánh cũng không xong.
12. *Chán vì hiện ứng dị thường* : Thực làm ra hiện ứng khác thường.
13. *Vật tầm danh lợi* : Chờ tìm danh lợi, *tiến văn-trường* : Tôi trường Văn.
14. *Tạm ần nhất thời* : Tạm lánh một thời, *dĩ phụng xương* : Đợi lúc tôi tốt đẹp, xương là tốt, còn phụng không đúng nghĩa.

15. *Từ nhĩ song dao* : Cho người hai đao tức như gươm báu, *Tùy lự bả* : mang theo để tự cầm lấy dợi khi dùng.
16. *Phù chân* : Giúp vua chân chính, *Diệt nguy* : Giết kẻ gian nguy, *Tà quân vương* : Giúp nhà vua. Với thơ này Lư-Tú sẽ biết có loạn tời đây, nên không thể dự thi đề làm quan nữa.
17. *Nhân* : Lòng yêu mọi người, *Nghĩa* : Làm theo phận sự của mình, như xử với vua với nước phải trung-nghĩa, nổi lên giết giặc là khởi-nghĩa, xử với cha mẹ là hiếu nghĩa, đối với vợ chồng là tình nghĩa, tiết nghĩa, đối với anh em là tình nghĩa, đối với bạn bè phải là tín nghĩa, vẫn gọi là trã nghĩa. Do đấy, Lễ sinh ra để phân thứ bậc yêu người gần trước xa sau, khi đối xử mọi sự phải có Trí xét cho mình bạch, và làm việc gì cũng thủ Tín cho được tời nơi, đó là *Ngũ Thường* : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, theo nho-học khi nói tới Nhân Nghĩa là gồm có Lễ Trí Tín ở trong rồi.



QUYỂN THỨ NHẤT

HỒI THỨ HAI

(Gồm 10 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử nhớ Tiết-Ngọc-Xuân, Hắc-Lân khuyên giải.
- * 2. Chánh-Cung ám mưu với gian-thần, Tiết-Hoàn-Công bị hại.
- * 3. Tiết-Hoàn-Công được tha tội, di đệp giặc lập công.
- * 4. Tiết-Hoàn-Công dẹp xong giặc Hắc-Lôi-Phong Tây-Phiên.
- * 5. Lưu-Tử, Hắc-Lân thất lạc nhau sau cuộc du thuyền.
- * 6. Tiết-Ngọc-Xuân giữa đường gặp binh-gia họ Hồ giết.
- * 7. Tô-Hắc-Lân cứu Ngọc-Xuân chết giữa đường sống lại.
- * 8. Tống-Vương sau cơn ác-mộng mất di, Hồ-thị cướp ngôi.
- * 9. Tiết-Hoàn-Công bị binh Hồ đuổi đánh.
- * 10. Tiết-Hoàn-Công chạy giặc, được Lưu-Tử cứu thoát nạn.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TÚ NHỚ TIẾT-NGỌC-XUÂN,
HẮC-LÂN KHUYÊN GIẢI

LƯU-TÚ *bạch viết* :

Ngựa dội dòng sông Lạc (1) ;
Chim vỗ cánh non Châu (2) !
Sáng đèn Nam tề tề phượng mao (3) ;
Ngời đất Việt tràn tràn Lân chỉ (4) !
Quận [12b] Lương-thành quê ở,
Đình-Lưu-Tú là danh.
Song thân đà sớm viếng non xanh,
Một mình hãy nấu nướng nhà bạc (5).

Hữu viết :

Chênh chênh trăng già điêu trác,
Nữ sui loan phượng rẽ phân.
Tuởng tình nhân thương cả xiết thương ;
Nhớ ngọc hữu lệ tuôn quá lệ.

HẮC-LÂN *viết* :

Thưa anh ! Hề người trong thế sự,

Lễ lý hợp cũng thường tình.
 Thừa anh! Hằng đọc sử kinh (6).
 Sách có chữ: «Thư trung hữu nữ,..» (7).

LƯU-TÚ viết:

Vốn anh đã vầy duyên ngư thủy;
 Người còn chờ gặp hội phong vân (8).
 Nếu lỗi nguyên ai gọi nam nhân,
 Bằng bội ước ai rằng chỉ tin (9)?

HẮC-LÂN viết:

Thưa anh! Lỗi hẹn ấy anh rằng thất ước,
Chẳng qua, Việc ở trời há dễ tại ai?
 Xin anh gác nỗi sầu bi,
 Cũng có thừa rứt giây phiền não.

LƯU-TÚ viết:

Đình tiền điều đạo,
 Hà sử phi lai (10)?
 Trương cung nỗ bài khai,
 Sạ bạch cầm lĩnh hạ (11).

Tán viết:

Hèn chi miệng thế nói rằng, nhân vật dữ đông dà phải. Hai ta trở lại phòng văn, tha bạch hạc trường phi lĩnh hạ (12).

CHÚ-GIẢI:

1. Ngựa đội đồ do chữ *Long-mã* phụ đồ ở sông Lạc *Đồ-thư*: Sách vở, nhân đó kinh Dịch ra đời cũng như Mai-Rùa có hình Bát-quái.
2. Chim vỗ cánh tức phượng bay ra ở Kỳ-son, đều chua ở hồi nhất.
3. *Tề lễ phượng mao*: Rõ ràng lòng phượng, nói con nòi cao quý, giống chim đẹp ở lòng, lòng phượng, đề vi nòi nào giống ấy.

4. *Trần trần Lân-chỉ* : Rờ rờ gót lân chữ kinh Thi nói gót con Kỳ-Lân không dầy xéo sinh vật kẻ cả giống cỏ, là một vật rất nhân-tử, đề vi bậc Thánh, gót lân ở kinh Thi nói nòi giống quý, nòi cái chân, cái gót con Lân trung hậu như lòng con Lân. Nay chim vỗ cánh bay từ non Kỳ, ngựa đội đồ từ sông Lạc, mà sang đất Việt-Nam sinh ra Phụng với Lân là chúc Việt-Nam sinh Thành-quân đem lại thịnh trị.
5. Nhà bạc dầy tức nhà nghèo sống đơn giản vậy.
6. Sử-ký học dễ biết chính-trị từng thời ; Kinh học dễ biết đạo-lý.
7. *Thư trung hữu nữ nhân như ngọc* : Trong sách có gái đẹp như ngọc, là nói do học trong sách làm nên sẽ có gái đẹp, có cả phú quý nhà vàng do cầu : *Thư trung tự hữu hoàng-kim ốc*, đề khuyên cố chi học hành.
8. *Phong* : Gió, *Vân* : Mây, do câu *Hồ tòng phong long tòng vân*, có gió mây là có cạp rồng, vì vua tôi gặp gỡ cho cơ hội làm nên.
9. Chỉ tin, chữ sách Đại-Học dạy : *Bằng hữu chỉ ư tin*, là bè bạn phải giữ tin nghĩa với nhau, không sai lời mới kết giao với nhau được.
10. *Đình tiền diều dạc* : Trước sân đường chim, *Hà xứ bòn lai* : Ở đâu bay tôi ?
11. *Trương cung nỗ bài khai* : Giở nỗ cung bày ra, *Sạ bạch-cầm lĩnh hạ* : Bắn chim trắng (hạc) xuống dưới núi.
12. *Tha bạch hạc trường phi lĩnh hạ* : Thả hạc trắng bay xa dưới núi.



CẢNH THỨ HAI

CHÁNH-CUNG ÂM MƯU VỚI GIAN-THẦN,
TIẾT-HOÀN-CÔNG BỊ HẠI

BỘ-THẦN *viết :*

Tôi vâng lời Thừa-Tướng,
Dạy đem bức tâm-thư (1).
Muôn [13 a] việc đã rõ ràng,
Bà xem qua thời biết.

CHÁNH-CUNG *viết :*

Xem thư nội lòng mừng chi xiết,
Thái-Nữ ! Thái-nữ mau đòi ả Cơ-Chu. *Đáy !*

CƠ-CHU *viết :*

Thần Cơ-Chu ứng hậu cung-vi (2),
Ngưỡng vạn vọng Mẫu-hoàng vạn tuế ! Vạn vạn
tuế (3) !!!

CHÁNH-CUNG *viết :*

Cửa nhật phân tình tử muội (4),

Kim chiều hạnh ngộ nhất trường (5) !
Thái-Nữ ! Truyền mở tiệc hồng,
 Mau nhất chám chén nhận.

CƠ-CHU viết :

Bầm lệnh bà ! Bà từ vào cấm-viện,
 Tôi trở lại phùng dân.
 Người quyền cao đầu dám tới gần,
 Thân hạ tiện phải theo phận bạc.

CHÁNH-CUNG viết :

Ngâm lòng ta cũng biết,
 Lọ người phải cạn lời.
Hễ là, Tổ phú quý hành hồ phú quý (6) ;
 Tổ bần tiện hành hồ bần tiện (7).
Cũng phải, nhưng mà,
 Nay ta đã có lòng tưởng đến,
 Lại e người không dạ kính thờ ?

CƠ-CHU viết :

Thưa, Lòng người đã rộng suy,
 Tôi dám đầu hẹp dạ.

CHÁNH-CUNG viết :

Lòng người đã quyết tưởng,
 Khả phụ nhĩ thính lai (8).
 Việc chớ lậu sáu tai (9),
 Mà làm chung hoạn nạn.

CƠ-CHU viết :

Bà đã cậy dạ !
 Tôi phải hết lòng.

Mặt già chón lâu-hồng;
Chán [13b] lui ra các hạ (gác ngọc) (10).

HOÀN-CÔNG viết :

Lão vâng lời thành-đế,
Ra tuyền sĩ cầu hiền.
Văn-trường nay đã mười ngày,
Sao Đinh-thị tuyết vô âm-tin (11)?
Xúc tình già nhớ đến,
Trạnh nổi trẻ trái duyên.
Ngưỡng diện khiêu thiên thương (12);
Đề đầu ta địa hậu (13)!

CƠ-CHU viết :

Tôi vâng lời thành-đế,
Đòi Lão-tướng ứng hầu.
Khá vào chón long-lâu,
Giăng Võ-kinh ngự khán (14)!

HOÀN-CÔNG viết :

Khâm thừa vương mệnh,
Tu chỉnh y quan (15).

Tán viết :

Như lão nay, Phò Tống-trào từ thừa thanh my, chỉ
ư bạch phát, giai vô thử lý, do hà thánh-đế đòi lão
dèm khuya, lòng lão phút hồ-nghi, lẽ chưa tường cơ
sự, sách xưa hằng có chữ rằng : « Thần sự quân dĩ lễ,
quân mệnh triệu bất sĩ giá nhi hành, dạ gian dĩ chúc
cầu minh » (16).

Hựu viết :

Quán! Truyền đăng chúc huy hoàng (17),

Đặng cho lão ứng hầu Kim-khuyết (18) !

Hữu viết :

Này, Ngự-giá vắng nơi long-các (19),
Xe rồng không thấy tây-lầu?
Khôn biết ngự phương nào,
Vội vàng mau lui bước.

CHÁNH-CUNG *viết :*

Tàn ngược chán tàn ngược (20) ;
Gian hung thị gian [14 a] hung (21) !!!
Cả tiếng kêu lục viện tam cung (22),
Cuồng phu tới thăm cung dâm loạn (23).

HOÀN-CÔNG *viết :*

Lâm đại biến, lâm đại biến (24) ;
Quả nguy tai, quả nguy tai (25) !!!
Thiên táng ngộ Tiết-thị ;
Địa mai ngã Hoàn-gia (26).
Bình địa khởi phong ba (27) ;
Vô đoan tào ngộ hại (28) !

Hữu viết :

Khai bả đặng giải thoát,
Túng bộ tầu khinh khinh (29).

VƯƠNG *viết :*

Sao Hoàn-Công đem thối bạc tình,
Tội đã đáng phân thân muôn đoan.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Muôn tâu ! Luận lẽ tội kia đã đáng,
Nghiem tình rất ngấm hàm oan.

Như tôi, Thường tắm lửa Thành-Thang (30);
 Từng soi gương Thái-Sử (31),
 Dễ chẳng hết lòng phò chúa,
 Dám đâu học thói Tào-Man (32).
 Cúi đầu nhờ lượng thánh-hoàng,
 Xin xét tình ngu hạ (33)?

VƯƠNG viết :

Hữu lệnh sắc hề hữu ác đức (34);
 Hữu sảo ngôn hề hữu phản tâm (35) !
 Trẫm khôn thứ loạn thần,
 Gã chớ che lượng thánh.
 Nội-Thị mau vâng lệnh,
 Đòi Thái-sur cùng gã Hàn-Khanh.
 Hai người, Việc chớ khá riêng tình,
 Phó hai người lĩnh mệnh.
 Hỏi cho ra cung án,
 Rồi trẫm sẽ duyên hình (36).
 Tra trở lại long-đình,
 Bách quan lui gác tía.

HỒ-NGẠN viết :

Quân ! Hạ lệnh [14b] truyền quân sĩ,
 Dẫn tù gã Hoàn-Công.

Hạ viết :

Hoàn-Công ! Vả ta anh em đồng liêu (37),
 Lời ngay vậy khá tua nói thử ?
 Lệnh trên thiên-tử,
 Người đã nãi ban (38).
 Khuyên anh tua tỏ thừa lòng vàng;
 Kéo sau lại mễch chưng bạn ngọc ?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Nghe lời xét mặt,
Thấy nói nực cười!
Mèo mang xuyên hạt ấy ngơoi;
Khỉ đội đầu khăn là gã (39).
Chối thây ai mưu trá,
Làm cho mỗ mắc hình.
Nhur lão đầu hồn xuống suối vàng,
Đặng cho gã ra vào bệ-ngọc.

HỒ-NGẠN *viết* :

Gan đầu sôi sùng sục;
Mặt lửa dậy bằng bằng!
Quân! Lệnh truyền dữ quân nhân,
Đốt lửa hồng khảo khảo.

HÀN-KHANH *viết* :

Quân! Quân nhân tua khoan đã,
Đặng cho lão phân qua.
Đã hay rằng vàng lệnh Hoàng-gia,
Tình cũng có đồng liên chi nghĩa.

HỒ-NGẠN *viết* :

Lời anh phân thậm phải;
Lòng tôi cũng biết thương!
Vi Lão-tướng lớn gan,
Quân! Đốt lửa hồng cấp khảo!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Thái-Sư! Kiến căn voi chí ngựa;
Ngao lường bề dẽ sồn (40)!
Vi đầu ngơoi trăm giận mười hồn,

[15 a] Nhọc quân chúng chi mòn dạ lão.

HÀN-KHANH viết :

Tôi phân lời nhân đạo,
Giúp anh cũng chẳng nghe.
Giã Thừa-Tướng còn ngồi (41),
Tôi trở về dinh liêu.

HỒ-NGẠN viết :

Người Hàn-Khanh nghịch ý,
Tra mình mỗ khôn đương.
Quân ! Lệnh truyền dữ quân nhân,
Giam gã vào ngục nội.

CHỮ-GIẢI :

1. *Tâm-thư* : Thư nói kín về tâm sự không cho ai ngoài biết.
2. *Ứng hậu cung-vị* : Ứng hầu chốn cung cấm bà Hoàng ngự.
3. *Ngưỡng vạn vọng Mẫu-Hoàng,..* : Ngửa lên muôn điều trông Bà Vua.
4. *Cửu nhật phân tình tỷ muội* : Lâu ngày chia tình chị em.
5. *Kim chiêu hạnh ngộ nhất trường* : Buổi nay may gặp một nơi.
6. *Tổ phú quý hành hồ phú quý* : Vốn giàu sang làm theo giàu sang.
7. *Tổ bần tiện hành hồ bần tiện* : Vốn nghèo hèn sống theo nghèo hèn.
Đây chữ sách *Trung Dung* dạy gặp cảnh-ngộ nào xử theo cảnh ngộ ấy.
8. *Khả phụ nhĩ thỉnh lai* : Nên kè tai nghe nói tới (vì việc kín).
9. *Lậu sáu tai là đồ người thứ ba biết*, bởi sáu tai tức có ba người.
10. *Lui ra gác ngọc nhà vua*, hay lui ra dưới gác, nguyên bản : *các hạ*.
11. *Tuyệt vô âm-lin* : Đứt đi không tin tức nghe tiếng ở đầu.
12. *Ngưỡng diện khiêu thiên thương* : Ngửa mặt lên kêu trời xanh.
13. *Đê đầu ta địa hậu* : Cúi đầu than đất dày (Cao dày không thấu cho).
14. *Giảng Võ-Kinh ngự khán* : Giảng sách dạy võ cho vua nghe (*Ngự* : Vua).
15. *Tu chỉnh ỷ quan* : Sửa áo mũ chỉnh tề.

16. *Từ chữ : Thần sự quân dĩ lễ* : Bày tôi lấy lễ thờ vua. *Quân mệnh triệu bất sĩ giá nhi hành* : Mạng vua vời (mời) có khi gấp chẳng kịp lễ nghi xe cộ phải đến ngay. *Dạ gian dĩ chúc cầu minh* : Ban đêm lấy đuốc soi cho sáng, cho khỏi có sự gì ám muội.
17. *Truyền đăng chúc huy hoàng* : Sai phải đèn đuốc rõ ràng.
18. *Kim-khuyết* : Cửa đèn vàng, nơi vua ngự gọi là Kim-khuyết.
19. *Ngự-giá* : Xe vua, vua đi dạo cung này diện khác phải có xe rồng.
20. *Tàn ngược* : Tàn hại, làm hại, ngược lại, trái lẽ, như làm đảo lộn.
21. *Gian hung* : Kẻ gian bất chính làm mờ ám, hung tợn như cường hiếp.
22. *Lục viện* : Sáu viện của các bà phi, mỗi viện có một bà đứng đầu để lo mọi việc trong cung vua, về áo quần, ăn uống... *Tam cung* : Hoàng-Hậu vợ Chánh, Thír của nhà vua, ở trên lục viện phi tần.
23. *Cường phu* : Kẻ điên khùng. *Thám cung dám loạn* : Dám hỗn dâm với vợ vua ở cung sâu kín.
24. *Lâm đại biến* : Tôi lúc biến lớn. Bản chính viết sai chữ *Lâm* : Rừng.
25. *Quả nguy tai* : Hẳn là nguy lắm thay ! Bị sa vào cạm bẫy.
26. Trời chôn danh họ Tiết ta ; Đất vui đập khỉ tiết nhà Hoàn ta.
27. *Bình địa khởi phong ba* : Đất bằng bỗng nổi sóng gió như sông bể.
28. *Vô doan tạo ngộ hại* : Không manh mối gì mà bị gặp tai hại.
29. *Túng bộ lâu khinh khinh* : Cất bước chạy đi nhẹ nhẹ cho chóng.
30. Tám lửa Thành-Thang không thấy diễm, sách Đại-Học chỉ chép vua Thang có đề chữ ở châu rửa mặt là : *Nhật tân, nhật nhật tân* : Ngày mới, ngày ngày mới, mới về tu đức để lo cứu giúp thiên hạ.
31. Gương Thái-Sử là lấy Sử-Ký của Tư-Mã-Thiên làm gương soi chính với tà, bởi gian là Sử-Ký còn lưu tiếng mãi.
32. Tào-Man tức Tào-Thức, làm Thừa-Trưởng đời Tam-quốc, đã uy hiếp vua Hán để cho con là Tào-Phi cướp ngôi, y là một tay gian hùng nhất.
33. *Ngu-hạ* : Kẻ dưới ngu dốt, các quan vẫn tôn vua là Thánh còn mình là ngu-hạ.
34. *Hữu lệnh sắc* : Có sắc đẹp hay hình thức đẹp, *Hữu ác đức* : có nết xấu ở trong nhan sắc, hình thức đẹp để che ngoài.
35. *Hữu sảo ngôn* : Có lời tốt, nói hay, *Hữu phản tâm* : Có lòng phản bội.
36. Hối cung khai thành án, rồi mới làm-tội là *duyễn hình*.
37. *Đồng liêu* : Cùng làm quan với nhau, tức là bạn.
38. *Nãi* : bèn, tiếng chữ dùng lẫn vào nhiều chỗ, xin cứ theo bản chính.

39. Mèo mang xuyên hạt, khỉ đội đầu khăn, đều loài thú không đáng vận
y phục loài người, câu chửi Hồ-Ngạn gian dối như loài thú.
40. Con kiến nhỏ cắn voi, vôi lấy ngao (cái đầu, cái ca,...) mức nước bề
như không thấm vào đầu. Vậy tra khảo ông cũng chẳng biết đau, mà
hỏi ông cũng khôn lường được như ngao mức nước bề.
41. Hồ-Ngạn khi viết là Thừa-Tướng lúc viết Thái-Sư đều là chức to đứng
đầu trăm quan như Thủ-Tướng đời nay vậy.



CẢNH THỨ BA

TIẾT-HOÀN-CÔNG ĐƯỢC THA TỘI,
ĐI ĐẸP GIẶC LẬP CÔNG

QUÂN BÁO *viết :*

Kim Tây-di giấy động hùng binh,
Sách tuần mã hồi triều phi báo (1).

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ vọng triều nghi (2),
Bảo lai cơ sự đặc tường tri (3).
Vi thần tử tận tâm báo chủ (4);
Vi tử đương kiệt lực sự thân (5).
Dạ ! Ngai vàng phủ phục,
Bệ ngọc khấu đầu.
Kim Tây di phẫn phát qua mâu,
Sát Tổng tướng đoạt thân quan ải (6).

VƯƠNG *viết :*

Loài Tây-di khỏi nguy;
Đảng Hồ tặc tác loạn!

Lời phán hỏi bách quan,
Ai ra trừ Tây tặc?

HÀN-KHANH viết :

Cắt mũ râu qua Thiên-tử,
Cởi đai nộp trước ngai vàng.
Xem nội triều ít mặt anh hùng ;
Nhắm dưới trướng không người hào kiệt.
Xin lệnh trên xuống phúc,
Tha tội gã Hoàn-Công,
Trước là chàng tảo tạn Tây-nhung (7),
Sau nhà gã dĩ công thực tội (8) !
[15b] Vậy mới đăng vãng bèn cơ hội ;
Vậy mới yên thiên hạ bốn phương !
Lời tàu trước Tòa-chương (9),
Xin Thánh hoàng nhậm tấu (10) !

VƯƠNG viết :

Lời lão-quan râu thậm phải,
Chỉnh hợp trăm tâm trung.
Võ-Lâm ! Hạ lệnh truyền cho Võ-Lâm-quân (11),
Tuyên Lão-tướng Hoàn-Công nhập các (12).

Hữu viết :

Lão-quan ! Trăm nay xuống phúc,
Dĩ đức nhiều sinh,
Sắc sai người bình khẩu Phiên-thành,
Quản vạn đội dẹp an Tây địa.

HOÀN-CÔNG viết : *Phụng mệnh*

Hữu viết :

Con ! Nay cha vàng sắc-chỉ,

Ra dẹp đảng Tây di.
 Con ở nhà gìn giữ gia-đường,
 Dặng cha đến biên-thùy phủ trấn (13).

NGỌC-XUÂN viết :

Dạ ! Sợ nỗi cha già tuổi lớn,
 E khi gối mác nằm sương.
 Con trẻ xin theo rồi Thung-đường,
 Ngõ đợi thuở phò nguy trợ nhược (14).

HOÀN-CÔNG viết :

Con bao lắm thao lược,
 Khiến ra chốn chiến trường?
 Liệu mình già trạc mã đề thương,
 Nát thân lão chọn ngay cùng chúa.

QUÂN-NHÂN viết :

Cúi thân qua trưởng hồ,
 Quan Thiếu-Phó tới dinh (15).

HOÀN-CÔNG viết :

Hoang mang lễ tiếp bạn vàng,
 Cung thỉnh nhập vu đường thượng!

HÀN-KHANH viết :

Nay anh vàng thánh chỉ,
 Ra Tây địa phủ an.
 [16a] Nhìn kim băng lệ nhỏ chứa chan,
 Tưởng ngọc hữu lòng thêm áo nã!
 Trách mấy Hồ-gia vô đạo (16),
 Làm cho nhà nước đảo huyền (17).
 Nay anh ra trọng trấn giới biên,
 Việc trào nội không ai tin thếu.

HOÀN-CÔNG viết :

Một phen mang tiếng xấu,
 Ngàn thuở nghĩ khó mua.
 Xấu hổ này triều sĩ khôn che,
 Nợ nhục ấy thần dân khó giấu.
 Ngay thẳng nào ai có biết,
 Tiếng phản thần vốn lão chịu oan!
 Như sau dầu vừng đặt giang san,
 Lão-phu nguyện xuất gia đầu Phật (18).
 Tôi ra trấn phủ an Tây tặc,
 Anh ở nhà cho lo việc Tống triều.
 Sau dầu có lẽ tiêu hao,
 Tin cho lão tùy cơ toán biện (19).
 Anh trở về dinh liêu,
 Tôi ra trận hưng binh.
Chúng Tướng! Lệnh truyền tiến mã binh,
 Vọng đồng-quan trực chỉ.

QUÂN bàn viết :

Dương xích si, dương xích si (20),
 Phấn hùng binh, phấn hùng binh (21).
 Nguyên tảo thanh Phiên khấu, nguyên tảo thanh
 Phiên khấu (22),
 Phấn lực tung hoành, phấn lực tung hoành (23).

HOÀN-CÔNG loạn viết :

Phụng lệnh Hoàng-gia vãng Tây biên (24),
 Thân pha thiết giáp độ tranh tiên (25).
 Dương oai phá địch trừ hung bối (26),
 Trục tiến Tây-phiên khử bạo tàn (27)!

CHỮ-GIẢI :

1. *Sách tuần mã* : Ra doi đánh ngựa khỏe đề chạy.

2. *Hoang mang đoạt lộ* : Vội vàng cướp đường đi. *Vọng triều nghi* : Ngóng về triều nghi.
3. *Đắc tường tri* : Được rõ biết cơ sự khi lại báo.
4. *Vì thần tử* : Làm tòi như con, *Tận tâm báo chủ* : Hết lòng báo ơn chúa.
5. *Vì tử dương kiệt lực sự thần* : Làm con nên hết sức thờ hai thần.
6. *Sát Tổng Trưởng đoạt thu quan-ải* : Giết Trưởng nhà Tổng cướp ải-quan.
7. *Tây-nhung* : Rợ mọi bên Tây gọi là nhung địch, như Nam man, Đông di.
8. *Dĩ công thực tội* : Lấy công kia chuộc tội này.
9. *Tòa-Chương* : Cung điện vua cũng gọi Tòa-chương.
10. Nhậm tấu như nhậm ngôn là bằng lòng lời tâu, lời nói của Bề-Tôi.
11. *Võ-Làm-quân* : Quân canh ở cung điện vua, như Ngự-Làm-quân.
12. *Nhập các* : Vào trong Nội-các, tức bàn giấy nhà vua đặt ở trong các.
13. *Biên-thùy* : Ven cội đất nước, *Phủ-trấn* : Võ yên dân và giữ ở đó.
14. *Phò nguy* : Giúp lúc bị nguy, *Trợ nhược* : Đỡ khi yếu sức.
15. *Thiếu-Phó* : Quan làm thầy vua thuộc *Tam-Công* : Thái-Sư, Thái-Phó, Thái-Bảo, và *Tam Cồ* : Thiếu-Sư, Thiếu-Phó, Thiếu-Bảo, Cố-Vấn Tối Cao.
16. *Hồ-gia vô đạo* : Họ Hồ làm điều trái đạo, các quan đã biết rõ rồi.
17. *Đảo huyền* : Lộn ngược lại. Phe trung-thần này đã không chịu được.
18. *Xuất gia* : Ra khỏi nhà, không theo đời sống với xã-hội nữa, đề đầu Phật tức theo Phật tu cho siêu thoát thế gian.
19. *Tùy cơ* : Lựa theo chiều, *Toán biện* : Tính toán ứng đối.
20. *Dương xích lại* : Giở ra cớ đỡ.
21. *Phấn hùng binh* : Đưa sức binh dõng.
22. *Nguyện tảo thanh Phiên khấu* : Thề quét sạch giặc Phiên.
23. *Phấn lực tung hoành* : Cố gắng sức vẫy vùng.
24. *Phụng mệnh Hoàng-gia vãng Tây biên* : Vâng lệnh nhà vua ra bên Tây.
25. *Thần pha thiết-giáp độc tranh tiên* : Minh mặc giáp sắt tranh đi trước.
26. *Trực tiến Tây phiên khử bạo tàn* : Tới thẳng nước Phiên bên Tây để trừ lũ bạo tàn, làm loạn Trung-quốc.



CẢNH THỨ TƯ

TIẾT - HOÀN - CÔNG DẸP XONG GIẶC
HẮC - LÔI - PHONG TÂY - PHIÊN

LÔI [16 b] -PHONG *xướng viết* :

Uy dăng vũ trụ trấn hùng hào (1),
Dũng được thời sơn chi khi cao (2).
Hống hống uy phong dương sắt sà (3);
Lăng lăng nhuệ khí nhiệm bào hao (4)!

Hạ viết :

Quyền phụ tá Liều-triều (5),
Ngò nãi Hắc-Lôi-Phong thị dã.
Tự phụng mệnh hưng binh quan hạ (6),
Sâm giới biên đoạt thủ Tây-kinh (7).
Nhân sao vắng bắt Tống binh,
Không kẻ ra tài đấu hổ?

QUÂN-BÁO *viết* :

Dạ! Chúng tôi bộ tốt,

Tuần thú ải đồng.
 Bình Tống triều mẫn dã tắc sơn (8),
 Vậy nên phải về đây phi báo.

LÔI-PHONG viết :

Văn ngôn chán khoái ý (9),
 Thính thuyết thậm hân hoan (10) !
Quán ! Lệnh truyền dữ quán nhân,
 Khai thành mồn cự chiến.

Hạ viết :

Trận tiền khan kiến,
 Đại tiểu liên thanh (11) !
 Sao cả gan dám đến nộp mình,
 Không sợ chữ « Nhục huyền hồ khẩu » (12) ?

HOÀN-CÔNG viết :

Cầm thay loài Phiên khấu,
 Sao chẳng xét thừa mình ?
 Đã dung cho một cõi biên-thành,
 Sao còn hãy xâm lăng giới địa ?
Phiên tặc ! Đem binh về Phiên quốc,
 Thời ta hãy thứ tha.
 Bằng dấy động mâu ma,
 Ất khôn dung mạng gã ?

LÔI-PHONG viết :

Tâm trung [17a] khởi hỏa,
 Diện thượng thông hồng (13).
Chúng Tướng ! Truyền đại tiểu tam quân,
 Bố trận cầm lão tặc !

Hạ viết :

Hảo hảo tại dũng được ;

Khoài khoài đã kỳ lai!

Loạn viết :

Lưỡng quốc bài khai chiến trận trung (14),
Đề thương trạc mã tự thần-long (15).

HOÀN-CÔNG *loạn viết :*

Lăng lăng phấn kích dẫu anh hùng (16),
Lâm liệt giao phong nhĩ ngã công (17).

LÔI-PHONG *loạn viết :*

Sắt sả huyền thiên uy hống hống (18);
Bào hao động địa lực oanh oanh (19)!

HOÀN-CÔNG *loạn viết :*

Hồ lữ tung hoành dương bạch nhận (20);
Sà-dồ tẩm sát phấn kim-sang (21).

LÔI-PHONG *viết :*

Chúng nó đà tầu thoát vọng phong (22),
Truyền kích cồ tiến công quan ải (23)!

HOÀN-CÔNG *viết :*

Quân! Truyền tam quân trá bại,
Ngò cản hậu sát lai (24).

Hựu viết :

Đã trừ an cường khấu Tây di,
Truyền chúng tướng nhập thành an tức.
Quân! Trao tam quân tướng sĩ;
Cùng các ấp thôn dân.
Phát lương tiền bố thí bần dân (25),
Truyền lê thứ an cư lạc nghiệp (26).
Nay lão đã trừ an Phiên khấu,

Nó chẳng còn dấy động qua máu.
Giờ phải, Tu biểu-văn hồi tấu triều-đó,
 Cho Thánh-thượng ngộ thông tin [17b] tức.

QUÂN-NHÂN viết :

Khâm thừa trưởng phủ (27),
 Phụng mệnh lai triều.

HOÀN-CÔNG viết :

Chu-Thanh! Chu-Thanh người sá gấp,
 Đem thơ lại gia đình.
 Rước ái-nhi tề tựu Tây-thành,
 Ngõ phụ tử nhất trường hoan lạc.

CHU-THANH viết :

Vâng Gia-gia trở lại gia đình,
 Thượng tráng mã trông chừng kinh địa.

Vãn viết :

Tráng mã trông chừng kinh địa,
 Cúi đầu từ bái biệt rời chân.
 Nhọc nhằn chi sá thân tôi,
 Thảo cha ngay chúa nghĩa nhân vẹn toàn.

CHÚ-GIẢI :

1. *Uy dăng* : Oai ra, *Vũ trụ* : Bờ cõi đất nước, *Trấn hùng hào* : Nổi tiếng anh hùng hào kiệt khắp trong bờ cõi.
2. *Dũng được thời sơn* : Mạnh mẽ xò non đồ, *Chi khí cao* : Chi tâm và khí thế cao cả, muốn thâu gồm thiên hạ.
3. *Hống hống* : Gào thét vang rầm, *Uy phong dương sắt sá* : Oai phong nổi giận lên thét mắng, nhà võ nóng tính không vừa ý gầm lên mà khiếp.

4. *Khí sắc bén vượt lên, nhiệm* : Thả sức tự mình. *Bào hao* : Gầm gừ dữ dội.
5. Liâu, xứ xa, triều Tây nhưng ở xa Trung-quốc cũng gọi là nước Liâu.
6. *Tự phụng mệnh hưng binh quan hạ* : Từ khi vâng mạng đem binh ra ải quan.
7. *Sâm giới biên doạt thủ Tây-kinh* : Lấn ven cõi cướp lấy Tây-kinh.
8. *Mãn dã* : Đầy đồng, *Tắc sơn* : Chặt lấp lối đi như núi cản.
9. *Văn ngôn chân khoái ý* : Nghe nói thực sướng cho ý ta.
10. *Thính thuyết thậm hân hoan* : Nghe nói rất vui mừng (được đánh giặc).
11. *Trận tiền khan kiến, đại tiểu liên thanh* : Nom thấy trước trận, cười to luôn tiếng. Có ý ngạo nghễ tự đắc coi thường.
12. *Nhục huyền hồ khẩu* : Thịt treo cửa miệng hùm sẽ bị nuốt tươi ngay.
13. *Tâm trung hỏa khởi, diện thượng thông hồng* : Trong lòng lửa bốc vì giận, trên mặt đỏ suốt cả lên, vì tức khí như thẹn quá.
14. *Lưỡng quốc bài khai chiến trận trung* : Hai nước bày ra trong chiến trận.
15. *Đề thương trạc mã tự thần-long* : Cầm sang nhảy ngựa tựa con rồng thần, biến hóa nhanh mạnh.
16. *Lăng lừng phấn kích* : Vượt lên đánh kích, đấu với bậc anh hùng.
17. *Lãm liệt giao phong* : Dữ dội đua nhau, *Nhĩ ngã công* : Ta người đánh.
18. *Sất sà huyền thiên* : Thét mắng rầm trời, *Uy hống hống* : Oai vang dội.
19. *Bào hao động địa* : Gầm lên động đất. *Lực oanh oanh* : Sức ghê khiếp.
20. *Hồ lý tung hoành* : Đoàn binh hồ vẫy vùng. *Dương bạch nhận* : Giơ mũi sắc bén.
21. *Sà đồ trần sát* : Trận rã bày ra chém giết. *Phấn kim-sang* : Đua ganh cái kim sang, quyết trừ đối địch.
22. *Vọng phong* : Nghe ngóng tiếng gió bụi quân địch mà khiếp chạy.
23. *Kích cồ* : Đánh trống, đề đánh lên cửa ải. Bản chính 6 chữ, thêm chữ công là tấn công, nếu đề chữ thu vào là tiến thu cũng có lẽ.
24. *Truyền tam quân trá bại* : Giả vờ thua nó, đề ta cần sau giết tời.
25. *Bổ thí bần dân* : Giúp cho dân nghèo tiền lương thu được của giặc.
26. *Lê* : dân đen, *Thử* : Dân đông; *An cư* : Ở được yên. *Lạc nghiệp* : Vui làm ăn.
27. *Trưởng phủ* : Nơi làm việc nghiêm cần gọi là màn-trưởng, hồ-trưởng...



CẢNH THỨ NĂM

LƯU - TỬ, HẮC - LÂN THẮT LẠC NHAU SAU CUỘC DU THUYỀN

THỦY-TRIỀU *xướng viết :*

Lộng lặc du sơn thế giới trung(1),
Hoang mang hải ngoại điềm khi hùng(2).
Sơn thủy tú thanh đồng nhật nguyệt(3);
Âm dương tạo hóa quán kiên khôn(4)!

Hạ viết :

Quyền chưởng giới long-cung,
Ngô nãi Thủy-Triều thị dã.
Nay tỉnh Tống-triều xã tắc
Thế đà mỗi nước phân vân.
Giả Xa! Truyền Giả-Xa lên rước Hắc-Lân,
Về Thủy-diện đăng truyền diện kế.

LƯU-TỬ *viết :*

Thồn thức bấy lòng vàng;
Mơ màng thay dạ ngọc!

Nhớ tới nhân tình hồn dục đoạn (5),
 Tương tư nhan sắc mộng bất thành (6)!

HẮC-LÂN viết :

Xin nhân-huynh gác nổi sầu bi,
 Cũng có thuở [18a] ly trung sạ hợp (7).
 Tạo thuyền loan một chiếc,
 Huynh đệ xuống du hồ.
 Mặc chí vui bến bạc non xanh,
 Dàn thông thả cầm xoang thơ vịnh.

LƯU-TỬ viết :

Hề-dồng! Hề-dồng con sá gấp,
 Mau sắm sửa thác nang (8).
 Đều bước xuống thuyền lan (loan),
 Giã từ nơi sơn lộ.

Văn viết :

Sơn lộ trông chừng Vị-thủy,
 Giải cơn buồn phỉ chí lãng vãng (9).

HẮC-LÂN văn viết :

Giữ lòng gắng sức kéo sơn (10),
 Hiếu trung dốc tạc nghĩa như lo đèn.

LƯU-TỬ văn viết :

Lèo đưa gió thuận đau phiền,
 Tránh lòng nhớ đến thuyền quỳên lại buồn!

HẮC-LÂN văn viết :

Đoái nhìn non nước hữu tình,
 Kia câu Hàn-Tin nọ ghềnh Lã-Công (11).

LƯU-TÚ *viết* :

Thấy bốn phương sóng bủa trùng trùng,
Nhìn tám hướng nước sôi ròn rợn,

Hựu viết :

Chân ngộ hại, chân ngộ hại(12);
Thị nguy tai, thị nguy tai(13)!!!
Thiên táng ngộ huynh đệ(14);
Địa mai ngã anh hùng(15)!

HÈ-ĐỒNG *viết* :

Bớ Bác! Giống chi đã lớn lại dài,
Ngăn thuyền lại không cho đi tới?

HẮC-LÂN *viết* :

Kinh ngư chân tác quái, tác quái(16);
Ngạc ngư thị bắt nhân, bắt nhân(17)!
Ta cùng ngưoi vô cớ vô căn,
Ngăn [18b] thuyền mỗ phòng toan hại mỗ?
Ngưoi khá tua dây đó,
Đặng cho mỗ qua đây,
Quyết siền chí thần oai,
Sát lý ngư hải đề.

LƯU-TÚ *viết* :

Ta hiền đệ, ta hiền đệ(18);
Mệnh tảo vong, mệnh tảo vong(19)!
Thống thiết đã kim bằng;
Ai tai hồ ngọc hữu!!!

Thán viết :

Ai hồ ngọc hữu lệ sần sần(20),
Áo nảo tình thâm cát đoạn tràng(21)!

Thống hận lý ngư chân tác nghiệt (22),
Ta hồ hiền đệ mệnh hưu nhiên (23)!

HÈ-ĐỒNG *viết :*

Thưa bác! khi này tôi,
Can chú chẳng nghe,
Chú hạ nhẹ xuống sông,
Lý-ngư nuốt còn chi là chú?

Hưu viết :

Đã bớt con phong vũ,
Xin cậu giảm sâu bi.
Tôi xuống thuyền chèo dọc theo sông,
Đặng tìm kiếm cốt hài an táng (24).

LƯU-TỬ *viết :*

Dòng châu tuôn lộp độp,
Mắt ngọc ứa chan chan.
Huỳnh đệ bản nhất đường (26),
Kim chiêu, phản lưỡng lộ (27).

Hưu viết :

Hè-đồng con chịu khó,
Đạo thầy, tớ gắng công.
Trương huồm loan tếch dậm sông ngân,
Họa may gặp táng an hài cốt (28).

Văn viết :

May gặp táng an hài cốt,
Người ở đời như bọt nước sôi.

Hưu viết :

Chùng chiêm hải đề tâm nhược cát (29),
Trực khán thanh vân chí [19a] mẫn sâu (30).

Văn viết :

Đời người khác thể phù-vàn (31),
Sớm còn tối mất còn phu lỗ làng.
Ngửa than thời vận gặp ghềnh,
Rẽ phân nhân nghĩa đoạn tình biệt ly.

THỦY-TRIỀU *viết :*

Linh được ba hòn đưa gĩa,
Bảo đao một cái cho chàng.
Dầu gặp ai tử tại lộ đồ (32),
Chàng ra sức cứu người làm nghĩa.

Hựu viết :

Truyền Giả-Xa mau gấp,
Đưa gĩa lại dương-trần.
Giữ lời dặn ân cần,
Ta hồi Linh-Thủy-động (33).

HẮC-LÂN *viết :*

Thiên hà hại, thiên hà hại (34);
Địa nhân nhân vong, địa nhân vong (35)!
Kham thán dã nhân huynh,
Ai ta hồ ngọc hữu!

Thán viết :

Khả tích kim-bằng tư ly biệt (36),
Bất tri hà xứ mệnh tầm chi (37)!
Tích niên thích huyết đồng tương thệ (38),
Kim nhật ai tình độc tảo quy (39)!

Hựu viết :

Việc ngấm đà hiền hách (40),
Khi nấy thấy một người.

Bèn cho ta linh dược, bảo đao,
Dẫn sau để cứu người tử lộ.

Hạu viết :

Cát đoạn ngô phủ phế (41);
Thống thiết ngã kim bằng (42).
Đoái ba vời lạ cảnh khác đường,
Lần dăm liễu ngô tìm ngọc hữu.

Văn viết :

Dăm liễu ngô tầm ngọc hữu,
Trạnh lòng vàng khô [19 b] héo đòi con.
Tuyết dăm tin nhận luống sầu,
Nước nhờ dòng sóng trắng chìm vì mây.

Hạu viết :

Chừng chiêm giang hải thủy du du (43),
Nảo thống ngô tình tâm đoạn đoạn (44).

Văn viết :

Tưởng là kết nghĩa tình giao,
Keo sơn lòng dạ chi nguôi mạch sầu!

CHỮ-GIẢI :

1. *Lộng lạc* : Sênh sang chơi đây đó, *Du sơn* : Chơi non núi, *Thế giới trung* : Trong cõi đời. Ý nói dạo chơi khắp cõi đời.
2. *Hoang mang hải ngoại* : Có nghĩa mơ màng ngoài bể, *Điềm khí hùng* : Điềm thắm khí hào hùng của một vị thần-tiên.
3. *Sơn thủy tú thanh* : Non nước tốt xanh, *Đồng nhật nguyệt* : Cùng mặt trời mặt trăng. Có nghĩa khi nhật nguyệt tỏ thì non nước tốt xanh.
4. *Âm dương* : hai khí nóng lạnh, *Tạo hóa* : Hóa có tan không là trời đất, *Quán kiển khôn* : Khắp trời đất.
5. *Hồn dục đoạn* : Hồn muốn rút tức muốn lìa khỏi xác là chết đi.

6. *Trong tư nhan sắc* : Cùng nhờ nhan sắc người đẹp. *Mộng bất thành* : Nằm mơ muốn gặp mà không thể gặp nhau. Mơ mộng cũng không thành.
7. *Lý trung sự hợp* : Trong lúc chia lìa chợt hợp mặt, Là sự không ngờ.
8. *Thác nang* : Túi đầy đựng đồ dùng, như hành-lý đời nay.
9. *Chỉ lừng vắn* : Chỉ muốn vượt lên tới mây xanh là nói chí cao.
10. *Keo sơn* là sơn keo gắn chặt hai thứ, đề ví không thể rời nhau.
11. *Câu Hàn-Tin*, tích xưa Hàn-Tin lúc hàn vi phải câu cá kiếm ăn, sau làm nên Nguyên-Nhung tạo cơ nghiệp nhà Hán ; *Lã-Công* tức Khương-Thượng khi còn nghèo câu cá sông Vị, sau ra giúp Võ-Vương nhà Châu diệt vua Trụ nhà Thương. *Ghềnh Lã-Công* là nhớ lại lúc còn câu cá.
12. *Chân ngộ hại* : Thực là gặp tai hại.
13. *Thị nguy tai* : Hẳn nguy thay ! Tức không cứu vãn lại được.
14. *Thiên táng ngộ huynh đệ* : Trời chôn chết anh em ta.
15. *Địa mai ngã anh hùng* : Đất vùi rập anh hùng của ta.
16. *Kinh-ngư tác quái* : Cá kinh to lớn thực làm tai quái.
17. *Ngạc-ngư thị bất nhân* : Cá ngược ấy bất nhân (chẳng nhân) gì hết.
18. *Ta hiền-đệ* : Hỡi ôi em hiền.
19. *Mệnh tảo vong* : Mạng mất sớm. *Lưu-Tú* cho Hắc-Lân đã chết rồi.
20. *Ai hồ ngọc hữu* : Thương ôi bạn ngọc. *Lệ sần sần* : Lệ chảy đầm đìa.
21. *Áo não tình thâm* : Buồn bã tình sâu. *Cắt đoạn trường* : Cắt ruột gan.
22. *Thống hận lý-ngư* : Đau giận cá lớn (lý đây một dặm tạm nói cá to, nó chính cá thần không trừ nổi). *Chân tác nghiệt* : Thực làm tai nghiệt.
23. *Ta hồ hiền-đệ* : Hỡi ôi em hiền. *Mệnh lưu nhiên* : Mạng thời rồi.
24. *Cốt hài an táng* : Táng yền xương hình người chết.
25. *Huynh đệ bản nhất đường* : Anh em vốn ở một nhà.
26. *Kim chiều phản lưỡng lộ* : Ngày nay chia đôi ngã.
27. *Sông Ngân* là sông nước bạc tức sông nước bạc màu lên.
28. Như bọt nước sôi là nổi lên có rồi lại tan ngay đi như không.
29. *Chừng chiêm hải dề* : Lặng xem đáy bể. *Tâm như cát* : Lòng như cát.
30. *Trực khán thanh vân* : Xem thẳng mây xanh. *Chí mẫn sầu* : Chí đầy buồn.
31. *Phủ-vân* : Mây nổi rồi lại tan đi, không được bền lâu.

32. *Tử tại lộ đồ* : Chết ở đường đi.
33. *Hồi Linh-Thủy động* : Về động nước-thiên của vua Thủy.
34. *Thiên hà hại* : Trời sao nỡ hại.
35. *Địa nhãn vong* : Đất nỡ làm mất đi.
36. *Khả tịch kim-bằng tư lý biệt* : Đáng tiếc bạn vàng nay lia biệt.
37. *Bất tri hà xứ mệnh lâm chi* : Chẳng hay chỗ nào để tìm kiếm đây.
38. *Tịch niên thích huyết đồng trong thệ* : Năm xưa uống máu cùng thề.
39. *Kim nhật ai tình độc lão quy* : Ngày nay tình thương một mình mất sớm đi.
40. *Hiền hách* : Sự thiên liêng rõ rệt, vì chàng chết rồi sống lại.
41. *Cát đoạn ngô phế phủ* : Cát đứt ruột phổi ta.
42. *Thống thiết ngã kim bằng* : Đau đớn bạn vàng của ta.
43. *Chừng chiêm* : Lặng xem, *Giang hải thủy du du* : Sông bể nước mênh mang.
44. *Não thống ngộ tình* : Đau đớn tình ta, *Tâm đoạn đoạn* : Lòng đứt rứt.



CẢNH THỨ SÁU

TIẾT-NGỌC-XUÂN GIỮA ĐƯỜNG GẶP GIA-BÌNH HỌ HỒ GIẾT

NGỌC-XUÂN *thán viết* :

Ngưỡng diện khiêu thiên sầu đoạn đoạn(1);
Đê đầu phủ địa lệ mãnh mãnh(2) !
Hoài vọng phụ thân tâm ảo não(3),
Ai tai ! Lưu-sĩ biệt tình nhân(4).

Hạ viết :

Cha kể từ ra dẹp Tây-phiên,
Con lo nổi thiên khê viễn thiệp(5).
Thương nghiêm-phụ tấm lòng dẽ xiết,
Nhớ tình nhân tác dạ héo hon !
Biết bao giờ cha đặng thấy con ;
Trông bao thuở chồng cho gặp vợ ?
Đêm năm canh vò võ ;
Ngày sáu khắc chịu chịu...
Khôn ngờ nổi mạch sâu,
Nên hao phiên má phấn.

CHU-THANH viết :

Tôi vâng lời Gia-lão,
 Dạy đem bức tám thư.
 Muốn việc phải trình qua,
 Xin Công-nương khán quá.

NGỌC-XUÂN viết :

Hảo dã, hảo dã (6);
 Chí hoan, chí hoan (7)!!!
 Mừng phụ-thân đẹp đặng Phiên-bang,
 Toại ấu tử tâm trung hỷ lạc!

Hạ viết :

[20 a] Người tạm lui mặt thất (8),
 Ta sẵn sửa thác nang.

HỒ-NGẠN viết :

Nghe Hoàn-Công đẹp đặng Phiên-bang,
 Cho Bộ-hạ về nghinh Công-nữ (9).
 Ta chẳng toan làm dữ,
 Rửa sao đặng thù nhà?
Hiền-đệ! Hiền-đệ mau phần phát màu ma,
 Đón yếu lộ tảo trừ Tiết-thị (10).

THÁI-HÀ viết :

Thừa nhân-huynh lệnh dạy,
 Quyết lĩnh mệnh thi hành.
 Quản hổ-lữ phục binh (11),
 Báo Tiết-gia chi hận.

NGỌC-XUÂN viết :

Quân! Lệnh truyền quân chúng,
 Kịp rẽ xe loan.

Vàng lệnh cha ra chốn ải-quan,
 Noi đường nhận trông chừng dấu thỏ.

Văn viết :

Đường nhận trông chừng dấu thỏ,
 Gió lèo đưa khi thuy thành thoi.
 Phấn vua quyền cả tay đòi,
 Trăm hoa đua nở chốn nào cũng xuân.
 Kia mai nợ liễu đòi ngàn,
 Gấm kia ai dệt rõ ràng thức mây?

THÁI-HÀ *viết :*

Ngọc-nữ cấp bó tay,
 Chu-Thanh mau chịu trời.
 Anh mỗ sắc sai vấn tội,
 Nhữ tào (12) tua khả lai hàng?
 Nhược phấn động can qua,
 Ất đầu treo mũi bạc!

NGỌC-XUÂN *viết :*

Ta người trong thủy thỏ,
 Vốn không thói gian thần.
 Ngâm không có tội chi,
 [20b] Xin Tướng-quân giảm nợ?
 Cấp trở về mặc mỗ ruổi rong,
 Chớ đón lại ắt làm tay thiếp!

THÁI-HÀ *viết :*

Xung quang cạnh phát,
 Diện thượng lời oanh (13)!
 Xúc phạm ngã uy phong,
 Thệ bất dung thốn thảo (14).

Hựu viết :

Mồ hôi chưa ướt giáp,
Chu-Thanh đã mạng vong.
Quân! Lệnh truyền dữ quân nhân,
Kíp (bữa) phủ vầy Tiết-thị.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Nguy tiến chí, nguy tiến chí (15);
Khổ đương nhiên, khổ đương nhiên (16)!
Hoàng-Thiên hồi Hoàng-Thiên!
Sinh ngã hà hại ngã?

Hựu viết :

Tiền tiến binh lai mãn dã (17);
Hậu truy chi tứ hướng giao công (18).

THÁI-HÀ *viết :*

Khôn thoát khỏi lưới hồng,
Khả thẳng thân hạ mã (19).

NGỌC-XUÂN *viết :*

Cầm thay loài yến tước,
Dám đua sức phượng-hoàng (20)!
Quyết vạn đoạn toái phân (21),
Nguyện nhất trường thành bại (22).

THÁI-HÀ *viết :*

Mới ra oai một phút,
Tiết-thị đã mạng vong.
Quân! Lệnh truyền dữ quân trung,
Khả hồi thành an tức.

CHÚ-GIẢI :

1. *Ngưông diện khiếu thiên sâu đoan đoan* : Ngửa mặt kêu trời sâu đứt đứt. Đứt ruột gan đau lòng mọi nỗi.
2. *Đề đầu phủ địa lệ manh manh* : Cúi đầu xuống đất lệ đầm đìa.
3. *Hoài vọng phụ thân tâm áo não* : Mong nhớ cha mình lòng buồn bực ;
4. *Ai lai ! Laru-sĩ biệt tình nhân* : Thương thay Laru-sĩ mỗi tình kia.
5. *Thiên khê viễn thiệp* : Lặn lội xa ngàn khe suối.
6. *Hảo dữ* : Tốt vậy, hay lắm.
7. *Chi hoan* : Rất sướng.
8. *Mật thất* : Nhà kín, nhà riêng. Thác nang đã chua.
9. *Công-nữ* : Con gái Quan-Lớn. Vậy họ Tiết là tước Công sao mà gọi là Hoàn-Công, con gái cũng là Công-nương, hay lối hát quen miệng ?
10. *Yếu lộ* : Ngõ hẻm chỗ nào đó không ai biết, đề trừ họ Tiết đi.
11. *Quản hồ liễu* : Cõi đầm binh dữ như cộp, *Phục binh* : Binh nấp sẵn chờ đánh bất ngờ.
12. *Nhữ tào* : Lũ ngơai.
13. *Xung quang cạnh phát* : Giận sáng mắt nảy lửa mạnh ra. *Diện thượng lôi oanh* : Trên mặt thét lên vẻ mặt dữ dằn như sấm sét.
14. *Xúc phạm ngũ nị phong* : Nói chạm đến oai phong ta. *Thệ bất dung thốn thảo* : Thề chẳng dung tha tấc cỏ, là chết hết sạch.
- 15-16. *Nguy tiến chí* : Nguy đưa đến ; *Khô dương nhiên* : Khô hẳn rồi.
17. *Tiền tiến binh lai mãn dã* : Binh đâu tới trước đầy đồng.
18. *Hậu truy chi tứ hướng giao công* : Sau đuổi theo tám mặt đánh về.
19. *Khả thẳng thân hạ mã* : Nền xuống ngựa trời mình lại.
20. *Loài yến tước* : Chim chích, *Phượng-hoàng* : Chim lớn thuộc Tứ Linh.
21. *Quyết vạn đoan toái phân* : Quyết xé tan muôn mảnh thịt mây ra. Bản chính viết *Tối* phân sai với chữ *Toái* là xé. *Tối*, *Toái*.
22. *Nguyện nhất trường thành bại* : Nguyên một phen thua được.



CẢNH THỨ BẢY

TÔ - HẮC - LÂN CỨU NGỌC - XUÂN CHẾT GIỮA ĐƯỜNG SỐNG LẠI

HẮC-LÂN *viết* :

Phụ-nhân đầu tử tại lâm trung,
Mà mình có trùng lâm thương-tích (1)?

Hạ viết :

Nghĩ lại bây giờ mới biết,
Tiên nhân người có dặn ta.
Linh được nọ kíp hòa,
Đồ cho người làm nghĩa.

NGỌC-XUÂN *thán viết* :

[21a] Châu chìm lĩnh bắc;
Khói tỏa hồ Tây (2) !
Ta thiên ý do hà bất chiếu (3);
Thán hồng nhan bọ khởi vô tri (4)?

Hạ viết :

Quyết vạ đoạn toái phân,

Thệ bất dung đảng nịnh (5)!

HẮC-LÂN *viết* :

Tu định tỉnh, tu định tỉnh;
Vật kinh tâm, vật kinh tâm (6)!!!

NGỌC-XUÂN *viết* :

Mặt nhìn đã thiệt,
Đa tạ ân nhân!
Ân đã so cúc dục chi ân (7);
Đức ấy sánh kiền khôn chi đức (8).

HẮC-LÂN *viết* :

Nàng khá bày căn tích;
Cho ta tỏ rõ nguyên do (9)?
Duyên nào đến chốn lộ đồ,
Mà lại tử nơi chiến địa (10)?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Quê nhà thành thị,
Danh hiệu Ngọc-Xuân.
Cha tôi Tiết-thị Hoàn-Công,
Quyền biên ngoại Tây-thành trọng trấn.
Tôi đã vầy duyên Tần Tấn,
Nguyện cùng Đinh-thị Lưu-sinh (11).
Vâng lệnh cha ra chốn Tây-thành,
Bị Hồ-thị tiền thù sát hại (12).

HẮC-LÂN *viết* :

Phút nghe qua lời nọ,
Nhường đao cát tâm can (13)!
Kim-bằng hỡi kim-bằng;
Ngọc-hữu ôi ngọc-hữu!!!

NGỌC-XUÂN viết :

Do hà tráng sĩ (14),
Lệ nhiễm sầu bi?

HẮC-LÂN viết :

Dạ thưa chị! Lư cùng tôi kết nghĩa kim-bằng,
Hằng nương ngư vãn sơn thác tích (15).
Như anh tôi, Bữa [21b] bữa luống trông giai
ngẫu (16);

Ngày ngày nhớ đến quý-nương.
Bèn tạo chiếc thuyền lan,
Huynh đệ du hồ thưởng nguyệt (17) ...
Nổi phong ba cách biệt (18),
Tự nhiên hạ lạc giới hà (19).
Tur thời huynh đệ biệt ly,
Thử sự tồn vong vị hiều (20)?

NGỌC-XUÂN viết :

Phân phũ phũ, phân phũ phũ;
Thống can trường, thống can trường (21)!!!
Kim nhật tồn vong phân ~~lưỡng~~ lộ (22),
Thiên thu cát đoạn tằng Sâm, Thương (23)!

Thán viết :

Kham tích lương nhân tâm áo não (24),
Thống thiết can trường lệ lâm ly (25)!
Đã ước bách niên nghi gia thất (26),
Thủy tri kim nhật tảo hà quy (27)?

Hạ viết :

Chốn thâm khê lòng lại tương tư,
Bệnh còn hầy trùng lâm yếu đuối.
Trưởng-quân đã có lòng thương tôi,

Đưa thiệp ra chốn Tây-thành.
 Kẻo ở đây sơn dã một mình,
 Bằng qua đó khôn thông đường sá.

HẮC-LÂN viết :

Thưa chị! Tuy một ngày gá nghĩa,
 Song cũng đạo chị em.
 Xin ở đây nung nấu qua ngày,
 Tiểu đệ sẽ đưa ra tới đó.
 Kẻo Tây địa đường xa diệu vợi,
 Chị vốn thời yếu đuối đàn bà.
 Minh lại thêm thương tích bôn ba,
 Đã nhường ấy đi sao cho [22a] tiện?
 Xin chị tua gắng sức,
 Nung nấu chốn vân sơn.
 Bệnh chị lành em hãy đưa sang,
 Vì anh phải nghĩa đền cho chị.

NGỌC-XUÂN viết :

Buồn bức tấm lòng thồn thức,
 Bâng khuâng dạ tự kim châm.
 Nhớ thân sinh lưỡng mục ứa dầm,
 Thương bạn ngọc song màu lã chầy.

Hạ viết :

Em chị ta, ngu chốn vân sơn,
 Chờ mạnh khỏe lần qua Tây địa.

NGỌC-XUÂN thán viết :

Trường dạ cô miên chằm bán khuyh (28),
 Sầm văn cổ lậu tiếm lê-minh (29).
 Giác lai vị đồ trình chân mộng (30),
 Yếu xứ nan lường họa phúc sinh (31)!

CHÚ-GIẢI :

1. *Tử tại lâm trung* : Chết ở giữa rừng nơi vắng. *Trùng lâm thương tích* : Làn lượt lắm vết thương gươm đao.
2. Đứng ra thì châu chìm hồ Tây, khói tỏa núi bắc, mà nói ngược lại.
3. *Ta thiên ý do hà bất chiếu* : Than ý trời bởi đâu chẳng soi xét.
4. *Thán hồng nhan họa khởi vô tri* : Than mà hồng vạ tôi không hay?
5. *Thê bất dung đảng nịnh* : Thê chẳng tha đảng nịnh là phải giết.
6. *Tu định lĩnh* : Nên định tâm lĩnh lại. *Vật kinh tâm* : Chớ sợ, yên tâm.
7. *Cúc dục* : Nuôi nấng, so cứu sống lại vì bằng cha mẹ ;
8. *Kiên khôn* : Trời đất, đức sánh che đất chở. Nàng sống lại thấy một thanh niên cứu sống phải tạ ơn bằng những lời này, bởi nàng đã có chồng, nếu như kẻ khác chưa chồng vẫn nói suốt đời đáp lại tức lấy nhau.
9. *Căn tích* : Cội rễ. *Nguyên do* : Nguồn gốc từ đâu?
10. Sao lại chết giữa đường rừng, lại nhiều vết thương như bị trận mạc đánh nhau với binh tướng?
11. Đây nàng nói rõ chồng là Lưu-Tú, cho thiếu niên kia khỏi bắt đền ơn bằng cách kết duyên khi cứu tử.
12. *Tiền thù xác hại* : Vì thù xưa mà giết hại nàng.
13. *Đao cắt tâm can* : Dao cắt ruột gan, là đau xót trong lòng.
14. *Tráng sĩ* : Người ít tuổi khỏe mạnh lại hào hiệp vì nghĩa nữa.
15. *Thác tích* : Gửi thân ở đó, như đề dấu vết (tích) sau này, đi ăn dật thường gọi thác tích, bởi chỉ không ở mãi chỗ này, còn mong làm quan giúp nước, lúc còn ở chỉ gọi thác tích mà thôi.
16. *Giai ngẫu* : Lừa dối tốt đẹp.
17. *Huỳnh đệ du hồ thưởng nguyệt* : Anh em chơi sông thưởng trăng trên thuyền.
18. *Phong ba cách biệt* : Sóng gió mà cách xa nhau, tức bị đắm thuyền.
19. *Tự nhiên hạ lạc giới hà* : Bồng đầu rơi xuống cõi sông đáy nước.
20. *Thử sự tồn vong vị hữu* : Việc này sống chết chưa rõ. Hắc-Lân đầu đảm chắc Lưu-Tú chết, còn mời Ngọc-Xuân ở với mình để trị bệnh.
21. *Thống can trường* : Đau ruột gan.
22. *Kim nhật tồn vong phân lưỡng lộ* : Ngày nay chia đôi ngã mất còn.
23. *Thiên thu cát đoạn lũng Sâm Thương* : Ngàn năm cát đứt mất đi như hai sao Hôm Mai không bao giờ gặp nhau được.

24. *Kham tích lương nhân tâm ảo não* : Đáng tiếc người yêu lòng buồn bã.
25. *Thống thiết can trường lệ lâm ly* : Đau xót ruột gan lệ đầm đìa.
26. *Đã ước bách niên nghi gia thất* : Những ước trăm năm nên nhà cửa.
27. *Thủ tri kim nhật tảo hà quy* : Ai hay hôm nay sớm mất đi.
28. *Trường dạ cô miên chầm bán khuyên* : Đêm dài ngủ mình nghiêng nửa gối.
29. *Sâm văn cổ lạn liệm lễ minh* : Chợt nghe Đồng-hồ đã tạm sáng ra.
30. *Giác lai vị dĩ trình chân mộng* : Tỉnh ra chưa rõ báo mộng thực.
31. *Yếu xư nan lường họa phúc sinh* : Chỗ cần khó đoán ra họa hay phúc đưa tới.



CẢNH THỨ TÁM

**TỔNG-VƯƠNG SAU CƠN ÁC-MỘNG MẤT ĐI,
HỒ-THỊ CƯỚP NGÔI**

VƯƠNG *viết :*

Nội-Thị! Lệnh truyền Nội-Thị,
Đòi gã Hàn-Khanh!

HÀN-KHANH *viết :*

Thần Hàn-Khanh ứng hậu hoa-đình,
Chúc Thánh-thượng tung hò vạn. tuế! Vạn vạn
tuế!!!

VƯƠNG *viết :*

Mời Lão-quan an vị,
Rồi trăm sẽ trần tình.
Nhân rày tiều-dạng chẳng an (1),
Bèn thấy chiêm bao quái-nghiệt (2)!

HÀN-KHANH *viết :*

Cho kẻ hạ-thần hầu bút chỉ.

VƯƠNG viết :

Nội-Thị ! Bút chỉ,
 Thấy hùm nọ choán vào cấm-hạc,
 Rồng kia phút bay dài.
 Thấy học trò cầm viết ca tay,
 Chỉ rồng nọ tự nhiên trở lại.
 Như điềm ấy khôn thông [22b] lợi hại, ;
 Luận lẽ kia khó định cát hung (3)?
 Lão-Trưởng từng vạn quyền thiên kinh,
 Đoán nhất mộng quả-nhân (4) nghe thử?

HÀN-KHANH viết :

Thoảng nghe qua tự sự,
 Điềm ấy ắt chẳng lành.
 Thấy hùm kia đột nhập môn thành,
 Tội e nổi Hồ-gia phản chúa.
 Luận hẳn lẽ Rồng là Vương vị,
 Thấy học trò cầm viết chỉ rồng.
 Học trò ấy chẳng là chữ Sĩ?
 Luận cho đến minh ư trên dưới,
 Loạn Tống-triều nhất thập nhất niên (5).
 Rồng trở lại để đồ khôi phục (6).

VƯƠNG viết :

Lão-quan phân hơn thiệt,
 Trâm giác liễu tâm trung (7).
 Thứ-Phi mạch dựng thai-bào (8),
 Hậu sản hùng bi vị xác (9)?
 Trâm đầu có sớm rời xe hạc,
 Biết lấy ai chống vững nghiệp hồng? (10)
 Nhìn ngoài màn thiết kẻ văn-phòng (11);
 Xem trong trường không người (12) mưu lược.

Hạ viết :

Trăm cái chung quốc mạch (13),
Ngọc-ấn nãi cho chàng.
Khả hết lòng gìn giữ miếu-đường (14),
Cho chọn chữ trung quân ái quốc.

HÀN-KHANH *viết :*

Chịu ấn ngọc trăm chiều ruột thắt,
Nhìn Hoàng-gia mấy đoạn đau lòng!
Cúi đầu bãi tạ sân rồng,
Trở gót lui nơi [23a] cấm-hạ.

VƯƠNG *viết :*

Đoái giang sơn bát ngát,
Trưởng sự nghiệp mơ màng.
Lệnh truyền dữ Thị-Thần,
Đòi Hàn-Khanh ứng hậu.

HÀN-KHANH *viết :*

Thần Hàn-Khanh ứng hậu cung trung,
Chúc Thánh-thượng tung hô vạn tuế! Vạn vạn
tuế!!!

VƯƠNG *viết :*

Mặt nhìn Quốc-Lão,
Lệ ngọc chứa chan!
Trẫm thế đà ngũ tạng chẳng an (15),
Đòi chàng tới ký cò thác tử (16).

HÀN-KHANH *viết :*

Muòn tàu Bệ-hạ,
Điều dưỡng tâm thần.
Đã có tôi giúp máy sẵn dùng,
Xin lượng thánh dưỡng an quý-thê!

VƯƠNG viết :

Giã từ triều-sĩ,
 Khấp hết bách quan.
 Vin đầu rồng thoát hóa xe loan;
 Nương tán phượng xa rời Thánh-giá (17).

TAM CUNG đồng thán viết :

Ta Bệ-Hạ, ta Bệ-Hạ;
 Thán Hoàng-gia, thán Hoàng-gia (18)!!!
 Hà nhĩn vong xã tắc;
 Hà nhĩn biệt sơn hà???

HÀN-KHANH viết :

Vật ai bi, vật ai bi;
 Tu yểm lệ, tu yểm lệ (19)!
 Nào giờ tôi, Biết mưu chi thi kế,
 Mà cứu lấy Mẫu-hoàng?
 Đứng ngồi rất khó toan,
 Tôi lui đà khó liệu.
 Đã khòn phương quyền biến (20);
 Lại khó chước phò nguy.
 Ngoài thành lửa cháy muôn xe;
 Trong trướng nước voi một gáo (21).

Hạ viết :

Thậm hảo, thậm hảo;
 Chi [23b] hoan, chi hoan (22)!
 Quán! Truyền kích cổ đẳng văn (23),
 Hội bách quan thương nghị.

BÁCH QUAN viết :

Do hà kích cổ,
 Thần đẳng nan tri (24)?

HÀN-KHANH viết :

Nay Thánh-hoàng tiên cảnh xa chơi,
Kịch cồ hội bách quan thương nghị.

HỒ-NGẠN viết :

Ta Bệ-Hạ, ta Bệ-Hạ;
Thần Tiên-hoàng, thần Tiên-hoàng (25)!!!
Thần kim nan kiến diện,
Phụ tử biệt Sàm, Thương!

Hựu viết :

Bách quan! Lời hỏi hết bách quan,
Lo kể nào nói thử?
Sách xưa còn có chữ,
Cầu: «Nhất nhật vô Vương,.. (26)
Ai nấy dễ chẳng lường,
Phải phân cho cạn tiếng?

HÀN-KHANH viết :

Lệnh trên Thánh-Dế,
Cưỡi hạc châu trời.
Nội triều tôi xem cũng ít người,
Ngôi Thiên-Tử phải lo cho đáng mặt.
Một người cầm mỗi nước,
Trăm họ khỏi đảo huyền.
Có chẳng Thừa-Tướng mới nên,
Trong triều sĩ không người đáng mặt.

HỒ-NGẠN viết :

Lẽ ấy ta đầu quyết trước,
Sự này lo mặt dễ từ.

HÀN-KHANH viết :

Truyền văn võ bách quan,

Tôn Hồ-gia tước vị (27).

HỒ-VƯƠNG viết :

Thay đời ra trị,
Trẫm hiệu Hồ-Vương.
Nổi hiền xưa lập kỷ trần cương (28);
Rồi thành trước khai cơ dựng nghiệp (29).

Hựu [24a] viết :

Hiền đệ mau sá gấp,
Quần hồ-lữ thiên viên.
Cấp tới chốn trần biên,
Tróc Hoàn-Công vấn tội!

CHỮ-GIẢI :

1. *Tiền dạng* : Thân thể, chẳng an là yếu đau.
2. *Quái nghiệt* : Là lòng quái gỡ, khác những sự thường.
3. *Lợi hại* : Hay gỡ, lợi thiệt. *Cát hung* : Tốt xấu, lành dữ.
4. *Quả-nhân* : Vua tự xưng mình với mọi người như tiếng ta, tôi,..
5. *Nhất thập nhất niên* : Mười một năm. Chữ *Thập* trên chữ *Nhất* là chữ Sĩ, *Hùm nhập thành ứng vào họ Hồ* là cáo như cộp dũ, *Rồng* là vua, Tống-trào bị mất ngôi 11 năm, sau dòng nhà Tống trở lại Đế-dò lấy lại, dòng nhà Tống phải chạy ra ngoài.
6. *Rồng trở lại Đế-dó*, tức là Rồng con sau này, mà sĩ cầm viết tức là Lưu-Tử một thư-sinh chưa thi đỗ làm quan.
7. *Giác liễu tâm trung* : Tỉnh trong lòng nghĩ ra.
8. *Mạch dựng bào-thai* : Có mang thai.
9. *Hậu sản hùng bi vị xác* : Sau đẻ con trai chưa chắc. Kinh-Thi nói : nằm mơ thấy con hùm gấu (hùng bi) là điềm đẻ con trai.
10. *Nghiệp hồng* : Nghiệp lớn, tức làm vua, *hồng* là lớn vậy.
11. *Văn phòng* : Quan văn, ngoài màn trướng lo mưu kế.
12. *Mưu lược* : Tính toán. *Màn trướng* tức Cơ-Mật-viện thăm nghiệm.

13. *Quốc-mạch* : Vận nước, cải quốc mạch đoán sự đổi thay.
14. *Miếu-Đương* : Nhà vua ngự nơi cung điện, xưng *Miếu* là nơi tôn kính phụng sự cho cả thiên hạ, mà Vua Thay Trời Làm Đạo.
15. *Ngũ tạng* : Tim, gan, phổi, cật, lá-lách trong bụng người.
16. *Kỷ cô* : Gởi con mồ côi cha. *Thác tử* : Gởi việc khi chết. Đây Thứ-Phi chưa sinh Hoàng-nam mà vua sắp mất đã dặn lời Hàn-Khanh.
17. *Thánh-giá* : Xe vua như Ngự-giá.
18. *Ta Bệ-Hạ* : Hối ỏi Bệ-Hạ. *Thán Hoàng-gia* : Than tiếc nhà vua.
19. *Vật ai bi* : Chờ sầu thương quá. *Tu gẽm lệ* : Nén gạt lệ để lo tang sự.
20. *Quyền biến* : Lựa theo nhiều đề xử, có khi phải trái đạo thường.
21. Lửa cháy ngoài thành, gáo một chút nước khó tưới tắt, trong Trường tức người thân của vua là Ông khó cứu mọi việc sây tới.
22. *Thậm hảo* : Rất tốt. *Chi hoan* : Thực vui sướng.
23. *Kích cớ* : Đánh trống. *Đưng văn* : Khiến trăm quan nghe việc gấp.
24. *Do hà kích cớ* : Vì sao đánh trống. *Thần đẳng nan tri* : Lũ tôi khó biết.
25. *Tiền Hoàng* : Vua đã mất, thường gọi vua đời trước là vậy.
26. *Nhất nhật vô Vương, bách linh giai huyền đảo* : Một ngày không có vua, trăm họ đều đảo lộn, ai cũng nuôi mộng làm vua sinh rồi loạn.
27. *Tức vị* : Lên ngôi vua.
28. *Lập kỷ trần cương* : Gầy dựng mối giường trị nước, kỷ cương như Hiến-pháp; người ta vẫn nói : Thời nào kỷ cương ấy.
29. *Khai cơ dựng nghiệp* : Tức làm vua nhân Thánh-Vương trước mà đặt ra lễ chế, pháp luật cho nghiệp lớn lâu dài.



CẢNH THỨ CHÍN

TIẾT-HOÀN-CÔNG BỊ BINH HỌ HỒ ĐUÔI ĐÁNH

HOÀN-CÔNG *viết :*

Từ sai kẻ phản hồi gia nội,
Do sao vắng lại ải-lang?
Thồn thức bấy lòng vàng;
Bàng hoàng thay tắc dạ!

Hựu viết :

Ta mới trông nơi trường hạ (1),
Tin nhà phút đã về đây.
Nhân sao có Chu-My,
Nói đặng ta nghe thử?

BỘ-THẦN *viết :*

Dạ! Từ vàng lời Gia-lão,
Trở về rước Công-Nương.
Bị Hồ-gia sát hại giữa đường,
Con nguy hiểm thế cô nan địch (2).
Tam quan đà bại tầu,

Trăm tướng cũng vong thân.
 Một mình thoát khỏi trận trung,
 Về thừa lại Gia-gia đặng tỏ!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Tam hồn táng loạn (3);
 Ngũ tạng hòn mè!
 Thống thiết đã ngò nhi,
 Ai tai hồ ấu-tử!

QUÂN BÁO *viết* :

Cúi thân qua trường hồ,
 Có Sứ đảo ngoài thành (4).

HOÀN-CÔNG *viết* :

Hạ lệnh dữ tam quân,
 Khai thành môn tiếp sứ.

THẠCH-HỒ [24b] *viết* :

Nay lệnh trên Thiên-Tử,
 Đà cưỡi hạc: châu trời.
 Anh mô lên sửa trị Tống-triều,
 Tróc Lão-lương hồi triều vấn tội?

HOÀN-CÔNG *viết* :

Ta sự nghiệp, ta sự nghiệp;
 Thán Hoàng-Thiên, thán Hoàng-Thiên (5)!!!
 Tiên-Hoàng hồi Tiên-Hoàng;
 Bệ-hạ ôi Bệ-hạ!!!

THẠCH-HỒ *viết* :

Lão tướng vật ưu phiền,
 Khá bó tay chịu tội?

HOÀN-CÔNG viết :

Thỉnh thuyết tâm trung khởi hỏa (6);
 Văn ngôn ngũ nội yên phi (7).
 Cầm mấy đẳng muông dè,
 Giận thay loài khuyển mã (8)!

THẠCH-HỒ viết :

Ngô văn hỏa phát,
 Thỉnh thuyết yên phi (9).
 Lệnh truyền dữ tam quân,
 Bố trận cầm lão-tặc (10)!

Hưu viết :

Hoàn-Công chân đứng được,
 Lão tướng thị đại tài!
 Truyền chúng tướng sát lại,
 Tiến truy binh giả mại (2).

HOÀN-CÔNG viết :

Ngô đại bại, ngô đại bại;
 Tặc tiến truy, tặc tiến truy (12)!
 Sách thần-mã cao phi,
 Tầm sinh phương tầu thoát (13).

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ tầu sinh phương (14),
 Bôn đẳng thiên lý thoát tai ương (15).
 Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ (16),
 Ai tai! Bệ-hạ lệ nan can (17)!

LƯU-TỬ viết :

Hề! Mặt già từ bến bắc,
 Cấp trở lại non nam.

Hề-đồng! Hề-đồng con ở lại giang biên,
Ta lui gót trông chừng kinh địa.

Vãn viết :

Lui gót trông chừng kinh địa,
Non đầu mòn dạ mỗ nào khuây?
Muốn cho danh chói đài Mây (18),
Nước ngồi sông Tứ nằng [25a] chầy non nhàn (19).

Hựu viết :

Mảng lần mấy khúc quanh co,
Bỗng thấy thảo-trang một khóm:
Suối cầm nước chảy thanh thanh,
Mặc sức dầu ta tắm mát.

Ca viết :

Sơn mệnh mệnh hề, thủy thanh thanh (20),
Thủy ai ai hề, nhất nhất điểm hành (21).
Tả trạc thủ hề, hữu trạc lúc (22),
Thanh tẩy diện hề nhất thân khinh (23).

CHỮ-GIẢI :

1. *Trưởng hạ* : Dưới trường, gọi những kẻ dưới hầu hạ mình.
2. *Nguy hiểm thế cô nan địch* : Nguy dữ thế mình ít người khó địch họ.
3. *Tam hồn* : Ba hồn ở trong người. Hồn-Gửi Phật gọi A-Lị Da-thức, Tiên gọi Nguyên-Thần, Hồn-Khôn Phật gọi Mạt-La-thức, Tiên gọi Thức-Thần, Hồn-Dại Phật gọi Ý-thức, Tiên gọi Ngoan-tâm, hồn khôn hồn đại vẫn tranh làm chủ, đến khi tới sự Hồn-Gửi xô vào quyết định theo sẵn nghiệp hay giở mà làm, mới lắm người nghĩ thế này khi làm ra lại khác.
4. *Sứ đây của nhà Vua*, nên phải ra nghinh tiếp.
5. *Hỡi ôi sự nghiệp Đế-Vương bị mất. Thán Hoàng-thiên* : Kêu Ông-Trời.

6. *Thính thuyết tâm trung khởi hỏa* : Nghe nói trong lòng nổi lửa.
7. *Văn ngôn ngữ nội yên phi* : Nghe lời năm tạng bốc khói lên vì giận.
8. *Khuyển mã* : Chó ngựa, với muông dê đều chưởi bới họ Hồ.
9. *Cũng như lời Hoàn-Công* : Nghe lời bốc lửa, thấy nói khói bay lên.
10. *Bổ trận càn lão-tặc* : Bày trận ra để bắt tên giặc già.
11. *Tiến trụ binh giả mại* : Tiến lên đuổi giặc, chữ Mại không hiểu.
12. *Ngô đại bại* : Ta thua to. *Tặc tiến trụ* : Giặc đuổi tới.
13. *Sách thần-mã cao phi* : Giặc ngựa-thần bay cao. *Tâm sinh phương tẩu thoát* : Tìm nơi sống để chạy khỏi giặc.
14. *Hoang mang đoạt lộ tẩu, sinh phương* : Vội vàng chạy cướp đường đi chạy tới nơi sống.
15. *Bôn dằng thiên lý thoát tại ương* : Ruồi rong ngàn dặm khỏi tai ương.
16. *Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ* : Đau giận họ Hồ cắn răng lại.
17. *Ai tai Bệ-hạ lệ nan can* : Thương thay vua mất lệ khôn khô cạn.
18. *Đài Mây tức Vân-Đài*, nơi kỷ niệm công-thần đời Hán-Quang-Võ.
19. *Sông Tứ nơi sinh Thánh-Khổng*, nói sông Tứ Thù là đất Thánh sinh, non nhân theo sách Luận-Ngữ nói người nhân vui với núi non.
20. *Sơn mạch mạch hề thủy thanh,..* : Núi lặng lẽ chừ, nước trong xanh.
21. *Thủy ai ai hề nhất,..* : Nước chảy róc rách chừ một giòng chôi.
22. *Tả trạc thủ hề hữu trạc túc* : Bên tả rửa tay chừ, bên hữu rửa chân.
23. *Thanh tẩy diện hề, nhất thận khinh* : Trong rửa mặt, một mình nhẹ nhàng sau khi tắm mát.



CẢNH THỨ MƯỜI

TIẾT-HOÀN-CÔNG CHẠY GIẶC,
ĐƯỢC LƯU-TÚ CỨU THOÁT NẠN

LƯU-TÚ *hựu viết* :

Văng tai nghe chuông trống vang trời,
Sực nhìn thấy mã binh lộ sú (1)
Tiền bôn tẩu nhất nhân đoạt lộ (2),
Hậu tiến binh vạn đội thiên viên (3).
Chưa phải mặt anh hùng;
Còn sút chưng hào kiệt!

Hựu viết :

Việc người thời người biết,
Giặc già chối thây ai.

Hựu viết :

Nếu ta chẳng ra tài,
Sao phải người quân tử?
Sách xưa có chữ rằng :
Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã (4);
Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng (5)!

Mau lướt đến trận trung,
Gấp cứu người đại nạn.

Hữu viết :

Tôi vốn người sơn dã,
Chưa quen đến kinh-thành.
Xin chú khá tỏ tình,
Việc chi nên truy tróc?

THẠCH-HỒ *viết :*

Hoàn-Công là tên,
Gã quyền trọng trấn đồng-quan,
Nay Hồ-gia sửa trị ngai vàng,
Bắt Tiết-thị toàn gia [25b] chu lục (6). *Đó con !*

LƯU-TỬ *viết :*

Thấy nói đầu xôi sùng sục ;
Nghe lời mặt đỏ bằng bằng.
Lời mõ hỏi Trương Quân,
Tội chi nên theo bắt?
Có ai, Trước một gã tuổi cao đầu bạc,
Người quân tướng vạn đội hùng binh.
Chẳng phải người quá hải đoạt kinh (7),
Vật truy tróc thân làm tử địa?

THẠCH-HỒ *viết :*

Loài thất phu khởi chí ;
Đảng tiều-tử loạn ngòn (8).
Quân ! Lệnh truyền dữ quân nhân,
Cấp động rồi qua mác.

LƯU-TỬ *viết :*

Mõ mới ra thừa sức,
Chúng nó đã mạng vong.

Mau kíp rồi đồ trung,
Đặng truy tầm lão trượng (9).

Hựu viết :

Tu đình bộ, tu đình bộ;
Vật kinh hoàng, vật kinh hoàng (10)!
Đầu đa tạ Lão-quan,
Xin rước về sơn trại.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Ơn chi đại, ơn chi đại;
Nghĩa vô cùng, nghĩa vô cùng (11).
Nay lão đà thoát khỏi trận trung,
Ơn tráng-sĩ thiên niên bất phụ (12).

Hựu viết :

Tráng-sĩ ! Tinh danh già chưa rõ;
Tòng tích khả bày tường?

LƯU-TỬ *viết :*

Đạ ! Như tôi, Lương-thành quận nấu nướng,
Tên tôi Đinh-Lưu-Tử.
Chưa gặp thời phò chúa,
Nên còn ần danh tôi.
Thưa, Song thân sớm đã chầu trời,
Một mình hãy [26a] nấu nướng nhà bạc.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Nghe tỏ tường sau trước,
Phút xói động tâm thần.
Tự trẻ thơ kết nghĩa Châu-Trần (13),
Cùng tráng-sĩ duyên vầy cầm sắt (14).
Từ Tây địa đẹp an Phiên tặc,
Cho người về rước ấu-nhi,

Bị Hồ-gia binh phục sơn khê,
Ngô nhi dĩ vong thân tử mệnh (15).

LƯU-TỬ viết :

Thống can trường đoạn đoạn (16);
Sái lệ ngọc uông uông (17)!
Kham thân giả Quý-Nương;
Ai tai hồ ngọc hữu!!!

Thán viết :

Nhất thời giai ngẫu lưỡng Sầm, Thương (18),
Xử ngã sầu tình dục đoạn trường (19)!
Thống hận Hồ-gia thiên tải oán (20),
Khả liên ngọc-hữu thụ hàm oan (21)!

Hạ viết :

Vì ai sui khiến nổi lở làng,
Nên phụ phụ cách phân đôi ngã.

Hạ viết :

Phản-tặc ôi phản-tặc;
Loạn-thần hồi loạn-thần (22)!
Quyết đề tam xích kiếm,
Thệ vạn đoạn toái phân (23).
Xin Nhạc-gia ở lại vân-sơn,
Cho con xuống Trường-an trừ nịnh.

HOÀN-CÔNG viết :

Trẻ thơ lòng khoan giận,
Sao chẳng biết thế thời?
Muốn cho rửa đặng thù kia,
Thời phải tính lo kế nọ.
Chốn kinh-kỳ về đó,
Thăm quốc-sự nhường nào?

Tả tâm-thư [26b] vọi chỗ đường mây,
 Về chốn ấy thử tình Lã-thị.
 Thử lòng người gian nguy;
 Hay có dạ trung vua.
 Đến đó thời tỏ căn do,
 Khả cần thận kéo làm phản tặc. *Nghe a!*

LƯU-TỬ viết :

Ngửa vàng liêng ngọc;
 Cúi chịu lời vàng.
 Bái Nhạc-gia ở lại sơn-trang,
 Cho nhục-tế (24) trông chừng thượng lộ.

Vãn viết :

Nhục-tế trông chừng thượng lộ,
 Cúi đầu từ nhạc-phụ rời chân.
 Bách tùng chi cả trượng phu,
 Trượng phu đã luyện tuyết dò mây xanh.
 Bi hoan ly hợp sự thường,
 Kính dâng nhị thứ xin trình hồi ba.

CHỮ GIẢI:

1. *Lộ xú* : Đường hẻm hay đường gì, chữ xú không rõ nghĩa.
2. *Tiền bốn tàu nhất nhân đoạt lộ* : Đàng trước chạy một người cướp lối.
3. *Hậu tiến binh vạn đội*,... : Đàng sau ngàn viên muôn đội binh đuổi theo.
4. *Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã* : Thấy việc nghĩa không làm không phải người dũng (dùng về tinh-thần) câu sách Luận-Ngữ.
5. *Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng* : Thấy kẻ nguy chẳng cứu sao gọi anh hùng, câu thường nói.
6. *Toàn gia chu lục* : Giết chết cả nhà.

7. *Quá hải doạt kinh* : Qua bể bắt cá kinh. Chữ *Đoạt* viết *Đoạn* là sai.
8. *Thất phu khôi chi* : Kể đàn phu nổi chi. *Tiền-lử loạn ngôn* : Trẻ con nói liều.
9. *Lão-trượng* : Già chống gậy, tiếng tôn kính ông già.
10. *Tu đình bộ* : Hãy ngưng bước. *Vật kinh-hoàng* : Chờ hoảng sợ.
11. *Ôn chí đại* : Ôn đến lớn. *Nghĩa vô cùng* : Nghĩa không bao giờ cùng.
12. *Thiên niên bất phụ* : Ngàn năm chẳng phụ ơn, tức chẳng quên.
13. *Châu, Trần* hai họ đời đời lấy nhau, ở Tàu có thôn Châu Trần.
14. *Gầm sát* : Hai thứ đàn hòa tấu nhạc, ví vợ chồng vui vẻ thuận hòa.
15. *Bình phục sơn khê* : Bình nắp sẵn núi khe đánh bắt ngò. *Vong thần tử mệnh* : Mất xác chết đi, mạng chết vậy.
16. *Thống can trường đoạn đoạn* : Đau ruột gan đứt rứt.
17. *Sài lệ ngọc uông uông* : Rơi nước mắt ngọc chan chan.
18. *Nhất thời giai ngẫu lưỡng Sảm, Thương* : Một thuở lứa đôi tốt cách xa như sao Hôm sao Mai không bao giờ gặp.
19. *Xử ngã sầu tình dục đoạn trường* : Khiến ta sầu tình muốn đứt ruột.
20. *Thống hận Hồ-gia thiên tử oan* : Đau giận họ Hồ ngàn thuở kết oán.
21. *Khả liên ngọc-hữu thụ hàm oan* : Đáng thương bạn ngọc chịu ngậm oan.
22. *Phản tặc* : Giặc phản vua bội nước. *Loạn-thần* : Bề tôi gây rối loạn.
23. *Quyết đề tam xích kiếm* : Quyết cầm ba thước gươm. *Thê vạn đoạn loài phán* : Thề xả thân tan muôn đoạn quân thù.
24. *Nhục-tế* : Con rề xấu hổ chưa làm nên gì, lời nói khiếm tốn vậy.



QUYỂN THỨ HAI

HỒI THỨ BA

(Gồm 9 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử tới Trường-An, gặp Lã-Hàn-Khanh cùng mưu cứu Thử-Phi.
- * 2. Họ Hồ trầm hà Thử-Phi, Lưu-Tử ra tay cứu thoát.
- * 3. Thử-Hậu chạy giặc cùng Lưu-Tử sanh Hoàng-nam rồi mất.
- * 4. Hoàn-Công, Ngọc-Xuân, Lưu-Tử, Hắc-Lân xum họp một nơi.
- * 5. Đàm Hoàn-Công, Lưu-Tử,.. thất lạc vì binh Hồ truy nã.
- * 6. Lưu-Tử, Tử-Hoàng chạy loạn, được dò qua sông, Thử-Phi linh hiển.
- * 7. Thú rừng nuôi sống Hoàng-tử ; Thần-linh cứu sống Thử-Phi.
- * 8. Phượng-Thử-Phi bị Thạch-Hùng bắt giam trong chùa.
- * 9. Hoàn-Lãng giết tướng cướp, cùng sư Khánh-Vân phù Thử-Hậu.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TỬ TỚI TRƯỜNG-AN,
GẶP LÃ-HÀN-KHANH CÙNG MƯU CỨU THỨ-PHI

LÃ-HÀN-KHANH *bạch viết* :

[27a] Cá trưong vây hóp nguyệt (1);
Chim vỗ cánh hừng sương!
Trên chúa vững nền nhân;
Dưới tôi trồng cây đức (2)!
Quyền Thượng-Thư nãi chức,
Lão Lã-thị Hàn-Khanh.
Dồi gan son giúp vững Tống-thành;
Trau mặt nghĩa giữ gìn chân vạc.

Hạ viết :

Tranh ngọc ẩn hằg ngày thiết thiết;
Thương Hoàng-phi đòi bữa chiu chiu (3).
Khá tiếc bấy Tống-gia,
Cảm thương thay xã tắc.

Thán viết :

Tinh di Bắc-lý (4);

Nguyệt lạc Nam-Kha (5).
 Khả tích công danh phù vân kỷ (6),
 Kham ta sự nghiệp hoàn tình di (7) !
 Khổ lắm Chư-Cát kỷ mưu kế (8),
 Thủy dục Hoàng-gia thoát thử nguy (9) ?

LƯU-TỬ *viết* :

Giả giả ! Nguyên dương vi, nguyên dương vi ;
 Thần kiệt lực, thần kiệt lực (10).

HÀN-KHANH *viết* :

Phản-tặc ôi phản-tặc ;
 Gian-thần thị gian-thần (11) !
 Quyết vạn đoạn toái phản,
 Bạt kiếm trừ nghịch bối (12).

LƯU-TỬ *viết* :

Khuất Đại-quan giảm nộ,
 Thần hạ vọng thuyết lai (13).
Dạ ! Dám bầm Thượng-Quan, như tôi là,
 Chính thị Tiết-gia chi bán-tử (14),
 Phụng kỹ nhạc-phụ thám Trường-an (15).

HÀN-KHANH [27b] *viết* :

Tác quái chân tác quái ;
 Hoặc ngôn thị hoặc ngôn (16) !
 Hoàn-Công người đã mất con,
 Sao nhà gã lại xưng rằng rề ???

LƯU-TỬ *viết* :

Đại-quan chưa rõ ý, tôi phân lại cho tường.

Loạn viết :

Thần phụng lĩnh tâm-thư mật,

Thăm tỷ-phù, Mẫu-hậu tại hà phương (17).
Phục vọng Đại-quan nghi tường khán (18).
Nhạc-gia thư nội dĩ đình ninh (19).

HÀN-KHANH *viết* :

Hảo dã, hảo dã ;
Hoan nhiên, hoan nhiên (20) !
Quan tường liễu đặc căn nguyên (21),
Khán thư trung khoái lạc (22). *Xanh a !*

LƯU-TÚ *viết* :

Đạ ! Đại-quan phân sau trước,
Cho tôi tỏ tấm lòng !
Nào Thử-phi lại với ấn-rồng,
Tồn lưu tại hà nhân sở thủ (23) ?

HÀN-KHANH *viết* :

Hoàng-Phi tôi nuôi dưỡng,
Ấn-ngọc hãy sẵn đây.
Lo kể nào đặt chước giải nguy,
Phiền tráng-sĩ thi công trợ lực (24) ?

LƯU-TÚ *viết* : *Giờ thời* ;

Mai Quốc-lão vào tàu phản-tặc,
Đặng xin đem lịch sát Mẫu-hoàng (25).
Tôi ra tay chu lục loài gian,
Nguyện hết sức phò an mẹ phượng (26).

HÀN-KHANH *viết* :

Không tiện, Lão e ngồi thủng khôn bề cất thủng
(27),

Lo cho chàng, gỡ tơ khó nổi xong tơ !
Lão nghi chàng trí thiền tài [28a] sơ,
Mà lướng bỏ ba giường nghiệp cả.

LƯU-TỬ viết :

Dạ! Người quyết chi phò an Tống xã,
 Tôi lại không lòng giúp vững giang san?
 Lão-tướng hãy chưa tin,
 Tôi ra tay cho biết.

*Khâu niệm đồng chân-ngón, Lục long nghi giàng
 hạ!*

HÀN-KHANH viết :

Hiền hách, hiền hách;
 Kỳ tài, kỳ tài (28)!
 Như vậy thời cơ nghiệp lâu dài,
 Nhường ấy ắt giang san chẳng mất.

Hạ viết :

Lòng người đã quyết một,
 Dạ chớ khá đòi hai.
 Ta ứng hậu kim-giai;
 Người tàng hình cung thất (29).

CHÚ GIẢI:

1. Cá trương vây hóp nguyệt, do chữ Lý-ngư vọng nguyệt, Cá chép dớp mặt trăng dưới nước chỉ là cái bóng. Ý đây nói Hàn-Khanh nuôi hy vọng Thử-Hậu sinh Hoàng-nam để khôi phục Tống trào, chẳng hay có được như nguyên, hay chỉ ảo ảnh như Cá kia hóp nguyệt. Câu dưới Chim vỗ cánh để hứng lấy sương không hiểu nói gì.
2. Trên chúa đây họ Lã nói công đức vua Tống, và dưới tôi là ông một lòng nhân với nghĩa, không phải trên chúa là họ Hồ.
3. Họ Lã đã giữ kín ấn-ngọc, lại nhận nuôi cả Thử-Phi.
4. *Tinh di Bắc-lý*: Sao rời miền Bắc, ý nói vua đã băng hà.
5. *Nguyệt lạc Nam-kha*: Trăng lạc về cảnh Nam cũng ý đó hay sao. Xét chữ Nam-kha là tích giấc mơ phú quý. Xưa có anh học trò thi

không đỗ về hàng quán ngủ, mơ thấy Sứ-giả nước Nam-Kha mời đi làm quan phú quý một thời, tỉnh dậy nằm dưới gốc cây hòe, nom lên cành bên Nam thấy một ổ kiến, mới hay mình đã làm quan ở trong kiếp kiến.

6. *Khả lịch công danh phủ ván kỳ* : Đáng tiếc công danh như mây nổi.
7. *Kham ta sự nghiệp hoán tinh di* : Những than sự nghiệp đổi rời sao.
8. *Khô làm Chư-Cát kỳ mưu kế* : Khô công tìm ai mưu lạ như Chư-Cát, mà chưa có. Chư-Cát quân-sư đời Hán mạt có kỳ tài, giúp Lưu-Bị tranh với Ngụy, Ngô, được thành cái thế chia ba chân vạc tức đời Tam-Quốc.
9. *Thủy dục Hoàng-gia thoát thử nguy* : Ai giúp nhà vua khỏi nguy này?
10. *Nguyễn dương vi* : Nguyễn nhận làm việc ấy. *Thần kiệt lực* : Tôi hết sức để làm việc ấy.
11. *Phản tặc* : Tên giặc phản nước phản vua. *Gian thần* : Bề tôi gian ác.
12. *Bạt kiếm trừ nghịch bối* : Tuốt gươm trừ lũ nghịch.
13. *Khất Đại-quan giám nộ* : Xin Quan-Lớn bớt giận. *Thần hạ vọng thuyết lai* : Dưới tôi mong được nói ra cho rõ ràng.
14. *Bán-tử* : Nửa phần con tức là con rề vạy.
15. *Phụng kỳ nhạc-phụ thám Trường-an* : Vâng lời cha vợ đi thăm kinh-đô.
16. *Tác quái* : Làm ra quái gở. *Hoặc ngôn* : Nói làm người ta sai lầm. Nói liều.
17. *Ấn-ngọc, Thử-phi, tại hà phương* : Ở chỗ nào?
18. *Phục vọng Đại-quan nghị trường khán* : Cúi mong Quan-Lớn nên xem kỹ.
19. *Nhạc-gia thư nội dĩ đình ninh* : Trong thư cha vợ tôi đã dặn nhiều.
20. *Hiảo dã* : Tốt vậy. *Hoàn nhiên* : Sướng hẳn rồi.
21. *Quan trường liễu đắc căn nguyên* : Xem kỹ rõ gốc nguồn rồi.
22. *Khán thư trung khoái lạc* : Xem trong thư mà vui sướng.
23. *Tồn lưu tại hà nhân sở thủ* : Còn lưu ở người nào đã giữ?
24. *Thi công trợ lực* : Ra công giúp sức.
25. *Lịch sát* : Giết bằng đim sông nước chết đi.
26. *Mẹ phượng* : Bà vợ vua sinh con là rồng, mẹ vua gọi là Mẹ Phượng.
27. Ngồi trong thúng thuyền khó cất nổi thúng thuyền lên.
28. *Hiển hách* : Rõ rệt, phép hô sao thấy vậy. *Kỳ tài* : Giỏi lạ khác thường.
29. *Kim-giai* : Thềm vàng vua ngự. *Tàng hình cung thất* : Giấu mình không ai thấy, khi vào cung thất của vua.

CẢNH THỨ HAI

HỌ HỒ TRẦM HÀ THỨ-PHI,
LƯU-TÚ RA TAY CỨU THOÁT

HÀN-KHANH *hạu viết :*

*Muón tàu ! Từ vàng lời gang lặc (1),
Lĩnh huấn dụ Mẫu-hoàng (2).
Ấn-ngọc thời chẳng có kêu oan,
Lời ần-nặc (3) dạ còn giấu dạ !
Tội đã ưng hồn xuống chín sông,
Xin lượng thánh đừng dung ba ~~thước~~ (4).*

HỒ-VƯƠNG *viết :*

*Vậy đã ưng xử thác,
Mụ chó khá nan than.
Đó-Đốc ! Đò-Đốc em lĩnh mệnh nhà-vàng,
Dẫn Thứ-Hậu giang tân lịch tử.*

THIỆT-HỒ *viết :*

*Khâm thừa ngọc-sắc,
Lĩnh mệnh thi hành.
Nguyên ra tay lịch sát Thứ-Phi,*

Mình nhật sẽ lĩnh tù Thử-Hậu.

HÀN-KHANH viết :

Cơ quan bà chưa thấu (5),
 Mưu kế phải tỏ lòng.
 Có Lão-quan Tiết-thị [28b] Hoàn-Công,
 Người nguyện cứu hết lòng hết dạ.
 Ngày mai giao cho phản-tặc,
 Đem lịch sát giang tân (6).
 Ấy là mưu hồ xuất sơn lâm (7);
 Ấy là kế dẫn sà nhập huyết (8).

THỨ-HẬU viết :

Người ngay thẳng quý thần dê giết;
 Kẻ gian tà trời đất đều dung!
 Lão-tướng nay đã tỏ tấm lòng,
 Dầu sống thác chẳng sòn tắc dạ!

HỒ-KHANH viết :

Bầm Lệnh-Bà! Xin theo chân thần-hạ,
 Giao cho kẻ phản thần.
 Rồi gót ngọc Mẫu-Hoàng,
 Đặt giao cho phản-tặc.

Hựu viết :

Gia-Tướng! Gia-Tướng cho kiệt lực,
 Giữ Thử-Hậu đào sinh (9).
 Làm sao cho trên chúa đặt an,
 Vậy mới gọi dưới tôi tiết sáng.

LƯU-TỬ viết :

Tiêu thần nguyện chỉ quân chi mệnh (10),
 Tôi nghiêng mình chịu lĩnh ấn rồng.
 Tạ Thượng-quan an tại dinh trung,

Phấn thần lực tiến vu giang khẩu (11).

THIỆT-HỒ *viết* :

Lệnh truyền dữ quân-nhân,
Vị-hà mau dẫn tới.

THỨ-HẬU *viết* :

Sao rồi vật đổi,
Nước chảy hoa bay.
Đoái giang san lệ nhỏ giọt rơi,
Nhìn sự nghiệp châu rơi lai láng.
Ngưỡng thần thiên cao đấng đấng (12);
Phủ ta địa hậu mang mang (13)!

[29a] Tiên-Hoàng hỏi Tiên-Hoàng,
Có hay chăng nổi thiếp?

Văn viết :

Ngửa than kiên tượng xét soi,
Mượn guơm thần huệ rút rồi trái oan (14).
Phù-dung sớm nở tối tàn,
Đời người khác thề bóng đèn dăm sao?

LƯU-TÚ *loạn viết* :

Nỗ lực tung hoành sà điều đạo (15),
Giải khai quân sĩ cứu Mẫu-Hoàng (16).

THỨ-HẬU *viết* :

Người gian nan bởi số,
Non bạc tóc vì sương.
Đã hết trông dự chốn Tòa-chương;
Theo quân chúng đến miền thệ thủy (17).

Văn viết :

Theo quân chúng đến miền thệ thủy,

Vực nèn còn bến ruộng hóa sông.
 Ngửa than Tạo hóa nhắc cân,
 Người đời há dễ mấy lần gian nan!

THIỆT-HỒ viết :

Chúng Tướng! Đây đã đến biên giang,
 Đợi tới giờ lịch sát.

LƯU-TỬ viết :

Phấn thần uy củ củ;
 Đoạt Thứ-Hậu khinh khinh (18).

Hựu viết :

Xin Bà gấp lên an,
 Đặng tầm phương tầu thoát.

THIỆT-HỒ viết :

Tàn ngược chân tàn ngược;
 Hung đồ thị hung đồ (19)!
Bộ-tốt! Bộ-tốt mau hồi tấu triều đồ,
 Đặng cho mỗ hưng binh truy tróc.

Hựu viết :

Khi này thừa cơ đột nhập (20),
 Bây giờ khôn phép cao phi.
 Gấp bó tay chịu thừa tội kia,
 Cãi lời mỗ [29b] ắt vong mạng đó.

LƯU-TỬ viết :

Anh gã đã đem lòng phản chúa;
 Chúng ngươi còn theo đảng bội quân.
 Thề một đó một đây,
 Quyết một còn một mất.

Hạ viết :

Vậy mà cũng lấy lưng mũi bạc,
Phải một đao nó đã vong thân.
Bắt ngựa chàng theo rồi Hoàng-phi,
Kéo Mậu-Hậu lộ đồ chờ đợi.

QUÂN BÁO *viết :*

Cấp báo, cấp báo ;
Chí nguy, chí nguy (21) !!!
Thiết-Hồ đem lịch sát Thử-Phi,
Bị gian tặc nó đà đoạt liễu (22).

HỒ-VƯƠNG *viết :*

Cắm thay loài phản-tặc ;
Giận bầy kẻ khi quân (23) !
Thái-Hà, Thạch-Dũng !
Phó Thái-Hà, Thạch-Dũng mau mau,
Theo truy tróc gian nhân đầu nấp (24) !

HÀ, DŨNG *đồng viết :*

Khâm thừa chỉ sắc,
Phụng mệnh kim-ngôn (25).

HỒ-VƯƠNG *viết :*

Chu-Linh ! Phó Chu-Linh hậu-tập xuất chinh (26),
Tiếp nhị vị nhường nào cho biết?

LƯU-TÚ *viết :*

Tâm đại khoái, tâm đại khoái ;
Ngộ Hoàng-nương, ngộ Hoàng-nương (27) !!!
Xin Bà gấp buông cương,
Đặng tìm qua non lĩnh?

Văn viết :

Non lĩnh trông chừng gió vọt,
Dạ chi sòn rãi tuyết rằm sương.

THỨ-HẬU *văn viết :*

Lo sao nhà nước đặt an,
Còng ngươi thẻ bạc bia vàng tạc ghi (28).

LƯU-TỬ *văn viết :*

[30a] Vang trời tặc chúng binh truy,
Nguyên ra còng cả quyết trừ loài gian.

HÀ, DŨNG *đồng viết :*

Gấp xuống an lai nạp Hoàng-phi,
Bằng nghịch mệnh vong thân tử lộ?

LƯU-TỬ *viết :*

Nguyên hai ngươi mõ,
Quyết một mất một còn.
Ngươi sống phò Hồ-thị giang sơn;
Ta thác cũng phù an xã tắc.

Hạ viết :

Chém Thạch-Dũng đầu rơi xuống ngựa,
Phút tự nhiên đầu khác mọc lên;
Đám Thái-Hà lửa cháy rõ bằng,
Nhắm mình gã xương kêu đặng đặng.
Đã nên tài cái thế (29),
Lại đáng mặt an bang.
Nguyên hết lòng phò hộ Mậu-Hoàng,
Nát thân mõ chi sòn cùng chúa.

Văn viết :

Thân mõ chi sòn cùng chúa,

Vài cùng trời phò hộ Tống-gia.

THỨ-HẬU *văn viết* :

Người đời khác thề như hoa,
Sớm tàn tối nở xuàn qua thu hồi.

LƯU-TÚ *văn viết* :

Đoài nhìn khói lửa ai ai,
Bình reo ong ồng ngựa người vang ràn!

CHỮ-GIẢI :

1. Gang tặc là gần gũi, do chữ Chỉ xich Thiên-nhan, được gần vua là thân, lời gang tặc là lời dấn thân-thần.
2. Lĩnh mạng đề huấn-dụ (khuyến bảo) Mẫu-Hoàng, ông mời nuôi ở dinh ông.
3. *An nặc* : Giấu kín. Họ Lã giả danh đem Thứ-Hậu về nuôi để dễ dành hỏi ẩn-ròng đề đầu, hầu lấy cho Hồ-Vương.
4. Đứng dung ba thước đất chôn, chìm xuống sông cho về chín suối.
5. *Cơ quan* : Máy móc tức mưu cơ tinh khéo như cái máy để làm việc.
6. *Lịch sát giang tàn* : Chìm xuống bến sông cho chết.
7. *Hồ xuất sơn lâm* : Cọp ra rừng núi, không ai làm gì được.
8. *Dẫn xà nhập huyệt* : Đưa rắn vào hang. Thứ-Phi ra khỏi tay giặc.
9. *Đào sinh* : Trốn lúc sống. Dặn giữ cho khỏi chạy hay giữ đề cho chạy?
10. *Chỉ quận chi mệnh* : Đem mạng sống lo tới nơi cho vua (Hậu cũng vậy).
11. Giở sức thần tiến nhanh tới cửa sông (giang-khẩu).
12. *Ngưỡng thân nhiên cao dăng dăng* : Ngửa thân với trời cao lồng lộng.
13. *Phủ ta địa hậu mang mang* : Cúi kêu với đất dày mờ mịt.
14. Gươm thần-huệ để chém đứt nợ oan này.
15. *Nỗ lực tung hoành xà điều đạo* : Gắng sức vẫy vùng theo lối chim bay rắn chạy, nó khéo léo khôn ai giữ kịp để cứu Mẫu-Hoàng.
16. *Giải khai quần chúng cứu Mẫu-Hoàng* : Làm tan quân ra để cứu Thứ-

Phi mới được. Vậy một đám đông quân Lưu-Tử phải có phép lạ, chứ lẽ đầu ngang tay cướp lấy bà Hoàng, cho phạm tội nan sắc.

17. *Thệ thủy* : NƯỚC CHẢY.
18. *Phấn thần uy củ củ* : Giở oai thần ghê gớm mạnh bạo. *Đoạt Thử-Hậu khinh khinh* : Cướp được Thử-Hậu một cách nhẹ nhàng.
19. *Tàn ngược* : Hại đến, làm ngược lại. *Hung đồ* : Lũ dũ tợn.
20. *Thừa cơ đột nhập* : Nhân dịp vô ý mà nhảy bổ vào.
21. *Cấp báo* : Báo gấp; *Chi nguy* : Rất nguy hiểm.
22. *Gian tặc* : quân giặc gian không rõ từ đâu. *Đoạt liễu* : Cướp rồi.
23. *Khi quân* : Lừa dối nhà vua. Đám trái mạng cướp Thử-Hậu (tù nhân).
24. Bắt kẻ gian nào về để dâng nộp.
25. *Kim ngôn* : Lời vàng, vua nói ra lời vi như vàng.
26. *Hậu-lập* : Cảnh quân đi sau giúp những cánh quân trước bị thua.
27. *Tàn đại khoái* : Lòng sướng lắm. *Ngộ Hoàng-nương* : Gặp bà vua.
28. Thở bạc búa vàng để nhớ ơn người có công lao lớn.
29. *Cái thế* : Chùm lợp cả mọi người phải nhờ đến. Anh hùng cái thế là chùm lợp cả đời, khi vấy vũng đem lại trị loạn cho thiên hạ.



CẢNH THỨ BA

THỨ-HẬU CHẠY GIẶC CÙNG LƯU-TÚ
SANH HOÀNG-NAM RỜI MẤT

CHU-LINH *viết :*

Vàng Thánh-Hoàng tiếp chiến nhị khanh,
Trong thắng bại như hà minh thuyết (1).

HÀ, DŨNG *đồng viết :*

Lưu-Tú chân quán cồ;
Đình-thị quả nan hùng (2) !
Đã nhiều trận tranh long;
Lại trăm phen [30b] đấu hồ.
Cái thắng làm sao ?
Tuổi tác tuy còn nhỏ,
Thao lược ngấm rất già.
Ta trạc mã thời gã đề thương (3);
Chàng huy đao thời ta áp chiến (4).
Lui tới tựa long phi Giáp Ất (5);
Qua lại nhường hồ cứ Bình Đình (6).
Bởi hiềm vì gã có một mình,

Phải dòng binh mã thời ta hết sức.

CHU-LINH *viết* :

Ba ta đều ra sức,
 Đồng hợp lực cầm chi.
 Sá chi đảng tiều-nhi,
 Quyết tróc lai trận thượng (7).

Hạ *viết* :

Sức nhìn tiều-tướng,
 Đại tiều liền thanh!
 Khả xuống ngựa nộp mình,
 Khoan rồi qua lộ thượng.

LƯU-TỬ *viết* :

Bay cày nhiều binh tướng,
 Mà lưng lấy theo tao.
 Ta ví như cá cạn ở ao,
 Bằng chỉ một người còn thua mỗ.

TAM TƯỚNG *viết* :

Xung thiên chi nộ;
 Diện thượng thông hồng (8).
Quân! Lệnh truyền dữ quân trung,
 Bỏ trận cầm phản-tặc!

CHU-LINH *viết* :

Tiêu-sinh chân dũng được,
 Lưu-Trưởng thị anh hùng.
 Ấu là, Hóa ngũ hồ sơn trung,
 Cấp tróc lai Lưu-thị (9)!

LƯU-TỬ *viết* :

Quái sát tha tặc tướng (10),

Nó lại dụng phép thần.
 Mô chuyển pháp đẳng vân,
 Hóa lục long đầu hồ (11).

CHU-LINH [31a] viết :

Khen cho Tiều-tướng,
 Tài phép tinh thông!
 Ta hóa phép lửa hồng,
 Đốt Đinh-thị vô phương khả đảo (12).

LƯU-TÚ viết :

Cắm thay loài tàn bạo,
 Cũng tài phép tinh thông!
 Sái vũ thủy đẳng vân (13),
 Giải lửa hồng nhi thoát.

Hữu viết :

Những mảng lột xong mũi bạc,
 Phút đà thất lạc Mẫu-Hoàng.
 Mau mau đục ngựa lên an,
 Chóng chóng trận tiền tầm kiếm.

Loạn viết :

Huy chiến đoạt lộ nhiệm mang mang (14),
 Đáo lai trận thượng phần mã an (15).
 Thống hận Hồ-gia đa diệu pháp (16),
 Ai ta Mẫu-Hậu lạc hà phương (17)?

THỨ-HẬU viết :

Những mảng lánh nơi nanh sấu,
 Phút đà thất lạc Lưu-sinh.
 Khôn thông việc dữ lành,
 Khó tường trong chung thủy?
 Cấp lánh nơi nước lửa (18),

Mau tìm chốn thoát thân.
 Nguyễn hai vàng phù hộ Tống-gia,
 Nương tráng mã cao phi giờ vọt.

Văn viết :

Tráng mã cao phi giờ vọt,
 Tai nghe ròi hỏa pháo huyền thiên (19).

Hạ viết :

Thống tâm can, thống tâm can;
 Chuyển phúc nội, chuyển phúc nội (20).
 Quận đau nhường mãn nguyệt;
 Bụng chuyển động khai hoa (21)!
 Trời đất nở hại ta,
 Quỷ thần dung đẳng nịnh?

Văn viết :

[31b] Xúc quận đau tâm bảo chuyển động,
 Miệng vái trời soi xét người ngay.
 Tống-Hoàng người hỡi đầu đây,
 Có hay thân thiếp lạc loài này chăng?

Hạ viết :

Mặt nhìn đã hẩn,
 Sinh đăng Hoàng-nam (22).
 Mẹ đã không bớt nổi sầu bi,
 Sinh con lại mắc trong vòng gian nan.

Hạ viết :

Mặt nhìn con chưa hẩn,
 Sao ngũ tạng bàng hoàng!
 Cả tiếng kêu trời hỡi là trời,
 Đã sinh ngã nhỡn hà hại ngã?
 Phảng phất ba giường vạc cả,

Mơ màng một mối giang san.
Giã con còn ở lại dương-quan,
Nương bóng hạc mẹ về cảnh ngoại (23).

LƯU-TÚ *viết* :

Mẫu-Hoàng hà tại ?
Can trường đoạn, can trường đoạn;
Lệ làm ly, lệ làm ly (24) !
Ai tai hồ Mẫu-Hậu;
Thống thiết đã Hoàng-phi (25) !!!

Thán viết :

Kham thán Mẫu-Hoàng kim vật hoán (26),
Lộ đồ hà nhân đoạn cò nhi (27) ?
Tống thất giang san tào di loạn (28),
Khả liên sự nghiệp dĩ tình di (29) !

Hựu viết :

Tôi mắng chống ngăn binh sói,
Người đà xa vắng cõi tiên.
Đoài nhìn sinh dặng Tử-Hoàng,
Quả thị Tống-gia hậu phúc (30).
Tặc tử theo thậm cấp,
Một mình mỗ khôn đương.
Cối đai ra bọc lấy Tử-Hoàng,
Khai huyết nọ táng an [32a] Mẫu-Hậu.

Văn viết :

Huyết nọ táng an Mẫu-Hậu,
Cúi đầu từ phần mộ an cư.
Anh hùng thời có gian nan,
Ngay vua dốc báo nát gan chi sòn !

THÁI-HÀ, THẠCH-DŨNG *đồng viết* :

Quyết phần động can qua,
Thệ bất dung thốn thảo (31).

CHU-LINH *viết* :

Lưu-Tử truy mã, trực đảo cầm chi (32).

Hạ viết :

Đầu Lưu-Tử mỏng treo ngọn mác,
Hoàng-long đầu bay đến đờ thương (33)?
Quả lòng trời còn trợ Tống-gia,
Nền nhà gã thoát chưng bạch nhận (34).
Chúng Tướng! Lệnh truyền chúng tướng,
Đồng khóa mã tiến truy (35).

LƯU-TỬ *viết* :

Những tướng hồn về côi thọ,
Ơn nhờ có sức hoàng-long.
Sá bao nài tếch dậm gai chông,
Phò ấu-chúa hạt châu lai láng!

Văn viết :

Phò ấu-chúa hạt châu lai láng,
Rãi gan này gánh vác giang san,
Xảy qua mấy dậm nước non,
Ve kêu thánh thót héo hon mạch sầu!

CHỮ-GIẢI :

1. *Như hà minh thuyết* : Như sao nói rõ ?
2. *Quán cổ* : Suốt từ xưa. Thường nói quán cổ anh hùng.
3. *Trạc mã* : Nhảy ngựa. *Đề thương* : Múa sang.

4. *Huy đao* : Múa đao. *Áp chiến* : Đánh giáp lại mạnh.
5. *Long phi Giáp Ất* : Rồng bay phương Giáp Ất, là phía Đông thuộc về rồng.
6. *Hồ cử Bình Đình* : Cọp giữ phương Bình Đình là bên Nam. Ý nói phép đánh biến hóa như rồng tranh cọp chọi theo đúng phương vị.
7. *Tróc lai trận thượng* : Bắt lại ở trên trận.
8. *Xung thiên chi nộ* : Khi giận bốc tới trời. *Diện thượng thông hồng* : mặt tức thẹn đỏ suốt cả lên.
9. *Hóa ngũ hồ sơn trung* : Hóa ra năm cọp ở rừng, đề bắt lấy Lưu-Tú.
10. *Quái sát* : Quái lạ muốn giết ; *Tha tặc tướng* : hấn là tướng giặc.
11. *Đằng vân* : Nhảy lên mây. *Hóa lục long đấu hồ* : Hóa sáu rồng chọi hồ.
12. *Vô phương khả đảo* : Không phương nào cầu cứu nổi.
13. *Sai vũ thủy đằng vân* : Vẩy nước mưa theo mây.
14. *Huy chiến đoạt lộ* : Ra doi cướp đường. *Nhiệm mang mang* : Tùy ý vội vã.
15. *Đáo lai trận thượng* : Đến tới trên trận. *Phấn mã an* : Cố gắng trên yên ngựa.
16. *Thống hận Hồ-gia da diệu pháp* : Đau giận họ Hồ nhiều phép khéo.
17. *Thương thay mẫu hậu lạc phương nào*.
18. Nước lửa đều dữ dội, khi nói đến nơi chiến trận là nước lửa.
19. *Hỏa pháo huyền thiên* : Pháo súng và khói lửa bốc đầy rầm trời.
20. *Thống lâm can* : Đau gan ruột. *Phúc nội* : Trong bụng mình.
21. *Mãn nguyệt* : Đầy tháng mang thai là sắp đẻ. *Khai hoa* : Hoa nở vì đẻ.
22. *Hoàng nam* : Con trai vua.
23. *Dương quan* : Cõi dương người sống. *Cảnh ngoại* : Cõi ngoài tức chết.
24. *Can trường đoạn* : Đứt ruột gan đau lòng.
25. *Thống thiết dữ Hoàng-phi* : Đau đớn vậy bà vua.
26. *Kham than Mẫu-hoàng kim vật hoán* : Đáng than bà vua nay vật đổi.
27. *Lộ độ hà nhân đoạn cô nhi* : Giữa đường sao nở rút con cô.
28. *Tổng thiết giang san lao di loạn* : Non sông nhà Tống gặp loạn đời.
29. *Khả liên sự nghiệp dĩ linh di* : Khả thương sự nghiệp đã sao rồi.

30. *Quả thị Tống gia hậu phúc* : Hẳn là phúc về sau của nhà Tống.
31. *Thê bất dung thốn thảo* : Thê không tha tấc cỏ (giết hết) đã chua.
32. *Lưu-Tử truy mã trực đáo cầm chi* : Lưu-Tử té ngựa đến ngay bắt lấy.
33. *Hoàng-long* : Rồng vàng. Tức tinh của Hoàng-tử sau làm vua ra cứu.
34. *Bạch nhạn* : Mũi dao gươm sắc bén sáng trắng.
35. *Đồng khóa mã liến truy* : Cùng nhảy ngựa đuổi tời.



CẢNH THỨ TƯ

HOÀN-CÔNG, NGỌC-XUÂN, LƯU-TỬ,
HẮC-LÂN XUM HỌP MỘT NƠI

NGỌC-XUÂN *viết* :

Nay ta đã mạnh khỏe,
Khí lực lại điều hòa.
Đã lâu ngày con cách mặt cha,
Phiền hiền hữu đưa ra Tây địa.

HẮC-LÂN *viết* :

Chị đã an quý-thể (1),
Tòì há dễ tiếc công.
Vầy một đoàn chỉ dăm quan-trung (2),
Noi dẫu thỏ chị mau [32b] rời gót.

Văn viết :

Dấu thỏ chị mau rời gót,
Tiếc dăm hòa xông lướt nài bao!

NGỌC-XUÂN *văn viết* :

Mảng lần mấy dăm sơn khê,

Vàng ó thoát đã gác kê đầu non.

Hạ viết :

Em ! Đường tắm tối khôn đi,
Khó biết phương rời gót ?

HẮC-LÂN *viết :*

Thưa chị ! Xa thấy ngọn đèn leo lắt,
Vời trông một khóm thảo-lư.
Xin chị gấp rời chân,
Tới đó nhờ nghỉ gót ?

Hạ viết :

Bớ ai ở trong lầu !
Xin Lão-trượng ra lòng làm phúc,
Cho chị tôi an nghỉ một đêm.
Kẻo đường sá chưa quen,
Lại lạ lòng non nước ?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Người lỡ bước như ta lỡ bước,
Mới một phen há dễ mấy phen.
Cho tạm chốn thảo-hiền,
Kẻo lỡ đường sơn lộ.

NGỌC-XUÂN *viết :*

Ta thân phụ, ta thân phụ ;
Thống ấu-nhi, thống ấu-nhi (3) !!!
Do hà cha đến sơn khê (4),
Khá nói con tường cõi rẽ ?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Lão khôn tường thử ý,
Già khó biện tấm lòng !

Con lão đà tử tại lộ trung,
Ai tới đó xưng rằng ấu tử?

NGỌC-XUÂN *viết* :

Thưa cha! Gian nan khôn xiết kè,
Hoạn nạn đã bao phần.
Nhờ ơn có Hắc-Lân,
Cứu con toàn tính [33a] mạng (5).

HOÀN-CÔNG *viết* :

Mặt nhìn đã hẵn,
Quả thị ngò nhi! *Đầy mà,*
Thống thiết lệ lưu ly,
Ai tai hồ ấu tử!

Hựu viết :

Nghe con bày tự sự,
Già rất quá mừng lòng!
Ơn hoàn sinh (6) ơn ấy đại công,
Lão phu nguyện khuynh thân tạ (7)!

HẮC-LÂN *viết* :

Vì lỗi nhân luân chi đạo (8),
Vậy nên lệ ứa hai hàng!

Hựu viết :

Tôi vả là thủ hạ (9),
Xin người chớ ngại lòng.
Vì anh tôi nên phải ra công,
Chữ: « Ái ốc cập ô » phải vậy (10).

Hựu viết :

Lòng em mừng cho chị,
Nay cha đã gặp con.

Tưởng kim bằng thương rất đôi thương,
Nhớ ngọc hữu tiếc đà quá tiếc!

HOÀN-CÔNG *viết :*

Nguồn cơn già chưa biết,
Tông tích khá bày qua?
Tur sầu châu lệ nhỏ sa,
Mà có đem lòng áo nã?

HẮC-LÂN *viết :*

Vi lỗi nhân luân chi đạo,
Vạy nên lệ ứa hai hàng.
Tur kết bạn vãn san,
Cùng anh tôi Lưu-Tử.
Sầy bị cơn phong vũ,
Đà thất lạc hai phương.
Lẽ sinh tử chưa tường,
Nên tấm lòng áo nã!

HOÀN-CÔNG *viết :*

Thấy nói vui thay lòng lão,
Nghe lời lão lại [33b] mừng thêm!
Mừng là mừng anh lại gặp em;
Vui là vui chồng đà gặp vợ!

Hưu viết :

Tướng-quân còn chưa tỏ,
Lão phân lại cho tường.
Thánh-hoàng đà cười hạc tầm tiên,
Hò-gia nó tranh ngôi thánh-đế.
Sai binh ra quan ải,
Khiến bắt lão đem về.
Lão bèn nỗ lực công chi,

May gặp chàng Đinh-Lưu-Tử.
 Lão đã sai hồi triều nội,
 Thăm quốc sự nhường nào?
 Trái hai trăng vắng biệt âm hao (11),
 Trong thành bại doanh hự khôn tỏ (12)!

LƯU-TỬ viết :

Cả tiếng kêu nhạc-phụ,
 Nay con đã về đây.

HOÀN-CÔNG, LƯU-TỬ, HẮC-LÂN, NGỌC-XUÂN viết :

Thậm khoái tai, thậm khoái tai;
 Chân hảo đã, chân hảo đã (13)!
 Tưởng cách nhau hai ngả,
 May lại đặng trưng phùng (14).

HOÀN-CÔNG viết :

Con nhà ai mà lại ôm bông,
 Khá nói lại cho già đặng biết?

LƯU-TỬ viết :

Người thực Tổng triều Hoàng-Tử,
 Báu này tỷ-ngọc ẩn rồng.

HOÀN-CÔNG viết :

Lão nghe rất mừng lòng,
 Đưa cho già coi thử?
 Tay hồng Hoàng-Tử,
 Mắt lệ chứa chan.
 Tiên-hoàng hồi tiên-hoàng;
 Bệ-hạ ôi Bệ-hạ!!!
 Bao nỗ sớm rời nghiệp cả,
 Đề cho [34a] con chịu gian nan!
 O này, Con rồng hãy còn đây,

Mẹ phượng sao vắng đó?

LƯU-TỬ viết:

Nhạc-phụ còn chưa rõ,
 Tôi phân lại cho tường.
 Đã lắm phen rãi tuyết đầm sương,
 Lại nhiều trận xông tên đột pháo,..
 Tôi những mãi chống ngăn binh sói,
 Mẫu-Hoàng đã sản hậu vong thân (15).
 Tôi bèn quyền táng lâm trung,
 Phù Hoàng-Tử băng ngàn lãnh nạn.

HOÀN-CÔNG viết:

Khỏi mình mẹ đã chịu khổ,
 Biết bao giờ cho dặng thảnh thơi?
 Vắng cổ kêu kêu chẳng thấu trời;
 Nhỏ hơi khóc khóc khôn thông đất.

Hạ viết:

Phản-tặc ôi phản-tặc;
 Nghịch thần hồi nghịch thần (16)!!!
 Xin trời còn phù hộ Tống triều,
 Chúng bay ắt thay phơi không đất.

CHÚ-GIẢI:

1. *Quý thể*: Lời tôn xưng thân-thể cao quý, như quý hữu,..
2. *Quan-trung*: Cũng như Tây địa, nơi Hoàn-Công trọng trấn ở đó.
3. *Ta thân phụ*: Hồi ôi cha tôi. *Thống ấu-nhi*: Đau thương con trẻ.
4. *Sơn-kê*: Núi và suối nước. Cha trọng trấn sao ở chỗ này?
5. *Tính mạng*: Mạng sống, tính là nét, con người sống về nét, như hàn, thử, ôn, lương trong người, và sở thích,.. mới sống, mà gọi tính mệnh.

6. *Hoàn sinh* : Sống trở lại, sau khi đã chết hẳn rồi.
7. Lão phu, tiếng ông già tự xưng. Nghiêng mình xin đa tạ ơn.
8. *Nhân luân gồm năm điều* : Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn, vì có lỗi như sao đây, Hắc-Lân nuôi chị dâu e mang tiếng chẳng.
9. *Thủ hạ* : Dưới tay, tức kẻ dưới như tay chân vậy.
10. *Ái ốc* : yêu cái nhà, *Cập ỏ* : Thương đến con quạ. Ý nói thương anh mến đến chị, nên không phải nói đến ơn.
11. Hai trăng tức hai tháng. *Ảm hao* : Tin tức, hơi tiếng nói đồn.
12. *Thành bại* : Nền thua. *Doanh hư* : Đầy voi, cũng như hay dở vậy.
13. *Thậm khoái tai* : Rất sướng thay. *Chân hảo dã* : Thực tốt vậy.
14. *Tương phùng* : cùng gặp nhau, không biết trước mà hẹn.
15. *Sản hậu vong thân* : Để xong mình mẹ chết.
16. *Nghịch thần* : Kẻ bề tôi trái ngược, làm loạn do ở phản nghịch.



CẢNH THỨ NĂM

**ĐAM HOÀN-CÔNG, LƯU-TỬ,..
THẤT LẠC VÌ BINH HỒ TRUY NÃ**

HOÀN-CÔNG *hạu viết :*

Đoái thấy tình kỳ tế nhật (1);
Sức nhìn kiếm kích lừng (2) thiên!
Lưu-Tử mau phò lấy Tử-Hoàng;
Hắc-Lân gấp giữ gìn ngọc-ấn.
Chỉ Đồng-quan trực tiến,
Đồng thượng mã nhi hành.

Đồng loạn viết :

Huề thủ đồng hành khóa mã an (3),
Khinh thân đoạt lộ vọng ải-quan (4).
Trung quân mạc nại thân lao khổ (5),
Vị quốc hà sâu bạt bộ nan (6)!

THÁI-HÀ, THẠCH-DŨNG, CHU-LINH [34b] *viết :*

Bốn người tua dẹp mác,
Đừng lừng lấy can qua.
Quyết bất động màu ma,

Lấy đầu treo ngọn giáo.

Hạ viết :

Đã vô phương lầu thoát,
Khả thúc thủ lại hàng?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Cầm bẫy đảng sai lang (7),
Giận thay loài tàn bạo!
Hồ thị đã quên niềm cơm áo;
Bay lại không tưởng đạo quân thần?
Mồ cha đưa phi án;
Chối kệ đồ bất nghĩa.

CHU-LINH *viết :*

Chúng Tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
Bất hướng phát tinh kỳ (8);
Hò tốc khiêu linh linh,
Chuyển thiên hôn địa ám (9).
Lưu-Tử, Hắc-Lân thoát miễn nhi tầu (Thoát khỏi
mà chạy).

Hạ viết : (Chu-Linh)

Khả khen cho Lưu-tướng,
Mời Tô-thị anh hùng!
Phá Thiên-hôn thoát khỏi trận trung,
Phân tam đạo truy tầm nam bắc (10).

LƯU-TỬ *viết :*

Hai phương đã thất lạc,
Một mình mỗ khôn đương.
Mau dục ngựa buông cương,
Ngõ lánh nơi nước lửa.

Văn viết :

Ngõ lánh nơi nước lửa,
 Dững anh hùng dày dạn sả bao!
 Xông tên đột pháo chi nào,
 Nâng vai gánh vác Tổng trào giang san.

CHU-LINH *viết :*

Khôn rong ruổi dặm ngàn,
 Khó nẻo về đường nhận.

Hữu viết :

Bắn ba mũi Luru-sinh bắt đảng,
 Thiệt nèn trang dũng [35a] được đại tài.
 Truyền chúng tướng sát lai,
 Tiến binh truy phản-tặc.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Những mắng xong nơi thử thạch (11),
 Phút đà lạc mắt con rồng.
 Mau mau trở lại trận trung,
 Chóng chóng mệnh tầm Hoàng-lữ.

Loạn viết :

Trùng đồ bạt bộ tầu mang mang (12),
 Kham thân Luru-tướng dữ Tử-Hoàng (13) !
 Nguyên thi công lực tầm ấu-chúa (14),
 Hạnh ngộ tương phùng thoát nạn nguy (15).

THẠCH-DŨNG *viết :*

Quật địa vò nha thảo ;
 Thăng thiên khiếm vũ mao (16)
 Chặt đầu nọ tay trao,
 Kéo nhọc mìn rời mác.

Hạ viết :

Khá khen thay phụ nữ,
Tài sánh gấp nam nhân (17) !
Trá bại chốn vân san,
Phi đao ngộ lạc mã (18).
Chúng Tướng ! Lệnh truyền cho chúng tướng,
Thay ngựa khác tiến binh.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Con khá gấp dâng trình,
Cha cản lại lộ thượng (19).

Hạ viết :

Con mới buông đao nọ,
Chúng nó đã lui binh.
Dục vó lừa tìm kiếm Lưu-sinh,
Họa may gặp ngõ phò ấu-chúa.

Văn viết :

May gặp ngõ phò ấu-chúa,
Quyết rãi lòng chèo đờ giềng ba.

NGỌC-XUÂN *văn viết :*

Khôn cùng khiết sỉ ta nha (20),
Mới nhìn thấy đó bỗng đã rẽ phân.

HẮC-LÂN *viết :*

Phút đà [35b] lạc mất nhân-huỳnh,
Trận nội khôn thông lảnh dũ?
Mau mau trở ngựa,
Lại chốn trận trung.
Đặng tìm kiếm nhân huỳnh,
Cùng Tử-hoàng hà tại?

Loạn viết :

Phản mã bôn lai đảo trận tiền (21),
 Ai tai huynh trưởng lạc hà phương (22)?
 Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ (23),
 Oán tha tặc tử tội doanh thiên (24)!

THÁI-HÀ *viết :*

Thăng thiên khiếm vũ mao,
 Quạt địa vô nha chảo!

HẮC-LÂN *viết :*

Quyết sát tha tặc đảng,
 Bất dung nhĩ toàn sinh (25)!
 Nguyên một đó một đây,
 Quyết một còn một mất.
 Mô đánh chưng kiếm phép.
 Chúng nó đã lui binh.
 Dục vó lừa tìm kiếm nhân huynh,
 Họa may gặp tường trong lợi hại.

THÁI-HÀ *viết :*

Thống thiết ngò phế phủ,
 Oán ác nhĩ cường nhi! (26)
 Bị linh-kiếm hại ngò tả tý (26),
 Mãn thân giai huyết xuất lâm ly (27)!
 Quán! Truyền tả dục hữu chi (28),
 Thoái binh hồi Trung-quốc (29).

CHÚ-GIẢI :

1. *Tình kỳ tế nhật* : Cờ xi nhiều che lấp mặt trời.
2. *Kiếm kích lăng thiên* : Guom kích,.. nhiều mà gio cao lên đầy trời.

3. *Huề thủ đồng hành khóa mã an* : Đan tay cùng đi chầy lên yên ngựa.
4. *Khinh thân đoạt lộ vọng ải-quan* : Nhẹ mình đi nhanh ngóng quan ải.
5. *Trung quân mặc nại thân lau khô* : Ngay vua chẳng ngại mình khó nhọc.
6. *Vị quốc hà sâu bát lộ nan* : Vì nước buồn cho bước đi khó khăn.
7. *Sài lang* : Thú rừng hung dữ, vì lòng người gian ác.
8. *Bát hướng phất tinh kỳ* : Tám phía phất cờ xi đề ra oai.
9. *Hồ tốc khiểu linh linh* : Gọi sức thiêng nhanh tới. *Chuyển thiên hòn địa âm* : Xoay ra trời mờ đất tối tăm.
10. *Phân tam đạo truy lâm nam bắc* : Chia ba ngã đuổi tìm nam bắc.
11. *Thử thạch* : Tên cung bắn, và đạn gọi là đá.
12. *Trường đồ bát lộ tâu mang mang* : Đường dài rào bước chạy vội vàng.
13. *Kham thân lưu-lương dữ Tử-Hoàng* : Đáng than Lưu-Tướng với Hoàng-tử.
14. *Nguyện thi công lực làm ấu-chúa* : Xin đem sức để tìm chúa nhỏ.
15. *Hạnh ngộ tương phùng thoát nạn nguy* : May cùng gặp nhau khỏi nạn nguy.
16. *Quạt địa vô nha thảo* : Xuống đất không móng vuốt để cào bới đất ; *Thăng thiên khiếm vũ mao* : Lên trời thiếu cánh lông, ý nói lũ người khôn chạy dăng nào thoát khỏi tay ta.
17. Thạch-Dũng khen Ngọc-Xuân con gái tài sánh với con trai.
18. *Trá bại* : Vờ thua. *Phi đao ngộ lạc mã* : Tung đao làm ta té ngựa.
19. *Đứng trình* : Lên đường. *Cản lai lộ thượng* : Cản giặc lại trên đường.
20. *Khiết sỉ ta nha* : Nghiến răng, cắn răng vì tức giận.
21. *Phản mã bốn lai đáo trận triền* : Quay ngựa chạy lại vào giữa trận.
22. *Ai tại huynh trưởng lạc hà phương* : Thương thay anh cả lạc nơi nào ?
23. *Thống hận Hồ-gia ta khiết sỉ* : Đau giận họ Hồ răng cắn lại.
24. *Oán tha tặc tử tội doanh thiên* : Giận người là con giặc tội đầy trời.
25. *Bất dung nhĩ toàn sinh* : Chẳng tha người sống vẹn.
26. *Thống thiết ngô phế phủ* : Đau đớn tạng phổi ta. *Oán ác nhĩ cuồng nhi* : Căm hờn mày là đứa điên khùng đặc chí.
27. *Bị linh-kiểm hại ngô tả tỷ* : Bị gươm thiêng chém hại cánh tay trái của ta bị thương nặng mới lui binh vậy.

28. *Mãn thân giai huyết xuất lâm ly* : Đầy mình đều máu chảy đầm đìa.
29. *Tả-dực* : Cánh quân bên tả (tay trái) giúp sức ; *Hữu chi* : Cánh quân bên hữu (tay phải) cũng giúp vào như chim hai cánh gọi là dực (giúp).
30. *Thoái binh hồi Trung-quốc* : Lui binh về trong nước. Đầy đánh nhau chỗ giáp núi rừng.



CẢNH THỨ SÁU

LƯU-TỬ, TỬ-HOÀNG CHẠY LOẠN,
ĐƯỢC ĐÒ QUA SÔNG THỮ-PHI, LINH HIỀN

CHU-LINH *viết :*

Lộ tiền khán kiến,
Vật khả hôn phi (1).
Nạp Tử-Hoàng vẹn thừa mình kia,
Cải lời mò ắt làm mũi bạc.

LƯU-TỬ *viết :*

Ét giếng cười trời rặng hẹp;
Gà rừng chẳng sợ nước sôi!
Ngươi dầu [36a] có sức bào hao,
Ta há dễ sút chưng nhuệ khí.

Hạ viết :

Đã khỏi nơi hồ huyết (2);
Lại thoát chốn long-đàm (3).
Vái cùng trời bảo hộ Tống-bang,
Xin cho mổ phò an long-tử (4)!

Văn viết :

Cho mỗ phò an long-lử,
 Quyết ra tài phò chúa an bang.
 Người đời có nhục có vinh,
 Hết cơn bĩ cực tới tuần thái lai (5).

Hạ viết :

Diện tiền kiến giang tàn (6),
 Hậu truy binh điệp điệp (7).
Bó độ-phu! Bộ-phu người găng sức,
 Mau chèo rước ta cùng!
 Kẻo lâm đảng quần hung,
 Đà không phương lánh nạn.

ĐỘ-PHU *viết :*

Nghe nói thiệt hư chưa biết,
 Thấy lâm nguy lão cũng khá thương!
 Mau mau bước xuống thuyền lan,
 Chóng chóng đưa qua giang hạ.

Bài viết :

Phiêu phiêu nhất chạo ba (8),
 Khinh khinh lãng trực qua (9).
 Thừa phong hành phất phất (10),
 Huy trạo nhập giang ba (11).

Hạ viết :

Tôi dám hỏi qua,
 Xin người nói lại.
 Việc chi có nhất nhân nhất mã;
 Mà theo sau thiêng tướng thiên binh (12).
 Độ-phu chưa tỏ lòng,
 Tướng-quân phân nghe thử?

LƯU-TỬ *viết :*

Người thực Tống-triều Hoàng-Tử,
Lâm nguy phải quá giang tàn.

ĐỘ-PHU *viết :*

Cúi đầu [36b] tạ Tử-Hoàng,
Ngu phu cam thất lễ.

LƯU-TỬ *viết :*

Ồn ấy nhường như hải đề (13);
Nghĩa này ví tựa thanh san.
Mai sau dầu đem lại Tống-bang,
Người cũng đừng thẹn danh vạn đại.

CHU-LINH *viết :*

Độ-phu sao tác quái,
Đưa phản tặc quá giang (14).
Hạ lệnh dữ quân nhân,
Tạo phù-kiều tiến phát (15)?

LƯU-TỬ *viết :*

Xem bốn phương xao xác,
Nhìn tám hướng rõ bằng.
Gấp dục ngựa băng chừng,
Mau tầm phương lánh nạn.

Vãn viết :

Mau chóng tầm phương lánh nạn,
Mặt trông chừng đường nhận giờ doi.
Đời người khác thề như thoi,
Đã qua thời lại mới vui lại buồn!

CHU-LINH *viết :*

Cá kia khôn thoát lưới;

Chim nọ khó xỏ lòng,
Ta quyết lấy đầu nguoi,
Truyền tam quân hỗn chiến (16).

LƯU-TỬ viết :

Những mảng xông nơi trận thượng,
Mặt trời phút đã hoàng-hôn (17).
Tối đường khó nổi giờ doi,
Lạ nẻo ngựa không rời vó.

Hạ viết :

Ngâm người thuở trước,
Cũng có như ta.
Nhờ một ngọn đèn hoa,
Cũng thoát nơi nanh sấu (18).

HỒN THỨ-PHI viết :

Vốn ta nay Thứ-Hậu,
Đưa chàng khỏi bèn non.
Tướng-quân gấp lên an,
[37a] Khá rồi theo đường hạnh.

LƯU-TỬ viết :

Hiển hách chân hiển hách ;
Anh linh thị anh linh (19) !
Tử như tư tử diệt tận tình (20) ;
Sinh như thị sinh vi thượng-trí (21) !
Cấp lên an thẳng chỉ,
Noi đèn hạnh bốn ba.
Nguyên nâng vai gánh vác Tống-gia,
Thề hết sức tài bồi xã tắc.

Văn viết :

Hết sức tài bồi xã tắc,

Cảm thương người dày dạn tuyết sương.
Lo sao nên đắp nền nhân,
Dưới trồng cây đức nước an lợi nhà.
Đoái xem đã khỏi non hoa,
Đèn lê phụt tắt ác đà mọc lên.

CHU-LINH viết :

Đã mất dấu lạc đường,
Khôn biết phương tìm kiếm.
Quả trời hãy phù tri Tống-thất,
Nên sui chàng thoát khỏi tay mình.
Quân! Truyền yền tức can qua (22),
Trao tam quân hạ trại.

Hựu viết :

Bộ-thần mau trở lại,
Đệ văn-biêu hồi triều,
Đặng cho mô đón ngấn (23),
Ngõ trừ an phản tặc.

QUÂN-NHÂN viết :

Khâm thừa sắc-chỉ,
Phụng lĩnh chiếu-văn (24).
Phụng Tướng-quân hồi tấu triều trung,
Thượng tráng mã trông chừng kinh địa.

Loạn viết :

Sách mã gia chiến vọng kinh-đô (25),
Tấu lai cơ sự đặc tường tri (26).
Vi thần tử tận tâm [37b] báo quốc (27);
Vi tử đương kiệt lực sự thân (28).

Hựu viết :

Dạ! Tôi nay bộ-hạ,

Ở với Chu-Linh.
 Tử-Hoàng đà xa lánh non xanh,
 Đệ văn-biêu hồi trào bầm tấu!

HỒ-VƯƠNG viết :

Trời còn dung Tống-thất,
 Nên thoát khỏi long-đàm.
 Mai sau dầu khôi phục Tống-hang,
 Ất Hồ-thị giang san hưu hỹ (29) !
 Trẫm lui vào mặt-các ;
 Bách quan lại đình-lang.

CHÚ-GIẢI :

1. *Lộ tiền khán kiến, vật khả bôn phi* : Nom thấy trước đường, chớ khá bay chạy. Chu-Linh đuổi tìm thấy Lưu-Tú.
2. *Hồ huyết* : Hang cộp, sa vào giữa trận giặc ví vào hang cộp dữ.
3. *Long-dam* : Đàm rồng, nơi đầm ao nhiều rồng rắn dữ, ví như trận giặc.
4. *Phò an long tử* : Giúp yên cho con rồng tức con vua
5. *Bĩ* là quẻ Bĩ trong kinh Dịch, gặp lúc bĩ cực thì khổ lắm đưa lại hoạn nạn nghèo nàn,.. *Thái* là quẻ Thái trong kinh Dịch, gặp lúc Thái thì sướng lắm đưa lại sung sướng nên mọi việc, vậy Bĩ là bế tắc, mà Thái là thông suốt thịnh vượng
6. *Diện tiền kiến giang tân* : Trước mặt thấy bến sông ngăn lại.
7. *Hậu truy binh diệp diệp* : Sau binh đuổi theo lũ này lượt khác.
8. *Phiêu phiêu nhất chạo ba* : Phơi phới một con chèo lướt sóng.
9. *Khinh khinh lãng trực qua* : Nhẹ nhàng sóng đẩy đưa qua.
10. *Thừa phong hành phất phất* : Theo gió đưa vèo tới (như phẩy nhẹ),
11. *Huy trạo nhập giang ba* : Vẫy lái chèo giữa sóng sông.
12. *Thiên tướng thiên binh* : Ngàn binh ngàn tướng đuổi theo một người một ngựa, *Độ-phu* : Lái-đò chở giúp mà hỏi.
13. *Hải dề* : Đáy bể tức sâu xa, ý nói ơn sâu khôn xiết.

14. *Phản tặc quá giang* : Giặc phản qua sông. Họ Hồ cũng gọi bèn Tống là phản tặc.
15. *Tạo phù kiều tiến phát* : Dựng cầu nổi tiến sang.
16. *Hồn chiến* : Đánh nhau giáp lá cà, mạnh ai nấy được, Lưu-Tú một ngựa chống lại hàng vạn binh đông.
17. *Hoàng-hôn* : Chiều tối trời vàng lên. Lưu-Tú lại chạy lấy thoát.
18. *Nanh sấu* là nanh vuốt cả sấu kinh khủng, ví như giặc dữ lúc ấy.
19. *Anh linh thị anh linh* : Thiêng linh ấy mới thiêng liêng. *Đối hiền hách chán hiền hách* : Rõ ràng sự linh ứng cứu nguy bất ngờ.
20. *Tử như tử tử diệt tận tình* : Chết như vậy chết cùng hết tình.
21. *Sinh như thị sinh vi thượng-tri* : Sống như thế sống là bậc thượng-tri.
22. *Yên tức can qua* : Dẹp yên khi giới cò xí, đề đóng trại ngay đó.
23. Đón ngăn, trừ phản-tặc thì Chu-linh đóng quân bao vây khu rừng Lưu-Tú Tử-Hoàng trốn đó, cố tìm kiếm cho ra để trừ đi.
24. *Sắc-chỉ, chiếu-văn* là vua ban tờ lệnh ra mời gọi như vậy, đối với quan tướng chỉ có phụng mệnh lệnh mà thôi, chỗ này phải là : Tuân hành chỉ-giáo ; *Phụng lĩnh biểu-văn*, bề-tôi dâng thư (đơn lên vua gọi là biểu (tỏ sự thực). Phải chăng kếp hát quen miệng đọc lầm ?
25. *Sách mã gia chiến vọng kinh-dò* : Dục ngựa ra voi ngóng về kinh-dò.
26. *Tấu lại cơ sự đặc tướng tri* : Tàu lại việc binh cho được rõ.
27. *Vi thần tử tận tâm báo quốc* : Làm tòi-con hết lòng báo nước ;
28. *Vi tử dương kiệt lực sự thân* : Làm con nên hết sức thờ cha mẹ. Câu này đã chưa ở trên hồi hai.
29. *Giang san hưu hỹ* : Nghiệp làm vua có non sông thời hết rồi.



CẢNH THỨ BẢY

THỨ RỪNG NUÔI SỔNG HOÀNG-TỬ:
THẦN-LINH CỨU SỔNG THỨ-PHI

THẦN-HOÀNG *xướng viết* :

Lộng lạc kiền khôn thế giới hành (1),
Ngò thụ Linh-Tiên độ chúng sinh (2).
Dương gian uổng tử ngò cứu tử (3);
Thế giới bị ương ngã giải ương (4)!

Hạ viết :

Chiếm Linh-miếu an cư,
Ngò nãi Thần-Hoàng thị dã (5).
Kim Tống-triều Thái-Tử (6),
Đà thất lạc tha bang (7).
Đã khát sữa đói cơm,
Lại không nơi đình đỗ.
Xuống lệnh khiến sơn-hầu, mãnh-hồ (8),
Các người khá hết lòng.
Kẻ lên non kiếm trái đem dâng;
Người xuống núi tìm cơm về nộp.

Mau mau phân các chức;
 Chóng chóng chớ chầy.
 Nếu lỗi thừa tội kia,
 Ất khôn dung mệnh đó.

THANH-ĐỒNG viết :

Thỗ-Thần! Thỗ-Thần vâng lệnh dạy,
 Xuống cứu mệnh Thứ-Phi.

TIÊU-PHU viết :

[38a] Nương ngụ nơi nhà bạc,
 Tội biểu tự Tiêu-phu (9).
 Thường ngày đón củi non vu,
 Đòi bữa qua nơi bạch-lĩnh.
Chi nữa, Gói cơm mang cánh (tay);
 Riu bữa cầm tay.
 Đè sơn lĩnh chạy ngay,
 Đón củi về đỡ bữa.

Loạn viết :

Biệt từ gia nội thẳng lên non,
 Đón củi đem về bán chợ đông.
 Ít nhiều miễn đừng cho đủ bữa,
 Mặc rẻ nài chi của ít nhiều.

Hựu viết :

Rất dở, rất dở :
 Quá hung, quá hung!
 Hùm ở đâu sinh sự,
 Tha hết cá hết cơm.
 Hô bảy vía ba hồn,
 Xuýt nữa đà ngay cổ.
 Mau mau trở lại,

Chóng chóng hồi gia.

LƯU-TỬ *viết* :

Tưởng sự nghiệp châu rơi lai láng,
Nhìn Tử-Hoàng ruột nọ đắng cay.
Đã không cơm khát sữa lâu ngày,
Lấy chi đỡ con-trời hoạn nạn.

Hựu viết :

Giống chi mang trong cánh,
Cùng gói đội trên đầu.
Thiệt là mãnh-hồ sơn-hầu,
Cắp bè trái đem cơm tới nộp.

Hựu viết :

Cơm kia mau bón,
Hoàng-Tử khỏe lòng.
Giã sơn-hầu các gã dày công,
Ơn mãnh-hồ các người đại nghĩa.

Hựu viết :

[38b] Phút lòng vàng tưởng lại,
Căm giận đảng phản thần.
Hưởng trước quyền phản quốc bội quân,
Bay thực chẳng bằng loài cầm thú!
Các người! Các người đã có lòng thương chủ,
Coi cho biết mặt ta.
Giờ thời, Nương ngu chốn non hoa,
Đặng chờ ngày khôi phục.

THỒ-THẦN *viết* :

Chưởng nhân gian họa phúc (10).
Ngã biểu tự Thồ-Thần.
Nay vâng lệnh Ngọc-Hoàng,

Cứu Thứ-Phi tình Phượng.
Mau biệt từ Linh-Điện,
Chỉ vãn lĩnh bón lai (11).

Loạn viết :

Thừa Linh-Tiêu diện giảng hạ trần (12),
Cứu lai Phượng-thị đặc hoàn sinh (13).
Giả vũ đăng vãn hành tạt tạt (14),
Thanh sơn bích thủy khứ mang mang (15)!

Hựu viết :

Đáy đã đến vãn san,
Mau cấp khai phần-mộ.
Hô tam hồn thất phách (16),
Tốc tốc nhập bản thân (17).

THỨ-PHI *thán viết :*

Khởi tỏa non Nam,
Châu trầm lĩnh Bắc.
Kham thân lộ đồ tao ly loạn (18),
Ta hồ! Ấu-tử lạc hà phương (19)?

THỜ-THẦN *viết :*

Bây giờ nàng thần thể hoàn sinh,
Khả nghe dặn kiếm tìm Hoàng-Tử,
Cùng nhau sẽ chiêu binh mãi mã (20),
Rồi liệu toan khôi phục Tống-trào.
Lời dặn chớ lãng sao,
Ta đao thân biến hóa (21).

THỨ-PHI *viết :*

Thình không đa tạ,
Vạn [34a] vọng Tiên-ông,
Lần gót tới sơn vãn,

Đặng kiếm chôn mai danh ần tích (22).

Văn viết :

Tìm chôn mai danh ần tích,
 Dậm bao nài đập tuyết dày sương.
 Bơ vơ khác nẻo lạ đường,
 Đã noi dấu thỏ lại lần đường dè.
 Xúc tình nhớ đến Hoàng-nhi,
 Khôn ngăn lệ ngọc khó ngơ mạch sâu !

CHÚ-GIẢI :

1. *Lộng lạc kiền khôn thế giới hành* : Sênh sang dạo chơi trong bầu kiền khôn thế giới tức đi lượn đó đây.
2. *Ngô thụ Linh-Tiêu độ chúng sinh* : Ta nhận lệnh của điện Linh-Tiêu (đền Trời) để cứu độ chúng sinh (mọi loài sinh sống).
3. *Dương gian ưỡng tử ngô cứu tử* : Ở cõi dương này ai chết ưỡng thì ta độ cho khỏi chết ưỡng có thể sống lại !
4. *Thế giới bị ương ngã giải ương* : Cõi đời này ai bị ương (nạn) thì ta sẽ giải bỏ cái ương cho, tức cứu mọi người khỏi oan ưỡng.
5. *Thần Hoàng* : Vị thần có miếu thờ ở một địa hạt, đề phù hộ cho dân.
6. *Thái-Tử* : Con vua sau được nối ngôi, khác mọi con vua không được nối ngôi, chỉ gọi là Hoàng-tử không mà thôi.
7. *Thất lạc tha bang* : Lạc mất về nước khác, xứ khác, đang bị ở rừng.
8. *Sơn-hầu* : Khỉ núi, những thú rừng này được lệnh nuôi Thái-Tử.
9. *Tiêu-phu* : Kẻ đón củi. Biều-tự là tên chữ ngoài. Tiêu phu là danh-tự chung đám đón củi, cũng rằng biều-tự là sai vậy.
10. *Chưông nhân gian họa phúc* : Nằm trong tay về họa phúc của loài người.
11. *Chỉ vãn lĩnh bốn lai* : Chở thẳng núi mây chạy tới.
12. *Thừa Linh-Tiêu diện giáng hạ trần* : Vâng lệnh đền Linh-Tiêu xuống cõi trần.
13. *Cứu lai Phượng-thị đắc hoàn sinh* : Cứu họ Phượng lại cho được sống, chết rồi lại sống do lệnh trời mới làm được.

14. *Già vũ dăng vân hành lạt lạt* : Cười mây theo mưa đi nhanh chóng.
12. *Thanh sơn bích thủy khứ mang mang* : Nước biếc non xanh bước vội vàng.
16. *Tan hồn dã chua. Thất phách* : Bầy vía người ở tai, mắt, mũi, lưỡi, mồm,.. Vía là những chất đặc biệt tiếp nhận với mọi hình, thanh, vị, khí,.. để tai nghe, mắt thấy,.. khi chết nó tan mất đi, nay cải tử hoàn sinh phải hô nó trở lại mới sống được.
17. *Tốc tốc nhập bản thân* : Nhanh chóng vào thể xác.
18. *Kham thân lộ đồ lao ly loạn* : Đáng than giữa đường gặp ly loạn.
19. *Ta hồ ! Ấu tử lạc hà phương* : Hỡi ôi ! Con trẻ lạc nơi nào ?
20. *Chiêu binh mãi mã* : Gọi người vào lính mua ngựa để đánh giặc.
21. *Dao thân biến hóa* : Rùng mình rồi tự biến mất đi.
22. *Mai danh ẩn tích* : Chôn vùi danh tính, giấu cả cõi rể, không để ai biết mình đã là người thế nào.

Bản Tuồng diễn theo lần lượt, không rõ Thứ-Phi chết đã bao nhiêu ngày thì được sống, rồi ẩn tích ở đâu bao năm, đây tiếp diễn gặp lâu-la bắt, rồi Thạch-Hoàn-Lăng cứu ở chùa ra, xong cùng nhà sư và Hoàn-Lăng đi tìm tới quan-ải Cửu-Công, sau đó gặp Hoàng-Tử đã mười tuổi cùng ở ải-quan. Vậy khoảng 10 năm xa cách Thứ-Phi đã ở những nơi đâu, chỉ biết lần lượt diễn ra không được rõ.



CẢNH THỨ TÁM

PHƯỢNG-THỨ-PHI BỊ THẠCH-HÙNG BẮT GIAM TRONG CHÙA

THẠCH-HÙNG *xướng viết* :

Lực bạt thời sơn nhuệ khí cao (1),
Đoạt kinh quá hải tận bào hao (2).
Hùng cứ sơn trung vô địch thủ (3),
Nhiều nhưong lẽ thứ nhiệm hùng hào (4).

Hựu viết :

Chiếm vân sơn quản chúng lâu la (5),
Ngò biều-tự Thạch-Hùng thị dã.
Nghe tiếng mõ người đều khiếp dạ.
Thấy mặt min chúng thấy kinh tâm!
Lâu la! Truyền lâu-la kíp xuống nhân dân,
Đón thương khách tận thu tài vật (6).

LÂU-LA *viết* :

Tôi tìm khắp đông tây nam bắc,
Chẳng có ai buôn bán tiền tài...
Gặp một người nhan sắc tốt tươi,

Đem về nạp mặc người tha giết.

THẠCH-HÙNG *viết* :

Ngò khoái lạc, ngò khoái lạc ;
Thậm hoan tình, thậm hoan tình (7) !
Quả thời trời giúp mỗ nhân duyên,
Nên ta mới gặp trang thực nữ.
Nàng khá bày tự sự,
Đặng cho mỗ hản tường.
Nhân việc [39b] chi đến chốn sơn lâm,
Lại dày rã nhất thân phụ nữ?

THỨ-PHI *viết* :

Ta thực Tống-triều Thứ-Hậu,
Lánh nạn lạc đến sơn trung.
Lời thực đã tỏ tình,
Cho Trương-quân tỏ dạ.

THẠCH-HÙNG *viết* :

Nem vị Tiên-dế,
Nên rất tốt tươi.
Khéo chọn khó đặng người,
Nhan sắc nên xinh lạ !
Tiên-Hoàng đà yển-giá (8),
Nàng lánh nạn vân sơn,
Đi làm chi dày rã tuyết sương,
Về cùng mỗ kết duyên phu phụ.
Lâu-la ! Truyền lâu-la các gã,
Đem gởi lại am mây (9).

HOÀN-LĂNG *viết* :

Non Kỳ-sơn ần tích dưỡng thân (10),
Xưng tính Thạch-Hoàn-Lăng là mỗ :

Văn sảo sảo chen người thất bộ;
 Võ dò dò bì kẻ sáu thao.
 Chưa gặp thời còn ần Cồn-sơn;
 Còn lỡ vận hương tâng u cốc (11).

Hựu viết :

Ác vàng đà ló mọc,
 Thỏ bạc lại về tây.
 Chi nữa, Cặp cung tên dạo chốn sơn Khê,
 Dầu hứng chí bạn cùng cày cáo;

Loạn viết :

Dao vọng trường đồ quá lĩnh trung (12),
 Nhàn khan san thủy lạc vô cùng (13) !
 Nhược ngộ phi cầm tùy sạ lạc (14);
 Hữu phùng tàu thú tật nan dung (15).

Hựu viết :

Những [40a] mảng non xanh xòng đột,
 Phút đầu trời đã hoàng hôn.

Hựu viết :

Mau mau cắt gánh,
 Chóng chóng đưa chân.
 Trời tối chẳng thấy đường,
 Ta khôn phương rời bước.
 Âu ta sá gấp,
 Ghé lại am mây.

TĂNG-NHÂN viết :

Chú ở đầu rất chương rất ngang,
 Gánh thịt lại vào chùa vào miếu.
 Mau gánh ra cho khỏi,
 Kéo mà thối mà hôi.

HOÀN-LĂNG viết :

Khuyên đó chớ đuổi xua,
 Cho mô quyền tạm nghỉ.
 Vả đạo Phật cứu dân độ thế (16),
 Người tu hành đi khát ngọ khen hiền (17).

TĂNG-NHÂN viết :

Chú còn lạ chưa quen,
 Tôi nói cho chú biết.
 Nơi am tự có người ma nhát (18),
 Nó thường ngày đến phá trong chùa.
 Ngủ thời ngủ hiền tây,
 Đừng vào nơi am tự.

HOÀN-LĂNG viết :

Nghe khi sớm sãi phân cùng mô,
 Rằng am này tà quỷ nhiều nhưong (19).
 Ấu là ta bước lại hậu-đường,
 Coi thử nhiều nhưong hà sự?

THỨ-PHI thán viết :

Kham thán thiên thương khởi họa thâm (20),
 Xứ ngô điền đảo khổ sầu tâm (21) !
 Ngô nhi bất ngộ yên năng cứu (22),
 Hốt bị cường phu tróc hãm dâm (23).

HOÀN-LĂNG viết :

*Sãi rằng, am-tự [40b] tà quỷ nhiều nhưong, quý
 làm sao mà tiếng khóc tiếng than, lạ này ?*
 Quả sầu vắn thảm vũ chi bi (24);
 Phi quỷ mị ngoan tinh chi loại (25)?
 Hay tăng chúng đem lòng bất nghĩa,
 Thối ngang tàng những sự hãm dâm.

Trèo bích môn tróc vắn (26) cho tường,
Ngõ đặng biết chân tà tự sự.

Hạ viết :

Sùng sục dầu sôi lẳng cật,
Bằng bằng lửa dậy tâm can.
Quả thực đảng ác-tăng (27),
Nó sinh lòng khuyển mã.
Bạt trường trùy loạn đả (28),
Nan thứ tội dâm ô (29)!

Loạn viết :

Nhĩ khi phạt tịch tự quai vi (30),
Nguyên sát cường tăng toái tử-thi (31).

CHÚ-GIẢI :

1. *Lực bạt thôi sơn* : Sức khỏe xò non đồ, nhuệ khí cao cường.
2. *Đoạt kinh quá hải tận bào hao* : Qua bể bắt kinh hết gấm dũ chống.
3. *Hùng cử sơn trung vô địch thủ* : Dữ trong rừng núi không ai địch.
4. *Nhiều nương lễ thứ nhiệm hùng hào* : Quấy rối đàn đen mặc sức mình.
5. *Chiếm vắn sơn quân chủng lâu la* : Giữ non mây coi bọn lâu la (cướp).
6. *Thương khách* : Người buồn bán. *Tận thu tài vật* : thu hết tiền của.
7. *Ngô khoái lạc* : Ta vui sướng. *Thậm hoan tình* : Tình rất vui.
8. *Yến giả* : Xe mây đã châu trời. Vua mất gọi là yến giả.
9. Am mây chùa cao mà gọi. Bản chính viết am vắn xin đổi *am mây*.
10. *Ẩn tích* : Giấu đời sống của mình. *Dưỡng thân* : Nuôi mình sống.
11. *Hương tàng u cốc* : Mùi thơm hoa lan mọc hang tối, vì kẻ sĩ đi ẩn.
12. *Dao vọng trường đồ quá lĩnh trung* : Xa ngóng đường dài qua trong núi.
13. *Nhàn khan san thủy lạc vô cùng* : Rồi xem non nước vui khôn kể.

14. *Nhược ngộ phi cầm tùy sạ hạ* : Nếu gặp chim bay theo bản xuống.
15. *Hữu phùng lâu thủ tạt nan dung* : Có gặp chú chày cũng khó tha nó.
16. *Cứu dân độ thế* : Cứu mọi người, vớt đời chim đắm bể khổ.
17. *Khất ngộ* : Xin cơm cúng ngộ mà được khen là hiền tức cao quý.
18. *Ma nhát tức ma trêu ghẹo làm mê cả tâm hồn*.
19. *Tà quỷ nhiều nhưong* : Ma quái quấy rối.
20. *Kham thân thiên thương khởi họa thâm* : Thân nổi trời xanh đề vạ sâu.
21. *Xử ngộ diên đảo khô sâu tám* : Khiến ta quay lộn bởi lòng sâu !
22. *Ngộ nhi bất ngộ yên năng cứu* : Con ta chẳng gặp sao hay cứu.
23. *Hốt bị cuồng phu tróc hãm dâm* : Chợt bị thằng điên bắt hãm dâm.
24. *Quả sâu vắn thâm vũ chi bi* : Hẳn khóc than như mưa sâu mây thâm.
25. *Phi quỷ mị ngoan tình chi loại* : Chẳng phải loài yêu ma chi hết.
26. *Trèo bích môn* : Trèo lườn cửa vách. *Tróc vẩn* : Bắt lại đề hỏi.
27. *Ác-tăng* : Lũ thầy tu độc ác.
28. *Bạt trường-trùng loạn dả* : Giở trùng dài đánh túi bụi.
29. *Nan thứ tội dâm ô* : Khó tha tội ép dâm với đàn bà.
30. *Nhĩ khi Phật tích lự quai vi* : Mày coi thường đạo Phật tự làm trái.
31. *Nguyện sát cuồng-tăng loại tử-thi* : Thề giết lũ tăng liều này xé tan thầy mới hủ. Chẳng nghe đàn bà khóc mà nghĩ thầy chùa là ác-tăng mới nổi giận.



CẢNH THỨ CHÍN

HOÀN-LĂNG GIẾT TƯỚNG CƯỚP,
CÙNG SƯ KHÁNH-VÂN PHÙ THỨ-HẬU

HÒA-THƯỢNG viết :

Nam-mò A-Di Đà-Phật !
Bình địa khởi phong ba,
Vô đoan tao khổ hại!
Đa tạ Tướng-quân tu giảm nộ,
Khất dung bản-sĩ tổ tường tri (1).

Loạn viết :

Giá lý sơn trung hữu Thạch-Hùng (2),
Tằng lai nhương nhiều ký tự trung (3).

HOÀN-LĂNG loạn viết :

Giá ban nhân đẳng chân hung bối (4),
Bình tổ hành hà tác sự duyên (5)?

HÒA-THƯỢNG loạn viết :

Quản xuất chúng nhân đương yếu lộ (6),
Đoạt thu tài vật tróc lê dân (7).

HOÀN-LĂNG *loạn viết* :

Am trung phụ-nữ tàng phòng thất (8),
Thử tội duy thù khả thuyết minh (9)?

HÒA-[41a] THƯỢNG *loạn viết* :

Đa tạ Tướng-quân kim thứ tội (10),
Bàn-tăng an cảm hữu đàm ô (11)!

Hưu viết :

Tội đầu dám hoặc ngôn,
Vốn một lòng thành thực.
Hằng tụng câu Bát-Nhã (12);
Lòng niệm chữ Ma-Ha (13).
Cũng biết ghét gian tà,
Nhưng mà, Thế yếu khôn trừ quỷ.

THẠCH-HÙNG *viết* :

Truyền lâu la các gã,
Trở lại chốn am vân,
Tróc phụ-nữ mỹ nhân (14),
Đặng điệu hồi sơn-trại.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Tác quái chán tác quái;
Cuồng phu thị cuồng phu (15).
Quyết trừ đảng khuyến du (16);
Chi dung loài tàn ngược!
Hoàn-Lăng dả tử Thạch-Hùng, vân... vân...

Hưu viết :

Nàng khá bày sau trước,
Đặng ta rõ căn do?

THỨ-PHI *viết* :

Quyền Thứ-Hậu Tống-triều,
Ta Kim-Anh tỉnh Phụng.
Bị Hồ-tặc đoạt ngôi Tống-đế,
Nền lãnh mình lạc đến vân-san,
Phúc lâm phải loài gian,
Ơn Tướng-quân cứu viện.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Khuynh thân đa tạ,
Vạn vọng Hoàng-nương.
Bản ngu-thần thường ăn sơn lâm,
Bất tri chúa khát tình miền chấp!

Hạ viết :

Phản tặc ôi phản tặc;
Loạn thần hồi loạn thần!
Ngươi làm sao phản bội quân ân,
Vây thời chẳng bằng loài cầm [41b] thú?
Xin rước về trang gia nương náu,
Ngõ chờ ngày phục nghiệp Trưng Hưng (17).
Tiền-thần (18) quyết gắng công,
Phoi gan phò Tống-chúa.

THỨ-PHI *viết* :

Tướng-quân đã có lòng bảo hộ,
Khả đưa ra tới ải Đồng-quan.
Ngõ tìm kiếm Tử-Hoàng,
Rồi sẽ hưng binh khôi phục.

HOÀN-LĂNG *viết* :

Thoảng nghe qua tự sự,
Đà thấu đặng cơ quan.

Ài Đồng còn có Tử-Hoàng,
Lo chi chẳng đem về nghiệp Tống?

HÒA-THƯỢNG *viết* :

Chư láng các chúng,
Bãi tạ Mẫu-hoàng!
Tôi nay Bạch-Khánh-Vân,
Chốn am mây thác lịch.
Tuy xuất gia đầu Phật,
Nhưng cũng ở đất vua.
Quyết hết sức kuông phò,
Ngõ đem về đó cưu.

HOÀNG-LĂNG *viết* :

Người cùng di, vậy thời :
Người khá tua sấm sữ,
Mà chính bị thác nang.
Đồng thượng mã một đoàn,
Chỉ Đồng-quan nhẹ gót.

Văn viết :

Nhẹ gót trông chừng Đòng-dịa,
Đấng anh hùng nào nại gian nan.
Lo sao đem lại giang san,
Khử trừ đảng nịnh đặt an nghiệp hồng.

KHÁNH-VÂN *văn viết* :

Phật-đạo dữ đồng Vương-đạo (20),
Gặp hiểm nghèo phải báo công tôi (21).
Bao giờ cơ nghiệp phục hồi,
[42a] Về làm tôi Phật mới rời tiền căn (22).

THỨ-PHI *văn viết* :

Riêng hờn thời vận đảo điên,

Tắm mưa trải gió thuyền-quyên dễ sòn!
 Phật trời phù hộ Tống-bang,
 Mẹ con gặp gỡ giang san đem về.

TAM NHÂN *đồng văn viết :*

Bĩ qua rồi lại thái lai,
 Đất trời xin chứng cho người trung lương!
 Thứ này chưa đăng hợp hoan,
 Thứ tư mới đăng một đoàn trung-hung.
 Bĩ hoan ly hợp sự thường,
 Kinh dâng tam văn xin triều (trình) hồi tư.

CHÚ-GIẢI :

1. *Khuất dung bần-sĩ tố lương tri* : Xin dung cho kẻ tu sĩ nghèo này bày tỏ cho biết. Bần là nghèo đây là nghèo về đức-hạnh.
2. *Giả lý sơn trung hữu Thạch-Hùng* : Ở trong núi này có Thạch-Hùng.
3. *Tằng lai nhiều nhưông kỳ tự trung* : Từng lại đây quấy rối trong am.
4. *Giả ban nhân đẳng chân hung bối* : Cái đám người ấy thực là lũ dữ.
5. *Bình tố hành hà tác sự duyên* : Suốt đời bọn đó làm những gì?
6. *Quản xuất chúng nhân dương yếu lộ* : Cõi đám người giữ đường hẻm.
7. *Đoạt thu tài vật tróc lê dân* : Cướp lấy của tiền bất cả dân đen.
8. *Am trung phụ nữ tàng phòng thất* : Trong am chứa đàn bà trong phòng ấy ra sao?
9. *Thử tội duy thủy khả thuyết minh* : Tội ấy vì ai hãy nói rành.
10. *Đa tạ Tướng-quân kim thứ tội* : Tạ ơn Tướng-quân nay tha tội.
11. *Bần-lãng an cảm hữu đàm ô* : Kẻ tu này đâu dám việc đàm ô. Bần-lãng, lối khiêm tốn của thầy chùa, nói mình nghèo về đạo-học.
12. *Bát-Nhã* : Tên bộ kinh Phật, dạy về đường tu chân chính.
13. *Ma-Ha* : Nước Ma-ha dịch là cam lộ tức mưa ngọt, như vẩy nước Ma-ha vào cảnh dương-liễu, gọi là vẩy nước Cam-lộ vậy.
14. *Tróc phụ nữ mỹ nhân* : Bắt người đàn bà đẹp ấy.

15. *Cưỡng-phu* : Đưa diên khùng dám làm liều lĩnh.
16. *Khuyển du* : Loài chó mà, tức giống thú không phải là người.
17. *Trung-Hưng* : Ở khoảng giữa dấy lên, thí dụ một dòng vua dấy mấy đời không may bị mất ngôi, thế rồi con cháu lấy lại ngôi báu truyền lại về sau, khi lấy lại ấy là Trung-hưng hay Trùng-hưng nghiệp cũ.
18. *Tiểu-thần* : Bề tôi hèn nhỏ, bởi Hoàn-Lang còn là dân chưa làm quan, nay xưng với vua chúa là Tiểu-thần cho đúng nghĩa.
19. *Tự sự* : Bày công việc ra. *Cơ-quan* : Bộ máy, ở đây có nghĩa là sự thế.
20. Phật-dạo là tu hành siêu thoát cõi trần tức xuất thế, lại dữ đồng là cũng như Vương-dạo phải nhập thế, bởi sự tùy duyên có giúp đời mới yên để tu thân, cho nên hai đạo phải đi đôi với nhau vậy.
21. *Công tôi* là công khó nhọc của bề-tôi, đi tu song vẫn là thần dân của vua chúa, khi ra sức giúp dù thấy tu vẫn danh phận con dân.
22. *Tiền căn* : Cái rễ trước, có rễ mới sinh cây rồi kết quả về sau, đây nói căn của Khánh-Vân là kiếp trước nguyện tu hành, đến kiếp này sẽ tu cho đúng với tiền căn mong thành chánh quả.



QUYỂN THỨ BA

HỒI THỨ TƯ

(Gồm 9 cảnh)

- * 1. Lưu-Tử dạy văn võ Tử-Hoàng, Chu-Linh thấy đuổi mà chạy.
- * 2. Lưu-Tử, Tử-Hoàng được Phiên-chúa Hồ-Oai đưa về lánh ẩn.
- * 3. Cha con Hoàn-Công tới quan ải, hợp lực cùng Phụng-Cửu-Công.
- * 4. Hắc-Lân phá trận-dờ, gặp Hoàn-Công ở quan-ải Cửu-Công.
- * 5. Nơi quan-ải, quân thần, phụ tử, phụ phụ, huynh đệ,.. trùng phùng.
- * 6. Tử-Hoàng phục quốc, chia năm đặng binh tấn công.
- * 7. Sau Thạch-Dũng, Thái-Hà, Chu-Linh,.. Binh Hồ bị Lưu-Tử dẹp tan.
- * 8. Hồ-vương thất bại, Hoàng-Tử lên ngôi, phong chức bách quan.
- * 9. Lễ tiễn đưa Phiên-chúa về xứ, và Hoàn-Công đi tu.

CẢNH THỨ NHẤT

LƯU-TỬ DẠY VĂN VÕ TỬ-HOÀNG,
CHU-LINH THẤY ĐUÔI MÀ CHẠY

LƯU-TỬ *bạch viết* :

[43a] Động vót vàng diệt nguy (1);
Rời mũi bạc phò chân (2) !
Tống-trào đà một mối hưng vương;
Nguyễn-chúa lại khỏe bền nổi thánh (3) !
Võ Tồn, Ngô tài sánh (4);
Văn Tử-Kiến chi nhường!
Quân thần đã chọn đạo trung lương,
Phò Hoàng-Tử tôi Đinh-Lưu-Tử.

Hựu viết :

Như tôi, Đã nhiều trận tranh long đấu hổ;
Lại lắm phen lược địa đồ thành (5).
Thồn thức trông đem lại nghiệp hồng,
Nàng vai gánh Tống-trào thồ vũ (6).

HOÀNG-TỬ *viết* :

Dạ ! Dám trình qua thân phụng,

Xin bày tỏ tấm lòng.
 Bày lớn nường một khóm thung-đường,
 Sao khuya sớm vắng cảnh huyền thất (7)?
 Xin tỏ bày trong đục,
 Cho con hãn căn nguyên?
 Do hà ngu chồn làm tuyến (8),
 Tri kỳ phụ bất tri kỳ mẫu (9)?

LƯU-TỬ viết :

Thấy nói tấm lòng áo nã;
 Nghe lời dạ tựa kim châm.
 Chẳng phải đạo cha con;
 Vốn thực niềm tôi chúa.
Bầm Điện-hạ (10) chưa rõ, tôi phân lại cho tường.
 Tự Thánh-hoàng án giá,
 Hồ-gia đoạt ngôi Kiền.
 Nó lại, Đem Mẫu-Hoàng ra chồn [43b] bèn sông,
 Truyền chúng tướng chờ giờ lịch sát.
 Tôi ra tay cứu thoát,
 Mới khỏi chồn long đàm.
 Bà bèn sản xuất Tử-Hoàng,
 Phút lại tử u huyết vận (11).
 Tặc truy binh chỉ cận (12),
 Tôi bèn táng tại vãn san.
 Đã mấy thu kẻ bắc người nam,
 Mười năm chẵn một tôi một chúa.

HOÀNG-TỬ viết :

Đoạn phế phủ, đoạn phế phủ;
 Thống tâm can, thống tâm can!!!
 Kham thán dã phụ-hoàng;
 Ai tai hồ Mẫu-Hậu!

Thán viết :

Phụ-mẫu sở sinh hà nhân đoạn (13),
 Ai hồ! Thời vận oán tình di (14)!
 Thập nguyệt hoài thai ân võng cực (15),
 Tam niên nhũ bộ lệ lâm ly (16)!

Hựu viết :

Nghiệp Tống dù còn nổi tông chi (17),
 Vi dưỡng-phụ (18) có lòng phù giúp.
 Biết bao thừa mười ân báo đáp (19),
 Cho thỏa tình sinh dưỡng đạo đồng (20).
 Riêng trách bởi Thiên-công,
 Khả tích ta sự nghiệp!

LƯU-TỬ *viết :*

Xin Điện-hạ đừng roi nước mắt,
 Mà ngu-thần xối động chứa chan.
Thưa Điện-hạ! Giờ thời,
 Xin gắng công luyện tập kinh luân (21),
 Ngõ chờ vận phục hồi thổ vũ.

HOÀNG-TỬ *viết :*

Kim dưỡng-phụ thao văn luyện võ (22),
 Tôi phải theo giáo huấn nhi hành.

[44a]

Bài viết :

Vạn đội xum la hề, kim-kê độc lập, kim-kê độc
 lập (23),
 Nhất xoang kiếm kích hề, mãnh-hổ ly sơn, mãnh-
 hổ ly sơn (24).
 Phấn thân dũng được hề, đẳng giao phượng vũ,
 đẳng giao phượng vũ (25),
 Nỗ lực bào hao hề, hổ đấu long tranh, hổ đấu
 long tranh (26).

Nhuệ khí lôi oanh hê, tinh kỳ bố liệt, tinh kỳ
bố liệt (27),
Vệ thân vũ dục hê, kiếm kích dương uy, kiếm
kích dương uy (28).

LƯU-TỬ viết :

Hảo hảo dã kinh quyền (29),
Hoan hoan tại Hoàng-Tử!
Nư vậy ắt Tống trào đồ số (30),
Nhường ấy thời Tống quốc miền trường.
Vây thời ta trở lại sơn trung,
Chờ đến vận chiêu binh phục nghiệp (31).

QUÂN BẢO viết :

Chúng tôi bộ-hạ,
Tuần thú non xanh.
Thấy Tử-Hoàng cùng gã Lư-sinh,
Ăn sơn thượng thảo văn luyện võ.

CHU-LINH viết :

Tâm trung nộ phát,
Điện thượng thông hồng!
Quân! Lệnh truyền dữ tam quân,
Cấp phủ vây sơn thượng.

LƯU-TỬ viết :

Chợt nhìn kiếm kích ngưng sương (32),
Đoái thấy bốn phương vây phủ.
Xin Điện-hạ lên yên đoạt lộ,
Sau ngu-thần ra sức đỡ ngăn.
Mặt từ giả miếu môn,
Mau thoát nơi thử thạch.

CHU-LINH *viết* :

Tử-Hoàng xem đã thiệt,
Lư-Tú ngó rõ ràng.
Quyết [44b] chém gã xuống an,
Chẳng cho ngồi trên ngựa.

LƯU-TÚ *viết* :

Xưa tưng tiểu trong vòng chẳng sợ;
Nay thanh thoi ngoài trận sá bao?
Người dầu khoe dũng lực tài cao,
Ta cũng biết thời phong nhuệ khí (33).

CHU-LINH *viết* :

Khá khen thay Lư-Sĩ,
Sức quán cổ anh hùng!
Chúng Trống! Truyền chúng tướng phủ vây,
Hóa phép tróc lai Hoàng-Tử.
Úm! Khiếu hỏa xa tốc tốc,
Cộng hỏa hồ, hỏa lân (34)...
Đồng áp trụ vùn sơn,
Cấp tróc lai Hoàng-Tử.

HOÀNG-TỬ *viết* :

Thậm cấp chân thậm cấp;
Chi nguy thị chi nguy (35)!!!
Thiên xử ngò dã ngoại táng thi (36);
Địa xử ngã sơn trung mai cốt (37).

LƯU-TÚ *viết* :

Xin Điện-hạ đừng roi lệ ngọc,
Đề có tôi diệu pháp linh thông (38).
Thư kiểm phù hóa phép Ngũ Long,
Niệm thần chú giải vây đồ-trận (39).

CHU-LINH *viết* :

Lệnh truyền chúng tướng,
Dương cung thử sạ chi (40).

QUÂN-NHÂN *viết* :

Hoàng-Tử đã cao phi,
Thừa hoàng-long hầu thoát (41).

CHU-LINH *viết* :

Tướng một mìn diệu pháp ;
Hay nhiều kẻ tài cao.
Truyền chúng tướng sát lại,
Trao tam quân truy tiến.

Hữu viết :

Những mảng tham rồi còn [45a] mác,
Phút đà áp cỡi Phiên-bang.
Lệnh truyền dữ quân nhân,
Thoái binh hồi Trung-quốc.

LƯU-TỬ *viết* :

Dậm liễu sương bay lác đác,
Đường dề tuyết nhuộm láng lai.
Đã khởi chốn chông gai,
Mau lần qua dậm tía.

Văn viết :

Dậm tía trông chừng giờ vọt,
Thoát khỏi vòng hồ huyết long đàm.

HOÀNG-TỬ *văn viết* :

Cầm hờn con giặc tôi loạn,
Sui hao mạch nước phá tan dân lành.

LƯU-TÚ *văn viết :*

Trách thay thời vận gặp ghềnh,
Thân này đập sỏi dày sành sá bao?

HOÀNG-TỬ *văn viết :*

Lần theo suối thăm non cao,
Lánh nơi nước lửa cá ao khỏi nghèo.

CHÚ-GIẢI :

1. *Vót vàng* là binh khí, *Diệt kẻ nguy* là giặc tức họ Hồ.
2. *Mũi bạc* đồ binh-khí sắc trắng loáng, *Phò chân* là chân chúa là Tống.
3. Chúc Chúa Nguyễn Việt-Nam sau khi nói qua bản tường triều Tống.
4. *Tôn-võ-Tử* đòi Đông-Châu làm Binh-Thư cũng Tồ-sur về phép chiến trận, *Ngô-Khởi* đòi Đông-Châu giỗ phép hành quân nên võ giỗ thường nói đến Tôn, Ngô.
5. *Lược địa* : Mưu tính lấy đất. *Đồ thành* : mưu tính chiếm thành.
6. *Thồ vũ* : Bò cỡi đất nước, như chữ lãnh-thồ đòi nay.
7. *Huyền-thất* : Nhà Huyền tức người mẹ. *Cổ Huyền* đeo vào lưng thì đỡ lo vì như người mẹ, do chữ *Kinh-Thi* An đắc huyền thảo, thụ chi hậu bối.
8. *Lâm tuyền* : Suối rừng. Lưu-Tú dạy Hoàng-Tử về Kinh Sĩ, nên Hoàng-Tử đã khôn lớn mà hỏi qua lai lịch.
9. *Tri kỳ phụ bất tri kỳ mẫu* : Biết người cha chẳng biết người mẹ.
10. *Điện-hạ* : Dưới điện, khi tâu với Thái-Tử, Vương trước đều xưng tâu ở dưới điện, do đấy mà thành danh tâu lên.
11. *Tử ư huyết vận* : Chết vào lúc đẻ xong máu còn chưa khô ráo.
12. *Phụ mẫu sở sinh hà nhân đoạn* : Cha mẹ sinh ra sao nữa đứt.
13. *Ai hồ ! Thời vận hoán tính di* : Thương ôi ! Thời vận đổi rồi sao.
14. *Tặc binh truy chí cận* : Binh giặc đuổi tới gần.
15. *Thập nguyệt hoài thai ản võng cực* : Mười tháng mang thai on to vì trời cao kia không biết đầu là cùng cực.
16. *Tam niên nhũ bộ lệ lâm ly* : Ba năm bú mớm lệ đầm đìa. Thái-Tử để

- ra mẹ chết, nhưng bản phận làm con vẫn khỏe theo điệu này.
17. *Còn nổi tống chi* : Tức nhà Tống còn được làm vua theo nghiệp tổ.
 18. Thái-Tử từ đây kêu Lưu-Tử là cha nuôi tức *Dưỡng-phụ* vậy.
 19. Mười ân của cha mẹ nuôi con, kê ra từ nhỏ cho nên người.
 20. *Sinh dưỡng đạo đồng* : Để ra, và công nuôi từ nhỏ, cùng một đạo làm cha, sự hiếu kính coi ngang nhau vậy.
 21. *Kinh luân* chữ kinh Dịch quẻ Chuân, nói về làm chính-trị như gờ rồi mối tơ của hàng muôn chính sự cho dân được nhờ.
 22. *Thao văn luyện võ* : Rèn luyện văn võ cho thành tài.
 23. *Vạn đội xum la hề* : Muôn đội binh xô lại họp về chừ ! *Kim kê độc-lập* : Gà vàng đứng một mình, muôn đội binh kính phục tuân theo.
 24. *Nhất xoang kiếm kích hề* : Một khi múa gươm kích chừ ! *Mãnh hổ ly sơn* : Như cọp dữ ra khỏi rừng làm mọi người khiếp sợ !
 25. *Phấn thân dũng được hề* : Ra sức mình mạnh khỏe vẫy vùng chừ ! *Đăng giao khởi phượng* : Như phượng múa con cù (rồng nhỏ) bay như biển.
 26. *Nỗ lực bảo hao hề* : Gắng sức thoát gài lên chừ ! *Hồ đấu long tranh* : Như cọp chọi rồng tranh, cũng như phượng giao đều xuất quỷ nhập thần.
 27. *Nhuệ khí lôi oanh hề* : Khí thế sắc bén như sấm ran chừ ! *Tinh kỳ bố liệt* : Cờ xí bày hàng đầy rẫy.
 28. *Vệ thân vũ dực chừ* : Như lông cánh giúp mình chừ ! *Kiểm kích dương uy* : Như gươm với kích giờ oai ra.
 29. *Hảo hảo dã kinh quyền* : Tốt tốt vậy khi xử thường lúc lựa biển.
 30. *Đồ số* : Cũng như cơ nghiệp chẳng. Đây Lưu khen tài Hoàng-Tử.
 31. *Chiến binh* : Mộ quân cho đồng. *Phục-nghiệp* : Lấy lại nghiệp chúa.
 32. *Kiểm kích ngưng sương* : Gươm kích đọng lại như sương tức nhiều.
 33. *Thôi phong* : Đầy sức gió tới tức khỏe. *Nhuệ khí* : Khí thế sắc bén.
 34. *Úm là lời hô Thần-chú, Khiếu hỏa-xa tốc tốc* : *Kêu xe lửa nhanh chóng, Cộng hỏa hổ* : Cùng con hùm lửa, *Hỏa lân có lẽ con lân lửa*, vì chữ viết Hỏa-lân, chưa hiểu thú lửa của giống gì.
 35. *Thậm cấp* : Rất gấp ; *Chỉ nguy* : Đến nguy tới nơi rồi khó thoát.
 36. *Thiên xử ngô dã ngoại láng thi* : Trời khiến ta chôn thầy ngoài đồng nội.
 37. *Địa xử ngã sơn trung mai cốt* : Đất khiến ta vùi xương trong núi.

38. *Diệu pháp* : Phép khéo biến hóa như thần. *Linh thông* : Linh mà thông suốt không ngừng trệ, không cái gì cản trở như thể thần-thông.
39. Niệm thần-chủ, đề giải trận thế bày ra vây quanh cho được thoát.
40. *Dương cung thử sạ chi* : Giờ cung tên bắn đây.
41. *Thừa Hoàng-long tàu thoát* : Cưỡi rồng vàng bay chạy mất. Đến đây mới rõ binh họ Hồ vây khu rừng tìm kiếm vua tòi Hoàng-tử vào khoảng mười năm, đến bây giờ mới thoát.



CẢNH THỨ HAI

LƯU-TỬ, TỬ-HOÀNG ĐƯỢC PHIÊN-CHÚA
HỒ-OAI ĐƯA VỀ LÁNH ẦN

HỒ-OAI viết :

Quyền xưng chúa tể Liêu-triều,
Ngò nãi Hồ-Oai thị dã.
Như ta, Tự hưng binh quan hạ,
Mong thu đoạt Tống-triều.
Phút sa thừa máy binh (1),
Bị Lão-gia sinh hoạch (2),
Nhờ Lão-gia đại đức,
Tha mỗ lại Phiên-bang,
Nguyên khắc cốt minh tâm,
Thệ kết vi thần sỉ (3).
Mỗi tam thu một lễ,
Lần kẻ đã sáu đòng (4).
Trạch lòng vàng sầy nhớ tướng-công,
Roi mắt ngọc sui buồn dạ mỗ.
Chúng Tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
Mau [45b] vác lưới chài muông.

Đạo sơn dầu hứng chi từng làm,
Săn cày cáo giải tình phiền não.

Loạn viết :

Chùng chiêm sơn linh khứ mang mang (5),
Túc bộ ta đà chi tự hoan (6) !
Nhiệm ngã tiêu dao mi lộc hảo (7),
Khoái ngộ nhân lạc điều cầm da (8) !

Hựu viết :

Quản ! Truyền mở đài tiệc hồng,
Mau chúc châm chén nhạn.

Bài viết :

Âm tửu tam bôi chúc tửu diên (9),
Quản tề bả trần lạc hoan nhiên (10).

Hựu viết :

Dục phá thành sâu,
Chi cho bằng dụng tửu binh (11).

Bài viết :

Lục thủy thanh sơn chân hảo cảnh (12),
Kỷ hoa thủy thảo phá sâu tình (13) !

Hựu viết :

Say vừa quên sâu nộ phút tan,
Cảnh rất hảo thú thêm vui thú.

Văn viết :

Cảnh rất hảo thú thêm vui thú,
Cảnh tình này thoát giải sâu tây.
Rõ ràng gấm dệt thức mây,
Sông Ngân một giải ánh trời nên xanh.

LƯU-TÚ *viết* :

Suối cầm chảy thanh thanh,
Cối tùng am bóng mát.
Xin Điện-hạ xuống yên tạm gác,
Đặng cho tôi vào đó nghỉ chân.

Hữu viết :

Điện-hạ đà bàn thạch giấc an (14),
Ta cũng cối tùng nghỉ mát.
Như ta nay; Kề từ thừa hai phương phiêu lạc,
Nỗi gia tình [46a] một lẽ khôn thông.
Nhớ hiền-thê lệ nhuộm dòng dòng,
Trông ngọc hữu tuôn châu lộp độp.
Biết bao thừa một nhà xum họp,
Bỏ những khi thân mồ lao đao.
Ngưỡng diện khiêu Hoàng-thiên;
Đề đầu ta địa hậu!

Thán viết :

Phu phụ Sâm Thương hà nhật hội (15),
Uyên ương giai ngẫu kỷ thời phùng (16)?

HỒ-OAI *viết* :

Nhìn xem nhị vị tư dung,
Nhắm lại khác người phạm tục (17),
Quán! Quán-nhân đừng dao động,
Đề mõ ngó cho tường.
Một gã thời bạch-hồ ần thân (18);
Một người lại hoàng-long phụ thê (19).
Như hai người này là,
Phi tầm thương ty bỉ (20),
Quả quốc-sĩ, vương-gia (21).
Đáy quán! Lệnh truyền giệp can qua,

Đáo cận tiền khán quá (22)!

LƯU-TỬ *viết* :

Tác quái chân tác quái;
Loạn thần thị loạn thần!
Quyết vạn đoạn toái phàn,
Thệ bất dung sức nghiệt (23)!

HỒ-OAI *viết* :

Khoan khoan rời phủ việt (24),
Chớ chớ động đao sang.
Mỗ là kẻ vô can,
Sao gọi rằng tác quái?

LƯU-TỬ *viết* :

Ngươi vốn còn lạ mặt,
Ta chẳng phải bạn my.
Do sao binh mã tới đây?
Danh tính khá bày bản mặt (25)?

HỒ-OAI *viết* :

Thụ sắc phong [46b] nhất quốc,
Mỗ tước hiệu Liêu-Vương.
Như binh mã đến đây, chẳng qua là,
Nhớ Cửu-Công tác dạ thêm buồn,
Đi sẵn bản giải tình sầu muộn.
Lời hỏi cùng hai vị,
Danh tính khá bày tường?
Nhân việc chi nhân mã độc hành (26),
Tới sơn lĩnh sở hành hà sự?

HOÀNG-TỬ *viết* :

Tổng triều Hoàng-Tử,
Ốc hiệu Thái-Xương.

Bị Hồ-gia chiếm đoạt ngôi kiền,
Nên tôi chứa tâm phượng lãnh nạn.

HỒ-OAI viết :

Nghe tỏ bày sau trước,
Mới biết nỗi căn nguyên.
Bộ-Thần! Truyền khai tiệc yến diên,
Lễ kính mừng Hoàng-Tử!

Hạ viết :

Tặc tử ôi tặc tử;
Gian thần hỡi gian thần!!!
Sao chẳng kiềng búa nguyệt phân thây;
Lại không sợ gươm trời xả thịt (27).

Hạ viết :

Hạ lệnh truyền chúng tướng!
Mau tuyền lấy mười tên.
Đưa Tử-Hoàng trở lại Đòng-thành,
Cùng quốc-sĩ dưỡng an khi lực.
Chúng tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
Mau phấn động qua màu.
Quyết thắng tới Tống-đô,
Ra tay trừ sức nghiệt!

LƯU-TÚ viết :

Xin giảm cơn tích lịch (28),
Khoan động xử binh đao.
Vả Hồ-gia tướng rất cao cường,
Thêm nhiều tướng tài cao phép lạ!
Ta nay [47a] hãy binh cô lương quả (29),
Biết mưu chi dĩ nhược chế cường (30)?
Chỉ cho bằng sức tích binh lương,

Chờ vận thái đem binh khôi phục.

HỒ-OAI viết :

Hồi tâm liễu đắc, liễu đắc (31);
Thỉnh thuyết hoan nhiên, hoan nhiên (32) !
Huề thủ lại bản thành,
Trạch lương nhật tổng hồi Đông địa (33).

CHÚ-GIẢI :

1. *Máy binh tức binh cơ*, nói việc binh như bộ máy làm việc.
2. *Lão-gia sinh hoạt* : Tức Cửu-Công bất sống tha cho, coi như cha-già
3. *Kết vi thần sĩ* : Kết bạn coi như môi với răng, một khi môi hở răng lạnh, nó liên quan mà phải giúp đỡ lẫn nhau, tha thứ cho nhau.
4. *Tam thu* : Ba mùa thu tức ba năm, sáu mùa đông cũng sáu năm vậy.
5. *Chừng chiêm sơn lĩnh khứ mang mang* : Lặng xem non núi đi vội vàng.
6. *Túc bộ ta đà chỉ tự hoan* : Chân bước chậm chầy chỉ tự vui sướng.
7. *Nhiệm ngã tiêu dao mi lộc hảo* : Tùy ý ta dạo chơi sẵn hươu nai mà thích.
8. *Khoái ngộ nhàn lạc điều cầm da* : Ta sướng vì nhàn rồi sẵn được làm chim muông.
9. *Ấm tửu tam bôi chúc tửu diên* : Uống ba chung rượu chúc rượu mừng!
10. *Quản tề bả trần lạc hoan nhiên* : Cùng đều cất chén vui mừng vậy.
11. *Dục phá thành sầu* : Muốn phá cái sầu như thành vững. *Dụng tửu binh* : Dùng binh bằng rượu cho say quên cả sầu đi. *Do câu thơ* : Dục phá thành sầu dụng tửu binh.
12. *Lục thủy thanh sơn chán hảo cảnh* : Nước biếc non xanh cảnh thực tốt.
13. *Kỳ hoa thụ thảo phá sầu tình* : Hoa thơm cỏ tốt phá tình sầu.
14. *Bàn-thạch* : Tảng đá. Giấc an đã ngủ trên đó cho đỡ mệt.
15. *Phu phụ Sâm, Thương,..* Vợ chồng như Sâm Thương không bao giờ gặp.

16. *Uyên ương giai ngẫu kỷ thời phùng* : Lừa đòi đẹp như uyên ương kia bao giờ lại gặp. Uyên ương đã chưa ở trên.
17. *Tư dung* : Bóng dáng. *Phàm tục* : Mọi người côi tục không có gì hay.
18. *Bạch hồ ần thân* : Cọp trắng ần trong người, đầy nói Lư-Tú.
19. *Hoàng-long phụ thể* : Rồng vàng ốp vào mình, tinh Rồng là Hoàng-Tử.
20. *Phi làm thương ty bỉ* : Chẳng phải kẻ xoàng, hèn kém hạng dưới.
21. *Quả quốc sĩ, vương gia* : Hãn là bậc quốc-sĩ (nhất nước), và dòng vua.
22. *Đảo cộn lại khán quá* : Đến lại gần xem qua.
23. *Thê bất dung nghiệt súc* : Thê chẳng dung tha giống nuôi làm hại.
Súc sinh : Nuôi sống như gà chó. *Nghiệt* : Làm quái gỡ đem lại sự xấu.
24. *Phủ việt* : Búa rìu thuộc binh khí, nói đến phủ việt đều là dữ dội.
25. *Bản mặt* : Gốc ngọn, là trước sau tinh sự như sao.
26. *Nhân mã độc hành* : Người với ngựa đi, không ai có đầy tớ tùy theo.
27. *Búa nguyệt* : Cái lưỡi búa cong hình như vành trăng, đối với **gươm** trời là gươm của trời, cũng là của phe Quốc-gia chân chính.
28. *Tích lịch* : Sấm sét, khi nổi giận gầm thét lên như sấm đáng sợ.
29. *Bình cò* : Bình ít như lẻ loi. *Lương quả* : Lương ít cũng thiếu sự trợ tá.
30. *Dĩ nhược chế cường* : Lấy yếu mà thắng được mạnh.
31. *Hồi tâm liễu dắc* : Quay đầu nghĩ lại được rồi, được rồi là phục lắm.
32. *Thỉnh thuyết hoan nhiên* : Nghe nói vui thay vui thay là hay.
33. *Huê thủ* : Dắt tay, *bản thành* : Thành của mình (Phiên-chủ). *Trạch lương nhật tống hồi Đông-dịa* : Chọn ngày tốt đưa về Đông-địa của Cửu-Công.



CẢNH THỨ BA

CHA CON HOÀN-CÔNG TỚI QUAN-ẢI,
HỢP LỰC CÙNG PHƯỢNG-CỬU-CÔNG

CỬU-CÔNG *bạch viết :*

Uy trấn Đông-thành mạc cảm đương (1),
Thôi phong hãm nhuệ lực tung hoành (2).
Tâm trung nghĩa khí hào vô táng (3),
Tái ngoại hồng trần tận tảo thanh (4)!

Hựu viết :

Quyền trọng trấn ải Đông,
Phượng-Cửu-Công là mỗ.
Từ vàng sắc chỉ,
Ra trấn thủ Đông-thành.
Khuất chỉ (5) đà nhị thập dư niên,
Sao không thấy đòi về báii yết?

Hựu viết :

Hạ lệnh truyền bản-bộ,
Mau chuốc tửu kim bôi.

Uống vài chén cho vui,
Kéo lâu ngày nhớ chúa.

Tán viết :

*Bây giờ ta mới nhớ lại, Thuở trước người Giới-Tử-Thôi ra phò giúp nước theo chúa Văn-Công, chinh đông phạt bắc, lược địa đồ thành, đến khi an rồi, chúa Văn-Công phong các quan Công thần, ai ai vậy cũng đều có quan chức, còn người Giới-Tử-Thôi, *thôi thôi quên đi*. Bởi vậy cho nên, [47b] nhà gã bèn trở lại non Cầm tú ẩn thân. *Đến chừng*, chúa Văn-Công nhớ lại người Giới-Tử-Thôi, *thời* nhà gã đã về non rồi. *Chúa Văn-Công không biết rằng* dặng, chúa Văn-Công mới tương xa mã, lên rước một đôi phen không dặng, người Giới-Tử-Thôi ần nhi bất xuất, chúa Văn-Công không biết làm sao, *cho nhà gã ra*, chúa Văn-Công mới giận, bèn phóng hỏa đốt non Cầm-son, *cho nhà gã ra*, nhà gã lớn gan không ra, mẹ con bèn bão thụ nhi tử chi (6). *Hay là*, lão như người Giới-Tử-Thôi chẳng, bởi vậy nên không vờ đến lão? *Đầy mà thôi*.*

QUÂN *viết :*

Cúi thưa dưới trướng,
Ngửa tỏ bèn mản.
Có hai người đứng trước dinh lang,
Đồng một tiếng gọi vào ra mắt!

CỬU-LONG *viết :*

Hạ lệnh truyền bản bộ,
Hứa thỉnh nhập khách-đường (7).

HOÀN-CÔNG *viết :*

Thánh-hoàng đà xa lánh cõi tiên,
Hồ-gia lại đoạt kỳ để vị.

CỬU-CÔNG *viết :*

Mục hạ thị quan trường (8),
 Tâm trung giai kinh cụ (9) !
 Do hà sự, do hà sự;
 Khả tổ ngôn, khả tổ ngôn (10)?

HOÀN-CÔNG *viết :*

Thánh hoàng đà xa lánh,
 Hồ-thị lại đoạt ngôi,
 Gian nan kè không cùng;
 [48a] Hoạn nạn bày khòn xiết.
 Mẫu-hoàng đã tử u sản hậu,
 Mười năm chầy tòi chúa phiêu lưu (11).

CỬU-CÔNG *viết :*

Nghe lời biến sắc,
 Thấy nói hồn phi.
 Kham thán hồ Thiên-tử, Hoàng-phi,
 Khả tích giả Tống-triều sự nghiệp !

Thán viết :

Hoài niệm ngô quân cát thảo nha (12),
 Khả liên Điện-hạ lệ sinh ba (13) !
 Dẫn ước bách niên trường quốc mạch (14),
 Thủy tri nhất đán mộng Nam-Kha (15) ?
 Thống hận Hồ-gia chân oán ác (16),
 Nhấn tranh sự nghiệp chiếm Hoàng-gia (17) !

Hư viết :

Quân ! Truyền quân nhân tu chính hương đăng,
 Đặt cho lão cư tang đại hiếu (18).

Văn tế viết :

Hoa bay nước chảy, máy tồn vong khác tựa héo
hơn;
Vật đổi sao rời, đường sinh tử mau nhường thắm
thoắt.

Điện-Hạ! Nhớ linh xưa :

Sơn thủy chung linh (19); Miếu đường bảo vật (20) !
Ngăn thành đồng, bồi lũy sắt, ngàn thu vững đặt
phong cương;
Sửa mối nước, cầm giếng trời, trăm họ thấy đều
ca lạc !
Những ước trời Nam nên tỏ rõ, nhà nước hãy
vững bền;
Nào hay ải Bắc nhận vội về, chúa tôi đã phân
biệt.
Rượu ba tuần voi chúc, Cúi lạy tẩm [34b] lòng
thành !
Dám tin tỏ xét. Thương thay! Thương hưởng!

Hạ viết :

Gian thần hồi gian thần;
Phản tặc ôi phản tặc!!!
Nguyễn đề tam xích kiếm,
Nan dung vạn đoạn thi!
Chúng tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
Mau tu chỉnh đao sang.
Nghĩ tốc tựu trưởng tiền,
Cấp thỉnh ngô chi mệnh.

HOÀN-CÔNG *viết :*

Xin Đại-quan giảm nộ,
Dụng ngục hạ lời can.

Khá luyện tập sức tích binh lương (21),
 Ngõ sai kẻ kiếm tìm Hoàng-Tử.
 Khi ấy mới cử đồ đại sự,
 Kẻo chúa tôi thất lạc đôi phương.
 Hễ là ta binh xuất hữu danh (22),
 Nhường ấy ắt sở chinh vô địch (23)!

CỪU-CÔNG viết :

Hồi tâm thỉnh đắc, thỉnh đắc;
 Hợp ý tòng chi, tòng chi (24)!
Quân! Hạ lệnh dữ quân nhân,
 Khá hết lòng cần mật.
 Gã nào ra sức,
 Kiếm đăng Tử-Hoàng.
 Đem về tới dinh lang,
 Bạc vàng ta trọng thưởng.

Hạu viết :

Lão-tướng lui vào cầm-trưởng,
 Ta ra tập trận sơn đầu.

CHỮ-GIẢI :

1. *Uy trấn Đông-thành mạc cảm dương* : Oai trấn thành Đông ai dám địch cùng ta. Tức trí dũng không ai sánh kịp.
2. *Thôi phong hãm nhuệ lực tung hoành* : Đây mũi nhọn, do khí thế sắc bén, bởi sức vẫy vùng, ra tay đã phá hết thầy sức mạnh.
3. *Tâm trung nghĩa khí hào vô táng* : Nghĩa khí trong lòng không mất đi một chút.
4. *Tài ngoại hồng trần tận tẩy thanh* : Bụi nhơ ngoài cửa ải quét sạch hết, tức không dám giặc nào dám xâm phạm.
5. *Khuất chỉ* : Đếm ngón tay, bấm đốt tay, tính xem bao nhiêu ngày.

6. *Bảo thụ nhi tử chi* : Ôm cây mà chết đấy.
7. *Hứa thỉnh nhập khách-dương* : Cho mời vào nhà khách.
8. *Mục hạ thị quan tường* : Xem rõ dưới con mắt ấy, đúng Hoàn-Công sao lạc tới mình.
9. *Tâm trung giai kinh cụ* : Trong lòng đều kinh sợ !
10. *Do hà sự* : Bởi việc gì. *Khả tố ngôn* : Khả bày tỏ nói ra.
11. *Phiêu-lưu* : Chôi rạt. Đây Hoàn-Công sau khi cách biệt Lư-Tú, Tử-Hoàng đã mất mười năm. Trong khoảng đó sao không tới ải Đông, hay bị mắc địch vây xó rừng như Lư-Tú ?
12. *Hoài niệm ngô quân cát thảo nha* : Nghĩ nhớ vua ta cắt móng vuốt.
13. *Khả liên Điện-hạ lệ sinh ba* : Đáng thương Điện-hạ lệ rơi thành sóng.
14. *Đãn ước bách niên trường quốc mạch* : Những ước trăm năm dài vạn nước. Kêu vua là Điện-hạ như Thái-Tử là không đúng.
15. *Thù tri nhất dân mộng Nam-Kha* : Ai hay một sớm như giấc Nam-Kha.
16. *Thống hận Hồ-gia chán oán ác* : Đau giận họ Hồ thực ác vì gây oán.
17. *Nhãn lương sự nghiệp chiếm Hoàng-gia* : Nỡ dành ngôi báu chiếm nhà vua.
18. *Cư tang dài hiếu* : Ở theo tang chử đeo hiếu bên mình.
19. *Sơn thủy chung linh* : Non nước đức nên khi thiêng mà dễ ra người.
20. *Miếu-duơng bảo vật* : Cửa báu của nhà vua. Miếu-duơng đã chưa.
21. *Súc tích binh lương* : Nuôi chứa quân lính lương thảo.
22. *Binh xuất hữu danh* : Đem binh ra phải có danh nghĩa, như phò chân-chúa diệt kẻ gian thần, thì quốc dân mới hưởng ứng.
23. *Sở chinh vô địch* : Đánh đến đâu không ai địch lại được vì Chính-nghĩa.
24. *Hồi tâm thỉnh đắc, thỉnh đắc* : Quay đầu nghĩ nghe được, nghe được ; *Hợp ý tông chi, tông chi* : Hợp với ý mình theo đấy, theo đấy.



CẢNH THỨ TƯ

HẮC-LÂN PHÁ TRẬN-ĐỒ,
GẶP HOÀN-CÔNG Ở QUAN-ÁI CỬU-CÔNG

HẮC-LÂN *viết* :

Màu tuyết trải phau phau ;
Suối cầm trong leo lẻo.
Nhớ huynh-trưởng tấm lòng thất thểu ;
Thương kim-bằng tác dạ dè mè.
Phù ấn rồng chỉ dặm đường-đè,
[49a] Tìm bạn ngọc ngổ tường chân giả (1).

Vãn viết :

Tìm bạn ngọc ngổ tường chân giả,
Phỉ lòng nguyên kẻ dạ luống tròn.
Cầm hòn những đảng bất trung,
Làm cho trăm họ muòn dân chau mày.
Phản thần bay hỡi là bay,
Gươm thiêng tuốt bữa chờ ngày trung-hung.

Hựu viết :

Đoái thấy trước linh sơn,

Quan trận đồ nghiêm chỉnh (2).
 Đây quan nào trọng trấn,
 Nên tập luyện thôn dân.
 Trận thế ấy không hai,
 Phép màu nhường có một.
Như ta, Cũng muốn ra thừa sức,
 Song còn bối rối một mình.
 Như thấy vậy mà lại làm thinh,
 Ai gọi kẻ anh hùng hào kiệt!
 Mau mau lướt tới,
 Đánh phá trận-đồ.

CỬU-CÔNG *viết* :

Anh hùng thị anh hùng ;
 Hào kiệt chân hào kiệt (3).
Chúng Tướng! Hạ lệnh truyền chúng tướng,
 Đồng trạc mã tiến truy.

HẮC-LÂN *viết* :

Vọng ngạn thượng cao phi (4),
 Chỉ từng lâm trực tầu (5).

Loạn viết :

Trực tầu từng lâm khứ mang mang (6),
 Khoái ngô nhập trận bất tương can (7).
 Huynh đệ chí thâm hà xứ tại (8),
 Quân thần ly tán thử hà phương (9)?

CỬU-CÔNG *viết* :

Tráng sĩ đâu khoe sức cao cường,
 Dám mạn phép phá tan đồ-trận.
 Tội nhà ngươi đã đáng,
 Mau tua khá nộp mình?

[49b]

HẮC-LÂN *viết* :

Nghe lời nói bức tình,
Phút nổi cười nèn trác. (sước)?
Trưởng người cao quyền tước,
Thòi rộng rãi tấm lòng,
Lập trận ra thử sức anh hùng,
Nói như vậy ai rằng hào kiệt?

CỬU-CÔNG *viết* :

Thấy nói đầu sôi sùng sục,
Nghe lời lửa dậy bằng bằng!
Phá trận-đồ sát hại quân trung,
Tội đã đáng ứng cái vạ tử (10)!

HẮC-LÂN *viết* :

Vốn lòng người ghi dữ,
Thòi ta cũng làm lành.
Thử cho biết anh hùng,
Kẻo khoe tài hào kiệt.

CỬU-CÔNG *viết* :

Ra vào dư trăm trận;
Lui tới đã mấy phen!
Thực nèn tài củ củ anh hùng,
Tráng-sĩ ! Sao không xuống khuông phù kiền tượng?

HẮC-LÂN *viết* :

Như tôi, Thấy Hồ-thị học đòi Đồng-Trác (11),
Vậy nên tôi chẳng khứng xưng thần (12).
Phù ản rờng nhẹ tếch đường dè,
Tầm Hoàng-Tử bằng chừng dặm liễu.

CỬU-CÔNG *viết* :

Tầm khoái lạc, tầm khoái lạc;

Chí hoan nhiên, chí hoan nhiên (13)!
 Lão Cửu-Công Tổng-Trấn giới biên,
 Quyền Phụ-chính xưng Hoàng-ngoại-tổ (14).
 Tráng-sĩ còn chưa biết,
 Ta phân lại cho tường.
 Xin rước về thành nội nghĩ an,
 Rồi ta [50a] sẽ phân trần hắc bạch (15).

HẮC-LÂN viết :

Mạc tin trực trung trực (16);
 Tu phòng nhân bất nhân (17)!
 Nay Hồ-gia chấp chính cầm quyền,
 Không ngọc ẩn sai người hòa dụ (18).
 Lão khà tua dậy đó,
 Đặng cho mô qua đây.
 Nhược hiếp phát máu ma,
 Ất tử vô địa táng (19)?

CỬU-CÔNG viết :

Tu đình bộ, tu đình bộ (20);
 Vật bôn hành, vật bôn hành (21)!
 Truyền quân nhân trở lại cựu thành,
 Bảo Quốc-lão cấp theo chóng chóng.

QUÂN-NHÂN viết :

Dạ! Váng Trấn-Công trở lại thành trì,
 Trình Quốc-lão truy tầm hào kiệt.

HOÀN-CÔNG viết :

Bôn hành thừa chưa kịp hết lời,
 Chóng chóng gấp phi tinh đài nguyệt (22).

Loạn viết :

Bôn hành thiên lý tự bằng phi (23),

Vấn lai cơ sự đặc tường tri (24) !
 Mộc vũ tuyết phong lao mạc nại (25),
 Phi tinh dải nguyệt tự tầm chi (26) !

HẮC-LÂN *viết* :

Chối thay kẻ lầy lừng nhuộm khi,
 Mạc phen người lẩn lướt uy phong.
 Lòng dạn lòng bảo thủ ẩn rồng,
 Đó ai đồ chi siêu thừa dạ !

Vãn viết :

Bách từng liết ấy chi trai,
 Dầu lay chi núng dầu khua chi sòn !
 Quẩn bao non nước gấp ghềnh,
 Miền tìm thấy [50b] chủ bạn lành mới thôi.

CỬU-CÔNG *viết* :

Tu đình bộ, tu đình bộ ;
 Vật bòn hành, vật bòn hành (27) !

HẮC-LÂN *viết* :

Đã nói hoài bô bô,
 Cứ theo rồi bon bon.
Ta bảo cho, Cấp ghé lại bèn non,
 Quyết ra tay chu diệt.

HOÀN-CÔNG *viết* :

Tướng-quân xem đã thực,
 Ngã ý khoái vô cùng.
 Thiên lý vật bòn hành,
 Nhất trường giai hạnh ngộ (28) !

HẮC-LÂN *viết* :

Nay tấm lòng tỏ rõ,

Xưa tắc dạ còn ngờ!
 Bái Thượng-quan rộng lượng xét suy,
 Dung thần hạ nhất phiên quá thất (29)!

CỬU-CÔNG viết :

Khen cho chàng tốt sức,
 Lão theo đã hết hơi.
 Nào Hoàng-Tử con trời,
 Tại hà phương sở chú (30)?

HẮC-LÂN viết :

Tôi đã hết sức,
 Tìm kiếm Tử-Hoàng.
 Người phiêu lạc hà phương,
 Đà khôn thông lãnh dữ!

CỬU-CÔNG viết :

Hạ lệnh truyền quân sĩ,
 Mau phản mã hồi thành.

Hựu viết :

Công bấy lâu lặn suối trèo non,
 Đã quyết chí tài bời xã tắc.
 Lệnh truyền bộ-tốt,
 Mau mở tiệc yến diện.
 Đãi Tướng-quốc, sĩ hiền (31),
 Cho phỉ tình khát vọng.

CHÚ-GIẢI :

1. *Chán giả* : Thực hay là giả, ý nói Lưu-Tú sống hay chết.
2. *Quan trận-dồ nghiêm chỉnh* : Xem trận-dồ bày ra nghiêm trang chỉnh tề.

3. Sau khi Hắc-Lân phá tan đồ-trận, Cửu-Công khen là hào kiệt.
4. *Vọng ngàn thượng cao phi* : Trông trên ngàn bay cao.
5. *Chỉ từng làm trực lâu* : Chỗ rừng thông chạy thẳng.
6. *Trực lâu từng làm khứ mang mang* : Chạy thẳng rừng thông bước vội vàng.
7. *Khoái ngộ nhập trận bất thương can* : Ta sừng vào phá trận chẳng làm gì nổi được ta. Chẳng phá trận cho biết tài rồi chạy mất.
8. *Huỳnh đệ chi thâm hà xư tại* : Anh em chi sâu ở chỗ nào ?
9. *Quán thần lý tán thủ hà phương* : Vua tôi tan rã ấy ở phương nào ?
10. *Ứng cai vạn tử* : Đáng chết muôn phần.
11. Đồng-Trác làm Thái-Sư đòi Hán mạt, toan những cướp ngôi vua Hán.
12. *Tâm khoái lạc* : Lòng vui sừng. *Chỉ hoan nhiên* : Chỉ mừng thay !
13. *Xưng thần* : Chịu làm bề-tôi. Hắc-Lân không chịu theo Hồ-Ngạn.
14. *Hoàng-ngoại-Tử* : Ông ngoại đẻ ra mẹ Hoàng-Tử, mà Hắc-Lân tìm Hoàng-Tử.
15. *Phân trần hắc bạch* : Trình bày đen trắng, là ông không theo họ Hồ.
16. *Mạc tín trực trung trực* : Chớ tin điều ngay phải ở trong đám người ngay phải, có khi lợi dụng lòng tin mà lừa gạt. Thí dụ không tin cái nhân từ ở trong đám tu sĩ, có khi tu sĩ lợi dụng lòng tin con đạo.
17. *Tu phòng nhân bất nhân* : Nên đề phòng cái nhân của những kẻ bất nhân, kẻ bất nhân vẫn giả hình làm và nói những điều nhân-hậu. Đây là hai câu cổ-ngữ dạy cách xử thế nên thận trọng.
18. *Hòa dụ* : Đồ về hòa với giặc. Hắc-Lân nghi Cửu-Công làm quan với Hồ.
19. *Tử vô địa táng* : Chết không đất chôn, tức phải tan thây.
20. *Tu đình bộ* : Nên ngừng gót.
21. *Vật bốn hành* : Chớ chạy đi.
22. *Phi tinh* : Sao sa, nói bay nhanh. *Đái nguyệt* : Đội mặt trăng. Ý nói đi gấp như sao sa, theo bóng trăng đi chạy tới đâu vẫn dưới bóng mặt trăng, tức đội mặt trăng, có nghĩa đi suốt đêm theo đuổi.
23. *Bôn hành thiên lý tự bằng phi* : Ruổi rong ngàn dặm tựa bằng bay.
24. *Vấn lai cơ sự đắc tường tri* : Hỏi lại cơ sự được biết rõ.
25. *Mộc vũ tuyết phong lao mạc nại* : Tắm mưa gội gió không e mệt.
26. *Phi tinh dải nguyệt tự tầm chi* : Sao sa nguyệt chiếu tự đi tìm.

27. *Vẫn như lời trước (Chú 21), Cửu-Công gọi với hai lần : Nên dừng bước.*
28. *Thiên lý vật bốn hành : Chớ chạy đi ngàn dặm. Nhất trường giai hạnh ngộ : Một khi đều mừng được gặp nhau. Bối đã biết rõ ra rồi.*
29. *Nhất phiên quá thất : Một phen lỗi lầm đáng tội nói phạm đến Ông.*
30. *Tại hà phương sở chú : Trọ ở chỗ nào. Ông hỏi thăm Hoàng-Tử?*
31. *Tướng-quốc tước Hoàn-Công. Sĩ hiền tước Tô-Hắc-Lân.*



CẢNH THỨ NĂM

NƠI QUAN ẨM, QUÂN THẦN, PHỤ TỬ,
PHU PHỤ, HUYNH ĐỆ,.. TRÙNG PHÙNG

QUÂN BÁO *viết* :

Cúi thân dưới trướng;
Ngửa tử bên màn.
Kim Hồ hung dữ [51a] động binh lang,
Chú địa giới mẫn sơn tắc dã (1).

CỬU-CÔNG *viết* :

Hồi Đông-di Hồ lỗ,
Đã làm thói phản thần!
Cấm bấy đảng Hồ mạn,
Sao không kiêng oai mô?

QUÂN BÁO *viết* :

Chúng tôi bản bộ,
Tuần thú ải Đông.
Binh Hằng-hà mẫn dã tắc sơn (2).
Vậy tôi phải về trình thưa lại.

CỬU-CÔNG viết :

Hà binh tác quái,
Giấy động tứ phương?
Hồ man hơi Hồ man;
Tặc tử ời tặc tử?

QUÂN BÁO viết :

Cúi thân qua trường hồ;
Ngửa mặt tỏ bèn màn.
Có Phiên-sứ lai hàng,
Gởi xin vào ra mắt.

CỬU-CÔNG viết :

Lễ phong lời chưa tới,
Nhân sao có lai hàng.
Lệnh truyền mở ải lang,
Hứa nhất Hồ-Oai nhập các.

HỒ-OAI viết :

Mục kiến Lão-gia tâm khoái lạc (3),
Chứng chiêm ngã ý chí hoan hàn (4) !
Lão-gia mau ra rước Tử-Hoàng,
Kẻo quân chúng nọ không cho nhập các.

CỬU-CÔNG viết :

Nghe nói thiệt hư chưa biết,
Vội vàng lòng lão rất mừng!
Quân! Truyền đại tiều tam quân,
Khai ải Đồng nghinh tiếp.

CỬU-CÔNG, HOÀN-CÔNG, HẮC-LÂN, NGỌC-XUÂN, HOÀNG-TỬ, LƯU-TỬ viết :

Tâm [51b] khoái lạc, tâm khoái lạc;
Chí hoan tai, chí hoan tai!!!

Tịch nhật phân ly tâm hữu hận (5);
Kim chiều hạnh ngộ khoái vô cùng (6)!

CỬU-CÔNG *viết :*

Xin thỉnh lại thành trung,
Cho phỉ tình cao hạ!

Hạ viết :

Mau dâng chén nhận;
Chóng mở tiệc hồng.
Truyền đẳng đẳng chư công (7),
Lễ kính mừng Điện-hạ.

Hạ viết :

Công Tướng-quân dày dãi (8),
Ơn vi tựa nước non!
Phiên-chúa cũng có lòng,
Mới đăng an việc ấy.
Ta chẳng phân cao hạ,
Đồng tịch thượng cử bôi (9).
Cho phỉ dạ các người,
Đừng ngại chưng lòng lão.

QUÂN-NHÂN *viết :*

Cưỡi thừa dưới trướng;
Ngửa tở bên màn.
Có ba người đứng trước ải quan,
Lời xin gởi đăng vào ra mắt.

CỬU-CÔNG *viết :*

Lệnh truyền bộ-tốt,
Hứa nhập các-đường (10).

THỨ-PHI viết :

Bắc-cực hạnh tường quang (11),
Tạ Nghiêm-đường bách phúc (12)!!!

CỬU-CÔNG viết :

Nhìn tường sau trước,
Quả thị ngộ nhi.
Do hà tử khứ sinh lai (13),
Tua khá phân qua nghe thử?

THỨ-PHI viết :

Ơn có quĩ thần cải tử (14),
Phúc nhờ mới đặng hoàn sinh.
Đã nhiều thuở nghiêng thành;
Lại lắm phen đồ nước (15)...
Tội vốn nhờ thừa sức,

[52a] Thạch-thị với Khánh-Vân.
Đã có lòng ái quốc trung quân,
Lại quyết chí tài bồi xã tắc.

CỬU-CÔNG viết :

Ngẫm nhờ hậu phúc,
Mới đặng vuông tròn.
Nay mừng cha đã gặp con,
Toại bấy tôi đã hợp chửa.

Hựu viết :

Quân! Truyền mở tiệc quỳnh-tương (16),
Đãi liêu quan hỷ lạc!

CHỮ-GIẢI :

1. *Mãn sơn tắc dã* : Đầy đồng chật núi đã chua ở trên.

2. *Hằng-hà* : Sông Hằng (Gan) Ấn-Độ. *Kinh Phật nói Hằng-hà sa số* : Số cát sông Hằng nhiều khó kể xiết, để nói Hằng-hà sa số Phật ; Và *phúc dằng hà sa*, tức nói cái gì nhiều, khi quen lời nói cái gì nhiều lấy ngay chữ *Hằng-hà*. Ở đây nói binh nhiều lắm.
3. *Mục kiến Lão-gia tâm khoái lạc* : Mắt thấy Lão-gia lòng vui sướng.
4. *Chưng chiêm ngẩng ý chỉ hoan hân* : Lặng xem ý ta chỉ vui sướng !
5. *Tích nhật phân ly tâm hữu hận* : Ngày trước chia lìa lòng có giận.
6. *Kim chiều hạnh ngộ khoái vô cùng* : Hôm nay may gặp sướng khôn cùng.
7. *Dằng dằng chư công* : Thứ bậc các ông cùng làm lễ mừng Điện-hạ.
8. *Tướng-quân là Lư-Tú*, ông đã biết đầu đuôi rồi mà nói câu này.
9. *Dồng tịch thượng cử bôi* : Cùng cất chén trên tiệc.
10. *Hứa nhập các-đường* : Cho vào các-đường của ông là một Công-tước.
11. *Bắc-Cự* : Ngôi sao chứa các vì sao, để vì bậc vua cha. *Hạnh tường-quang* : May được sáng láng, ý nói vẫn mạnh khỏe mọi sự như ý.
12. *Tạ Nghiêm-đường bách phúc* : Tạ ơn trăm phúc của cha mà được sống.
13. *Do hà tử khứ sinh lai* : Bởi đâu được sống lại khi đã chết đi.
14. *Quỷ thần cải tử* : Quỷ thần đổi chết để cho sống lại, mới được thể xác còn như cũ, hồn lại nhập vào, phải quỷ thần mới làm được.
15. *Nghiêng thành, đổ nước theo lời nói* cô gái đẹp thường làm người say đắm, vua đến mất nước vì cô gái đẹp, may Thứ-Phi nói hoạn nạn lắm phen cũng vì nhan sắc, ngụ ý nói đã bị tướng cướp bắt giam.
16. *Quỳnh-tương* : Tهن thứ rượu quý, đây ông vui mừng mà thiết đãi các quan, nói tiệc quỳnh-tương là vui mừng quá bày tiệc quý để đãi mọi người.



CẢNH THỨ SÁU

TỬ-HOÀNG PHỤC QUỐC,
CHIA NĂM ĐẠO BÌNH TẤN CÔNG

HOÀNG-TỬ *viết :*

Nay đã binh dòng tướng mạnh.
Lại thêm có chúa sẵn rồi.
Ngoại-tổ xuất binh oai,
Ra tay trừ đảng nguy.

CỬU-CÔNG *viết:*

Trên chúa đà sắc chỉ,
Khá nghe lão phân binh.
Quyền lĩnh ấn Tiên-chinh (1),
Nãi người Đinh-Lưu-Tú.
Phó Tiên-Chinh nãi phó,
Thạch-thị với Khánh-Vân.
Tả chi nãi Hắc-Lân ;
Hữu-dực Hồ-Oai lĩnh mệnh (2).
Tiết-Hoàn-Công phụng ấn,
Quyền Hậu-tập tiếp binh (3).

Lão Hộ-Giá Trung-quân (4),
Nhất đoàn dương nhuệ khí.

QUÂN *ban viết :*

Dương kiếm kích, dương kiếm kích ;
Phấn hùng binh, phấn hùng binh !
Sát lai Hồ-thị xâm lăng địa (5) ;
Quyết đoạt cơ-đồ tráng đế-kinh (6) !

LƯU-TỬ *loạn viết :*

Hùng binh vạn đội quân tiên-chinh (7),
Tận sát Hồ-gia định đế kinh (8).
Vạn trượng bôn lai thiên địa ám (9),
Bách ban đồ địa [52b] hãm nhuệ tinh (10) !

HOÀN-LĂNG, KHÁNH-VÂN *loạn viết :*

Lăng lăng hĩnh khí phấn long tranh (11),
Nguyên diệt Hồ-gia định Tống-thành (12).
Nhất cổ công thu như quyền tịch (13) ;
Tam liên tận sát chúng giai kinh (14) !

HẮC-LÂN *loạn viết :*

Thôi phong hãm nhuệ phấn hùng binh (15),
Lãm liệt dương uy định đế-kinh (16).
Hữu-dực nhất chi binh phụng mệnh (17),
Thủ đề tam xích định Tống-thành (18).

HỒ-OAI *loạn viết :*

Bài khai kiếm kích trừ hung bối (19),
Tảo tận Hồ-gia định Tống-triều (20).
Kim chiêu phấn lữ thành sự nghiệp (21),
Thần xỉ chi bang thị thâm tình (22) !

HOÀN-CÔNG *loạn viết :*

Thần đề hồ lữ quản thiên viên (23),
 Thống lĩnh tỳ hưu nhuệ khí tiên (24).
 Quyết phần thần uy trừ hung bối (25),
 Tảo thanh Hồ tặc định sơn hà (26)!

CỬU-CÔNG *loạn viết :*

Quản tương bách vạn thống quân trung (27),
 Ngã vô duy dương sát khí hùng (28)!
 Nguyên tróc Hồ-gia lai vấn tội (29),
 Văn hồi Tống nghiệp định kỷ công (30).

QUÂN-NHÂN *viết :*

Đoái thấy tinh kỳ tế nhật,
 Sự nhìn kiếm kích ngưng sương.
 Phản mã đáo quan trung (31),
 Đặng thân qua Đốc-Tướng.

Loạn viết :

Bôn hành thiên lý nhiệm khinh khinh [53a] (32),
 Báo lai cơ sự đặc tường minh (33).
 Binh đao xư như vãn tạt tạt (34);
 Tướng lai thời tự vũ oanh oanh (35).

THẠCH-DŨNG *bạch viết :*

Oai trấn dương dương lực bạt thành (36),
 Tung hoành lâm liệt chúng giai kinh (37)!
 Dũng được quá nhân thù cảm địch (38),
 Anh hùng quán cổ xuất quần sinh (39).

Hựu viết :

Quyền trọng trấn Giang-thành,
 Mỗ nay Hồ-Thạch-Dũng.

Oai dấy phủ an dân chúng;
 Nhân ra tưới khắp cõi bờ.
 Ngăn ải Đồng binh chẳng động cò,
 Chống lũy sắt ngựa không rời vó.

QUÂN BẢO viết :

Tôi nay bản-bộ,
 Tuần thú ải nhàn.
 Binh Hằng-hà măn đã tác san,
 Cờ đề chữ: « Tử-Hoàng Phục Quốc » (40).

THẠCH-DŨNG viết :

Thấy nói đầu sòi sùng sục;
 Nghe lời lừa dây bằng bằng!
 Cấm giận mấy Tử-Hoàng,
 Sao không kiêng oai mô?
 Hạ lệnh truyền bản-bộ,
 Khai thành nội cự chi.

Hạ viết :

Nhĩ phản-tặc hà danh,
 Cầm đao lai tranh đấu (41)?

HOÀN-LĂNG viết :

Tiên-Phong nãi chức,
 Mô Thạch-Hoàn-Lăng.
 Khả xuống ngựa nộp mình,
 Kẻo nhọc mìn rời kích?

THẠCH-DŨNG viết :

Cái thằng con nít,
 Bẻ nạng chống trời.
 Ta quyết [53b] lấy đầu người,
 Cho biết tài thần võ.

Mời ra oai mô,
 Nó đã vọng phong.
 Hạ lệnh dữ quân-nhân,
 Tiến mã lai truy tróc!

KHÁNH-VÂN viết :

Phản-tặc tua xuống ngựa,
 Kéo nhọc mô ra cò.
 Nay Tử-Hoàng khôi phục Tống-đò,
 Chúng bay ắt thấy phơi măn địa.

THẠCH-DŨNG viết :

Đảng bần tăng sinh nguy,
 Lại chống mác ra cò.
 Khá trở về xoi nếp công phu,
 Đừng bước tới đua tranh mũi bạc!

LƯU-TÚ viết :

Nhị Tướng-quân cử mác,
 Trong thắng bại như hà?
 Lợi hại khá phân qua,
 Cho ta tường cơ sự?

HOÀN-LĂNG, KHÁNH-VÂN viết :

Hai tôi dương oai hồ,
 Trừ chẳng đảng Hồ-gia.
 Chém ba lần đầu khác mọc ra,
 Đánh một gậy thác bèn sống lại.

LƯU-TÚ viết :

Đã nên tác quái,
 Thiệt đáng anh hùng!
 Quán! Truyền cử động tinh kỳ,
 Ra tay trừ phản-tặc.

Hựu viết :

Nhìn cho hẩn mặt,
 Hãy đánh tời gian.
 Quyết chém gũ xuống an.
 Chẳng cho ngồi trên ngựa.

Hựu viết :

Đàm một giáo tướng dà chi tử,
 Phút tự nhiên bão phúc vọng phong (42) !
 Hạ lệnh dữ quân trung,
 Tiến binh vu [54b] quan ải.

THẠCH-DŨNG *viết :*

Ngô nhất trường thụ hại,
 Hồ-gia thiên tải giai hưu.
 Chỉ lộ thượng cao phi,
 Tâm sinh phương tẩu thoát (43).

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ tự điều phi (44),
 Giải khai sà-trận thoát nan nguy (45) !

Hựu viết :

Ngô làm trận, ngô làm trận ;
 Bị thích thương, bị thích' thương (46) !
 Quan tặc binh vây phủ tứ phương,
 Cấp bão phúc giải khai sà-trận (47).

Loạn viết :

Hận nhĩ Lưu-sinh thương hại ngã (48),
 Ai tai ! Hồ-thị mệnh hưu chi (49) !

CỬU-CÔNG viết :

Thạch-Dũng đã phơi thầy,
Truyền tam quân tiến phát!

CHỮ-GIAI :

1. *Tiền chinh* : Đi đánh trước, tức Tiền-Quân lập công trước.
2. *Tả-chi* : Cánh quân bên tả. *Hữu-dực* : Cánh quân bên hữu, giúp sức cho Chủ-Soái ở hai bên gọi là lòng cánh, ấy là vũ dực.
3. *Hậu-Tập* : Cánh quân sau, khi các đạo quân trước thất bại, mới đến đạo quân này. Thế là Tiền, Hậu, Tả, Hữu phủ Trung-quân là Chủ-Soái.
4. *Hộ-Giá* : Giúp xa vua ở Trung-quân, đây Hoàng-Tử là Nguyên-Soái.
5. *Sát lại Hồ-thị xâm lăng địa* : Giết lời họ Hồ đã lấn cướp đất vua.
6. *Quyết đoạt cơ-dồ tráng đế kinh* : Lấy lại cơ-dồ làm rạng kinh vua.
7. *Hùng binh vạn đội quân liên chinh* : Muốn đội binh dòng đi trước đánh.
8. *Tận sát Hồ-gia định đế-kinh* : Trừ Hồ-tặc lấy lại kinh vua.
9. *Vạn trượng bôn lai thiên địa ám* : Ruổi rong muôn trượng mờ trời đất.
10. *Bách ban đồ địa hãm nhuệ tinh* : Trăm trận ra oai giặc phải thua!
11. *Lừng lừng hĩnh khí phấn long tranh* : Nổi lên khí mạnh tựa rồng tranh.
12. *Nguyện diệt Hồ-gia định Tống-thành* : Thề giết Hồ-gia lấy Tống-thành.
13. *Nhất cô thu công như quyền tịch* : Hồi trống thu công như cuốn chiếu.
14. *Tam liên sát tận chúng giai kinh* : Đến đâu được đó mọi người kinh.
15. *Thôi phong hãm nhuệ phấn hùng binh* : Ra sức binh dòng ngăn nhuệ khí.
16. *Lãm liệt dương uy định đế kinh* : Giở oai ra ghè gớm chiếm thành.
17. *Hữu-dực nhất chi binh phụng mệnh* : Cánh tay phải một chi binh.
18. *Thủ dễ tam xích định Tống-thành* : Cầm gươm ba thước Tống-thành lấy xong. Bản chính viết *Thủ dễ tam thốn*,.. Thốn là một tấc thì sai.
19. *Bài khai kiếm kích trừ hung bối* : Bày ra gươm kích trừ loài dữ.
20. *Tảo tận Hồ-gia định Tống triều* : Quét bụi Hồ đi định Tống triều.

21. *Kim chiều phấn lữ thành sự nghiệp* : Nay quyết ra binh nên sự nghiệp.
22. *Thần xử chi bang thị thám tinh* : Thế nước rằng môi mãi kết giao !
23. *Thần đề hồ lữ quân thiên viên* : Tự đem binh cọp ngàn viên tướng.
24. *Thống lĩnh tỳ hưu nhục khí tiên* : Lĩnh đám tỳ hưu khí thế hàng. *Tỳ hưu* : giống thú rừng như cây cào dũi dùi, có nghĩa thuộc hạ giỏi.
25. *Quyết phấn thần uy trù hung bối* : Quyết mạnh oai thần trừ lũ ác.
26. *Tảo thanh Hồ tặc định sơn hà* : Giặc Hồ quét sạch nước non bằng (binh).
27. *Quân trọng bách vạn thống Quân trung* : Quân trung làm chủ binh trăm vạn.
28. *Ngã vũ duy dương sát khí hùng* : Sức vũ giơ ra mỗ rất hùng!
29. *Nguyện tróc Hồ-gia lai vấn tội* : Thề bắt họ Hồ đem hỏi tội.
30. *Văn hồi Tống nghiệp định kỳ công* : Lại gây nghiệp Tống ở kỳ công.
31. *Phản mã đáo quan trung* : Quay ngựa trong cửa quan ải.
32. *Bôn hành thiên lý nhiệm khinh khinh* : Ruổi rong ngàn dặm nhẹ nhàng đi.
33. *Bảo lai cơ sự đắc tường tri* : Trở lại cho hay mọi sự kỳ (ơ).
34. *Bình đao xir như vân lật lật* : Bình tới dầu như mây vun vút.
35. *Tướng lai thì tự vũ oanh oanh* : Tướng mạnh chàn tựa gió mưa phi.
36. *Uy trấn dương dương lực bại thành* : Oai trấn giơ ra sức đập thành.
37. *Tung hoành lâm liệt chúng giai kinh* : Vẫy vùng ghè gồm mọi người kinh!
38. *Dũng được quá nhân thùng cảm dịch* : Sức khỏe hơn người ai dám cự.
39. *Anh hùng quán cỏ xuất quần sinh* : Anh hùng đã vượt đám hư sinh.
40. *Tử-Hoàng Phục Quốc* : Con vua lấy lại nước cũ của Tiên-đế.
41. *Nhĩ phản tặc hà danh* : Người là giặc phản tên họ là gì? *Cảm đao lai tranh đấu* : Dám lại đây tranh chọi với mỗ?
42. *Bảo phúc vọng phong* : Nghe tiếng gió oai òm bụng sợ mà chạy.
43. *Ngó nhất trường ngộ hại* : Ta một khi bị hại. *Hồ-gia thiên tải giai hưu* : Họ Hồ muôn thừa cơ đồ đều thôi hết. *Chỉ lộ thượng cao phi* : Trỏ trên đường bay cao. *Tầm sinh phương lữ thoát* : Tìm phương sống chạy khỏi.
44. *Hoang mang đoạt lộ tự điều phi* : Vội vàng chạy nhanh cướp đường như chim bay.

45. *Giải khai xà trận thoát nan nguy* : Mỡ trận rần ra khỏi nạn này.
 46. *Ngò lâm trận* : Ta ra trận. *Bị thích thương* : Bị thương đâm tới.
 47. *Cấp báo phúc giải khai xà trận* : Kịp ôm bụng mỡ trận rần ra khỏi.
 48. *Hàn nhĩ Lưu-sinh thương hại ngã* : Ta giận gã Lưu đâm hại mạng.
 49. *Ai tai ! Hồ-thị mệnh hưu chi* : Thương cho Hồ-thị hết thời rồi.



CẢNH THỨ BẢY

SAU THẠCH-DŨNG, THÁI-HÀ, CHU-LINH,..
BINH HỒ BỊ LƯU-TỬ ĐẸP TAN

THÁI-HÀ *bạch viết* :

Uy trấn anh hùng lực bạt sơn (1),
Tung hoành lâm liệt quán kiên khôn (2).
Thế thượng nhân nhân giai ủy cụ (3);
Văn ngô chúng chúng tận kinh hồn (4)!

Hựu viết :

Quyền trọng trấn Khánh-dương,
Hồ-Thái-Hà là mỗ.
Ta, Vàng Tân-chính (5) đón ngăn ải hồ;
Kề mấy thu lại bắt khói lang!
Chính ngã ý hân hoan!
Thị Hồ-gia trường cửu (6).

QUÂN BÁO *viết* :

Cấp sự chân cấp sự;
Chi nguy thị chi nguy!

Nay Tử-Hoàng đẩy động tình kỳ,
Sát Thạch-Dũng đoạt thâu quan ải.

THÁI-HÀ *viết* :

Giận bấy Tử-Hoàng tác [54b] quái,
Lớn gan bẻ nạng chống trời.
Cắm thay lão hủ khoe tài,
Lại lớn mặt lấy ngao lường bề (7).

Hạ viết :

Em mồ đã hồn về chín suối,
Chúng bay không ngồi đẳng giới ba (8).
Quân! Truyền tam quân phần động can qua,
Khai thành nội hưng binh tuyết hạn (9).

LƯU-TỬ *viết* :

Hỡi những loài phản-tặc,
Sao không biết vận thời?
Lẽ thời xuống ngựa cuốn cờ,
Sao còn hãy lấy lưng mũi bạc.

THÁI-HÀ *viết* :

Xưa giang san Tống-thất;
Nay cơ nghiệp Hồ-gia.
Người đầu khoe khảng khái can qua,
Mồ trái biết tung hoành phủ việt (10).
Giết em mồ miệng còn nếm mật,
Oán nhà người cật tựa nằm gai (11)!
Nguyên phần cử hùng oai,
Quyết sinh cầm tặc bối (12).

LƯU-TỬ *viết* :

Quái sự chân quái sự;
Kỳ nhân thị kỳ nhân (13)!

Gã vốn là xương sắt da đồng,
Giương chém gã xương kêu dăng dăng.

Hữu viết :

Chúng nó đã thành trung cổ thủ,
Ta vạn nhân nan địch lễ thường!
Dùng thảo bện bù nhìn,
Mau luyện phép phá thành bắt gã.

THÁI-HÀ *viết :*

Ta xem đã thiệt,
Nó luyện phép thảo-nhân (14).
Hạ lệnh áp [55a] hỏa công,
Đốt linh phù tầu tán (15).

LƯU-TÚ *viết :*

Úm! Thiên âm địa hôn,
Tốc vũ lai sái diệt (16).

Hữu viết :

Các người cùng phá thành trì,
Bắt cho được Thái-Hà đầu nạp.

THÁI-HÀ *viết :*

Tặc dĩ công thành đột nhập,
Hoang mang thượng mã bôn phi (17)!

Loạn viết :

Khai phá đông-môn triển hổ uy (18),
Nhất thân hãn xuất miễn lâm tai (19).
Hận nhĩ Lưu-sinh thi diện pháp (20),
Ai tai! Hồ-thị mệnh hưu nhiên (21)!

LƯU-TÚ *viết :*

Thái-Hà đà trận thượng vong thân,

Truyền chúng tướng tiến binh Trung-quốc.

QUÂN BÁO *viết :*

Thậm cấp, thậm cấp;
Chi nguy, chi nguy!!!
Nhị tướng đà trận thượng phôi thày,
Chúng tôi phải hồi triều phi báo.

HỒ-NGẠN *viết :*

Thỉnh thuyết tâm trung hỏa phát;
Văn ngôn ngữ tạng yên phi (22).
Ai tai hồ! hiền đệ!
Thống hận nhĩ Hoàng-nhi (23)!

Hựu viết :

Nghĩa-tế! Nghĩa-tế (24) mau khai xuất thành trì,
Quản hồ lỗ tảo trừ Tống tặc.

CHU-LINH *viết :*

Khâm thừa ngọc sắc,
Lĩnh mệnh thi hành (25).
Thề ra tài tảo tận quần manh (26),
Nâng vai gánh giàng san Hồ thị,

Hựu viết :

Mặt nhìn Lưu-Tú,
Đại tiểu liên thanh.
Ngươi [55b] khoe tài đấu hồ tranh long;
Ta cũng biết thôi phong hãm nhuệ.

LƯU-TÚ *viết :*

Xưa túng tiểu răn kia choán ngựa,
Nay đặc thời kiến nọ tha bò.
Phản tặc cấp xuống an,

Kẻo nhọc mìn rồi mác?

CHU-LINH *viết* :

Tâm sinh tích lịch;
Diện thượng lời oanh (27) !
Nguyên triển chí bình sinh,
Quyết bất dong nhữ mệnh.

Hựu viết :

Chân vi thế thượng,
Hào kiệt đương tiên (28) !
Hỏa hỏa lân, hỏa hổ trận tiền,
Đốt Đinh-thị vô phương tầu thoát.

LƯU-TÚ *viết* :

Cầm thay loài phản tặc,
Nó đã dụng phép thần.
Úm! Khiếu xuất lục long,
Nãi tốc lai phún thủy (29).

CHU-LINH *viết* :

Ngươi có tài phún thủy,
Ta dễ há nhần thua,
Hóa ong nọ bay vô,
Cẩn muôn binh tầu thoát.

LƯU-TÚ *viết* :

Nó, Hóa ong nọ bay vào bát hương,
Cẩn quân nhân võ chạy bốn phương.
Mau mau hóa phép kim-thân (30),
Châm ong cho hổ ghét.

CHU-LINH *viết* :

Đã có tài dũng quyết,

Lại nhiều phép diệu linh!
 Úm! Thần-phù niệm chú linh-thông (31),
 Hóa nhất tướng tam đầu lục tý (32).
 Mau mau thừa bạch-hạc,
 Tróc Đinh-thị nạp chi (33).

LƯU-TỬ [56a] *viết* :

Tối dị kỳ, tối dị kỳ;
 Chân cổ quái, chân cổ quái (34),
 Phép xưa còn truyền lại,
 Cấp cấp niệm linh-quang.
 Thư kiếm phù hóa phép lục long (35),
 Nương máy nhiệm sát tha yêu-thuật (36)!

HOÀNG-TỬ *viết* :

Quả thị Hồ-gia diệu pháp,
 Chân vi dưỡng-phụ kỳ tài!
 Tưởng nan nguy khó chạy đường dài,
 Hay đâu có phép màu gỡ rối.
 Sau đầu đặng vững bền cơ hội,
 Biết lấy chi trả thừa ơn dày.
 Xin dưỡng-phụ ra tay,
 Khử trừ an Hồ-tặc.

HẮC-LÂN *viết* :

Xin một phen ra sức,
 Thay huynh-trưởng công lao.
 Quyết gánh vác Tống-trào,
 Thệ đuyền chu Hồ tặc.

Hạ viết :

Đánh một giãn bèn sa xuống ngựa,
 Phút tự nhiên nương gió chạy dài.

Chúng Tượng! Truyền chúng tượng sát lại,
Tiến binh truy phản tặc.

CHU-LINH *viết:*

Thậm cấp, thậm cấp;
Chi nguy, chi nguy!!!
Nhất thân nan thoát trùng vi (37),
Bồng phút cốt hài lũy liệt.
Mau mau sá gấp,
Chóng chóng huy đao.
Phá thiên binh siễn chí bào hao,
Nỗ thần lực giải khai xà trận (38).

Loạn viết:

Bôn hành thiên lý tự bằng phi (39),
Giải khai xà trận triển thần uy (40).
Thống hận Tô-gia [56b] chân diệu pháp (41),
Trảm ngô tý huyết mãn triêm y (42)!

Hựu viết:

Nó có tài diệu pháp cao kỳ,
Ta há dễ nhận thua mà chịu.
Tốc tốc hô diệu pháp,
Phóng đại hải sơn trung (43),
Ngăn giặc lại bên sông,
Khôn đường qua bến ruộng.

LƯU-TÚ *viết:*

Ngó thấy ba đào sóng rợn,
Nhìn tường phản tặc quá giang.
Nó có phép di sơn,
Ta dùng phương đảo hải (44).

CHU-LINH viết :

Ngô đại bại, ngô đại bại;
 Tặc tiến truy, tặc tiến truy (45) !
 Ấu là, Tốc tốc bồn phi,
 Mang mang tị tử.

Loạn viết :

Trường đồ dao vọng khứ mang mang (46),
 Nhất thân thụ tử lệ nan can (47).
 Kham tích uổng sinh vi hào kiệt (48).
 Khả liên ngô mệnh thụ hàm oan (49) !

LƯU-TỬ viết :

Hóa thiết tỏa (50) mau mau,
 Cấp tróc lai tặc đảng.

Hưu viết :

Đại khiêu hung đồ hưu tị tử (51),
 Tốc hô tiểu bối mạc đào sinh (52) !
 Phóng thiết thẳng trói lại vãn san,
 Quán ! Truyền điệu lại đảng dăng Điện-hạ.

HOÀNG-TỬ viết :

Hạ lệnh dữ Võ-lâm,
 Đem gã phân thây thành ngoại.

CHỮ-GIẢI :

1. *Uy trấn anh hùng lực bạt sơn* : Oai trấn anh hùng sức bạt non.
2. *Tung hoành lâm liệt quán kiên khôn* : Vẫy vùng ghê gớm suốt kiên khôn.
3. *Thế thượng nhân nhân giai úy cụ* : Mọi người cõi thế đều e sợ.

4. *Văn ngộ chúng chúng tận kinh hồn* : Hết thấy nghe danh đã hoảng hồn !
5. *Tán-chính* : Chính-trị của triều vua mới tức Hồ vừa cướp ngôi Tống.
6. *Thị Hồ-gia trường cửu* : Đố nhà Hồ dài lâu, vì không ai cựa lại.
7. *Lấy ngao lòng bề như lấy cái gạo (ca) mức bề bao giờ cạn*.
8. *Giới ba là ba cõi*, Trời, Người, Âm cung, tức không đi đâu thoát khỏi.
9. *Khai thành nội hưng binh tuyết hận* : Mở trong thành nổi binh rửa hận.
10. *Tung hoành phủ việt* : Vẫy vùng riu búa đồ binh khí.
11. *Nắm mặt cho đấng, nằm đồng gai cho khó ngủ, để nhớ kẻ thù bên dạ*.
12. *Quyết sinh cầm tặc bối* : Quyết bắt sống lũ giặc.
13. *Quái sự* : Việc lạ khác thường. *Kỳ nhân* : Người lạ hình dung dữ tợn.
14. *Thảo nhân* : Người bằng cỏ bện lại, dù bắn không chết cứ tiến vào.
15. *Hỏa công* : Lấy lửa đốt đánh. *Linh phủ* : Bùa thiêng. *Tàu tán* : Chạy tan.
16. *Thiên âm địa hôn* : Trời mù đất tối. *Tốc vũ lai sái diệt* : Mau mưa tới tưới tắt.
17. *Tặc dĩ công thành đột-nhập* : Giặc đã phá thành lọt vào tự nhiên. *Hoang mang mã thượng bốn phi* : Vội vàng lên ngựa chạy bay.
18. *Khai phá Đông-môn triển hồ oai* : Mở phá cửa Đông oai cộp giở.
19. *Nhất thân hãn xuất miễn lâm tai* : Một mình ra khỏi chỗ nguy nan.
20. *Hận nhĩ Lưu-sinh thi diệu pháp* : Giận gã Lưu kia tung phép lạ.
21. *Ai tai ! Hồ-thị mệnh hưu nhiên* : Thương cho Hồ-thị mạng khôn toàn.
22. Hai câu đã chưa, nói về tức giận lửa bốc trong lòng mặt đỏ lên.
23. *Thống hận nhĩ Hoàng-nhi* : Đau giận Hoàng-nhi vì đứng lên diệt Hồ.
24. *Nghĩa-tế* : Con rề, vì chữ nghĩa mà cho là con rề lấy gái nuôi.
25. *Ngọc sắc* : Sắc nhà vua. *Lĩnh mệnh đề làm theo*.
26. *Tảo tận quần manh* : Quét sạch lũ dân mất gốc. *Manh với Lưu là dân không cội rễ, trôi giạt nơi xa làm liễu hóa ra ác tức Lưu-manh*.
27. *Đã chưa Tích lịch* : Sấm sét vì thét lên ; *Lôi oanh* : Sấm vang vậy.
28. *Chân vi thế thượng hào kiệt dương tiên* : Thực đứng trước những bậc hào kiệt trên đời này. *Khen tài kẻ địch với mình là đã tự khen*.

29. *Nãi tốc lai phun thủy* : Hãy tới chổng để phun nước, gọi rồng vậy.
30. *Kim thần* : Những kim nhỏ tự động có thần ở trong mà gọi Kim-thần.
31. *Thần phủ niệm chú linh thông* : Bùa thần niệm chú được thiêng, suốt.
32. *Hóa nhất tướng tam đầu lục tý* : Hóa ra ông Tướng ba đầu sáu tay.
33. *Thừa bạch-hạc* : Cưỡi hạc trắng. *Nạp chi* : Đem dâng nộp đấy.
34. *Tối dị kỳ* : Rất lạ lùng. *Chân cổ quái* : Như người cổ quái lạ đáng sợ. Cổ quái là người xưa lòng lá sần sùi, sau này mới văn minh vậy.
35. *Thư kiếm phủ* : Cầm bút viết không trên grom theo chữ bùa.
36. Máy nhiệm tức Huyền-cơ như thần-bí. *Yêu thuật* : Phép yêu quái.
37. *Trùng vi* : Mấy lần quân vây bọc. Từ xa tới gần.
38. *Nỗ thần lực* : Gắng sức thần. *Giải khai xà-trận* : Mở trận rắn ra.
39. *Bôn hành vạn lý tự bằng phi* : Chạy đi muôn dặm tựa bằng bay.
40. *Giải khai xà-trận triển thần uy* : Mở trận xà ra giở sức hay.
41. *Thống hận Tô-gia chân diệu pháp* : Tức giận Tô-Lân tung phép khéo.
42. *Trảm ngô tý, huyết mẫn triêm y* : Áo đầm máu chảy gây bên tay.
43. *Phóng đại hải sơn trung* : Làm ra bề to có núi ngăn lối đi nữa.
44. *Di sơn* : Rời núi đây tới đó. *Đảo hải* : Đem xoay bề chỗ nào cũng được.
45. *Ngô đại bại* : Ta thua to. *Tặc tiến truy* : Giặc đuổi tới gấp.
46. *Trường đồ dao vọng khứ mang mang* : Nom thẳng đường xa bước vội vàng.
47. *Nhất thân thụ tử lệ nan can* : Một mình chịu chết lệ rơi hàng.
48. *Kham tích uông sinh vi hào kiệt* : Tiếc cho sống uông làm hào kiệt.
49. *Khả liên ngộ mệnh thụ hàm oan* : Thương mạng ta đành chịu tội oan.
50. *Đại khiêu hung đồ lưu tị tử* : Cả kêu đám dữ đừng lánh chết.
51. *Tốc hó tiểu bối mạc đào sinh* : Gọi mau lũ nhỏ chớ tham sống.
52. *Thiết thăng như thiết tỏa đều* là giây sắt, khóa sắt.



CẢNH THỨ TÁM

HỒ-VƯƠNG THẮT BẠI, HOÀNG-TỬ LÊN NGÔI,
PHONG CHỨC BÁCH QUAN

BÁO viết :

Chạy ngã ngã (tè) ;
Nằm bò bò.
Đốc-Tướng đã chết trắng cổ cò,
Vậy tôi phải hồi [57a] triều phi báo.

HỒ-NGẠN viết :

Văn báo lai phách sảng ;
Thỉnh thuyết dĩ hồn phi (1)!!!
Thống thiết dã tế nhi ;
Ai tai hồ ! Sự nghiệp!!!
Mao-Mành ! Ấu nhi tua sà gấp,
Mau lĩnh ấn Tiên-Chinh.
Cha hậu-tập tiếp binh,
Ra tay trừ Tống tặc.

MAO-MÃNH viết :

Những tướng như hùm như cọp,

Nó còn giết sống chém tươi...
 Huống chi con bầy lớn ăn chơi,
 Quen đánh bạc không quen đánh giặc.
 Tiên-chinh ấy để cha đi trước,
 Hậu-tập này con lĩnh theo sau.
 Cha có thua con chạy cho mau,
 Nó bắt được nó toan xả thịt.

HỒ-NGẠN *viết* :

Quán! Truyền rời phủ việt,
 Phấn động đao binh.
 Trăm ngự-giá thân chinh (2).
 Ra tay trừ phản-tặc.

HOÀN-CÔNG *viết* :

Mặt nhìn đã thiết,
 Bệ-hạ xuất binh.
 Đã hết người nha trảo Hồ-thành (3),
 Nên Bệ-hạ thân chinh *chứng* nhẹ thề?

HỒ-NGẠN *viết* :

Ngươi sao mà nói nhẽ,
 Sách có câu: « Phong tống Đằng-Vương,.. » (4)
 Thệ nhất cổ giao phong (5),
 Cho biết tài Hồ-thị.

HỒ-OAI *viết* :

Hưu tị tử, hưu tị tử;
 Mạc đào sinh, mạc đào sinh (6)?
 Chặt đầu nọ trao tay,
 Kéo nhọc min rời mác.

[57b] HỒ-NGẠN *viết* :

Thậm cấp chân thậm cấp;

Chí nguy thị chí nguy!!!
 Quan bát hương trùng trùng hỏa phát (7);
 Khán tứ phương điệp điệp yên phi (8)!
 Tiến vô lộ thoái hề vô lộ (9);
 Tiền công chi hậu diệc kích chi (10).
 Kham thân đã vận thời;
 Ai tai hồ! Sự nghiệp!!!

Loạn viết :

Hoàng-Thiên nhĩn hại ngò hào kiệt (11),
 Địa bạch hà vong ngã trùng quang (12)!
 Ô-hồ tam thốn thiên ban dụng (13);
 Nhất dân vô thường vạn sự hưu (14)!

HOÀNG-TỬ viết :

Bách quan! Hồ thị đà trận thương thây phơi,
 Truyền chúng tướng tiến vu Trung-quốc.

HÀN-KHANH viết :

Đồ trung phủ phục,
 Giả-ngự khấu đầu (15)!
 Thần Hàn-Khanh cách mặt bấy lâu,
 Vọng mình chúa, chư khanh vạn tuế! Vạn vạn
 tuế!!!

CỬU-CÔNG viết :

Lão mừng Lã-thị,
 Nay dặng toàn sinh (16)!
 Chư Công! Trao chư Công tấu nhập Trường-an,
 Truyền chúng tướng nhất thời tiến phát.

MAO-MÃNH viết :

Xem tường đã thiệt,

Thầy sãi xuất binh.
 Chẳng ở chùa hái Phật tụng kinh,
 Đi đánh giặc hay là phú quynh (17)?

KHÁNH-VÂN viết :

Hỡi bớ loài cây cỏ,
 Đến đua sức hùm rồng.
 Quyết một trận giao phong,
 Thệ bất dung Hồ tặc.

Hựu [58a] viết :

Hết khoe tài đảng tử,
 Chẳng còn cậy con quan.
 Phải một chùy thịt nát xương tan,
 Nhắm một búa thây phơi khắp đất.
Nam-mô A-Di Đà-Phật !
 Nhẫn, nhẫn, Trái chủ oan gia tòng thử tạn (18);
 Nhiều, nhiều, Thiên tai vạn họa bất tề tiêu (19).

CỬU-CÔNG viết :

Bách quan ! Hạ lệnh truyền văn võ bách quan,
 Nhập bảo-điện tôn vương tức vị (20) !

HOÀNG-TỬ viết :

Thay đời ra trị,
 Trăm hiệu Tống-Vương.
 Lấy đức phủ bốn phương;
 Ra nhân nhuần trăm họ.
Nội-Thị ! Nội-Thị vâng chiếu chỉ,
 Mau tuyên đọc sắc-văn !

NỘI-THỊ viết :

Bách quan thỉnh sắc !
 Phụng-Cửu-Công đương chức, sắc phong vi Kinh

quận Đại-Vương. (21) Còn Tiết-thị Hoàn-Công, hữu chi địch khái (22), sắc phong vi Quận-Công Tây-quận. Lã-thị trung quân ái quốc, sắc phong nhất phẩm Thượng-Thư (23). Đinh thị tài pháp quả nhân, sắc phong vi Phụ-Chánh (24). Tái phối duyên Tiết-thị Phu-Nhân. Tò-gia văn võ toàn tài, sắc phong vi Quốc-Trạng (25). Thạch-thị tổ đa võ dũng, sắc phong vi Đò - Đốc triều trung (26). Bạch-thị trung thành dũng liệt, sắc phong vi Hòa-Thượng (27). Độ-phu năng xuất hải hà, [58b] thưởng tứ bạch kim ngân tam thập lạng (28). Phiên-chúa hữu tâm bảo hộ, tha cống lễ vạn niên, gia trọng thưởng thiên kim (29). Tồn văn võ chư dinh, thưởng kỷ-lục gia tăng nhất cấp (30).

Tư Sắc

VƯƠNG viết :

Nội-thị ! Nội-thị mau vâng lệnh,
Truyền khai lập yến diên.
Đặng thiết đãi quần liêu,
Cho phẩm tước tướng sĩ.

CHÚ-GIẢI :

1. Văn báo tại phách sàng : Nghe báo tới via mê man ; Thính thuyết dĩ hồn phi : Nghe nói đã hồn bay mất. Quả khiếp sợ.
2. Ngự giá : Xe vua đi ra khỏi cung điện. Thân chinh : Tự nhà vua đi đánh giặc. Chữ Thân là gần gũi tự làm lấy, không phải Thân : mình.
3. Nha trảo : Nanh vuốt, vì kẻ giúp bên cạnh về Chủ Tướng, nanh vuốt về giống thú dữ, bảo vệ cho bản thân con thú dữ mà gọi ra.
4. Do câu sách Minh-Tâm Bảo-Giám : Thời lai phong tống Đàng-Vương-các : Khi vận hay tới cái hay tự đâu đưa đến như gió thổi tới gác vua Đàng. Ý Hồ-Vương nói thời vận may rủi người chờ biếm nhẽ đến ta, khi suy lại như câu đối lại : Vận khứ lỗi oanh Phúc-Kiến bi : Vận hết bỏ đi như sấm đánh tan bia Phúc-Kiến, không còn gì mong lưu bia đá tới ngàn sau.

5. *Thệ nhất cồ giao phong* : Thề trong một hồi trống đánh nhau.
6. *Hưu tị tử* : Thôi đừng lánh cái chết. *Mạc đào sinh* : Chớ trốn đề sống.
7. *Quan bát hướng trùng trùng hỏa phát* : Xem tám phía lần này lượt khác lửa bốc cháy lên, tức binh lửa dữ dội.
8. *Khán tứ phương điệp điệp yên phi* : Xem bốn bề lần lượt khói bay.
9. *Tiến vô lộ thoái hề vô lộ* : Tôi không đường chừa lui không lối.
10. *Tiền công chi hậu diệt kích chi* : Trước đánh về, sau cũng đánh về.
11. *Hoàng thiên nhĩn hại ngò hào kiệt* : Trời xanh nỡ hại ta hào kiệt.
12. *Địa bạch hà vong ngã trùng quang* : Đất trắng sao quên mỡ dưng gầy ?
13. *Ô hò tam thốn thiên ban dụng* : Hỡi ôi ! Ba tấc (quả tim) nhiều mưu tính ;
14. *Nhất dân vô thường vạn sự hưu* : Một sớm không ngờ vạn việc bay. Ý họ Hồ tự phụ hào kiệt, mà trời đất không cho trùng quang tức lấy lại cơ-đồ, xét quả tim chỉ bằng ba tấc mà dụng đến trăm ngàn thứ lo toan, không ngờ một sớm biến đi (không như thường) mà hư hết cả.
15. *Đồ trung phủ phục* : Giữa đường cúi nép. *Ngự-giá khấu đầu* : Cúi đầu trước xe vua.
16. *Toàn sinh* : Sống vẹn khi phải ở với giặc, cứu Thử-Phi mà không tiết lậu cơ mưu, còn sống đến nay, toàn thân là ít có.
17. *Phủ-quyển* : Nhà chùa đi xin tiền gạo,.. của bá tánh để cúng Phật.
18. *Nhĩn, nhĩn, trái chủ oan gia tòng thử tận* : Nín nhịn, nín nhịn, thì chủ nợ kẻ oan vì mình từ đó hết đi, chống lại tức còn nợ.
19. *Nhiều, nhiều, Thiên tai vạn họa nhất tề liêu* : Dung tha, dung tha, đừng cố chấp, thì ngàn tai muôn vạ một lúc đều tan hết. Hai câu này trong Minh-Tâm dạy về nhĩn mọi việc thì hay. Nay Hòa-Thượng giết giặc lại đọc câu này, ý nói nghiệp-dĩ mà thầy phải giết để cho hết oan trái với nhau, bản tâm thầy tu không muốn sát sinh.
20. *Nhập bảo-diện tôn Vương tức vị* : Vào đền bái lên ngôi tôn vương.
21. *Kinh* là trong triều, *Quận* là ngoài châu quận tức toàn quốc, đều được tôn xưng Đại-Vương không phải chỉ riêng một nơi trọng trấn.
22. *Hữu chí dịch khái* : Có chí khảng khái như trung dũng vậy. *Quận-công theo ngũ Tróc* : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam như vua Chu-Hầu vậy.
23. *Thượng-Thư* như chức Tổng-Trưởng hiện nay, về một bộ nào.
24. *Phụ-chánh* : Giúp chính-trị cho vua như bậc Cha, Thầy, Đại-Thần vậy.

25. *Quốc-Trạng*, chức theo khoa bảng cao tột, danh hiệu bậc Thiên-tài.
26. *Đô-Đốc triều trung* : Võ quan cao cấp ở ngay trong triều.
27. *Phong Hòa-Thượng* một chức cao tăng, từ xưa vua phong mời quý.
28. Lãi đồ đưa qua sông, thưởng 30 lạng vàng tốt.
29. Chúa Phiên tha cống lễ mãi, lại thưởng ngàn vàng.
30. Văn võ các dinh, theo thứ bậc mà thưởng kỷ-lục (ghi chép công lao) đều được thăng một chức. Đây văn võ dù ở với Hồ nhưng tốt với dân. Và văn võ trong chính-phủ lưu-vong của vua từ trước.



CẢNH THỨ CHÍN

LỄ TIỀN ĐƯA PHIÊN-CHÙA VỀ XỨ, VÀ HOÀN-CÔNG ĐI TU

HỒ-OAI *viết* :

Tổng thất đem về đồ cũ,
Chẳng còn chứa Bắc tôi Nam.
Nghiêng mình tạ màn lang (loan mới đứng),
Xin lui hồi cựu quốc.

VƯƠNG *viết* :

Bá quan! Truyền văn ban võ bá,
Lễ tiễn biệt phản hồi.
Lưỡng lộ tống tam hồi;
Phiến thời ngâm xỏ cú (1)!

Biệt viết :

Tam hồi tống biệt lưỡng phân ban (2),
Lưu tình nghĩa trọng cát đoạn trường (3)!

HỒ-OAI *biệt viết* :

Vọng khán minh quân nan yếm mực (4),

Thống ngô phế phủ mạc hân hoan (5)!

CHƯ CÔNG *biệt viết :*

Mục kim Phiên-chúa hồi cự quốc (6),
Hà nhật ngô tình đặc hợp hoan (7)?

HỒ-OAI *biệt viết :*

Nhất biệt Tống-gia quân thần tại (8),
Ngô tâm hồi quốc bộ mang mang (9).

Văn viết :

Rẽ hai phương kẻ Nam người Bắc,
Rút tình này ruột thắt đôi con!

CHƯ CÔNG (Các Quan) *Văn [59a]-viết :*

Công danh ví tựa Thái-son (10),
Lo sao trả đặng nghĩa hơn vương tròn!

VƯƠNG *văn viết :*

Rút tình phân các nhất phương,
Cự bang đó lại, Tòa-chương đây hồi.

HỒ-OAI *viết :*

Tống-chúa đà trở lại đan-trì (11),
Chúng Tướng! Truyền chúng tướng phản hồi cự quốc.

Loạn viết :

Hoang mang đoạt lộ vọng Phiên-thành (12),
Bài khai kiếm kích sậu mã hành (13).
Báo nghĩa lập công chân hào kiệt (14),
Trùng quang tạo hỷ chí hoan tình (15)!

VƯƠNG *viết :*

Trên dưới đã phỉ tình;

Bé lớn đều toại ý!
Nội-thị! Hạ lệnh truyền *Nội-thị*,
 Mau khai thiết yến-diên.
 Ngõ đãi khắp tôi hiền,
 Cho thỏa tình hoan lạc!

HOÀN-CÔNG viết :

Cất mũ lâu qua Bệ-Hạ;
 Cởi đai nạp trước ngai vàng!
 Thuở ngu-thần chịu tiếng hàm oan,
 Lời trọng nguyện xuất gia đầu Phật.
 Nay đã vững bền quốc mạch,
 Rày đà xum họp chúa tôi.
 Xin Cửu-trùng mở lượng rộng khơi (16),
 Dung ngu-hạ xuất gia đầu Phật!

VƯƠNG viết :

Thấy nói châu rơi lệ chảy.
 Nghe lời xối động gan vàng!
 Quốc-lão đà quyết chí lánh trần,
 Thời ta liệu nhất phương cận tiện.

Hạ viết :

[59b] *Nội-thị!* Truyền bách công chinh biến (17),
 Mau lập một am vân.
 Đặng Lão-quan tu đó cho gần,
 Ngõ vẹn chữ Dữ đồng Vương-đạo (18).

HOÀN-CÔNG viết :

Muôn tâu! Đà biết hiếu kính quân thân làm trước,
 Tiến vi quan hễ, thoái vi sư (19).
Nhưng mà, Tích trước đã cao giờ,
 Ngàn năm khôn che chở.

Xin Thánh-Hoàng lượng lại,
 Thần hạ đã quyết lòng!
 Tuy rẽ chia chúa Bắc tòi Nam,
 Song cũng nương nhờ quốc-mạch.

VƯƠNG viết :

Nay Quốc-lão tấm lòng hoài vọng,
 Một lay đưa người tới thiên lâm.
 Luống mục lệ lưu liên,
 Phiến tình tu nan biệt (20)!

Hạ viết :

Lòng người đà quyết một,
 Trẫm hạ sắc Chương-tòa.
 Cho Lão-quan thí phát xuất gia (21),
 Kẻo Quốc-lão mơ lòng tưởng vọng!

HOÀN-CÔNG viết :

Cúi nhờ ơn Thánh-thượng,
 Đã rộng lượng khúc tòng (22).
 Cúi bái tạ triều trung,
 Chân xin lui đã ngoại (23).

LƯU-TỬ, NGỌC-XUÂN viết :

Dạ! Xin nghiêm-đường lượng lại,
 Cho con trẻ thừa qua.
 Cha tám mươi tuổi tác đã già,
 Con mưa nắng biết làm sao đặng?
 Xin cha hãy ở đây an dưỡng,
 Chốn triều-ca sớm tối có con.
 Ngõ [60a] đền thừa mười ơn;
 Đặng báo tình ba thảo (24)!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Cha quyết dạ lánh nơi trần tục,
Con đừng lòng rơi lệ gian nan.
Miễn là con vẹn chữ Tam cương (25),
Đề mặc lão tìm theo Phật-tổ.

QUÂN BÁO *viết* :

Cúi thưa trưởng hồ,
Có Nội-Thị tới dinh!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Hai con thoát bộ hậu-đường,
Đặng cho cha tiếp rước.
Hoang mang nghinh tiếp,
Thỉnh nhập Khách-đường (26).

NỘI-THỊ *viết* :

Vàng trên thánh-đức,
Lễ hạ Tướng-Công,
Cùng đẳng đẳng triều trung,
Lễ kính đưa Tướng-quốc (27)!

HOÀN-CÔNG *viết* :

Muôn ơn thánh đức,
Bái tạ triều trung.
Ngươi trở về rằng dám kính hoàng ân,
Rằng lão dâng bốn chữ : «QUỐC-GIA TRƯỞNG-
CỬU» (28)!

Hựu viết :

Nay đã phai rồi trần tục,
Chẳng còn vương vấn oan gia.
Khẩu niệm A-Di-Đà,

Thủ trì đao thi phát (29).

Bài viết :

Đoạn trái oan hề, đoạn trái oan,
 Vô tình tưởng vọng sự nhân gian!
 Danh sơn độc thụ nhân minh nguyệt;
 Thẳng cảnh thiên tâm ý vị khan!
 Y-bát xô tung cơ dưỡng tính;
 Ma-ha nhất địch tửu kỳ an!
 Kỷ thời thoát đặc mè tâm tục,
 Đại đạo quy đầu [60b] đoạn trái oan (30)!

Hạ viết :

Dốc lảnh câu Sắc sắc;
 Mau tìm chữ Không không (31).
 Chuốc hài gai chỉ dăm sơn trung,
 Mong nón sậy trông chừng Phật-tịch (32).

Văn viết :

Nón sậy trông chừng Phật-tịch,
 Thời nào câu Sắc sắc Không không.
 Sáng rồi gương huệ soi lòng,
 Khỏi nơi phạm tục lảnh vòng trần ai.
 Dốc lòng lên cõi Thiên-Thai (33),
 Máu-Ni áo bả dây gai tu trì (34).
 Bi hoan ly hợp sự thường,
 Kính dâng tuổi chúa Nam-sơn thái bình!

CHÚ-GIẢI :

1. *Truyền văn ban võ bá* : Gồm trăm quan hai hàng văn võ. *Lễ tiễn biệt*.

phản hồi: Đã rõ nghĩa. *Lưỡng lộ tổng tam bôi*: Đồi đường kẻ đi người ở đưa vài chén rượu. *Phiến thời ngâm xô cú*: Mỗi lúc ngâm vài câu thơ. Đây tỏ tình tha thiết với Phiên-chúa.

2. *Tam bôi tổng biệt lưỡng phản ban*: Ba chén tiễn đưa chia hai ngã.
3. *Lưu tình nghĩa trọng cật đoạn trường*: Lưu lại tình nghĩa nặng sau khi chia tay, đau đớn như đứt ruột.
4. *Vọng khán minh-quán nan gấm mục*: Nom nhìn chúa sáng không chán mắt.
5. *Thống ngô phước phủ mạc hân hoan*: Ta đau tặng phôi chẳng vui gì!
6. *Mục kim Phiên chúa hồi cự quốc*: Trước mắt chúa Phiên về nước cũ.
7. *Hà nhật ngô tình đặc hợp hoan*: Tình ta bao lại được vui vầy.
8. *Nhất biệt Tống-gia quán thần tại*: Một phen cách biệt vua tôi Tống.
9. *Ngô tâm hồi quốc bộ mang mang*: Về xứ lòng tôi bước vội vàng.
10. *Thái-son*: Núi to lớn ở Đông-Lỗ, nói kẻ có công với nước (làm quan) là phải có danh vọng, khi đó trách nhiệm nặng coi như non Thái.
11. *Đan-trì*: Bạc thềm đỏ, nơi dưới bệ-ngọc nhà vua.
12. *Hoang mang doạt lộ vọng Phiên thành*: Vội đi co đất ngóng Phiên thành.
13. *Bài khai kiểm kích sậu mã hành*: Gươm giáo giơ ra ngựa chạy nhanh.
14. *Báo nghĩa lập công chán hào kiệt*: Hào kiệt lập công và trả nghĩa.
15. *Trùng hoan tạo hỷ chí hoan tình*: Nghiệp vua lại sáng rất vui tình.
16. *Cửu-trùng*: Chín lần. Vua vi như Trời ở chín tầng mây gọi là Kiền-tượng, nên bệ-ngọc vua ngự có chín bậc trên đặt ngai vàng.
17. *Bách công chỉnh biện*: Trăm thợ sửa soạn để xây cất chùa.
18. Dữ đồng Vương đạo đã chưa cuối hồi thứ ba. Phật đạo dữ đồng Vương đạo.
19. *Tiến vi quan hê*: Tiến lên gặp thời mới làm quan. *Thoái vi sư*: Lui về nhà làm thầy, đó là kẻ sĩ, nhưng làm thầy dạy học-trò như đức Khổng sàu khi ngài không đạt chính-trị, còn Hoàn-Công lui làm sư theo đạo xuất gia có khác. Song áp dụng câu này thấy vẫn thông nghĩa.
20. *Lưỡng mục lệ lưu liên*: Đồi mắt lệ đầm đìa, *Phiến tình tu nan biệt*: Mảnh tình thương nhớ khó mà cách biệt nhau.
21. *Thí phát*: Cắt tóc. Xuất gia đầu Phật đã chưa ở trên hồi thứ hai.
22. *Khúc tông*: Chiều theo, dù không đúng lẽ. *Khúc*: Cong không thẳng.

23. *Dã ngoại* : Ngoài đồng nội. Hoàn-Công muốn lánh nơi xa đồng núi.
24. *Ba thảo* : Ba điều hiểu nghĩa đối với mười ân đã sinh thành. Xét ba thảo đây có phải là câu : *Dục tương thốn tâm thảo, báo đáp tam xuân huy* hay không, nghĩa là xin đem ba tấc cỏ báo đáp ba mùa xuân đã nảy ra, như câu Kiều : *Liều đem tất cỏ quyết đền ba xuân*. Vì sách nhỏ chưa thấy cuốn nào nói tam hiểu là ba thảo, hoặc giả bản chính sai lầm chăng?
25. *Tam cương* : Ba giềng mối đã nói ở trên, những kẻ triều-sĩ càng giữ Tam cương là vua tôi, cha con, vợ chồng cho phải đạo hơn mọi người.
26. *Hứa thỉnh nhập Khách-dường* : Xin mời vào nhà khách.
27. *Đẳng đẳng triều trung* : Các thứ bậc trong triều. Tướng-quốc, chính ra là Thừa-Tướng, Thủ-Tướng, đây tôn xưng ông là giúp nước mà thôi.
28. *Quốc-Gia Trường-Cửu* : Nhà Nước Dài Lâu, tức ngôi vua cũng còn mãi.
29. *Khâu niệm A-Di-Đà* : Miệng niệm (đọc) Đức-Phật. *Thủ trì dao thí phát* : Tay cầm dao cắt tóc, quyết chí đi tu.
30. Bài thơ này xin theo đúng nguyên-văn chữ, mà tạm dịch sau đây : Rút nợ oan chừ, rút nợ oan ! Tinh nào mong tưởng việc nhân gian. Núi, cây, trăng sáng đây là nhất ; Cảnh sắc tinh ưa kẻ mấy vần.
Y-bát mấy đời tu được gặp ; Ma-ha mấy giọt rượu cầu an.
Bao giờ khỏi được mê lòng tục, Đạo lớn theo về rút nợ oan !
Y-bát chân truyền phải chân tu mới được, ở đây xô tung không rõ nghĩa. Ma-ha (nước Cam-Lộ) nhất đích tửu kỳ an, lại càng không đúng nghĩa, nên tạm dịch ra như vậy.
31. Sắc sắc tức muôn vật có hình, nó chỉ ảo ảnh mới gọi là Sắc. Không thì muôn sự vật tóm lại chẳng có gì. Đây nhà tu lánh cõi Sắc tức trần trung vật sắc, để đi tìm ý nghĩa chữ Hư-Không.
32. *Phật-lích* : Dấu vết đức Phật, tức cửa chùa vậy.
33. *Thiên-thai* : Tên ngọn núi có tiên, khi xưa Lưu-Thần, Nguyễn-Thiệu đi hái thuốc được gặp Tiên-nữ. Ở đây nói cảnh núi chùa đẹp như vậy.
34. *Mâu-Ni* nói về nhà Phật, áo bả, giày gai, nón sậy nếp sống sơ sài.

HẾT BỐN HỒI TRỌN VỞ

MỤC LỤC

	TRANG
LỜI NÓI ĐẦU	7
PHẠM-LỆ	9
Những vai tuồng lần lượt xuất hiện	11

ĐÌNH LƯU TÚ DIỄN CA

QUYỂN THỨ NHẤT :

A. Hồi thứ nhất	13
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú từ giả tôn sư đề hạ sơn động . .	15
<i>Cảnh thứ hai</i> : Lưu-Tú tới kinh - sư gặp Tiết - Ngọc - Xuân giao ước	21
<i>Cảnh thứ ba</i> : Lưu-Tú gặp Thanh-Đồng ở giữa đường diệu pháp	31
<i>Cảnh thứ tư</i> : Vua Tống lâm triều, Phụng-Cửu-Công xin đi dẹp giặc	37
<i>Cảnh thứ năm</i> : Phụng - Cửu - Công dẹp xong Phiên chúa Hồ-Oai	43
<i>Cảnh thứ sáu</i> : Lưu-Tú gặp Tô-Hắc-Lân rồi kết bạn . . .	48
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Tiết-Hoàn-Công và con gái Ngọc-Xuân nói về tình duyên	55

<i>Cảnh thứ tám</i> : Lưu-Tú biệt Hắc-Lân đi thi, gặp cản đường quay trở lại	61
B. Hồi thứ hai	
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú nhớ Tiết - Ngọc - Xuân, Hắc - Lân khuyên giải	69
<i>Cảnh thứ hai</i> : Chánh cung âm mưu với gian - thần Tiết-Hoàn-Công bị hại	73
<i>Cảnh thứ ba</i> : Tiết - Hoàn - Công được tha tội, đi dẹp giặc lập công	83
<i>Cảnh thứ tư</i> : Tiết - Hoàn - Công dẹp xong giặc Hắc - Lôi - Phong Tây-Phiên	89
<i>Cảnh thứ năm</i> : Lưu-Tú, Hắc-Lân thất lạc nhau sau cuộc du thuyền	95
<i>Cảnh thứ sáu</i> : Tiết Ngọc-Xuân giữa đường gặp gia-binh họ Hồ giết	103
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Hồ - Hắc - Lân cứu Ngọc - Xuân chết giữa đường sống lại	109
<i>Cảnh thứ tám</i> : Tống-vương sau cơn ác mộng mất đi, Hồ-thị cướp ngôi	115
<i>Cảnh thứ chín</i> : Tiết-Hoàn-Công bị binh họ Hồ đuổi đánh	123
<i>Cảnh thứ mười</i> : Tiết - Hoàn - Công chạy giặc, được Lưu - Tú cứu thoát nạn	129

QUYỂN THỨ HAI:

Hồi thứ ba	135
<i>Cảnh thứ nhất</i> : Lưu-Tú tới trường-an, gặp Lã-Hàn-Khanh cùng mưu cứu thứ-phi	137

<i>Cảnh thứ hai</i> :	Họ Hồ trăm Hà Thứ-phi, Lưu-Tú ra tay cứu thoát	143
<i>Cảnh thứ ba</i> :	Thứ-hậu chạy giặc cùng Lưu-Tú sanh Hoàng-nam rồi mất	151
<i>Cảnh thứ tư</i> :	Hoàn-Công, Ngọc-Xuân, Lưu - Tú, Hắc - Lân xum họp một nơi	159
<i>Cảnh thứ năm</i> :	Đám Hoàn-Công, Lưu-Tú,... thất lạc vì binh Hồ truy nã	167
<i>Cảnh thứ sáu</i> :	Lưu-Tú, Tử-Hoàng chạy loạn, được dò qua sông, Thứ-phi linh hiền	175
<i>Cảnh thứ bảy</i> :	Thú rừng nuôi sống Hoàng-Tử: Thần-linh cứu sống Thứ-phi	183
<i>Cảnh thứ tám</i> :	Phượng Thứ-phi bị Thạch - Hùng bắt giam trong chùa	189
<i>Cảnh thứ chín</i> :	Hoàn-Lăng giết tướng cướp, cùng sư Khánh-Vân phù Thứ-hậu	195

QUYỂN THỨ BA :

	Hồi thứ tư	201
<i>Cảnh thứ nhất</i> :	Lưu-Tú dạy văn võ Tử-Hoàng, Chu - Linh thấy đuổi mà chạy	203
<i>Cảnh thứ hai</i> :	Lưu-Tú, Tử-Hoàng được Phiên-chúa Hồ-Oai đưa về lánh ẩn	213
<i>Cảnh thứ ba</i> :	Cha con Hoàn-Công tới quan-ải, hợp lực cùng Phượng-Cửu-Công	221
<i>Cảnh thứ tư</i> :	Hắc-Lân phá trận-đồ, gặp Hoàn-Công ở quan-ải Cửu-Công	227
<i>Cảnh thứ năm</i> :	Nơi quan-ải, quân thần, phụ tử, phụ phụ, huynh đệ,.. trùng phùng	235

<i>Cảnh thứ sáu</i> : Tử-hoàng phục quốc, chia năm đạo binh tấn công	241
<i>Cảnh thứ bảy</i> : Sau Thạch-Dũng, Thái-Hà, Chu-Linh,.. Bình Hồ bị Lưu-Tú dẹp tan	251
<i>Cảnh thứ tám</i> : Hồ - vương thất bại, Hoàng - Tử lên ngôi, phong chức bách quan	261
<i>Cảnh thứ chín</i> : Lễ tiễn đưa Phiên-chúa về xứ, và Hoàn-Công đi tu	269

MỤC LỤC	276
-------------------	-----

Phần nguyên tác từ trang I đến CXXVIII



ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	Đã in	Xin sửa lại
27	2	[4 b] LƯU-TÚ <i>biệt viết</i>	LƯU [4 b] TÚ <i>biệt viết</i>
33	3	Đa tạ [5 b] tiên nhân	Đa [5 b] tạ tiên nhân
61	15	Vậy thời, Em đà quyết lòng ở lại	Vậy thời [11 b] Em đà quyết lòng ở lại
79	2	[15 a] HÀN KHANH <i>viết</i>	HÀN [15 a] KHANH <i>viết</i>
84	12	[15 b]...	
105	22	Vậy mới yên thiên hạ [20 b]...	[15 b] Vậy mới yên thiên hạ Cấp [20 b] trở về
124	16	Cấp trở về THẠCH HỒ [24 b] <i>viết</i>	HOÀN CÔNG [24 b] <i>viết</i>
126	8	Sông Tứ năng [25 a] chầy non nhân	Sông Tứ [25 a] năng chầy non nhân
133	2	Tả tâm thư [26 b]	Tả tâm [26 b] thư
138	21	HÀN KHANH [27 b] <i>viết</i>	[27 b] HÀN KHANH <i>viết</i>
144	6	Có lão quan Tiết thị [28 b]...	Có lão quan Tiết [28 b] thị...
148	8	LƯU TÚ <i>văn viết</i> [30 a]	LƯU [30 a] TÚ <i>văn viết</i>
177	6	Cúi đầu [36 b] đa tạ	Cúi [36 b] đầu đa tạ
196	5	HÒA [41 a] THUỘNG <i>loạn viết</i>	[41 a] HÒA THUỘNG <i>loạn viết</i>
215	11	Nỗi gia tình [46 a] một lẽ	Nỗi gia [46 a] tình mọi lẽ
224	17	... Cúi lạy tấm [34 b] lòng thành	... Cúi lạy tấm [48 b] lòng thành

斷債。冤。又曰。篤。另。句。色。色。毛。尋。字。空。空。祝。踏。亥。指。琰。山。
 芒。橫。槌。聲。澄。佛。跡。挽。曰。徯。辰。市。句。色。色。空。空。願。未。詞。惠。燭。
 瑟。塊。尼。凡。俗。另。妄。坐。埃。篤。瑟。蓮。埃。天。台。牢。尼。祇。把。踏。亥。修。
 持。悲。歡。離。合。事。常。敬。對。歲。生。南。山。太。乎。

垣所遊息。鄧報情。計桓公曰。吒決施另尼塵俗。昆行懇
 淚。泪娘雉。免昇昆論字叁剛。底補老尋。曉伏祖軍。曰。踰踈
 帳虎。固內侍細營。桓公曰。仁昆退步後堂。鄧朱吒接連。荒
 芒迎接。請入客堂。內侍曰。哪連。聖務。禮賀。將公共等等朝
 中。禮敬。遂將國桓公曰。閑恩聖德。拜謝朝中。外阻。術浪濫
 敬皇恩。浪老。毖翠字國家長久。又曰。吟也配未坐俗。庄群
 王問。冤家口念阿弥陀。手持刀刺髮。排曰。斷債冤。無情
 望想。事人間。名山。獨樹。閑明月。勝景。千尋。意味看。依鉢。數
 從机。養性。麻阿一的。栖祈安。幾辰。脫得迷心俗。大道。祇投

侍傳百工整辦。毛立沒奄雲。鄧老官修妬朱斯。昨論字此。
 同王道。桓公曰開。奄別孝敬。君親溫畧。進爲官兮退爲師。
 仍跡畧奄高揣。疥辭坤雲。嘖聖皇量吏。臣下奄決。瑟重
 瑟分主北碎南。又拱娘迦國脉。王曰。矜國老脫。瑟懷望沒
 拜遙得細林禪。兩泪洒流連。片情修難別。又曰。瑟得它決
 沒。朕下敕章座。朱老官刺髮出家。斜國老麻。瑟想望。桓公
 曰。吟迦恩聖上奄。嘖量曲從。吟拜謝朝中真。嘖躡野外。刘
 秀玉春曰。嘖。嚴堂量吏。朱昆。瑟疎戈。吒。瑟逝歲索奄。瑟
 杆。湄。爆。別。溫。牢。鄧。嘖。吒。吟。於。低。安。養。準。朝。哥。最。最。固。昆。午

曰功名。否似泰山。敵市呂鄧義仁旄。王挽曰。代情分各。
 虛方。前邦妬夷。座章低回。虎威曰。宋主它阻夷丹罪。衆傳
 衆相反。回前國。乱曰。荒芒。奔路望番城。排開劔戟。驟馬行。
 報義立功。真豪傑。重光造喜志歡情。王曰。蓮帶也。匪情。閉。
 者調遂意。侍內下令傳內侍。毛開說晏延。昨待泣碎賢。朱安。
 情歡樂。桓公曰。拮冒奏戈。陛下。捨帶納畧。凱鏜課愚臣。鄒。
 嗜含冤。廟重愿出家。投伏。聆缶。凭紉國脉。扇它森合主碎。
 噴九重。嗎量。瞬開容。愚下出家。投伏。王曰。体。响。誅。涑。泪。足。
 喧浪。配動肝。鑽國老。宅。找志。另塵。辰些。料一方。近便。又曰。

賞賜白金銀叁拾兩。番主有心保護。他貢禮萬年。加重賞
 千金。存文武諸營。賞紀錄加增一級。茲敕王曰。侍內侍毛
 哪令傳聞立晏延。鄧說待群僚。朱匪情將士。虎威曰。宋室
 先術都鄙。庄群主北碎南。迎駟謝幔狼。噴囁回前國。王曰。
 百傳文班武伯。禮箋別反回。兩路送叁孟。片辰吟數句。別
 曰。叁孟送別兩分班。留情義重割段腸。虎威別曰。望看明
 君雄厭。汨痛吾肺腑。莫欣歡。諸公別曰。目今番主回前國
 何日。吾情得合歡。虎威別曰。一別宋家君臣在。吾心回國
 步芒芒。挽曰。他方兒南得北。我情尼腓朕隊千。諸公挽

曰歌。旁才党子。庄群忌。昆官。沛沒。抹。結。涅。昌。散。任。沒。錦。屍。

拯泣垣。

南無阿彌陀佛

忍忍債主。冤家從此。尽饒饒。于災萬禍。一。

齊消。

九公曰。

百官下令傳文武百官。入寶殿。尊王。卽位。皇子。

曰。台。莪。翊。治。朕。号。宋王。袍。德。撫。翠。方。嚀。仁。潤。慕。戶。內侍

啣。詔。旨。毛。宣。敕。文。內侍曰。

百官咱。

鳳九公。当。朕。敕。封。爲。京。龍。

大王。群。雪。氏。桓。公。有。志。敵。慨。敕。封。爲。龍。公。西。龍。呂。氏。忠。君。

愛。國。敕。封。一。品。尚。書。丁。氏。才。法。過。人。敕。封。爲。輔。政。再。配。緣。

雪。氏。夫。人。蘇。家。文。武。全。才。敕。封。爲。國。狀。石。氏。素。多。武。勇。敕。

封。都。督。朝。中。白。氏。忠。誠。勇。列。敕。封。爲。和。尚。渡。夫。能。出。海。河。

胡彥曰甚急真么。至危是么。蜀人向重重火爇。看四方盡
 疊煙影。進無路退分無路。前攻之後亦戰之。堪咬也。運皆
 哀嗟乎事業。亂曰皇天忍害吾豪傑。地曰何亡我重光。嗚
 呼叁寸干般用。一旦無常萬事休。皇子曰官胡氏宅陣上
 屍。抔傳衆相進于中國。翰卿曰途中府伏。駕御叩頭。臣赴
 卿格。極閉歎望明主。諸卿萬歲。九公曰老懶呂氏。於鄧
 生全。公諸公透入塲安。傳衆相一辰進發。毛猛曰祐詳
 龜舌柴仕出兵。庄於局拜伏。誦經。趁打賊哈界付絹。展雲
 曰。喚哺頌猗猗。典都飭猶臻。次沒陣交攻。誓不容胡賊。又

朝彰報胡彦曰聞報來魄爽。咱說已魂彰痛切也。靖兒哀
 嗟乎事業。毛猛幼兒須舍急。毛頃印先征。吒後習接兵。嚬
 除宋賊。毛猛曰仍將如擒如狝。奴群折莊。鉗鮮。況之昆閉
 吝。咳制消打泊空消打賊。先征意底。吒接畧。後習尼昆領
 蹠。蘇吒固牧昆。趙朱毛奴杯。鄧奴等。薩臨。胡彦曰。軍傳移
 斧。越奮動刀兵。朕銜駕身征。嚬。嚬除反賊。桓公曰。柄認
 舌。陛下出兵。缶歌得牙爪。胡城。賊陛下身征。庄謁休。胡彦
 曰。拷市麻。哂。册固句風送。滕王誓一鼓交鋒。朱別才胡
 氏。虎威曰。休避死。《莫遜生》。《擯授奴。拌。舂。斜辱綿。移。擣。

真妙法。斬吾臂血滿霜衣。又曰：奴固才妙法高奇。些呵罷。
 忍收麻縹。速速呼妙法。放大海山中。垠賊夷邊。淹坤唐戈。
 濠曠。刘秀曰：祚体波潯。演。認。詳。反。賊。過。江。奴固法移山。
 些用方。倒海。珠灵曰：吾大敗。賊進追。毆速速奔彩。芒。
 芒避死。乱曰：長塗遙望去。芒芒。一身受死。淚關于堪惜。枉。
 生爲豪傑。可憐吾命受含冤。刘秀曰：化鉄鎖。毛。毛急捉來。
 賊党。又曰：大叫。凶徒休避死。速呼小輩。莫逃。生。放鉄繩。綫。
 夷雲山。軍傳調夷。鄧。登。殿。下。皇子曰：下令。典。武林。宛。何。分。
 屍城外。報曰：趨我。人。麒麟。人。督相宅。折。鼻。古。鵝。不。碎。肺。回。

秀曰最異奇。真古怪。法習群傳。急急念靈光。符化法六童。娘攢再殺他天。皇子曰。果是胡家妙法。真爲養父奇才。想雄危苦趨唐。魏哈亮固法。再捧紉。黠油鄧。僊結基會。別袍之呂。侯恩苦。噴養父。驛。去。除。索。胡。賊。黑。麟曰。噴沒番。噴飭台兄。長攻勞。決。梗。博。宋。朝。誓。殄。誅。胡。賊。又曰。打沒鐮。下沙。釘。馭。發。自然娘。逾。趨。魏。相傳衆相殺來。進兵追反賊。朱曰甚急。至危。一身難脫。重圍。俸發骨。骸。屢。刷。毛。毛。舍。急。擦。擦。揮。刀。破。千。兵。展。志。咆。哮。弩。神。力。解。開。蛇。陣。亂。曰。奔。行。千。里。似。鵬。形。鮮。開。蛇。陣。展。神。威。痛。恨。蘇。

哮才斗虎爭竜。些拱別催片陷鏡。刘秀曰。習縱笑駱箕象
 馭。矜得皆見奴他捕反賊急。却安。矧辱綿移博。珠灵曰。心
 生霹靂。面上雷轟。愿展志平生。決不容汝命。又曰。直爲世
 上豪傑當先。化火磷火虎陣前。燐丁氏無方走脫。刘秀曰。
 呌台類反賊。奴每用法神。噯叫出六竜。乃速來噴水。珠灵
 曰。卧固才噴水。些剔訶忍收。化驗奴悲無。眼閉兵走脫。刘
 秀曰。^奴化驗奴悲。飢八向。眼重人啟趨。累方。毛毛化法金
 身。針驗朱補晴。珠灵曰。每固才勇決。吏饒法妙。灵噯神符
 念。註灵通化。一將三頭六臂。毛毛乘白馬。捉丁氏縛之。刘

火攻。燄靈符走散。劉秀曰。噫。天暗地昏。連雨來。酒威。又曰。各卽攻破城池。杯朱鄧太河投納。太河曰。賊已攻城矣。人。羗芒上馬奔彰。亂曰。開破東門。展虎威。一身捍出。免臨災。恨你劉生施妙法。哀哉胡氏命休然。劉秀曰。軍太河。它陣。上身亡。傳衆相進兵中國。報曰。甚急。至危。二相它陣。上拋屍。衆碎沛回朝。彰報胡彥曰。咱說心中發火。聞言五。內煙彤。哀哉乎賢弟痛恨你皇兒。又曰。堦義堦毛開出城。池。管虎旅掃除宋賊。珠靈曰。欽承玉敕。領命施行。誓。才。掃盡群萌。攬鵬。揜江山胡氏。又曰。稱認劉秀。大笑連声。卽。

怪。各肝掖擁攘。至。叫台老朽。誇才。吏各密袍。驚量。凌。又曰。
 嬌某。包塊。術。珍。海。衆。悲。空。鏖。鄧。界。三。軍。傳。參。軍。奮。動。干。戈。
 開。城。內。興。兵。雪。恨。劉。秀。曰。唉。仍。類。反。賊。牢。空。別。運。辰。理。皆。
 邪。馭。捲。旗。牢。群。唉。孔。凌。鉞。泊。太。河。曰。誓。江。山。宋。室。盼。基。業。
 胡。家。自。油。吟。慷慨。干。戈。某。庄。別。縱。橫。斧。越。折。嬌。某。嘯。群。吟。
 密。怨。茹。自。脂。似。飄。菱。愿。奮。基。雄。威。決。生。於。賊。輩。劉。秀。曰。怪。
 事。真。怪。事。奇。人。是。奇。人。姁。本。昇。昌。鉄。膠。銅。釧。鉗。姁。昌。叫。党。
 党。又。曰。衆。奴。屯。城。中。固。守。些。萬。人。雄。敵。理。常。用。草。卜。捕。認。
 毛。練。法。破。城。杯。姁。太。河。曰。些。粘。紅。舌。奴。練。法。草。人。下。令。押。

關隘。石勇曰：吾一場受害。胡家千載皆休。指路上高形。尋
 生方走脫。亂曰：荒芒奈路似鳥形。解開蛇陣脫雄危。又曰：
 吾林陣。被刺鎗。觀賊兵圍府四方。急抱腹解開蛇陣。
 亂曰：恨你列生鎗害我哀哉。胡氏命休之九公曰：石勇也。
 拯屍傳三軍進發。太河白曰：威振英雄力拔山。縱橫床列
 貫乾坤。世上人人皆畏具。聞吾衆衆尽驚魂。又曰：權重鎮
 慶陽。胡太河界某。哪新政。地垠隘虎。計買秋吏拔燒狼。
 正我意欣歡。是胡家長久。報曰：急事真急事。至危是至危。
 勝子皇。曳動旌旗。殺石勇。奈收關隘。太河曰：陣閉子皇作

被授帥朱別才神武。買斷威某。奴色望凡。下令與軍人進。
 馬來追捉。慶雲曰。反賊須擒。奴辱某。旂子皇恢復。
 宋都。衆悲乙屍。杯滿地。石勇曰。党貪。曾生偽。吏據博。旂
 可阻。術軟。糊工夫。行此典。都爭。錡泊。劉秀曰。二相軍。舉博。
 冲勝敗如何。利害可分戈。朱些詳机事。桓校。慶雲曰。仁碎。
 揚威虎。除庄。鄧胡家。鉗。臣。客。授。恪。木。旂。打。沒。楊。托。下。群。吏。
 劉秀曰。色。鉗。作。怪。舌。等。英雄。軍。傳。舉。動。旌。旗。旂。旂。除。反。賊。
 又曰。秘。朱。罕。柄。唉。都。碎。好。決。鉗。如。邪。安。庄。朱。鉗。遠。駭。又曰。
 鉗。沒。教。想。它。至。死。發。自。然。抱。腹。望。凡。下。令。與。軍。中。進。兵。于。

輕報來机事得詳明。兵到處如雲疾疾。將來反似雨東。石勇白曰。威振揚揚。力拔城。縱橫宗列。衆皆驚。勇躍過人。誰敢敵。英雄貫古出群生。又曰。權重鎮江城。某矜胡石勇。威曳撫安民衆。仁。嚳洒泣。墜坡。垠隘銅兵。庄動旗。擲壘。鉄。馭空移駟。軍報曰。碎。矜本部。巡守隘。馬兵。恒河滿野。塞山。旗提字子皇。復國。石勇曰。休。吶。油。濡。瀉。瀉。暄。浪。焰。曳。烱。烱。吡。陣。買。子。皇。牢。空。惊。威。某。下。令。傳。本。部。開。城。內。拒。之。又。曰。你。反。賊。何。名。敢。到。來。爭。閭。桓。棱。曰。先。鋒。乃。我。某。石。桓。棱。可。亦。馭。納。駟。矧。辱。綿。移。戢。石。勇。曰。丐。倘。見。惶。撤。擁。據。丞。些。決。

陷銳精桓。稜廢雲。亂曰。凌凌勁氣。奮龍爭。愿威胡家。定宋
 城。一鼓功牧如卷席。三連殺尽衆皆驚。黑璘亂曰。催鋒陷
 銳。奮雄兵。宗列揚威。定帝京。右翼一支兵奉命。手提三寸
 定宋城。虎威亂曰。排開劍戟。除凶輩。掃尽胡家。定宋朝。今
 朝。奮旅成事業。臣薩之邦。是深情。桓公亂曰。身提虎旅。管
 千員。統領銳氣先。決奮。卿威除凶輩。掃青胡賊。定山
 河。九公亂曰。管將百萬統軍中。我武惟揚。殺氣雄。愿捉胡
 家來問罪。挽回宋業。遂奇功。軍人曰。祝體旌旗。弊曰。植認
 劍戟。步霜。反馬到開中。鄧申戈督相。亂曰。奔行千里。任輕

石氏貝慶雲。也。固惡愛國。憂君。夷決志栽培社稷。九公曰。
 錦茹厚福。買鄧旌論。矜惻吒也。及昆。遂閉碎它合主。又曰。
 軍傳嗎。滿瓊漿。待僚官喜樂。皇子曰。矜也。兵淵將孟夷添。
 固主產床。外祖出兵威。甥孫除党僞。九公曰。連主它救旨。
 可賄老分兵。權領印先征。乃卧丁。刘秀副先征。乃付石氏。
 貝慶雲。左支乃黑璘。右翼虎威領命。雪桓公奉印。權後習。
 接兵。老誦駕軍中。一團揚銳氣。軍班曰。揚劔戟。奮雄兵。
 殺來胡氏。浸凌地。決奪基圖。仕帝京。刘秀乱曰。催兵萬。
 隊營先征。尽殺胡家。定帝京。萬丈奔來天地暗。百般圖地。

快樂。志歡哉。昔日分离心有恨。今朝幸遇快無窮。玃公曰。嗔請夷城中。朱匪情高下。又曰。毛毚礮。鴈。擦嗎席紅。傳等等諸公。礼敬棚殿下。又曰。功將軍苦者。恩否似浩策。番主拱固恚。買鄧安役意。些庄分高下。同席上。舉盃朱匪施各外。仞碍徵恚老軍人。曰。賒疎。笱帳。監訴。边慢。固。旺。得等畧。隘開。廁。嗔。改。鄧。臥。啐。相。九公曰。令傳部卒。許人閣堂。次妃曰。批極幸光詳。謝嚴堂百福。九公曰。認詳。茹畧。果是吾兒。由何死去。生來須可分戈。喧此。次妃曰。恩。固。鬼神改死。福。迦。買。鄧。全。生。鈕。鏡。課。迎。城。夷。瞽。番。杜。諾。碎。木。迦。俠。飭。

動兵。狼住界地。滿山塞野。九公曰。唉。東夷胡虜。無端退反。
 臣。叩。閉。党。胡。芒。牢。空。堅。威。某。軍。報。曰。衆。碎。木。部。巡。守。隘。銅。
 兵。恒。河。滿。野。塞。山。不。碎。枯。術。低。疎。夷。九。公。曰。何。兵。作。怪。曳。
 動。四。方。胡。壘。唉。胡。壘。賊。子。咬。賊。子。軍。報。曰。陰。申。戈。帳。虎。語。
 栖。訖。邊。慢。固。番。使。來。降。收。項。臥。嚙。相。九。公。曰。禮。封。曷。渚。細。
 因。牢。固。來。降。令。傳。嗎。隘。狼。許。一。虎。威。入。閣。虎。威。曰。目。見。老。
 爺。心。快。樂。證。祐。我。意。至。歡。欣。老。爺。毛。嚙。連。子。皇。知。軍。衆。奴。
 空。朱。臥。閣。九。公。曰。喧。訥。舌。虛。渚。別。倍。鑽。悉。老。叱。懶。軍。傳。大。
 小。三。軍。開。隘。銅。迎。接。九。公。桓。公。黑。璘。玉。春。皇。子。刻。秀。曰。心。

主件令買崔九公曰須行步《勿奔行》黑璘曰也叨依
 補。據蹕唯奔。些保。急寄東邊。決。罽。誅。威。桓公曰
 將軍祐也。實我意快無窮。千里勿奔行。一場皆幸遇。黑璘
 曰。齡。心。慙。訢。贈。習。粵。施。群。乞。拜。上官。瞬。量。察。推。容。臣。下。一
 番。過。失。九公曰。叨朱。私。卒。飭。老。蹕。也。歇。啼。市。皇子。昆。至。在
 何方所佳。黑璘曰。碎。它。歇。飭。尋。鋤。子。皇。得。漂。洛。何方。它。坤
 通。令。侍。九公曰。下。令。傳。軍。士。毛。反。馬。回。城。又曰。功。閉。歎。落
 潁。撩。鐵。也。決。志。裁。培。社。稷。令。傳。部。卒。毛。嗎。席。晏。延。待。將。國
 士。資。朱。匪。情。渴。望。軍。報。曰。陰。申。亦。帳。語。訢。邊。慢。今。胡。戎。曳

仕分陳。黑白黑璘曰。莫信直中直。須防人不人。矜胡家執
 政。矜權空玉印。差得和誘老。可須曳妬。鄧朱某。戈低若脊。
 發戈牢乙死。而無悔。九公曰。須行步。勿奔行。傳軍人
 阻吏首城保國。老急蹶。掾。軍人曰。啗。哪鎮公。阻吏城池。
 呈國老。追尋豪傑。桓公曰。奔行踈渚。及歇廁。掾。急。影星
 帶月。乱曰。奔波千里。似鵝影。問來机事。得詳知。沐雨櫛風。
 勞莫奈。影星帶月。自尋之。黑璘曰。啖屍几。礼凌銳氣。柄番
 得吝。冽威。凡。恚。引。恚。保守。印。驗。妬。埃。誘。朱。漂。所。施。挽。曰。栢
 松節。意。志。縣。油。掾。之。農。油。樞。之。源。官。包。葉。諾。炭。崇。免。尋。休。

毛須可納。駝黑璘曰。賄廟。吶迫情。發。按。嘿。賊。驚。想。得。高。權。
算。辰。瞬。待。心。恚。立。陣。呷。此。飭。英。雄。吶。如。不。埃。浪。豪。傑。九。公。
曰。体。吶。油。濡。濡。喧。浪。炤。曳。烱。破。陣。圖。殺。害。軍。中。罪。也。
當。應。該。萬。死。黑。璘。曰。本。恚。得。其。其。辰。些。拱。濫。岑。此。朱。別。英。
雄。斜。吟。才。豪。傑。九。公。曰。呷。餘。梟。陣。躡。細。也。買。番。實。賊。才。
斜。斜。雄。英。壯。牢。空。空。匡。扶。乾。象。黑。璘。曰。碎。如。休。胡。氏。學。隊。重。
卓。不。賊。碎。庄。肯。稱。臣。扶。印。螭。踞。滑。唐。叛。尋。皇。子。冰。澄。琰。柳。
九。公。曰。心。快。樂。志。歡。然。老。九。公。總。鎮。界。邊。權。輔。政。稱。
皇。外。祖。壯。士。群。渚。別。些。分。吏。朱。詳。噴。連。衛。城。內。持。安。末。些。

尋伴王昨詳真假。挽曰：「匪恣愿，料施隨籠。吁！恨仍覺不
 忠。溫朱縣戶閒民珠眉反，臣悲。唉！界悲。鈿靈梓補除身中
 興。又曰：「祝休畧領山。現陣圖嚴整。低官市重鎮。賊練習村
 民陣助意空台。法冉牢固沒。些如拱悶。驛使飭双群民絀沒
 輪如休丕麻夷濫。声埃噲几英雄豪傑。毛毛冽細。打破陣
 圖。九公曰：「英雄是《豪傑真》。眾下令傳眾相，同躍馬進
 追。黑璘曰：「望彦上高步。指松林直走。乱曰：「直走林松去。老
 快吾入陣，不相干。兄弟志深，何處在。君臣离散，此何方
 九公曰：「壯士，是。吟飭高強。敢慢法破散圖陣。罪茹印鈕当。

悉誠。敢信。新察。併台。愿饗。又曰。好臣。唉。奸臣。反賊。喂。反賊。
 願提三尺劍。難容萬段屍。相下令傳衆相。毛修整刀鎗。宜
 速就帳前。急咱吾之命。桓公曰。嗔。大官滅怒。用愚下。廟干。
 可習鍊畜積兵糧。吓差几劍。尋皇子。欺意。買。基圖。大事。料
 主碎失。洛。口。方。係。界。些。兵。出。有。名。荒。意。乙。所。征。無。敵。九。公
 曰。回。心。咱。得。合。意。從。之。軍。下。令。此。軍。人。可。欺。悉。謹。密。
 呵。市。蟬。飭。尋。劍。子。皇。完。術。細。營。狼。泊。鎖。些。重。賞。又。曰。老。相
 躡。飢。錦。帳。些。蟬。習。陣。山。投。黑。璘。曰。牢。雪。硯。拋。源。琴。冲。了
 汝。兄。長。彪。悉。失。少。併。金。朋。專。膽。低。迷。扶。印。螭。指。琰。唐。弒。

忠難排坤掣。母皇也死於產後。逝解退。碎主漂流。九公曰。
 暄浪變色。休叻塊形。堪咬乎天子皇妃。可惜者宋朝事業。
 咬曰。怀念吾君。割爪牙。可璘殿下。淚生波。但約百年長國。
 脉。誰知一旦。夢南哥。痛恨胡家。真怨惡。忍爭事業。占皇家。
 又曰。軍傳軍人。修整香燈。鄧朱老。居喪帶孝。文祭曰。花翹。
 洛汜。買存亡。恪似棹檣。物耐暈移。唐生死。毛荒審脫。下。汝。
 灵習。山水鐘灵。庙堂寶物。垠城銅培。壘鉄。肝秋。僊達。封疆。
 使緝。洛矜。經歪。暮戶。汰調。哥樂。仍約。至南。賊訴。槽。如洛。唉。
 僊絲。市哈。隘北。鳳倍。術。碎主。它分別。醺。三旬。塢酌。陰拜。批。

茹珂下阻夷。崇錦肅隱身。典主文公汝夷。卽界子衰辰珂。

它術崇末。

主文公空別隣

主文公買將車馬。連連沒推番空。鄧。

卽子衰隱而不出主文公空別濫牢。

朱茹珂

主文公買陣十。

放火燄崇錦山。

朱茹珂

茹珂客肝空。螺娛昆下抱樹而死之。

哈

老如卽界子衰。鎮黜不誠空爲典老。

低麻

軍曰。陰疎。

帳語。訢邊幔。固。得等。營。狼。同。沒。哨。改。臥。螺。相。九公曰。

下令傳本部。許請入客堂。桓公曰。聖皇它賒另。塤仙。胡家。

夷。奪其帝位。九公曰。目下是覲。詳心中皆驚惧。由何事。

可訢言。《桓公曰。聖皇它賒另。胡家夷奪難。艱難計空窮。

唉兵孤糧寡。別謀之以弱制強之。朱明畜積兵糧。除運泰
 寇兵恢復虎威。曰回心了得。咱說欽然。携手吏本城。
 擇良日送回東地。九公白曰。威振東城。莫敢當催。凡幅銳
 力縱橫。心中義氣毫無喪。塞外紅塵尺掃青。又曰。權重鎮
 隘。銅鳳九公。昇老。自哪敕旨。謁鎮守東城。屈計它二拾餘
 年。牢空休隊。術拜謁。又曰。下令傳本部。毛酌酒金盃。吐瀉
 磯朱孟。斜歎尋汝主。讚曰。悲除些買汝吏課畧帥界子推。嚮扶哂
 渚蹠主文公。征東伐北畧地圖。城典欺安未。主文公封各
 官功臣。埃埃不拱。各有官賤。群帥界子衰。崔辰黜不朱誠

一國某節號僚王

如兵馬典
低正戈昇

汝九公掣施添盆。却仙并解

情愁悶。廟軒共二位名姓可排詳。因役之人馬。獨行細山

領所行何事。皇子曰。宋朝皇子。沃号太昌。被胡家占奪。嵬

乾。賊碎主。尋方避難。虎威曰。賄訴排難。累買別安根源。臣部

傳開席晏。延禮敬。惘皇子。又曰。賊子喂。奸臣唉。牢庄

堅。鉢月分屍。吏空咋。釦至蔭。又曰。下令傳衆相。毛拱袍

遊。筵多子皇。阻吏東城。其國土養安氣力。相下令傳衆相。

毛帝動戈。卒決端。細宋都。標。除畜孽。刘秀曰。噴滅干霄

虛寬動。使兵刀。斬胡家將。叱高強。添號將才高。遊。些。於

情沒理。坤通。汝賢妻淚染。湘湘。韞玉友。孫殊。納納。剗剗。包課。
 沒茹。森合。補仍。欺身。某勞。刀仰。面叫。皇天。低頭。嗟地。厚咬。
 曰。夫婦。參商。何日。會。鴛鴦。佳偶。幾辰。逢。虎威。曰。認。祐貳。位。
 資容。在夷。恪得。凡俗。軍人。行搖動。底某。午朱。詳。沒。何。辰。
 白虎。隱身。沒得。夷黃。童附。俸。如紅得非尋常。卑鄙。果。國士。
 王家。低軍。令。傳。押。干戈。到。近來。看。過。刘秀。曰。作怪。真。亂。臣。
 是。以。決。萬段。最。分。誓。不。容。畜。孽。虎。威。曰。寬。寬。移。斧。越。渚。渚。
 動。刀。鎗。某。界。几。無。干。牢。吟。浪。作。怪。刘秀。曰。卧。本。群。選。柄。些。
 庄。沛。群。屑。由。市。兵。馬。細。低。名。姓。可。排。本。末。虎。威。曰。受。敷。封。

博經招像道山投興志林松仙狷狷解情煩惱。曰澄貼
 山領去芒芒足步嗟蛇志自飲。在我遙道麋鹿好快吾閑
 樂鳥禽多又曰軍傳嗎待席紅毛酌針磯。鴈排曰飲酒叁
 孟酌酒延官齊把盞。樂歡然又曰欲破成愁之朋用酒兵。
 排曰綠水青山真好景。奇花瑞草破愁情。又曰醒坡消愁
 奴死散。景叱好趣添孟趣挽曰孟趣景情尼脫解愁西。炤
 煉錦緘式遠。淹銀沒解煥。至緘撐。劉秀曰。海琴吐青青。松
 松庵膝漠。噴殿下。舒安暫格。鄧朱碎臥妬。枉直。又曰殿下
 它盤石。職安些拱。松松枉漠。如此計自課。台方漂洛。妥家

博發它甲塋番邦。下令與軍人退兵。回中國。劉秀曰。琰例
 霜翻落達。唐祇雪染洙洙。也塊準絲。該毛各戈。琰紫挽曰。
 琰紫銜澄諸梓。脫塊妄虎。八潭帝。皇子挽曰。叫恨昆賊碎
 亂。吹耗脉落破散民。李。劉秀挽曰。責台辰運。炭景。身尼踏
 碩踏。硃詫包。皇子挽曰。各蹀。須。濠。崇高。另尼。洛。炤。筋。沕。塊
 饒。虎威曰。權称主。宰僚朝。吾乃虎威是也。些。如。自興兵。開下。
 蒙。恢。孕。宋朝。發。沙。俠。質。兵。被。老。爺。生。獲。沕。老。爺。大。德。他。某。
 夷。番。邦。願。刻。骨。銘。心。誓。結。爲。唇。齒。每。叁。秋。沒。禮。各。計。也。勃。
 冬。啣。惡。鑛。仕。汝。將。公。疎。泪。玉。吹。盆。胞。某。相。下。令。傳。衆。相。毛。

鉅珂舒安庄朱睽運取。刘秀曰。誓縱笑冲安庄。昨。聆青台。
 外陣詫包。卽油。誇勇。方才高些。拱別催。凡銳氣。珠灵曰。可。
 叨台刘士。飭貫古英雄。衆傳衆相府。團化法。捉來皇子。晚。
 叫火車速速。共火虎火。磷同押就雪山。急捉來皇子。皇子。
 曰。甚急真。至危是。天俠吾野外。整屍地。使我山中埋。
 骨。刘秀曰。噴。殿下。竹。淚。淚。玉底固碎妙。法。灵通。书。劍符化。
 法。五童念神况。解開圖陣。珠灵曰。下令傳衆相。揚弓矢射。
 之。軍人曰。皇子。也。高彩。乘。黃龍走脫。珠灵曰。想沒綿妙法。
 哈。繞。几才高。傳衆相殺來。昨。三軍追進。又曰。仍奔。資移昆。

排曰萬隊森屏兮金鷄獨立。上控劔戟兮孟虎萬山奮身。
 勇躍兮騰交鳳舞。努力咆哮兮虎聞龍爭。銳氣雷轟兮旌
 旗布列。衛身羽翼兮劔戟揚威。劉秀曰好好也。經摧撤
 歡哉皇子。如不乙宋朝圖報。荒意辰宋國綿長。不辰些阻
 夷山中。除典運招兵復業。甯報曰眾碎部下巡守。堪撐体
 子皇劣。何刘生。隱山上。操文練武。珠灵曰心中怒發。面上
 通紅。軍令傳其三軍急。府回山上。刘秀曰植認劔戟。霜
 視体眾。方回府。噴殿下。還安。夺路。齧愚臣。啐飭拖根。極自
 著。庙門。毛脫。尼矢石。珠灵曰子皇粘也。舌刘秀。許。糟。煉。块

邊江傳軍衆除辰溺殺。碎麟彌救脫。買塊準竜潭妃卜產
 出子皇。發夷死於血。運賊追兵至近。碎卜莖在雲山。包買
 秋几北得南。逝解庄沒碎沒主。皇子曰。斷肺府。心肝
 〽堪咬也。父皇哀嗟乎。母后咬曰。父母所生。何忍斷。哀乎
 皆運換星移。拾月懷胎。恩罔極。叁年乳哺。淚淋膏。又曰。業
 宋油群納宗支。爲養父。固惡扶。別包課。逝恩報。答朱安
 情生養道同。貞責黜天工。可惜嗟。事業。劉秀曰。嗔殿下。行
 凍若粘麻。愚臣配動渚。瀕除辰。嗔助工。練習經綸。午除
 運復回土字。皇子曰。今養父操文練武。碎沛蹺教訓而行。

丁劉秀演歌卷三

動越錯威僞。移鉤泊扶真。宋朝它沒梅興王。阮主夷跬紆。
繡聖武孫吳才銑。文子建之讓。君臣它論道。忠良扶皇子。
碎丁劉秀又曰。如鉤鏑陣爭。龍騰虎。夷警番畧地圖城。寸
式鏗宛夷業紅。攬驕。振宋朝土宇。皇子曰。啗。豎呈戈親父。
嗔排訢心。惡。閉各娘沒。縹緲。望牢房。鏑空。梗萱室。嗔訢排。
冲濁朱昆。罕根。源。由何。禹。準。絲泉。知其父不知。其母。劉秀。
曰。休晦。心。惡。妖。惱。喧。浪。脰。似。金。針。庄。沛。道。吒。昆。本。實。念。碎。
主。稟。殿。下。渚。槽。自。聖。皇。接。駕。胡。家。奪。鬼。乾。奴。先。母。皇。謝。準。
碎。介。夷。朱。詳。

丁劉秀演歌

光緒甲午新鐫

鳳凰
油里
明章氏訂正

丁劉秀演歌

三本

佛寶華閣藏板

丁未年

四

術濫碎佛買未前根次妃挽曰貞恨底運倒顛沁遐泄逾
 婢娟颯淚伏歪扶訪宋邦媛昆及攢江山宛術叁人同挽
 曰否戈未夷泰來坦歪嗔証朱得忠良次尼渚鄧合歡次
 罰買鄧沒團中興悲歡窩合事常敬豔叁挽嗔呈會罰

獸噴連夷莊家娘寓昨除尋復業中興小臣決助功拯肝
 扶宋主次妃曰將軍匄固悉保訪呵遙躡細臨銅開昨尋
 劍子皇未仕興兵恢復桓棧曰倘暄戈叙事它透鄧机開
 隘銅群固子皇占之庄宛術業宋和尙曰諸曹各衆拜謝
 母皇碎矜白慶雲準奄旋托跡重出家投伏双拱於坦弄
 決歇飭匡扶昨宛術都苗桓棧曰外拱外可須載使麻
 整辨托囊同上馬沒團指銅開踞踖挽曰踞踖鑿澄東地
 等英雄市奈娘雄餒市宛夷江山去除党倭達安業紅慶
 雲挽曰伏道典同王道及枉曉沛報功碎包除基業復回

利尙亂曰多謝將軍今恕罪貧僧安敢有淫污又曰碎鬼
 豎或言本沒恚成實恒誦句般若恚念字麻阿俱別哈奸
 邪仍勘要坤除鬼石碓曰傳姿界各何阻夷準庵雲提婦
 女美人鄧調回山寨桓稜曰作怪真么狂夫是么決除覺
 犬偷之容類殘桓稜打死又曰娘可排新畧鄧些翠根
 由次妃曰權次后宋朝些金黃姓鳳被胡賊奪位宋帝賊
 另貽洛典雲山發林沛頌奸恩將軍救援桓稜曰傾身多
 謝萬望皇娘本愚臣常隱林山不知主乞情免執又曰反
 賊喂反賊亂臣喚亂臣得濫牢信君恩不辰庄朋類貪

邪鬼撓攘鬼。今年果愁雲慘雨之悲。非鬼魅頑星之類。哈
 麻啖哭啗叫。選尼。曾眾冤。志不義。退昂殘。仍事陷淫。掠碧門。捉閭朱詳。午鄧
 別真邪。叙事又曰。瀟瀟油。霍潮腎。烱烱炤曳心。肝果寔。覺
 惡僧奴生。恚犬馬。拔長錐。亂打難恕罪。淫汚。亂曰。你欺伏
 跡。自垂爲。愿殺狂僧。最死屍。和尚曰。南無阿平地起風波。
 無端遭苦害。多謝將軍。須減怒。乞容貧仕。訴詳知。亂曰。耶
 理山中有石碓。層來攘攫。寄寺中。桓校。亂曰。這般人等。真
 古董。平素竹何作事緣。和尚亂曰。官率衆人。當要路。奪收
 財物。捉黎民。桓亂曰。庵中婦女。藏房室。此罪惟誰。可說明

茶巢撐衝突發。晃至色黃昏。又曰。毛毛拈柄。搬攪移直。至
 最庄。休唐些。坤方移趾。毆些舍急。寄夷庵雲。僧人曰。註於
 晃叱彰。叱昂。捩。齧。夷。臥。厨。臥。庙。毛。捩。蟬。朱。塊。斜。麻。退。麻。呷。
 桓。棱。曰。勸。妬。落。邇。邇。朱。某。權。暫。持。卽。道。伏。救。民。度。世。卽。修
 竹。移。咭。午。墜。賢。僧。人。曰。註。群。選。潛。洵。碎。叻。朱。註。別。尼。奄。寺。
 固。得。麻。洛。奴。常。尋。典。破。冲。厨。昨。辰。昨。西。軒。行。臥。尼。奄。寺。桓
 棱。曰。暄。欺。曷。仕。分。共。某。娘。奄。尼。邪。鬼。逃。攘。毆。罪。些。趾。夷。後
 堂。視。此。逃。攘。何。事。次。妃。咲。曰。堪。咲。天。蒼。起。禍。深。使。吾。顛。倒
 苦。愁。心。吾。兒。不。遇。焉。能。救。忽。被。狂。夫。捉。陷。淫。桓。棱。曰。
 仕。浪。奄。寺。

之典準山林吏者一身婦女次妃曰些實宋朝太后另
 雉洛曲山中。廟實每訴情。朱將軍訴。施石確曰。貼位先帝
 賊叱卒鮮。害撫苦。鄧得顏。色賊擇選。先皇它接駕娘避離
 雲山珍滌之苦者。雪霜微其某結緣夫婦。罪傳婆弄各何。
 尤吸夷庵雲。桓校曰。策岐山。隱跡養身。稱性石桓校弄某。
 文稍稍番得七步。武徒徒皮几。紮細落及皆群。隱崑山群。
 呂運香藏幽谷。又曰。鴨鑛宅。路木。貌泊夷術。西好之。扱弓筈。
 道準山溪。油興志。辟制狴狴。亂曰。遙望長金。過領中。閑看。
 山水樂無窮。若遇步禽。隨射浴。有逢走獸。疾難容。又曰。仍。

望仙翁。客踏細山雲。鄧尋雉埋名隱跡。挽曰。微談包祭。隨
 雪苦霜。巴爲恪。畏避唐。也。跋西貌。吏吝唐。其促情。汝典皇
 兒。坤垠淚玉。苦魚脉愁。石雉唱曰。力拔催山鏡。氣高斷鯨
 過海。尽咆哮。雖據山中無敵手。攫攘黎庶任催豪。又曰。占
 雲山。官眾婆弄。吾表字石雉是也。咄。啗某得調性。施体柄
 綿眾汰驚心。婆弄傳婆弄急邪人民。掩商客。尽收財物。婆弄
 曰。碎尋泣。東西南北。庄園埃。尾半錢財。及沒得顏色。卒鮮
 究術。納稱得他折石雉曰。吾快樂。甚歡情。果展丕嘸
 某姻緣。賊些買及。弟淑女。娘可排敘事。鄧朱某。字詳。因殺

享舜樵反國倍君。悲實庄朋。類禽獸。各各外也。固恚併主。
 魂朱別稱些。除娘寓準策花。鄧除尋恢復。土神曰。掌人間。
 禍福。我表字土神。聆哪。敕玉皇。救次妃。性鳳。毛別自靈殿。
 指雲領奔來。乱曰。承靈肖殿降下坐。救來鳳氏得還生。駕
 雨滕雲行疾。青山碧水去茫茫。又曰。低低曲雲山。毛急
 開墳塋。呼三塊七魄。速速人本身。次妃咲曰。霓鎖策南珠。
 沉領北。堪唆路塗遭。嗟乎。幼子洛何方。土神曰。悲除
 娘身体還生。呵。眩引銀。尋皇子。共饒仕招兵。買馬。末料筭
 恢復宋朝。刷引渚。潮高些。搖身變化。次妃曰。青空多謝萬。

娘寓尼茹泊。碎表字樵夫。常尋純恰。黃靈隊。節戈尼白領。
 之。衿餌芒更鉗。鋤拾。彌提山。領。多。此。純恰。衿。彌。提。亂。曰。別。
 自家內。倘。還。梭。掩。恰。充。衿。半。幣。東。也。繞。免。鄧。罷。節。他。相。奈。
 之。貼。也。繞。又。曰。叱。其。公。過。凶。公。偷。於。是。生。事。他。歇。節。歇。餌。
 呼。畢。驪。匹。塊。卒。姓。它。誼。古。毛。毛。阻。夷。操。操。回。家。劉。秀。曰。想。
 事業珠。來。朗。視。子。皇。脾。怒。慈。諺。也。空。餌。渴。液。數。身。袍。之。
 拖。是。丕。患。雄。又。曰。棚。之。亡。冲。更。共。衿。隊。逮。投。舌。罪。孟。虎。山。
 猴。扱。披。黠。充。餌。細。納。又。曰。餌。箕。毛。噴。皇。子。跬。悉。者。山。猴。各。
 何。苦。功。息。孟。虎。各。卽。太。表。又。曰。發。悉。鑽。想。夷。咀。陣。寬。反。臣。

報國爲子。當竭力事親。又曰。噉碎。胥部下於貝珠。子皇
 它。賒另。崇。撐。述。文。表。回。朝。稟。奏。胡。王。曰。至。群。容。宋。室。賊。脫
 塊。龜。潭。埋。斫。油。恢。服。宋。邦。乙。胡。氏。江。山。休。矣。朕。躡。臥。密。閣。
 百。官。夷。營。狼。神。皇。唱。曰。併。洛。乾。坤。世。界。行。吾。受。靈。霄。度。衆。
 生。陽。間。枉。死。吾。救。死。世。事。被。殃。我。解。殃。又。曰。占。靈。廟。安。居。
 吾。乃。神。隍。是。也。矜。宋。朝。太。子。它。失。國。他。邦。匱。竭。餽。餽。夷。
 空。尼。竹。杜。邪。令。遣。山。候。孟。虎。各。卽。可。歇。恚。几。運。崇。釵。駛。完。
 豨。得。邪。崗。尋。餌。術。納。毛。毛。分。各。我。操。操。嗎。泥。若。昇。使。令。箕。
 乙。坤。容。命。妬。青。童。曰。神。土。神。哪。令。咤。邪。救。命。次。妃。樵。夫。曰。

可唯蹕唐杏劉秀曰顯赫真々黃靈是々死如斯死亦良
 情生如是生爲上智急遣安簡詣跋烟杏奔波愿撫歸傾
 博宋家誓歆飭栽培社稷挽曰巡感併得首者雪霜如市
 連塔埤仁懌穰核德諾安利茹倪祐也塊藥花烟梨發燧
 鷗宅木蓮珠灵曰缶跌凶谿唐坤別方尋鈕果至唉扶持
 宋室賊吹私脫塊彌綿軍傳偃息干戈畔三軍下寨又曰
 部臣毛阻夷述文表回朝鄧朱某地垠吟除安反賊軍人
 曰欽承敕旨奉領詔文奉將軍回奏朝中上忙馬籠澄京
 地亂曰策馬加鞭望京都奏來机事得詳知爲臣子尽心

頭多謝子皇。愚夫耳失礼。劉秀曰。恩意荒如海底。義尼在
 似青山埋。斫油定夷宋邦。得拱鄧蒼名萬代。珠靈曰。渡夫
 牢作怪。多反賊。遇江下令。與軍人造浮橋進發。劉秀曰。祐
 果方瀉壳。認糝向燴。急逐馭冰澄。王尋方另難。挽曰。從
 柄。龍澄唐。馬諸。得。裝。格。休。如。錐。包。戈。辰。夷。買。孟。夷。盆。珠
 靈曰。鮐。箕。坤。脫。經。貼。怒。苦。數。掩。些。決。袍。投。郎。傳。三。軍。混。戰。
 劉秀曰。仍。莽。衝。尼。陣。上。柄。丕。發。包。黃。昏。最。唐。苦。溪。諸。權。選
 良馭。空。移。駟。又曰。錦。得。課。畧。拱。固。如。些。泐。沒。阮。烟。花。拱。脫
 尼。狩。搜。塊。次。妃。曰。本。些。於。次。后。多。撞。塊。邊。策。將。軍。急。蓮。安。

固飭咆耗些剗剔卒徵銳氣又曰屯塊尼虎穴夷脫維竜
 灑嵬共忝保詎宋邦噴朱某扶安童子挽曰巡決驍才扶
 主安邦得裝固辱固榮歎干否極細首泰來又曰前面見
 江津後兵追疊夫咄渡度夫卽動飭毛掉連些共糾林党
 群凶它空方另難渡夫曰瞠眙舌虛渚別体林危老拱可
 併毛人跳却船蘭擦擦逐戈江下排曰漂人一掉波輕人
 潮逐戈承凡竹弗人揮掉入江波又曰碎監晦戈噴得眙
 吏役之固一人一馬麻蹠麤千將千兵渡夫渚訴恚將軍
 分瞠此刘秀曰得笑宋朝皇子林危沛遇江津渡夫曰隘

洛埃人兄。陣內坤通。待毛毛阻。馭吏準陣。為尋劍人。兄共子皇何在。亂曰。反馬奔來到陣前。哀嘆兄長洛何方。痛恨胡家。嗟切齒。怨他賊子罪盈天。大河曰。升天欠羽毛。掘地無牙爪。黑璘曰。決殺他賊黨。不容你全生。愿沒妬沒低。誓沒群沒跌。某打徵劍法。衆奴包躍兵。逐駙駙尋劍人。兄稿埋及詳冲利害。大河曰。痛切吾肺腑。怨惡你狂兒。被灵劍害吾左臂。滿身皆血出林。傳左翼右支。退兵回中國。朱灵曰。路前看見。勿可奔。納子皇援所。駙箕改廟。某乙林。誨伯。刘秀曰。螭蚌。嗔歪浪夾。鵲棲庄。咋諾。潘。郎。油。

躍大才。傳衆相殺來。進兵追反賊。桓公曰。仍奔衝。尼矢石。
 發。它洛。迭昆。螳。毛毛阻夷陣中。穰穰覓尋皇子。亂曰。長塗。
 援步走芒芒。堪嗟。刘將。樊子皇。愿施功力。尋幼主。幸遇相。
 逢。脫難危。石勇曰。掘地無牙爪。升天欠羽毛。攢投奴。珣排。
 斜辱綿移戟。又曰。可咧台。婦女才銚急。男人詐敗。準雲山。
 彩刀吾洛馬。衆相令傳朱衆相。台馭恪進兵。桓公曰。昆可冠。
 登程。吒趕來路上。又曰。昆買。瓦刀奴衆怒。鉅躡兵。逐。點。
 尋。鋤。刘生。禍埋及。昨扶幼主。挽曰。巡決。硯。恚。擲。拖。經。上。玉。
 春。挽曰。坤。穷。切。齒。嗟。牙。買。認。体。妬。佳。它。袍。分。黑。一。發。它。

曰：眾外須相博，行凌社干戈，決不動矛麻，袍投撥阮教。又
 曰：也無方走脫，可束手來降。桓公曰：呬，閉党豺狼陣，台類
 殘暴，胡氏也消念餌，祇悲吏空想道君臣。戊吒都非恩，喚
 偈徒不美。珠靈曰：眾下令傳眾相，八向弗旌旗，呼速叫靈。
 靈轉天昏地暗。劉秀黑璚脫免而走又曰：可明朱劉將，貝蘇氏英雄。
 破天昏脫塊陣中，分叁道追尋南北。劉秀曰：仁方它失路。
 沒輪某坤當，毛逐馭奔于午。另尼諾炤，挽曰諾炤等英雄。
 苦者託包，衝笳突砲之市。攪騰篤挾江山，宋朝珠靈曰：坤
 駢駢琰，苦長術唐鳳。又曰：彈匪鍾劉生，杯鄧舌，賊莊勇。

昆貂娘雉。於昆螳吟群低。妖鳳牢咏妬刘秀。曰岳父群渚
 燄碎分夷朱詳。缶簪昏鮮雪滄霜。夷繞陣衝笳突砲碎仍
 莽攘垠兵狎。母皇它產後亡身。碎卞權墜林中扶皇子冰
 肝另雉。桓公曰塊輸媿它貂苦。别包除朱鄧青台咏古叫
 叫庄透丕乳唏哭哭坤通坦。又曰反賊喂々逆臣唉々嗔
 丕群扶詎宋朝。衆悲乙屍拯空坦。又曰祝休旌旗落日。祖
 認鈎戟陵天。刘秀毛扶袍子皇。黑璘急倚僵玉印。指銅開
 直進。同上馬而行。同乱曰携手同行誇馬安。輕身奪路望
 隘開。忠君莫奈身勞苦。爲國何愁拔步雉。大河石勇朱灵

棚添棚。昇棚。受吏及施。孟昇孟。駛它及端。又曰將軍群渚。
訢。老分吏朱詳。圣皇它騎鶴。尋仙。胡家奴爭蠶。聖帝。差兵。
啤開隘。遺杯老。宛術。老下。努力攻之。埋及撞。丁。刘秀。老。也。
差回朝內。探國事。荒市。庄。仁。膝。咏。別音耗。冲。成敗。盈虛。坤。
訢。刘秀曰。哥。啗。叫。岳父。於。昆。伍。術。低。桓公。刘秀。黑。璫。玉。春。
曰。甚。快。哉。真。好。也。想。格。饒。我。埋。吏。鄧。相。逢。桓公曰。
昆。茹。埃。麻。吏。指。撻。可。叫。吏。朱。絳。鄧。別。刘秀曰。得。实。宋。朝。皇。
子。寶。尼。玺。玉。印。螭。桓公曰。老。暗。叱。棚。惡。遂。朱。絳。視。此。邐。逢。
皇。子。相。泪。渚。渾。先。皇。唉。陛下。喂。包。安。最。移。業。哥。底。朱。

命桓公曰。稱認缶。罕果是吾兒。麻痛切淚流齒哀哉平幼
 子。又曰。瞋毘排叙事。終叱遇盡。明恩還生。恩意大功。老夫
 愿傾身多謝。黑曰。爲昇人倫之道。丕誠誤於正行。又曰。碎
 毘昇手下。嗔得諸。碣。惡爲要。誠浦。駢功。字愛屋及烏。浦
 丕。又曰。惡。掩。朱。姊。矜。吒。包。及。毘。想。金。朋。併。叱。對。併。汝。玉
 友。惜。它。過。惜。桓公曰。源。千。緒。諸。別。宗。跡。可。排。戈。思。愁。珠。泪
 乳。妙。麻。固。宥。惡。祇。憫。黑。隣。曰。爲。昇。人。倫。之。道。丕。誠。泪。於。正
 行。自。結。伴。雲。山。共。要。碎。刈。秀。修。被。杆。尾。兩。它。失。洛。亡。方。禮
 生死。諸。詳。賊。賊。惡。祇。憫。桓公曰。休。响。丕。台。惡。老。瞋。浪。老。夷

移踏。挽曰：似惜瑛。槐衝刺奈句。玉春挽曰：毒客買瑛。山溪。
 羣鳥脫包格。棋投策。又曰：唐化最堪珍。苦別方移踏。黑
 璘曰：疎餘休院。烟燎。嶺舊枯。標草店。嘆。姊急移。真細。煩
 懶。撈踏。又曰：咱埃於。噴。老丈。驢。悉。溫。麻。朱。姑。碎。安。芳。沒。店。
 料。唐。詫。渚。消。吏。選。送。策。浩。桓。公。曰：得。堪。趾。如。些。竭。趾。買。沒。
 番。詞。號。買。番。朱。暫。準。草。軒。知。堪。唐。山。路。玉。春。曰：嗟。親。父。似。
 痛。幼。兒。似。由。何。吒。細。山。溪。可。細。昆。計。松。楓。桓。公。曰：老。坤。詳。
 此。意。結。苦。辨。龍。意。昆。老。七。死。在。此。埃。細。姑。稱。浪。甥。子。玉。
 春曰：疎。年。雄。姑。等。計。老。雄。幾。二。分。恐。誤。國。照。璘。數。雙。全。姓。

母后挽曰。巡迴頭自墳。塚安居。英雄反國。恨難。誰。毛。篤。相。
 湟肝之淚。太河勇。周曰。決奮。勳。千。戈。誓。不。容。寸。草。殊。天。曰。
 刘秀。隋馬。直到。於。之。又曰。殺。刘。秀。蒙。蒙。際。博。黃。草。是。翺。與。
 拖。錯。果。惡。至。辭。助。宋。家。翻。如。何。脫。襪。曰。及。下。令。傳。眾。將。
 同。鏐。馬。進。迫。刘。秀。曰。仍。想。魂。樹。埃。孝。思。如。固。飭。萬。龍。龍。包。
 奈。踏。琰。終。茲。扶。幼。主。紇。珠。末。顧。挽。曰。然。映。肝。足。梗。博。江。山。
 優。戈。買。琰。諾。巢。鳴。叫。清。說。悻。撒。脉。愁。玉。春。曰。於。些。它。陸。孟。
 氣。力。吏。調。和。也。歎。身。昆。格。編。吒。煩。賢。友。遙。嘿。西。地。黑。璫。曰。
 姊。也。妄。貴。体。碎。斷。駝。惜。功。回。沒。團。指。琰。開。中。跋。躋。倪。姊。毛。

嘯。嗟。五。燭。察。得。直。宋。皇。得。唉。竟。低。困。哈。身。妾。洛。陳。足。慎。又。
 曰。柄。認。也。罕。生。鄧。皇。男。嫫。也。空。呀。發。愁。悲。生。昆。夷。相。伸。娘。
 雄。又。曰。柄。認。昆。渚。罕。牢。五。臘。傍。皇。哥。嘴。叫。丕。唉。弄。丕。也。生。
 我。忍。何。害。我。彷彿。三。經。鑊。哥。麻。芒。沒。緝。江。山。昔。昆。辟。於。東。
 陽。開。娘。俸。鶴。嫫。移。境。外。刘。秀。曰。母皇何在肝。腸。斷。淚。林。哥。《。
 哀。哉。乎。母。后。痛。切。也。皇。妃。唉。曰。康。唉。母。皇。今。物。換。路。塗。何。
 忍。斷。孤。兒。宋。室。江。山。遭。移。亂。可。辦。事。業。已。星。移。又。曰。碎。奔。
 搬。根。兵。領。得。它。財。脉。哭。仙。祝。認。生。鄧。子。皇。果。是。宋。家。後。福。
 賊。子。蹺。甚。急。沒。痛。某。坤。当。恰。帶。真。紉。袍。子。皇。露。穴。奴。楚。安。

曰明朱小將方法精通些化法。兩紅燈丁氏無方可補刻。
 秀曰。唱台類殘暴。拱才法精。酒雨水膝雲。解炤紅而脫。
 又曰。仍奔洌衝鋒。發它失。母皇毛手。近安鐵。鐵
 陣前尋劍。亂曰。撞鞭平路。再芒芒。到來陣上。存馬安痛。恨
 胡家多妙法。哀嗟母后。落何方。穴后曰。仍奔。只這。搜發
 它失。洛刻生。埔通役。共。苦。詳。冲終始。急。另。是。諸。炤。毛。尋
 準脫身。愿。畫。扶。訪。宋。家。娘。止。馬。高。彩。諸。掙。挽。曰。聰。聰。
 移火。砲。萱。天。又曰。痛心。肝。心。轉。腹。內。郡。坊。荒。濤。日。膝。轉
 動。開。花。至。坦。安。害。些。鬼。神。容。覺。候。挽。曰。促。郡。坊。心。咆。轉。動。

斗虎少半歲索重群乳縮畧錦叱幾些躍馬辰柯提鎗撞
 揮刀辰些厭戰。躡細似童影甲乙戈吏僂虎據丙丁。蚩熈
 爲何固沒驗。沛東兵馬辰些歇飭。珠靈曰。些些調。驪飭同
 合力拚之。詫姨党小兒。決捉來陣上。又曰。祖忍小將。大笑
 連聲可。訖馭納驗。寬移戈路上。刘秀曰。悲忌。饒兵相。麻凌
 礼蹻蚤些。否如鮒。泮於沔。朋尺沒卧群。收某。叁相曰。衝天
 之怒。面上通紅。軍令傳。與軍中。布陣拚反賊。珠靈曰。小生
 真勇躍。刘將是英雄。毘毘化五虎山中。急捉來刘氏。刘秀曰。
 怪殺他賊將。奴吏用法。神某轉法。騰雲化六龍。斗虎。珠靈

秀挽曰榮修賊衆兵道愿驛功可決除頑奸河勇曰急郭
 安來納皇朋道命亡身死路刘秀曰愿能卧某决没铁没
 群卧胜扶胡氏江山些托拱扶安社稷又曰钻石更投漆
 冠馭發自然拔恪木蓮鏡太河焰炬燿燿哇輪刻昌叫党
 党色賊才蓋世夷当柄安邦愿歇悉扶訪母皇溥身某之
 潺共主挽曰巡曜共吞扶訪宋家次后挽曰得蕤恪体如
 花曷殘最妾眷戈秋同刘秀挽曰祝認規鎖埃埃兵噉弁
 弁馭得榮璘珠灵曰哪聖皇接戰式卿冲勝敗如何明說
 河勇同曰刘秀直貫古丁氏果更誰也繞陣爭竜夷暮番

乙亡命妬刘秀曰要姁包宠恚反主。衆卧牢蹀党倍君。誓
 沒妬沒低決沒群沒跌。又曰丕麻拱礼凌鉞泊沛沒刀奴
 包亡身杯馭撞蹀唯皇妃。料母后路塗除待軍報曰急報
 〃至危〃鉄虎寃溺殺次妃。倘奸賊奴它夺了。胡王曰咀
 台類反賊陣閉几欺君。太河石勇付太河石勇毛毛蹀追捉奸
 人投納河勇。同曰欽承旨敕奉命金言。胡王曰。珠灵付珠灵
 後習出征。接貳位荒所朱别。刘秀曰心大快。〃遇皇娘〃
 嗔她急奔干鄧尋戈策領挽曰。策領簞澄搗搥施之淚解
 飾淫霜。次后挽曰。奴市茹着達安功卧徐泊牌鑽鑒拱刘。

先皇喚先皇。固曰。嗟。安。挽曰。嗟。象。察。燭。燭。神。惠。
 找。株。債。冤。美。容。最。安。最。殘。得。茂。格。休。奉。州。監。病。劉。秀。亂。曰。
 努。力。縱。橫。既。鳥。道。解。開。軍。士。救。母。皇。八。后。曰。得。艱。難。難。數。
 炭。泊。運。爲。霜。每。歇。離。預。準。痊。章。曉。軍。衆。典。近。水。挽。曰。々。
 域。賊。堤。渡。瞬。化。潼。嘯。岐。造。化。渚。斤。得。茂。訶。別。余。齊。艱。難。鉄。
 虎。曰。相。低。色。典。边。江。待。細。除。溺。殺。劉。秀。曰。存。神。威。糾。糾。夺。
 次。后。輕。輕。又。曰。嗔。她。急。通。安。鄧。尋。方。走。脫。鉄。虎。曰。殘。虐。真。
 々。凶。徒。是。々。部。卒。毛。回。奏。朝。鄧。鄧。朱。某。興。兵。追。捉。又。曰。
 欺。乃。乘。楓。突。入。悲。除。坤。法。高。彰。急。捕。彌。留。使。罪。箕。改。廟。某。

氏桓公得愿救歇。恣歇施。寻埋交朱反賊。寃溺殺江津意。
 羿謀虎出山林。意羿計引蛇入穴。次后曰。傳誼。踰鬼神。駢
 折。几奸邪。忝坦。晁容老將。吟缶訴。脫恣油。鞋托。淚。聖施。朝
 卿曰。稟令。嗔蹺真臣下。交朱党反臣。移踏玉母皇。鄧交朱
 反賊。又曰。相家。家將朱竭力。侍次后。逃生。濫牢朱連主達安。
 不買吟。斷碎節。炯。刘秀曰。小臣愿致君之命。碎迎。踰。詔。領
 印。隆謝上官安。在營中。奮神力。進于江口。鉄虎曰。令傳其
 軍人。渭河毛引。細次后曰。牢移域。封。諾。吐花。翹。祝江山。淚
 灑。津。沫。忍。事業。殊。涑。來。潮。仰。嘆。天。高。蕩。蕩。府。嗟。地。厚。芒。芒

疎麻隨補。三經業哥。劉秀曰。嗜得決志扶安宋社。碎夷空

惡。嘯僥江山。老相咲渚信。碎蟬分朱。別日念洞真言。朝卿

曰。顯赫々奇才。々如不省基業。數賊无意。乙江山庄。跌又

曰。惡外它決沒。施渚可耐。些應俱金階。卧藏形宮室。又

曰。自奏哪。廊肝楚。領訓誘母皇。印玉峯庄。固叫冤。廊隱匿

胞群西施。罪也。膺塊邪。珍庵。嗔量聖。仃容。旺楚。胡王曰。不

每膺俠。托嗎渚。可雄咲。督都督。婉領命。茹鑛。引次后江津

溺死。鉄虎曰。欽承玉敕。領命施行。愿婢。羈溺殺次妃。明日

仕領囚次后。郭卿曰。机開。妃渚。透謀許。沛訴。惡固。老官雪

郭卿曰作怪真么。或言敢么。桓公得龜卦。見牢茹。何吏称

恨。刘秀曰

大官渚增意。碎分吏朱詳。

乱曰臣奉領心。书密探玺符母

后在何方。伏望大官宜詳看。岳翁书内已丁寧。郭卿曰好

也么。歡然么。觀詳了得根源。看見书中快樂。撑阿刘秀曰。嗜

大官分。齟畧朱碎。訢心恚市。次如吏貝印。蟠存留在何人

所守。郭卿曰。皇妃碎。餒養印玉。唉產低占計。市鄧斫解危。

煩壯士。施功助力。刘秀曰。除辰埋國老。飢奏反賊。鄧噴充溺。

殺母皇。碎蟬。誅戮類奸。愿歇飭扶安。媛鳳郭卿曰。字老

呖。齟。痛。坤。皮。拮。桶。占。朱。撞。擇。絲。苦。安。衝。絲。老。砧。撞。智。淺。才。

丁劉秀演歌卷二

鮪張圃哈月。鮪撫更興霜。連主凭堀仁。鄂碎權核德。權尚
 書乃耽老呂氏。郭卿。挾肝鬪。執凭宋城。梓密義侍。僊真鑊
 又曰。爭玉印。恒尋切切。傷皇妃隊。飽朝朝。可惜閉宋家。感
 傷台社稷。咬曰。星移北里。月落南哥。可借功名。浮雲寄堪
 嗟。事業換星移。苦尋諸葛奇謀計。誰翼皇家脫此厄。劉秀
 曰。啫。願當爲。臣竭力。郭卿曰。反賊喂反賊。奸臣是奸
 臣。決萬段最分。拔劍除逆輩。劉秀曰。乞大官減怒。臣下望
 說來。亂曰。啫。監稟上官如碎昇。正是雪家之半子。奉其岳父探場安。

光緒甲午新錄

鳳凰
明章氏訂正

丁劉秀演歌

二本

佛寶華閣藏板

書信指唐憲術準意此請呂氏此悉得奸僞哈固胞忠弄
 典妬辰訐鄧根由可謹與科林反賊阿劉秀曰臨嘶啗玉
 陰昭廟鑄拜岳爺於夷山莊朱屏塔鏗澄上路挽曰徐吟
 頭自岳父移真栢松志吳丈夫在鍊雪徒還樺悲歡齊合
 事常敬登貳次真呈會

精娘茹泣。桓公曰。賄訴排妬。累發配動心。神自心疎。結義
 朱陳共壯。土緣回琴瑟。自西地慄。安番賊。朱得將連幼兒。
 被胡家兵伏山溪。吾兒亡身死命。劉秀曰。痛肝腸。斷人
 洒淚。玉汪人堪。咬者貴。張良嗟乎。玉友。咬曰。一展佳偶。兩
 參商。使我愁情。欲斷場。痛恨胡家。千載。怨可憐。玉友。受含
 冤。又曰。爲埃吹遣。妾呂。郎。城夫婦。格分仁。我又曰。反賊。嬰
 亂。臣。喚。決提。參。尺。劉。誓。窮。最。分。嗔。爺。岳。於。市。雲。山。
 鄧。昆。亦。場。安。除。佞。桓。公。曰。地。疎。盡。寬。陣。牢。庄。別。世。辰。問。朱
 呂。鄧。豈。豈。哀。沛。筭。戶。計。奴。準。京。畿。術。妬。探。國。事。荒。帝。寫。心

誅戮。劉秀曰：休油。痛痛之。臨復。補。都。拜。之。而某。將。軍。罪。之。賊。饒。杯。埃。累。沒。何。索。高。頭。泊。外。官。相。萬。隊。確。兵。庄。沛。得。過。海。斬。鯨。朱。保。勿。追。從。身。林。死。地。石。虎。曰：類。匹。夫。起。志。党。小。子。乱。言。軍。令。傳。其。軍。人。急。動。移。戈。博。劉。秀。曰：某。買。驪。使。飭。眾。奴。伍。命。亡。毛。及。唯。塗。中。鄧。追。尋。丈。老。又。曰：須。行。步。以。勿。驚。皇。以。頭。多。謝。老。官。嗔。道。衛。山。寨。桓。公。曰：恩。至。大。以。義。無。窮。以。於。老。它。脫。塊。陣。中。恩。忙。士。千。年。不。負。又。曰：壯。姓。名。繼。渚。燭。宗。跡。可。排。詳。劉。秀。曰：噫。如。良。城。龍。轉。娘。牒。碎。丁。劉。秀。渚。及。辰。扶。主。賊。群。隱。名。碎。陳。叔。親。懸。在。朝。至。沒。脣。唉。

曠持策。仁又曰。養者賈曲。迷詆。率休草莊。沒際。海琴。浩泚。
 清清。柄飭。油些。沉漠。歌曰。山莫莫兮水青。水哀兮一。
 點。行左。濯手兮右。濯足。清洗面兮一身輕。又曰。咏聰。心鐘。
 鼓。榮移。祖認。休馬。兵路。鼻前。奔走。二人。在路。後進。兵萬。隊。
 千。負。渚。沛。柄。英雄。群。卒。徵。豪傑。又曰。役得辰。得別。賊者。咀。
 屍埃。又曰。哀些。庄。羿才。牢。結得。君子。冊初固見義不爲無。
 勇也。臨危不救。莫英雄。毛。劉典。陣中。急救得。大雄。又曰。碎。
 本得。山野。渚。消典。京。城。頭。註可。訴情。役之。轍。追捉。石虎。曰。
 桓公。羿。筈。何。權。重鎮。銅。開。吟。胡。家。使。治。凱。績。杯。雪。氏。全家。

曰嗟事業。嗟皇天。先皇唉。陛下喂。石虎曰。老將
 勿憂煩。可怖。洒。罪。桓公曰。咱說心中起火。聞言五內煙
 影耳。余黨。據。抵。陣。台。類。犬。馬。石虎曰。吾聞火發。咱說煙影。
 令傳。共。三。軍。布。陣。於。老。賊。又曰。桓公真勇躍。老相是大才。
 傳。眾。相。殺。來。進。兵。追。者。邁。桓公曰。吾大敗。賊進追。策
 神馬高。形。尋。生。方。走。脫。亂。曰。荒。茫。奪。路。走。生。方。奔。勝。千。里
 脫。災。殃。痛。恨。胡。家。嗟。切。齒。哀。嗟。陛。下。淚。難。乾。劉。秀。曰。桓
 者。自。渡。北。急。阻。夷。衆。南。童。見。於。夷。江。邊。些。蹣。蹣。蹣。澄
 京。地。挽。曰。衆。衆。油。廟。脰。某。吊。虧。問。朱。名。煙。臺。遠。浩。博。憶。泗

曰賢弟毛舍急。管虎旅子員急。細準鎮邊捉桓公問罪。桓
 公曰自差几反。回家內。由前咏夷隘狼寸式。閉悲鑽傍惶。
 台專施。又曰些買。經尼帳下。信茹發也。術低因牢固珠眉。
 响鄧些。耻此部臣曰。自邛。廟爺老。阻術連公娘被胡家。
 殺害。舛唐杆危檢勢。孤雄敵。三軍它走敗。霖將拱亡身沒。
 駟脫塊陣中。術疎吏爺。鄧訴。桓公曰三塊喪乱五臟昏。
 迷。痛切也。吾兒哀嗟乎。幼子軍報曰。吟申戈帳虎。固使到。
 外城。桓公曰下令共三軍。開城門接使。石虎曰。矜今連天。
 子。宅騎鶴朝至。妻某運使。怡采朝捉老將。同朝問罪。桓公。

歡。軍傳擊鼓登聞。會百官商議。百官曰。由何擊鼓。臣等
難知。郭卿曰。於聖皇仙境。除制。擊鼓會百官商議。胡彥曰。
嗟。陛下。先皇。臣今。雖見面。父子別。參商。又曰。百官
呻吟。百官占計。市。呻吟。此册。聖群。固字句。一日無王。埃乃。躬
庄。詳。沛。分。朱。泚。嗜。郭卿曰。令。達。聖帝。騎鶴。朝。至。內朝。碎。祐
拱。沙。傳。位。天子。沛。古。朱。當。極。沒。得。於。梅。諾。暮。戶。塊。倒。懸。固
慎。丞相。買。賊。冲。朝。土。空。傳。當。極。胡彥曰。裡。意。些。亮。決。畧。事
尼。帖。稱。號。辭。郭卿曰。傳。文。武。百官。尊。胡家。即位。胡王曰。台
其。號。治。朕。号。胡王。接。資。習。立。紀。陳。剛。唯。聖。畧。開。基。朵。業。又

禁鶴王曰祝江山。以咳想事業。麻芒令傳其侍臣隊。郭卿
 應侯郭卿曰臣郭卿應侯宮中祝聖上萬歲。王曰
 柘認國老淚玉渚。溟朕世宅五藏。庄安隊。撞細寄孤托死
 郭卿曰。開奏陛下調養心神。每固碎。毗損產用。噴量聖壽
 安貴。体王曰。者自朝士泣歌百官。援頭螳脫化車。爲娘。傘
 鳳餘移聖駕三宮。同咬嗟陛下。《
 何忍。別江山。郭卿曰。勿哀悲。《須厭淚。《
 計麻救。襁母皇等。輕叱苦筭。細躡它苦料。每坤方權。變夷
 庄斫扶危。外城。炤炤。開車。冲帳。浩瀉。沒精。又曰。甚好。《至

利害論裡箕苦定吉凶。老將眉萬卷千經。斷一夢寡人。眩此翰卿曰。倘喧戈敘事。恬意乙庄。令体猶箕笑入門城。碎吟浚胡家反主論。卒禍隆昇王位。体學徒吟曰。指隆學徒意。庄昇字士論。朱典明於連。亂宋朝滿拾壺年。隆阻吏帝都恢復。王曰。老官分欣舌。朕覺了心中。次妃脉朶胎胞後。產出熊態。未確朕油。固最移車鶴。別裡埃擦凭業紅。祕外幔。凡文房。祐冲帳空得謀畧。又曰。朕改徵國脉印。玉乃朱撞可歇。遜僊符。廟堂朱論字忠君。愛國翰卿曰。紹印玉皇朝。腓朕。認皇家買段坊。悉。贈頭拜謝。璘。阻踣踣尼。

何姨姊須動飭。娘寓維雲山。病姊姊婉喚遂郎。爲要清義。
 烟朱姊玉春曰。盆幅脫悉寸式。邦寬胞似金針。汝親生兩
 目淤滯。併伴玉双牟。昭著。又曰。些。婉姊寓維雲山。除孟跬洛
 戈西地玉。咬曰。長直那明。挽半傾。諛聞鼓漏漸黎明。覺來
 未杜呈真夢。要處難量禍福生。又曰。侍內令傳內侍。隊列翰
 卿。郭卿曰。臣郭卿應候花廷。祝聖上。嵩呼萬歲。王曰。逝
 老官安位。未朕仕陳情。因屬小。僉庄安。卜休占包怪孽。郭
 卿曰。朱几下。臣侯筆紙。王曰。筆紙侍休。擒奴衆。飢禁鶴。螫箕
 發翻。魏休學徒。拾曰。歌。彌指螫奴。自然阻吏。如恬意坤通。

飭隨驪佳偶。尋尋汝典貴。娘下造隻船。蘭兄弟。迨胡賞月。
 浚凡波。隣別自然下。洛界河。茲辰兄弟別。齊此事存亡未。
 曉。玉春曰。分肺腑。痛肝腸。今日存亡分兩路。千秋割。
 斷塋參商。咬曰。堪惜良人心。祇慙痛切肝腸淚。林离旦約。
 百年宜家室。誰知今日早何歸。又曰。隼深溪。惡吏相思病。
 群咲重臨要對。將軍抱因惡。作細迨妾。蟬準城西。料於低。
 山野沒輪。朋戈妬坤通唐詫。黑隣曰。疎由沒尋。何義。双拱。
 道姉姪。嗔於低娘。轉戈尋小弟。仕迨。蟬細妬。料西地唐賒。
 妙爲姉。本辰要對。彈妃。輪爽。漆鏖跡。奔波。也荒意。移半朱。

珠沈領北甕鎖胡西。嗟天意由何不照。咬紅顏禍起無知。
 又曰決萬段最屍。誓不容竟倭黑磷。須定省。勿驚心。
 玉春曰。稱認。吾多謝。恩人恩。也。芻菊育之恩。德意銚乾
 坤之德。黑磷曰。娘可排根跡。朱些。燴原由。緣市典。準路塗
 麻夷死尼。戟地玉春曰。圭茹城市名號玉春。吒碎雪氏桓
 公。權邊外西城重鎮。碎也。困緣秦晉。愿共丁氏。刘生。哪令
 吒。嚮準西城。被胡氏前。誓殺害。黑磷曰。發暄戈。廁奴。荒刀
 割心肝。金朋。唉。玉友。喂。玉春曰。由何。壯士。淚染。愁悲
 黑磷曰。姊。刘共。碎結。義金朋。恒娘。萬雲山。托跡。如要。餒

阻術柄某驍緊渚堽吏乙林柄妾大河曰冲光競發而上
 雷轟觸犯我威凡誓不容可草又曰戊辰渚約甲珠青龜
 命亡軍令傳共軍人急府函雪氏王春曰危進至公苦當
 然公皇天咲皇天生我何害我又曰前進兵來滿野後追
 之四向交攻大河曰坤脫塊經紅可繩身下馬玉春曰耳
 台類燕雀監都飭鳳凰決萬段最分願壺塲成敗大河曰
 買哂威沒發雪氏奄命亡軍令傳共軍中可回城安息黑
 璘曰婦人晁死在林中麻踰固重臨鑑跡又曰朽吏悲除
 買別仙人得因哂些靈藥怒及和杜朱得濫義玉春咬曰

些罪。仗托。龔胡。彦曰。喧。桓公。懌。鄧。番。邦。朱。部。下。衛。通。公。女。
 些。庄。筭。盤。侍。呂。牢。鄧。譽。茹。弟。賢。弟。毛。督。發。牢。麻。迤。要。路。掃。
 除。雪。氏。太。河。曰。承。人。兄。令。吡。央。領。命。施。行。官。虎。旗。伏。兵。報。
 雪。家。之。恨。王。春。曰。事令。傳。車。衆。急。汜。車。駕。哪。令。吡。駟。準。隘。
 開。蹊。唐。馬。韋。澄。蹈。貌。挽。曰。屠。馬。韋。澄。西。貌。逾。遼。遼。氣。瑞。請。
 台。粉。希。權。哥。廼。抹。慕。花。都。安。準。市。拱。春。箕。梅。怒。柳。隊。所。錦。
 箕。埃。緘。炤。煉。武。還。太。河。曰。士。女。急。掩。廼。珠。青。毛。貂。綽。要。某。
 救。差。問。罪。汝。曹。須。可。來。降。看。奮。動。干。戈。乙。頭。掠。鉞。怕。玉。春。
 曰。些。得。冲。水。土。本。空。退。好。臣。錦。空。固。罪。之。噴。將。軍。滅。怒。急。

梓隊于雪。信鴈隨愁。若如涓涓。淚貼爲還。又曰。澄貼江
 海水悠悠。恹恹痛吾情。心斷斷。挽曰。想界結義情交。膠山弄
 施之鬼脉愁。玉春吟曰。仰面叫天愁斷斷。低頭俯地淚溟
 溟。懷望父親心。祇恹哀哉。刘士別情人。又曰。吒計自牌葉
 西番。昆占。浚干溪。遠涉。傷嚴父。心恚。剔掣。汝情人。剔脫。梓
 檄。別包。除吒。鄧体。昆。韋包。課。軼朱。及。媯店。醜。更。字。字。尋。炆
 刻。朝。朝。坤。魚。浚。脉。愁。賊。耗。煩。嗎。粉。珠。青。曰。碎。哪。廟。爺。老。呢
 宛。幅。心。中。問。役。沛。呈。戈。噴。公。娘。看。過。玉。春。曰。好。也。至。歡
 々。棚。父。親。慄。鄧。番。邦。遂。切。子。心。中。喜。樂。又。曰。自。暫。躍。密。室

滿愁挽曰得茂恪体浮雲。最群最誅功夫呂廊嘯嘆辰運
 岌崇祀分仁義斷情別盛。永朝曰靈藥既凡遂如宝刀沒
 正朱撞油及埃死在路途撞髀筋救得監義又曰傳者車
 毛急遂如吏陽塵字廟。殷勤些回灵水洞黑璘曰天何
 害。地忍亡。堪嘆也人兄哀嗟乎玉友。噫曰可惜金朋
 茲離別不知何處覓尋之。昔年刺血同相誓今日哀情獨
 早還又曰役錦它顯赫。欺乃体沒得卡朱些灵藥宝刀
 戮底救得死路又曰割斷吾肺腑痛切我金朋。祝曰爲選
 景恪唐吝琰柳午尋玉友挽曰琰柳午尋玉友啣恚鎖枯

船某防筭害某卧可須曳妬鄧朱某戈低决展志神威殺
 里魚海派。刘秀曰嗟賢弟。命早亡。痛切也。金朋哀嗟
 乎玉友。嗟曰哀乎玉友。淚凝。祇恹情深割斷腸。痛恨里
 魚真作孽。嗟乎賢弟命休然。今童曰乃碎。干註庄喧註
 下跽跡淹里魚訥群之罪註。又曰每扒干凡雨。嗔鼻咸愁
 悲。碎舁船掉欵饒淹。鄧尋劍骨骸埋墓。刘秀曰淵洙潑納
 納。泪玉淤溟溟。兄弟本壺堂。今朝分兩路。又曰今童昆鄧
 苦道柴個助功。張帆鴛潛琰撞銀。禍埋及墓安骸骨。挽曰
 得於甚如淳。渚潘。又曰澄貼海派心若割。直看青雲志

高中乍合造船。鷺沒隻。兄弟卻逐胡。廟志孟婆泊。巢樺油。
 通且琴控疎詠。劉秀曰。童兮童。昆舍急。毛載使托囊調趾。
 却船鷺者。自尼山路。挽曰。山路輕澄渭水。解干盆匪志凌。
 雲。黑璘挽曰。付恁動質膠山。孝思篤。豎義仁。占壘。劉秀挽。
 曰。遼遙逾順。疔煩啣恚。汝細彈娟吏盆。黑璘挽曰。祝認崇。
 浩有情。箕句郭信怒。疎呂公。劉秀曰。休翠方。泝補重。重認。
 粧向浩。瀉演演。又曰。真遇害。公。是林危。公。天塋吾兄弟。地。
 埋我英雄。兮童曰。旧稱之在客吏賤。垠船吏空朱移細。黑。
 璘曰。鯨魚真作怪。公。鯨魚是不仁。公。些共。外無據。無干。垠。

息軍人曰。欽承帳府奉命來朝。桓公曰。青朱青帥舍急。宏
 求夷家庭。連愛兒齊就西城。昨父子壺場歡樂。珠青曰。哪
 爺爺阻夷家庭。上壯馬鏢澄京地。挽曰。壯馬鏢澄京地。吟
 頭自拜別移真。辱因之詫身碎。討吒喧主義仁。援全水朝
 唱曰。弄洛遶山世界中。荒芒海外點氣雄。山水秀鍾同日
 月。陰陽造化貫乾坤。又曰。權堂界童宮。吾乃水朝是也。於
 筭宋朝社稷勢。它緋浩紛紜。者傳者車連連黑磷。衛水殿
 鄧傳妙計。劉秀曰。寸式閉。惡鐘。床亡台。施玉汝。細人情。婉
 歛。斷相思。顏色。夢不成。黑磷曰。真人兄格。沒愁。悲。拱。固。課

起火。面上通紅。相衆傳大小三軍布陣。拚老賊。又曰。好好哉。
 勇躍快快也。奇才。亂曰兩國排開戰陣中。提鎧躍馬似神
 童。桓公亂曰。凌凌奮戟。聞英雄。鏖鏖交鋒。你我攻。雷片亂。
 曰。叱咤宣天威。吼吼咆哮動地力。轟轟桓公亂曰。虎旅縱
 橫。揚白刃。蛇圖斬殺。奮金鎗。雷片曰。衆奴它走脫。望片傳
 擊鼓進開隘。桓公曰。軍傳參軍詐敗。吾趕後殺來。又曰。每
 除安狂。激西夷。傳衆相入城安息。軍呼參軍將士。共各邑
 村民。發糧錢。布施貧民。傳黎次安居樂業。拚老龜除安番
 激。怒庄群。曳動戈牟。繼須表文。回奏朝都。朱聖上呼通信

風唱曰威勝宇宙振雄豪。勇躍催山志氣高。吼吼威風揚
 叱詫。凌凌銳氣再咆哮。又曰權輔佐僚朝。吾乃黑雷凡
 是也。自奉令與兵開下。浸界邊夺取西京。因牢咏拔宋兵。空
 几。才聞虎軍報曰。噍。眾碎部卒。巡守隘銅。兵家朝滿野
 塞山。不鍼沛。微低彰報。雷凡曰。聞言真快意。咱說甚欣歡。
 軍令傳共軍人。開城門拒戰。又曰陣前看見大笑連声。牢
 哥肝監典納。空咏字肉懸虎口。桓公曰。叫台類番致牢
 庄。察使。翰。屯客朱沒。埃。邊城。牢群。唉。浸。陵。界。地。
 番國。辰。些。唉。忽。他。朋。曳。動。牢。麻。乙。坤。客。命。如。雷。凡。曰。心。中。

秘金朋淚。乳渚。想玉友。恁添祇帳。責余胡家。無道。溫朱
 茹。浩倒懸。於要。重鎮。界邊。役朝內。空埃信透。桓公曰。沒
 番。芒嗜。酖。奸課。倚苦。謨。酖虎。尼朝。土坤。雲。如辱。意臣民苦
 跣。跣。市埃。固。別。嗜。反。臣本老。紹。寬。如。點。油。凭。達。江山。老
 夫。愿。出家。投。佛。碎。鎮。撫。安。西。賊。安。於。茹。朱。怙。役。宋。朝。點
 油。固。裡。消耗。信。朱。老。隨。机。弄。辨。要。阻。術。營。柳。碎。出。陣。興。兵。
 衆。令。傳。進。馬。兵。望。銅。開。直。指。軍。班。曰。揚。赤。熾。奮。雄。兵。
 愿。掃。青。番。寇。奮。力。縱。橫。桓。公。乱。曰。奉。令。皇。家。往。西。邊。
 身。披。鐵。甲。獨。爭。先。揚。威。破。敵。除。凶。輩。直。進。西。番。去。暴。殘。雷。

不買安天下。眾方廟奏。客座章。嗔聖皇。任奏王曰。老官奏
 甚沛。正合朕心中。武林下令。傳朱武林軍。宣老將桓公入閣。
 又曰。官老朕。給福。以德饒生。勅差外平。設番城。官萬隊。懔
 安西地。桓公曰。奉又曰。是。盼吒。哪。救旨。騾。懔。党。西。夷。昆。於
 茹。儂。付。家。堂。鄧。吒。典。邊。垂。撫。鎮。王。春。曰。嗜。昨。浚。吒。魏。歲。各。
 啖。欺。吟。博。翻。霜。昆。祖。噴。曉。唯。椿。堂。午。待。課。扶。危。助。弱。桓。公
 曰。昆。包。林。幅。罽。遣。騾。準。戰。場。料。輪。鞍。躍。馬。提。策。湮。身。老。論
 疏。共。主。軍。人。曰。吟。申。戈。帳。虎。官。少。傅。細。營。桓。公。曰。荒。芒。礼
 接。伴。鋪。衆。請。入。于。堂。上。翰。卿。曰。盼。要。哪。聖。旨。騾。西。地。撫。安

卿曰碎分廟仁道。勢爰拱庄喧。者丞相群鯨碎阻衛營柳。胡彥曰。自翰卿道意。查驗某空當。軍令傳其軍人。檻刼飢獄內。軍報曰。今西夷曳動。雖兵策駿馬回朝。彭報。乱曰。荒芒奈路望朝儀。報來机事得詳知。爲臣子。尽心報主。爲子當竭力事親。噉凱鎮府伏。陛玉叩頭。今西夷奮發戈牟。殺宋相。奪收閑隘。王曰。頌西夷豈僞。党胡賊作乱。廟判晦百官。埃剽除西賊。翰卿曰。拮易奏戈天子。檜襜納畧凱鎮。祐內朝。亾樞英雄。衽帶帳空。得豪傑。噉令連郛福。他罪刼。桓公畧罪。撞掃尽西戎。茹茹刼以功贖罪。丕買鄧。凭絲基會。

師太

西哥喑叫六院三宮。狂夫典深宮。逢亂桓公曰。林大變。果危哉。天塋吾雪氏。地理我桓家。平地起風波。無端遭遇害。又曰。開把燈解脫。縱步走輕輕。王曰。牢桓公冤。退泊情罪。每當分屍開段。桓公曰。開論禮罪。箕每當駢情叱錦舍冤。如碎常記。炤成湯屠爛。刻太史。駢庄歎。悲扶主。監是學退育。曉吟卿。量聖皇。噴察情。愚下。王曰。有令色。分有惡德。有巧言。分有反心。朕坤恕亂臣。刻渚變量聖內侍。毛哪令隊太師。共刻翰卿。仁役。渚可貞情。付仁外領命。晦朱泚供按。未朕仕殄刑。些阻吏。童廷百官。蹣閣紫胡彥。日軍下令。

躡蹻閣下。桓公曰。老哪廟聖帝。餅拱土求賢文場。聆伍遊
尋。牢丁氏絕無音信。促恚蕊汝典。啣媛祕債緣仰面。呼天
蒼低頭。嗟地厚。奇珠曰。碎哪廟聖帝。隊老相應。侯可飢準
竜樓講武。經御看。桓公曰。欽承王命。修整衣冠。讚曰。尼如老
扶宋朝。自課青眉。至於白髮。皆無此理。由何聖帝隊老店
房。恚老發胡弓。禪渚詳机事。册習恒固字。浪臣事君。以礼
君命。召不踈駕而行。宿昏以燹求明。又曰。軍傳登燹輝煌
鄧朱老應。侯金厥。又曰。尼駕御咏尼。竜閣車鋒空。体西樓
坤別御方帟。倍鑽毛躡蹻。正宮曰。殘雪直殘虐。奸內是奸

役在煇妹妃祐戈辰別。正宮曰祐書山恚朝之掣彩彩女

毛隊甥奇朱低奇珠曰臣奇珠應侯宮幃仰萬望母皇萬

歲。正宮曰久日分情甥妹。今朝幸遇壺塲彩傳嗎席紅

毛日斟磯鳳。奇珠曰稟令妃自飢禁院碎阻夷坊民得權

高亮監細斯身下賤沛蹠分泊。正宮曰錦恚些拱別叻外

沛泮廁係素富貴行乎富貴。素貧賤行乎貧賤。拱沛矜些

缶固恚想夷夷咳外空胞敬矜。奇珠曰疎恚得缶臙推碎

監亮夾胞。正宮曰恚外它決想可附耳咱來。役渚煽狀聰

麻株坐患難。奇珠曰使它忌胞碎沛歇恚柄者準樓紅真

良城圭於丁。刘秀界名。以親它。最咏。棠梓。沒輪。咲。搦。娘。茹。
泊。又曰。貞責。肢。絛。啍。啍。妄吹。鴛。鳳。襖。分。想。情。人。傷。倚。掣。傷。
汝。玉。友。淚。潸。過。淚。黑。璘。曰。疎。係。得。冲。世。事。裡。離。合。拱。常。情。
疎。要。恒。讀。史。經。冊。固。字。書。中。有。女。刘。秀。曰。本。要。也。回。緣。魚。
水。得。群。待。及。會。風。雲。裏。弄。愿。埃。吟。男。人。朋。倍。約。埃。浪。止。信。
黑。璘。曰。疎。弄。現。意。要。浪。失。約。戈。庄。役。於。丕。訶。駝。在。埃。嗔。要。格。
淩。愁。悲。拱。固。課。找。練。煩。惱。刘。秀。曰。庭。前。鳥。道。何。處。衫。來。張。
弓。弩。排。開。射。白。禽。領。下。贊。曰。賢。之。嘸。世。响。浪。些。阻。吏。房。
文。他。白。鶴。長。衫。嶺。上。部。臣。曰。碎。哪。廟。丞。相。咤。左。幅。心。书。閑。

卽决施阻当个事尼在茹卽宛施庄苓愿轔飭打朱别稱又曰

果是神灵当阻直爲現忘異常孟虎箕發也变身書市固

字提訴糟役哄苓渚訴王讀夷朱詳讀曰勿尋名利進文

場暫隱一辰待奉昌賜你双刀隨自把扶直威假佐君王

又曰疎罕句提也糟煉叫些浪阻夷莊家除曲蓮仕轔扶

主沛賄蹻廁怒蹻蹻夷莊家浩琰槐乖果奔波急阻蹻籠

燈峻嶺挽曰字廁傳助鑒恚些仍林培塔宋家畧畧哢

主類畧合緣處全尼義恚仁敬盞盞挽嗔呈回仁駭隊圖

滝洛貼撫夷裝周棚垣南濟濟鳳毛煬坦越振振蹻趾氍

掩它決所悉於吏。要愿填。細宋城畧。罪求所功名。麤午
 尋緣魚水。又曰。辟分饒。我埋拱合沒茹。掩於吏莊家。要
 輕澄京地。挽曰。要及輕澄京地。塏陵自潜琰塲安。黑璘挽
 曰。宿祐買琰開山。促情仕。啣義仁金朋。又曰。西岐分別吾
 兄弟。後日功成再合歡。挽曰。人妬低。悉渚差悉。京師英典
 雲莊掩微。刘秀曰。小弟它阻吏雲莊。移躡某輕澄京地。挽
 曰。躡某輕澄京地。踰英雄志。篤經匪利名。胞包麻芒襪。春蒙劫
 徐鑽篤驪。又曰。孟虎真作怪。掩某庄朱趨。掩妬些趨異事真。
 奇哉是。崔崔包掩唐尼。辰些戈哀恪。辰些包泮。廁分鮮據之。

崔發。瞋戈廟怒。修汝吏志尼。課習吒結義桃公共。丁氏交
 婚。旨腹。械恪阻。方平賊。發吏洎仍事良緣。役庄戈絲。都
 縵蹟。事錦黜。駿。聽。可須。渚責。絳。屢。喀。在。吒。昆。阻。吏
 帳。花。吒。踏。術。公府。又曰。令傳。與。部臣。昨。諸。攸。應。試。部臣曰
 欽承旨。敕。遍往諸洲。昨。諸。攸。來。占。敖頭。傳。漢子。就。爭。虎。板
 乱。曰。欽承旨。敕。往。罷洲。傳。來。漢子。占。敖頭。个。个。才能。來。應
 舉。人人。智。勇。到。功。收。刘秀曰。聰。曄。聖。德。得。嗎。會。求。賢。要
 掩。趾。細。京。城。禍。埋。及。名。提。板。虎。黑。璘。曰。恚。要。群。所。暮。施。掩
 悶。青。閑。疎容。朱。掩。於。夷。山。莊。免。要。鄧。名。貪。花。夏。刘秀曰。不

空想道吒昆役賄每訴詳渚。麤禽堆唾。春昆共埃浪嬌浪。
獸賄仍廁嘆廁咀。玉春曰昆庄。哎緣責妄。恚空想嬌約獸。
哎吒。幾歲過知天。賊昆祀店。尋愛碍弄語。輕言。空想。
道吒昆。庄垣。思乳捕。春玉廁。殖須可訴。恚裡。黜渚。筭。跽。施。阿
令傳其阿。還拿捉來問罪。乱曰恨汝。狂鬼真作孽。恕他逆。
子是淫汚。玉春乱曰謝過。嚴親施海角。恕他幼子。愿陳言。
桓公乱曰罪已盈天。真不恕耳。為不義。莫尤他。玉春乱曰。
昔日西軒逢丁氏。見他才智配。舊康桓公曰。於昆。叻浪課。
畧西軒。固及汲土。傳固才智。昆吏銚緣共丁氏。妬蒲又曰。
阿

人兄安在草莊。柄小弟用方漫洛。桓公曰。聆老宅閑樂傳。
 舉相押侯。毛急細花樓。採幼鬼包安。玉春嘆曰。回想情愁。
 自別辰。相思我意逐低迷。天高蕩。愁無恨。月裡光輝照。
 不知夢殘半枕。迷胡蝶。春尽三更怨。子規錦。錦帳裡紅塵。
 滿。何日情人反步還。又曰。倚坤塋。哀相思。分苦配。末緣債。情。
 人。庄汝課。崗愿。撞解。倍消句。交約。晉秦。得。拉。膝。廟。拱。拉。膝。
 買現妬。倍消。惹妬。齟。更愁。字字。剎刻。候。芒芒。良人。唉。良人。
 刘秀喂刘秀。分債。黜爲。埃割據。吹盪之。仍事。媼。軼。遺。店。長。
 疴。痴。荒。惹。嗟。君子。何辰。相會。桓公曰。作怪真。或言是。

武勇躍縱橫殺狂夫黑璘亂曰吾殺你陣中死氣莫輕吾
 力板無能。劉秀亂曰在你事生非在我。不怨天兮莫怨人。
 出六章。又曰不拱浪雄據爭竜。沛沒法歇才聞虎。悶共撞
 云云。交構麻結義弟兄。情固肯情。响朱些。賄此黑璘曰心大度
 然。是紅恩。依愿刻骨明心。誓不忘大義。又曰。啗。噴。追。衛。山
 寨。昨答義恩人。又曰。庄。哈。得。圭。貢。方。市。噴。要。訴。姓。名。陳。說
 劉秀曰。罷。良。城。圭。於。丁。劉秀。罪。名。索。放。買。堆。逝。双。親。它。隻
 俸。黑璘曰。得。仁。逝。索。各。碎。逝。於。年。庚。妬。各。欣。讓。吏。溫。要。群
 碎。歲。乳。噴。溫。小。弟。固。刺。血。仁。些。端。誓。買。贖。信。沒。心。悉。成。噴

如雨。惡獸重重走若風。劉秀曰：望山岐尋使伴。岑韓北領唐黠跼。萬丈奔騰心莫奈。不知玉友在何方。又曰：孟虎休走。勿行。亂曰：步步奔來除惡獸。輕輕吾手不饒生。又曰：買餅威展志。縱橫孟虎。包屍杯林內。黑蟒曰：尚於謨。此遇打槍某。折殺埃表始柴萊。牢空堅固某。劉秀曰：稠意昇獸。吸鬪。罵怨他。猪忘才。巧飭冽些。行各嗜。啞嗽。隣曰：心中振怒。面上生花。卽固才。對敵共些。朱別飭英雄豪傑。又曰：好好哉武勇。快快者奇才。亂曰：烏陣凌凌揚虎力。蛇圖吼吼奮雄英。劉秀亂曰：咆哮銳氣揚我。

鷄缶路高發。是缶典朝中。侯斯又曰。眾碎部卒於貝九。
 公。述文表回奏。望聖皇詳看。王曰。百官。於缶安番。教庄群曳。
 動干戈。百官吏營狼。朕踏臥閣下。蘇黑璘白曰。山莫莫水。
 青青。休休富貴罷功名。茹毛飲血千秋志。捉虎斷鯨百鯨。
 驚。又曰。圭茹寓岐山。蘇黑璘罪某。如文番得問虎。武杏九。
 爭童缶貪。孟連崗帶。淹恚庄想功名。才利垠塔崗咏。槍戈。
 吏。預邊鯨缶另塊賒。袍之用沒席唏蝦。斜恚某數尋吐啣。
 破弓笏芒更。鋪鉄擯肢。遇彪盒些。喚張弓逢走。猷璠控板。
 斧。刮曰。別白山寨望林中。捉來孟虎威群內。鴈行个个彩。

公曰軍下令傳本部同布陣於之。又曰買驪威杯鄧東夷。
 傳道夷城中問罪。又曰唉番邦老晦。牢庄察身歸沒番尼。
 以德饒生。行消退礼凌錡泊虎威曰。阿恩同日月。德配滄。
 浪令傳其番邦。謝爺爺回故番排曰頓首謝寨中傾身謝。
 將公愿交鄰兩國。誓含草称臣。歡歡哉不。尽快樂也無窮。
 〳九公曰。包除安番寇。庄群曳動兵戎。修表文回奏朝中。
 朱天子。贈通信息。軍曰柴固惡嘯主。碎阿奈。擧功領表文。
 回奏朝中。頭拜者自爺老。又曰哪爺。阻夷宋邦。遣忙。
 馬龍澄朝內。挽曰。忙馬龍澄朝內。道人臣。帝奈功勞。賒祐。

宋朝庄及粘格奪宋主之朱旗。弗虎威曰：各婉包同心合力。就帳前咱我分兵。排曰：快飲三盃。酹酒延《同把盞》。兮人竭力。奮神威。兮个个爭先追。殄敗陣無人敵。驟馬橫牢殺千員。展神威。除萬隊。急爭先。《班》曰：今朝今國舉。碓兵。宗列旌旗。弊日星殺來。宋將浸邊地。愿奪基圖。壯帝京。軍報曰：《曙》今番邦進發。雄兵到界地。立屯下寨。九公曰：《將》咄台類不義。陣間党無仁。令傳軍中。開隘銅拒戰。虎威曰：陣前看見老賊興師。奄歇几眉樛。賊差得投泊。此沒番朱別。氣力意荒市。歲索糶。奄卒畧緝。哈罪。唉群興神武。九

動。黃河洗甲。凱旋歌。九公。亂曰。欽承救旨。威震邦康。
 列神威。壯馬鞍。部相。亂曰。弩力縱橫。拾逆寇。決揚白刃。定
 山河。九公。亂曰。英雄世上無人敵。勇躍咆哮。莫敢當。部將
 亂曰。揮鞭奪路。奮神威。掃盡胡。塞定家邦。九公曰。軍。低它
 甲。埃番邦。傳其。塞軍下寨。虎威。曰。威勝雷掣。振雷轟。康
 列催山。任縱橫。吼吼。宣天鯨。鱗方。咆哮。叱詫。援捷行。又曰。
 權稱主宰。番朝。吾乃虎威是也。德化人人。皆服。名留个个
 心寒。志綿林。收給宋朝。晦諸弟。如何可否。四弟曰。聞言大
 笑。連声。咱得心中快樂。沒餓呂。餌陛下。齊昇。地祇。蟠。收

地掃青番寇王曰老將每年青紀長吏苦功塔壘培城歇
之得歲祔眉樫輔政沛興兵東地九公曰秦閔碎群興氣血
糲庄梓畧編愿願掃尽番朝若失事罪該萬死王曰輔
政它執事朕賜下敕文百官吏營狼朕躡創玉閣節桓公
曰於國老興兵東地碎敬遙紅字功成如内朝油固裡不
平裡埃據城迎鏤我九公曰老油固遠征東寇役浩如噉
夷朱要宋朝油沒緱庄安信朱老詳冲利害營狼要於夷
隘標老興兵又曰傳等等諸營就帳前咱令同舉動戈牟
指東城進發軍班曰奮金戈々揚鉞戟々塞外青夷塵不

衣女樂。毛歌。幄席紅。女樂曰。嗜。青衣女樂。禮壽聖君望聖
 德。皇恩祝嵩。年萬歲。歌曰。樓臺拾貳舞生歌。並唱浮花
 酌酒葩。瑞應景星由帝德。喜逢化日樂王家。人人共樂欣
 盛治。處處開。皆獻壽花。弟子黎園同好樂。昌期何以祝。叁
 多。《王》曰。令傳女樂。毛罷席紅。報曰。嗜。贈奏戈閣下。語。柄
 泃凱鏞。毬東夷。曳動番邦。不碎。沛回朝彩。報王曰。類番邦
 無道。党東。鼓作乱。廟判。晦百官。何人當領命。鳳九公曰。聞
 言甚喜。咱得欣歡。愿。罽。掃。盡。番邦。誓。歌。飭。去。除。東。寇。達
 聖上。委。差。救。下。帶。愚。臣。愿。領。詔。文。嗔。蹕。術。檢。點。兵。戎。罽。東

謝仙人不執愚夫失礼。勸璿臣下無知百拜。乞恕容青童。
乱曰。吾乃是灵宵玉帝。將來宝劍到山陽。許汝灵符可待。
其辰除天述。傳來妙法佐明君。又曰。柴仙。它阻吏宮仙。仙。
須可尋戈北領。畧罪尋伴。難容養所身。損灵它。下白糟煉。
仙須可侍。廁渚施。叫崔變化。阻吏天廷。刘秀曰。青空多謝。
萬望尊灵。字廁柴仙。叫慙勤。毆些急。尋戈北領。挽曰。些急。
尋戈北領。吟頭自拜。謝青空。仍林呂義。地恩。瑄希篤。報討。
親援地。促恚汝。細恩。柴。霖。辭。棋。鑒。市。兮。堅。消。王曰。丙。魁。天。
子。朕。號。宋。王。威。驛。庄。陣。麻。安。德。化。無。爲。而。治。又曰。青。傳。青。

走山崖。又曰：凌霄殿安居。吾乃青童是也。哪！上皇勅下。
 將劍許刘生。開路上輕輕。乘風行疾疾。乱曰：駕雨勝雲來。
 領下移山倒海。自縱橫。劉秀曰：山水旣重。演落黏花閃瑛。
 策棚別領上芒芒。望山投去去。乱曰：水秀山青。真盛茂。昆
 虫彰走是成群。看過山投小真子。到來何事處。無人青童
 乱曰：小生何處不通容。等待撞來教化功。開闔乾坤都掌
 上。教其妙法降禎祥。刘秀曰：小生真弄語。孺子是乱言。歲
 索卧疎勿連策。俸些晦尾刷輕某。青童曰：卧咬些群乳。襪
 朱别小生。出六竜云云。刘秀曰：嗜凡氏眼肉。多謝仙人。乱曰：多

秀別曰情中祇轉心何新。踏下厨。起步難移。玉春別曰可。
憐君子心雄解。痛念鴛鴦配偶辰。劉秀別曰。咋合咋离心。
自把情懷情望向誰知。又挽曰。廟誓付固天知。膠山眼質。
猪兮單差。玉春挽曰。傷撞妾。留啗如共饒。朱論接紅義仁。
又曰。買廟料押更。驚牢妬。也日駢駢。騎挽曰。廟愿付質。
康康。西軒低。夷場安妬。微劉秀曰。貴娘它阻夷黎。因蹣蹣。
某移真。琰柳挽曰。琰柳。澄。踞。潛真。徒各鳥跡。抵尊。飯市。
名占板鐵。匪緣。鮒。若鳳凰。銑。堆。青童排曰。龍門頓首。鳳金。
碑。妙妙。宣天放。費開。輝煌。照耀。從風火。荒芒。奪路。

3b

弄林戈。園茶俠。蝶本空。典陰李。摧康固。昇。王春曰。係罪得。
 君子。廟。啖。啖。坤。頑。阿。今傳衆。阿。還。諾。倚。花。安。位。又曰。生。冠。
 道制城市。麻洛典。花。廷。休。桐。撞。情。可。容。情。之。小。事。過。而。無。
 悔。又曰。農。庄。耕。飭。移。牢。朱。別。歲。鑽。噴。嘸。徵。沒。詠。東。龍。糾。妾。
 唉。才。疎。智。淺。京。劉。秀。曰。暗。得。包。回。悉。傷。細。碎。是。監。祭。聖。功。
 疎。沒。詠。東。童。鈿。貴。娘。看。過。王。春。曰。阿。哈。典。荒。市。著。別。盤。毛。
 姑。拱。可。咧。姑。戈。朱。別。得。賢。讀。夷。皆。詳。意。肆。吟。疎。曰。習。簪。怒。
 於。在。方。東。受。氣。乾。坤。買。化。雖。漢。凌。鯨。鰲。群。衛。祐。龍。生。擗。擗。
 湧。連。空。禹。門。叁。級。油。戈。塊。祀。究。妙。層。默。駟。駟。油。登。四。靈。昇。

姑濫沒詠雙童。祐此吟曰：箕羅物怒於凌東，固功修煉化。
械螳於層遠府，當逢尾極雪霜寒。夷請台又曰：也聖徵使。
飭濫買鄧疎尼，沛固埃曉卒。思苦助沒運東童，朱妾阿還。
曰：姑疎固得市還極，群蟻界花園。碎過阿庄，移蟻認懷認。
毀玉春曰：阿市生偽，吝密庄。監令傳其阿還急，捉來問罪。
又曰：阿廁些晦阿，主貫何方。牢空堅典準花堂，夷庄咋戈。
尼禁地，刘秀曰：如疎尼。如碎尼，提良城主於丁，刘秀罪名黜還。
唐械洛曲，低爲因趾下林戈，妬碎得冲水土。牢庄咋律刑。
趣主務庄，别尼堅洵村野。空層準禁溯貴娘，量嘶容小可。

松巽雪操。驟謀君致主底才安邦。又曰尼。視諸景物幽青。
 視體風光色。稍如此。屬於準趣圭華野渚。消尼酒店茶坊。
 處處聞歌樂之聲。準準汰管絃之樂。好哉景物快也。奇花
 亂曰。筆筭高曲。君子竹。歲寒雪操。丈夫松。秋水長天。同虛
 色。這般春景。怡弄情。玉春唱曰。西軒轉過到門。延開來無
 事快吾情。好看奇花。花盛茂。澄貼瑞草。草秀青。又曰。承父
 親於準花樓。妾美號。玉春。舞節如武姑。幅硬別。文吧。趾破
 通。庄杏得騎驥。矜弓。双虎分。礪芒裙。運。施篤。孟制圖陣。恁
 空悶。學。組織。急。毛書。怒賞吟。孟固琴。基雅興。阿先硯。筆朱

刘秀曰。自曉柴學道計。也鄧志秋。啣尾。悉汝細圭。習石。
 城。沛廟排師父。鐘离曰。是也。問故鄉反步。柴拱朱弟子暮。
 看。可占役朱安。麻結緣夫婦。刘秀曰。啫。哪廟師父朱粹。
 夷故鄉。踏頭自移。踏雲。朱是。也反回京地。挽曰。是也。反。
 回京地。踏頭自師父移。真鐘离挽曰。辰。悉。捻。侍。康康。直。希。
 驚報討親。援。捆。秀挽曰。用。寅。彌。苦。分。彌。恩。柴。渚。呂。義。尼。監。
 消。鐘离挽曰。叫。悉。金石。朱。紆。京師。是。細洞中。柴回。刘秀曰。
 尊師。它。反步。洞中。毛。踮。踏。離。澄。京地。挽曰。踮。踏。離。澄。京地。
 决。番。得。畧。虎。綿。竟。問。朱。象。殿。閣。璫。簪。簪。驚。豎。火。榨。林。株。柏。

丁劉秀演歌卷一

鳳岐山獻瑞。敖洛水呈祥。牧諸儒護字。太平魚格。賈吟句。
 盛治。龍良城主。寓丁劉秀。昇名。双親。它最格。裴傑。沒輪唉。
 寓娘山野。又曰。碎如文。番得七步。武亦几。陸幅。自曉。柴學道。
 山离。如師父。教傳文武。名。彌計。秋固。裡。也。近。尋。如。細。主。
 習。急。臥。呈。師。父。鄧。哈。午。術。準。主。習。省。採。鐘。離。唱。曰。奉。敕。靈。
 霄。降。下。塵。望。來。翠。嶺。養。開。安。世。界。塵。埃。無。染。妙。法。心。傳。佐。
 明。君。又。曰。哪。廟。上。帝。敕。下。教。民。娘。預。在。翠。山。漢。鐘。離。是。也。
 又。曰。洞。前。看。見。弟。子。到。來。因。牢。氣。色。悲。哀。荒。固。心。情。祇。悵。

光緒甲午新鑄

鳳凰
里油
明章氏訂正

丁劉秀演歌

壹本

佛寶華閣藏板

明章氏訂正

丁劉秀演歌

佛山 福梯大街 寶華閣書局出版



丁 劉秀 演歌

PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

XUẤT BẢN

1971

ẤN BẢN ĐẶC BIỆT